

CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
CỦA CƠ SỞ “KHU TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ KHU SẢN XUẤT HOÀNG
LONG VÀ KHU TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA” TẠI XÃ
HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ
THỂ THAO DELTA**



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Châu

Thanh Hoá, tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	7
1. Tên chủ cơ sở:.....	7
2. Tên Cơ sở:	7
2.1. Địa điểm cơ sở:.....	7
2.2. Văn bản pháp lý của hai khu:	10
2.3. Quy mô, phân nhóm đầu tư của dự án đầu tư:	11
2.4 Yếu tố nhạy cảm về môi trường:	11
2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:	12
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	16
4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu	16
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hoá chất.....	17
4.3. Nhu cầu cấp điện	18
4.4. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước của công ty	19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	23
5.1. Các hạng mục xây dựng công trình và hạ tầng kỹ thuật của cơ sở:	23
5.2. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của địa phương:	34
5.3. Hiện trạng các công trình xung quanh khu vực dự án và khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định	34
5.4. Tiến độ thực hiện cơ sở	34
5.5. Tổ chức quản lý vận hành cơ sở	35
Chương II.....	36
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,	36
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	36
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	36
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	36
Chương III	38
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	38
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	38
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	38
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	58
2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long.....	58

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải Khu trường liên cấp	66
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	67
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long.....	67
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường Khu trường liên cấp	71
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	72
4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại Khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long.....	73
4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại Khu trường liên cấp	74
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	74
5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ Khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long	74
5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung Khu trường liên cấp	75
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:.....	76
6.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:	76
6.2. Giai đoạn vận hành chính thức	76
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp.....	77
Chương IV	79
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	79
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	79
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	79
2. Nội dung đề nghị cấp phép và quản lý đối với khí thải:.....	80
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	83
4. Cam kết về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	84
4.2. Cam kết về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	86
4.3. Các cam kết khác về bảo vệ môi trường	87
Chương V	88
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	88
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	88
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải lò hơi.....	88
Chương VI	90
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	90

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	90
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	90
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	90
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	91
6.2.2. Chương trình quan trắc đối với khí thải	91
6.2.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	92
Chương VII.....	94
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	94

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>BTNMT</i>	: <i>Bộ Tài nguyên Môi trường</i>
<i>BYT</i>	: <i>Bộ Y tế</i>
<i>BVMT</i>	: <i>Bảo vệ môi trường</i>
<i>CHXHCN</i>	: <i>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa</i>
<i>CTNH</i>	: <i>Chất thải nguy hại</i>
<i>CTR</i>	: <i>Chất thải rắn</i>
<i>HTXLNT</i>	: <i>Hệ thống xử lý nước thải</i>
<i>ĐTM</i>	: <i>Đánh giá tác động môi trường</i>
<i>QĐ</i>	: <i>Quyết định</i>
<i>QCVN</i>	: <i>Quy chuẩn Việt Nam</i>
<i>QCCP</i>	: <i>Quy chuẩn cho phép</i>
<i>TCVN</i>	: <i>Tiêu chuẩn Việt Nam</i>
<i>XLNT</i>	: <i>Xử lý nước thải</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long.....	7
Bảng 1.2. Tọa độ vị trí của Trường liên cấp Quốc tế Delta	8
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên liệu sản xuất thùng carton	16
Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên liệu sản xuất giấy	17
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất	17
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất	18
Bảng 1.9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước thường xuyên của 2 khu.....	21
Bảng 1.10. Bảng tổng hợp hiện trạng các công trình xây dựng	23
Bảng 1.11. Bảng tổng hợp các hạng mục đầu tư xây dựng	26
Bảng 3.1. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn đã xây dựng	38
Bảng 3.2. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn khu trường	39
Bảng 3.3. Hệ thống thu gom, thoát nước thải khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long.....	43
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung	51
Bảng 3.5. Thống kê vật tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	53
Bảng 3.6. Thống kê vật tư tủ điện hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	55
Bảng 3.7. Thống kê vật tư tủ điện hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	55
Bảng 3.8: Danh mục thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	56
Bảng 3.9: Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung	56
Bảng 3.10. Đặc tính kỹ thuật lò hơi.....	59
Bảng 3.11. Thông số thiết kế bộ lọc than hoạt tính.....	64
Bảng 3.12: Tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường không khí.....	66
Bảng 3.13. Tổng hợp khối lượng CTR thông thường phát sinh của Nhà máy	67
Bảng 3.14. Tổng hợp khối lượng CTR thông thường phát sinh của trường học	71
Bảng 3.15. Tổng hợp khối lượng CTNH thông thường phát sinh của Nhà máy	72
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn.....	79
Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm khí thải và giới trị giới hạn.....	81
Bảng 4.3: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) đề nghị cấp phép.....	84
Bảng 4.5: Khối lượng, tính chất chất thải rắn công nghiệp đề nghị cấp phép	84
Bảng 4.6: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép	85
Bảng 5.1: Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải năm 2024	88
Bảng 5.2: Kết quả phân tích chất lượng khí thải năm 2024	89
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	90
Bảng 6.2. Thời gian dự kiến thực hiện lấy mẫu	90
Bảng 6.3. Chỉ tiêu lấy mẫu	90

Bảng 6.4: Dự toán kinh phí cho công tác giám sát môi trường mỗi đợt	92
Hình 1.1: Vị trí cơ sở	9
Hình 3.4: Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải của khu trường	45
Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung	50
Hình 3.6. Hệ thống xử lý khí thải tại khu nhà máy	62
Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực in, dán keo	63
Hình 3.8. Máy thu bụi tại khu vực mài đế.....	64
Hình 3.9. Kho chứa chất thải sinh hoạt	69
Hình 3.10. Khu vực chứa rác thải công nghiệp	71
Sơ đồ 1.1: Quy trình sản xuất thùng carton.....	13
Sơ đồ 1.2: Quy trình sản xuất giày thể thao	14
Sơ đồ 1.4: Quy trình hoạt động của cơ sở	16
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.....	38
Sơ đồ 3.2. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.....	39
Sơ đồ 3.3: Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải của cơ sở	41
Sơ đồ 3.4: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở.....	42
Sơ đồ 3.5. Sơ đồ xử lý khí thải hệ thống lò hơi.....	61
Sơ đồ 3.6. Hệ thống xử lý khí thải nhà máy	63

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta
- Địa chỉ văn phòng: Phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Điện thoại: 02373.643725; Fax: 02373.643724;
- Email: delta@deltasport.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Trọng Thấu; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2800702548 đăng ký lần đầu ngày 05/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03/01/2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

2. Tên Cơ sở:

Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp Quốc tế Delta.

2.1. Địa điểm cơ sở:

- Địa điểm cơ sở: xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 63.367m² trong đó Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long với diện tích là 33.125m² được xác định tại thửa số 456, tờ bản đồ số 15 đo vẽ năm 20214 theo GCNQSDĐ số CT 11803 cấp ngày 14/07/2020 và Trường liên cấp Quốc tế Delta với diện tích là 30.242 m² được xác định tại thửa số 114, tờ bản đồ số 23 đo vẽ năm 20214 theo GCNQSDĐ số CT 08307 cấp ngày 26/04/2019.

a. Đối với Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long:

- Vị trí Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long: tại Thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, diện tích khu đất là 33.125 m². Ranh giới dự án như sau:

- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây giáp đất dân cư hiện trạng;
- + Phía Nam giáp đường giao thông (liền kề Trường liên cấp quốc tế Delta);
- + Phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

- Khu vực dự án được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ VN 2000 thuộc kinh tuyến gốc 105⁰, múi chiều 3⁰ như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long

Số hiệu góc	Tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	2914608,752	589002,961
M2	2914579,119	589241,175
M3	2914702,849	589259,126
M4	2914732,482	589020,912

b. Đối với Trường liên cấp Quốc tế Delta

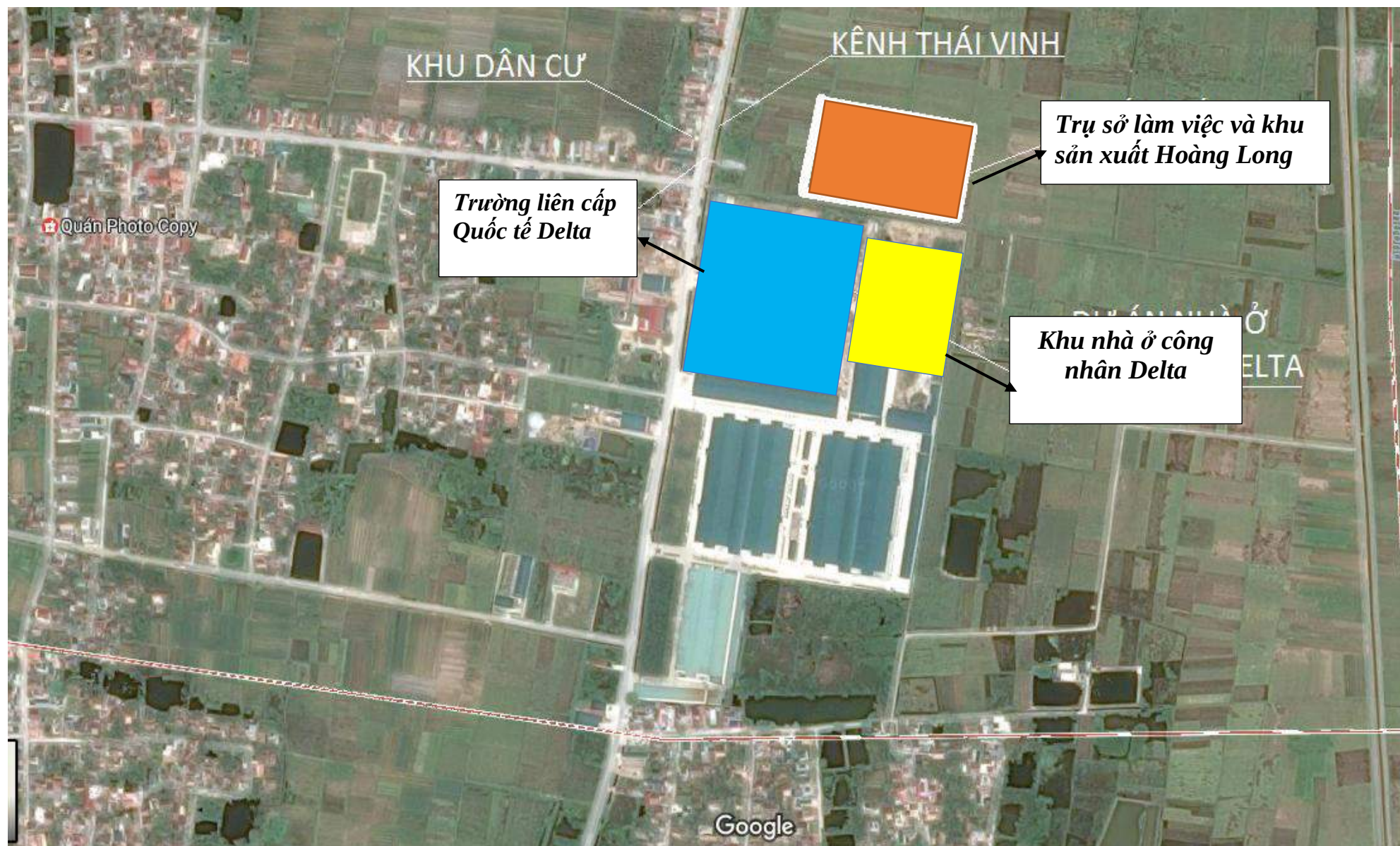
- Vị trí: tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, diện tích khu đất là diện tích khu đất là 30.242 m². Ranh giới dự án như sau:

- + Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 510;
- + Phía Bắc giáp đường đi CCN Nam Gò (tiếp giáp Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long);
- + Phía Đông giáp đất dự án Nhà ở công nhân Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta và dự án Công ty TNHH một thành viên TCE;
- + Phía Nam giáp đất dự án Công ty TNHH một thành viên TCE.

Bảng 1.2. Tọa độ vị trí của Trường liên cấp Quốc tế Delta

Số hiệu góc	Tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	2194606.1	588966.45
2	2194583.07	589127.65
3	2194401.71	589098.66
4	2194419.33	588980.84

Vị trí 2 khu trên được thể hiện theo sơ đồ sau:



2.2. Văn bản pháp lý của hai khu:

*** Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long:**

- Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 06/05/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư dự án xây dựng Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa.

- Văn bản số 699/BSM-KT&QLCT ngày 30/08/2016 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã về việc chấp thuận vị trí đầu nối thoát nước xuống kênh Thái Vinh tại xã Hoàng Đồng của Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long;

- Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp để sử dụng vào mục đích xây dựng Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá.

- Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 31/3/2017 của UBND huyện Hoàng Hoá cấp cho dự án: Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 765/TD-PCCC-P3 ngày 09/02/2017 dự án Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long;

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 11803 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá cấp ngày 14/7/2020;

*** Trường liên cấp Quốc tế Delta:**

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4444024005 chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2015, thay đổi lần thứ 01 ngày 05/7/2021;

- Quyết định số 2243/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hoá ngày 29/6/2021 về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trường liên cấp quốc tế Delta.

- Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch Bảo vệ môi trường số 06/GXN-UBND ngày 30/12/2021 cấp cho Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta dự án Trường liên cấp quốc tế Delta.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 08307 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá cấp ngày 26/4/2019.

- Văn bản thoả thuận xả nước thải vào kênh Thái Vinh tại K3+108 xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá số 610/BSM-KT&QLCT ngày 17/9/2021 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đối với dự án: Trường liên cấp quốc tế Delta.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 187/TD-PCCC ngày 01/6/2022 dự án Trường liên cấp quốc tế Delta;

2.3. Quy mô, phân nhóm đầu tư của dự án đầu tư:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long: khoảng 150 tỷ đồng. Theo tiêu chí phân loại của Luật đầu tư công và phụ lục I, Nghị định 58/2024/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật đầu tư công, cơ sở thuộc loại nhóm B. Nhà máy đã được UBND tỉnh Thanh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo 764/QĐ-UBND ngày 14/3/2017, do đó theo điều 41, Luật Bảo vệ môi trường 2020, nhà máy thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Trường liên cấp quốc tế Delta: Tổng mức đầu tư của dự án khoảng 150 tỷ đồng. Theo tiêu chí phân loại của Luật đầu tư công và phụ lục I, Nghị định 40/2020/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật đầu tư công, cơ sở thuộc loại nhóm B.

2.4 Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Hai cơ sở có địa điểm tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, không thuộc vùng nội thành, nội thị.

- Hai cơ sở không sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên. Không sử dụng đất, mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên. Không sử dụng đất, mặt nước của di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng.

- Trong bán kính 2km từ vị trí hai cơ sở đến các khu vực xung quanh không có các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; không có di sản văn hoá vật thể, di sản thiên nhiên khác, công trình kiến trúc, cảnh quan, di tích văn hóa, lịch sử nào được xếp hạng, cần bảo vệ.

- Cả hai cơ sở không khai thác nước dưới đất, nước mặt. Nguồn nước cơ sở sử dụng từ nguồn cấp nước sạch nhà máy cấp nước Hoàng Hóa của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

- Khu vực tiếp nhận nước thải của Cả hai cơ sở là Kênh Thái Vinh. Trên kênh Thái Vinh không có công trình khai thác nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Như vậy, Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hoá: sản xuất 12.900 tấn thùng carton/năm; 1.950 triệu đôi giày/năm. Trường liên cấp quốc tế Delta: Đào tạo giáo dục chất lượng quốc tế liên cấp từ cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông với quy mô 1.645 học sinh; giáo viên và nhân viên khoảng 100 người là loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giáo dục. Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.6. Phân nhóm dự án đầu tư:

- Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với cơ sở nhóm II, ban hành kèm theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Cơ sở đã được UBND tỉnh Thanh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 764/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hoá ngày 14/3/2017, do đó theo điều 41, Luật Bảo vệ môi trường 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta đề xuất lập Giấy phép môi trường tích hợp cho hai khu vực trên và thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hoá: sản xuất 12.900 tấn thùng carton/năm 1.950 triệu đôi giày/năm, số lượng lao động là 1.200 người.

- Trường liên cấp quốc tế Delta: Đào tạo giáo dục chất lượng quốc tế liên cấp từ cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông với quy mô 1.645 học sinh, 100 giáo viên, nhân viên và thực hiện ăn bán trú 1 bữa/ngày.

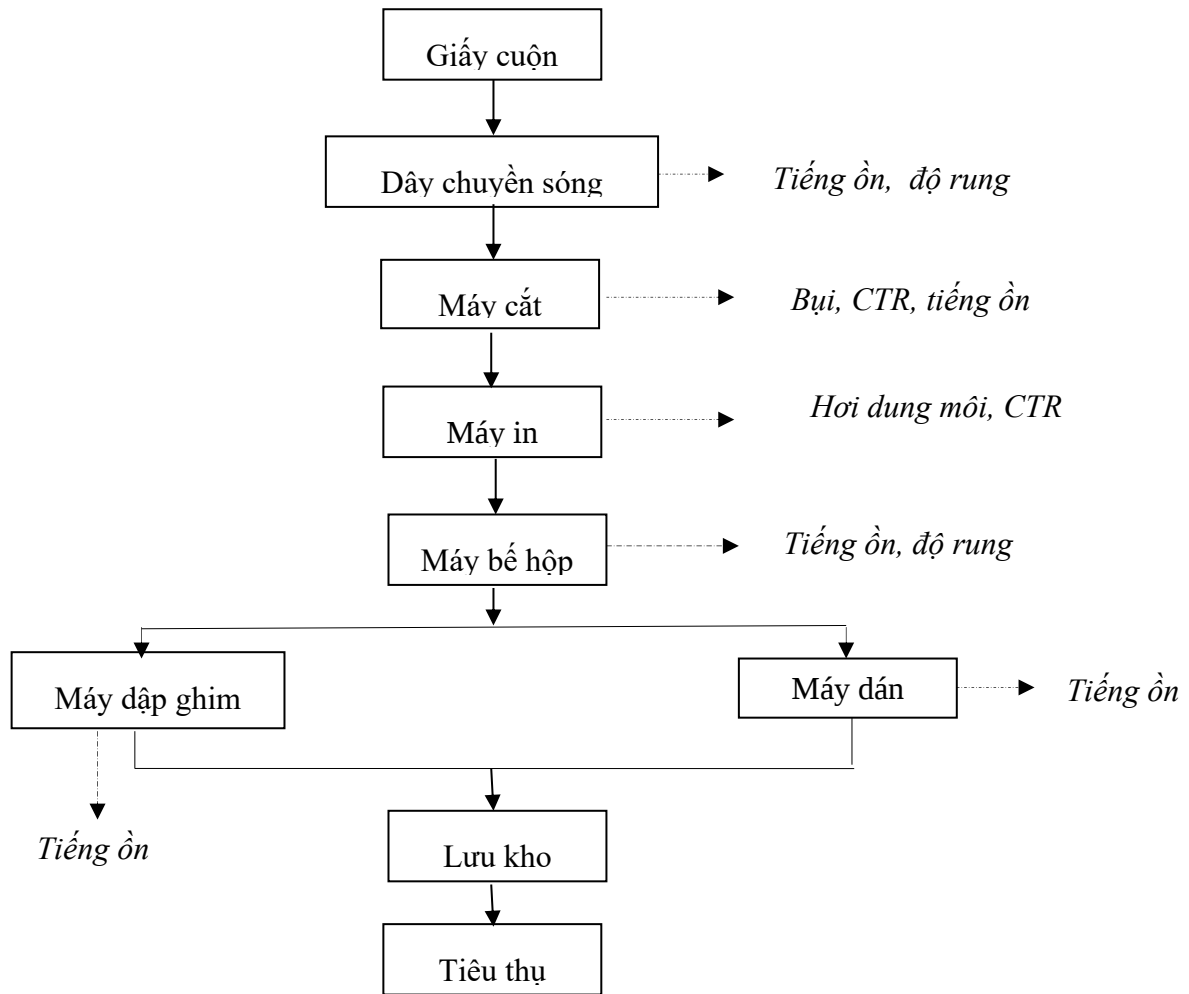
Hiện nay, Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hoá: sản xuất 12.900 tấn thùng carton/năm; 1.950 triệu đôi giày/năm, số lượng lao động là 1.200 người.

Trường liên cấp quốc tế Delta khởi công xây dựng tháng 6/2022, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 9/2026.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a. Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long:

*** Quy trình công nghệ sản xuất thùng carton:**

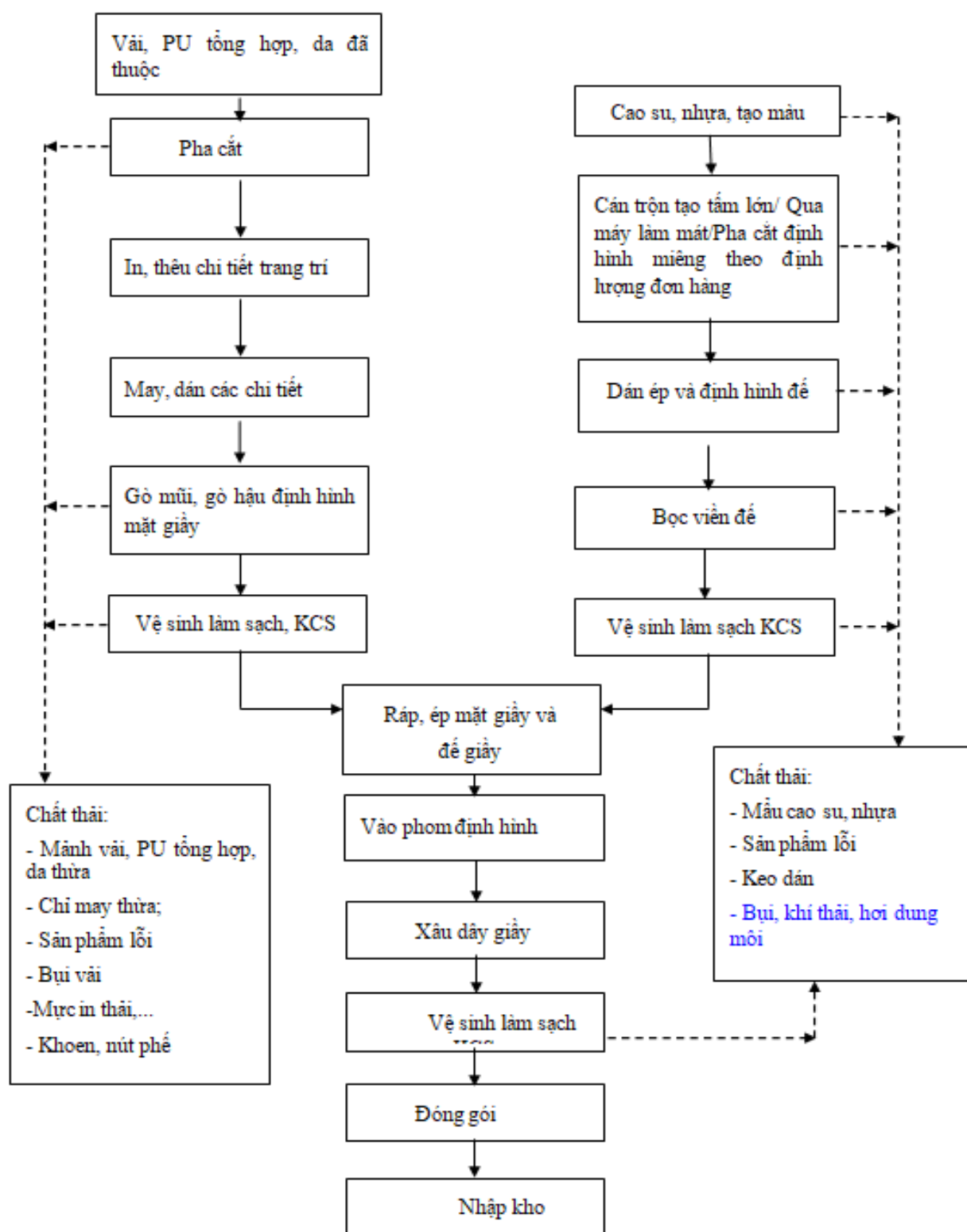


Sơ đồ 1.1: Quy trình sản xuất thùng carton

Thuyết minh quy trình sản xuất thùng carton:

- Giấy cuộn nhập về được đưa vào dây chuyền sóng, ép thành tấm carton 3 lớp hoặc 5 lớp theo đơn hàng của khách hàng.
- Tấm sóng sau đó được tự động qua dao cắt, cắt thành các tấm carton nhỏ tương ứng với kích cỡ của loại sản phẩm theo yêu cầu.
- Các tấm carton đã được cắt theo kích cỡ được đưa qua máy in maket và bế hộp theo yêu cầu của sản phẩm.
- Sau khi in và bế xong được đưa qua máy dập ghim hoặc máy dán để ghim hoặc dán.
- Sau khi ghim hoặc dán xong thì sẽ bó thành từng bó, xếp kho và chờ xuất hàng.
- Tại mỗi công đoạn trong quá trình sản xuất đều thực hiện có bộ phận kiểm tra chất lượng khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.
- Đặc điểm chủ yếu của Công nghệ đã lựa chọn và kết hợp giữa máy móc tạo ra sản phẩm hàng loạt có tính đồng đều chất lượng cao kết hợp với sự khéo léo lành nghề của đội ngũ công nhân, kỹ thuật đảm bảo tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và giá thành hạ.

*** Quy trình công nghệ sản xuất giày:**



Sơ đồ 1.2: Quy trình sản xuất giày thể thao

Thuyết minh quy trình sản xuất giày:

- Pha cắt các chi tiết: Căn cứ vào các thiết kế, các nguyên liệu da, giả da, vải, méch, nút được pha cắt thành các chi tiết theo khuôn mẫu của khách hàng cung cấp. Công đoạn này đòi hỏi người làm việc phải làm việc trực tiếp với nguyên liệu. Từ những bản vẽ trên

bìa giấy những người thợ phải cắt tỉa sao cho đúng kích cỡ, số đo đã có sẵn. Công nhân sẽ phải làm việc một cách tỉ mỉ để đảm bảo độ chính xác về số đo và nhằm tiết kiệm tối đa lượng nguyên liệu. Sau khi cắt, sản phẩm sẽ được in logo.

- In xoa: Là công đoạn in logo, tem nhãn mác trên sản phẩm. Bao gồm: In xoa logo bao hậu; In xoa logo thân ngoài. Tùy theo từng loại sản phẩm các logo được in sản phẩm là khác nhau. Các tấm nguyên liệu sau khi được pha cắt được đặt một cách chính xác và cố định trên bàn in. Mực in được pha trộn với các dung môi, chất đóng rắn để tạo thành hỗn hợp mực in xoa. Công nhân thực hiện đặt khung in chính xác vào các vị trí của bàn in. Mực được xoa đều trên khung bản in đảm bảo lớp mực bám đều trên các khu vực cần in. Khung bản in sau đó được vệ sinh sạch bằng nước các phần mực in bám lại trên khung in.

- Ép nhiệt: Là công đoạn ép các chi tiết nhỏ vào các mẫu nguyên liệu đã được pha cắt, in xoa như: Ép tem size; cắt nhiệt dây đai hậu; cố định vá trước; ép vá mũi. Tùy từng loại mẫu sản phẩm các chi tiết được ép nhiệt là khác nhau. Trước khi ép các chi tiết nhỏ được quét lớp keo bám dính để gắn chặt vào các phần vải mũi giày.

- Cao tần: Sử dụng dòng điện cao thế để ép cao tần các chi tiết lên phần nguyên liệu mũi giày đã được pha cắt, in xoa. In Cao Tần là công nghệ mới cho phép tạo các họa tiết theo yêu cầu của khách hàng lên sản phẩm.

- May: các bộ phận sau khi được pha cắt, in xoa, in cao tần sẽ chuyển sang công đoạn may để tạo hình mũi giày theo thiết kế. Tùy từng mẫu sản phẩm, công đoạn bao gồm may dây xỏ lỗ lười gà; may can lười gà với lót lười gà; dán xóp lười gà; lộn lười gà – may đường biên lười gà; cố định dây đai ore; may trang trí thân trong ngoài; may bao biên miệng giày; bao biên miệng giày; may dây đai miệng giày (đầu trên); xỏ dây đai miệng giày; cố định dây đai miệng giày; dán lót mũi; may đường biên miệng giày; cắt lót ore; may đường trang trí ore; may chập thân sau; quét keo đầm bằng; may ziczac đoạn dưới gót hậu; may đoạn trên dây đai ore; may ziczac đầu trên dây đai gót; may cố định đầu dưới dây đai gót; may ziczac lót cổ; may can lót vòng cổ; may vá hậu; dán xóp cổ; lộn lót cổ; may vòng cổ; kết lười gà; may đường biên; đục lỗ ô rê; dập khay ô rê;

- Ráp ép mặt giày và đế giày, cho vào phom định hình.

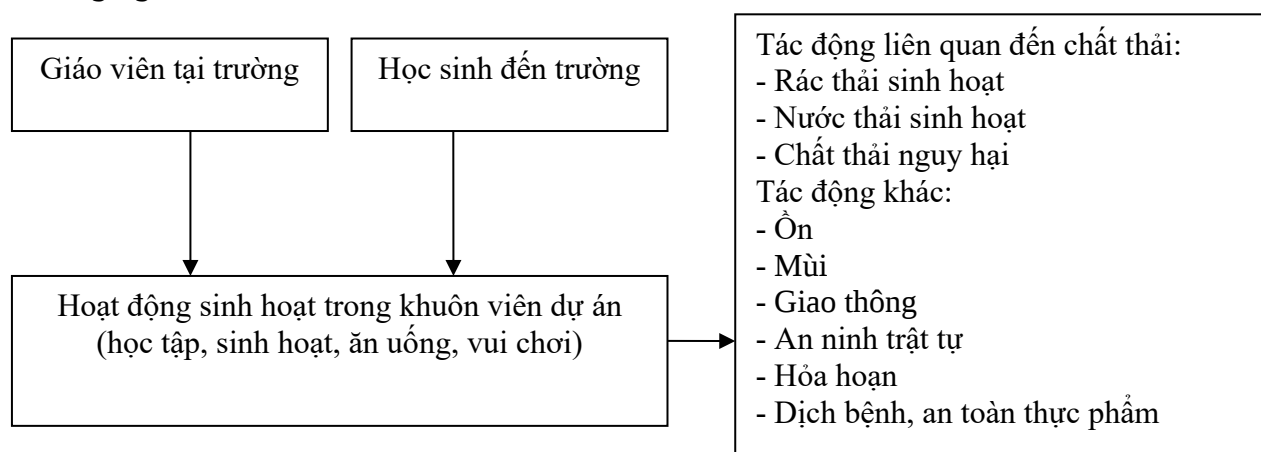
- Vệ sinh xử lý: Các phần chỉ thừa, vải thừa,... được công nhân vệ sinh cắt bỏ.

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm (QC): Sản phẩm hoàn thiện trước khi đóng gói được kiểm tra về kiểu dáng, màu sắc, tem nhãn theo thiết kế, các sản phẩm đạt yêu cầu được chọn lựa, các sản phẩm sai sót sẽ được loại bỏ.

- Các sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói nhập kho đóng gói.

b. Trường liên cấp Quốc tế Delta:

Công nghệ vận hành của dự án:



Sơ đồ 1.4: Quy trình hoạt động của cơ sở

Các giáo viên và học sinh đến trường tham gia quá trình học tập sẽ diễn ra các hoạt động sinh hoạt như ăn uống, vui chơi, ra vào tại dự án. Các hoạt động này làm phát sinh nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, các khói bụi, khí thải...

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long: cung cấp sản phẩm: 12.900 tấn thùng carton/năm; 1.950 triệu đôi giày/năm.

- Trường liên cấp quốc tế Delta: Đào tạo giáo dục chất lượng quốc tế liên cấp từ cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong đó, khối tiểu học gồm 20 lớp với 700 học sinh; khối trung học cơ sở gồm 12 lớp với 540 học sinh; khối trung học phổ thông gồm 9 lớp với 405 học sinh.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu

- **Nguyên liệu sản xuất thùng carton:** Khối lượng sử dụng/năm: khoảng 10.891.797 kg/năm, trong đó các thành phần nguyên liệu như sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên liệu sản xuất thùng carton

STT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng/năm	Nơi cung cấp
I	Nguyên liệu chính			
1	Giấy mặt	Kg	1.823.200	Trong nước
2	Giấy sóng	Kg	3.669.190	Trong nước
3	Giấy vách	Kg	1.481.350	Trong nước
4	Giấy đáy	Kg	1.595.300	Trong nước
II	Nguyên liệu phụ			
1	Bột mì	Kg	2.279.000	Trong nước

2	Phụ gia hồ	Kg	36.464	Trong nước
3	Mực in	Lít	7.293	Trong nước

(Nguồn cung cấp: Theo Báo cáo thống kê nhà máy)

- **Nguyên liệu sản xuất giày:** Khối lượng sử dụng khoảng 881.946 kg/năm, trong đó các thành phần nguyên liệu như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên liệu sản xuất giày

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng/năm	Nơi cung cấp
1	Da	kg	54.600	Trong nước
2	Vải	kg	64.896	Trong nước
3	Đế giày	kg	604.500	Trong nước
4	Keo dán	kg	1.950	Trong nước
5	Tem nhãn	kg	3.900	Trong nước
6	Vật liệu phụ	kg	97.500	Trong nước
7	Da	kg	54.600	Trong nước

- **Nguyên liệu cấp cho nhu cầu ăn uống:** Khu vực Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long không thực hiện nấu ăn. Trường liên cấp quốc tế Delta thực hiện ăn bán trú 1 bữa/ngày. Nguyên liệu sử dụng cho nhà ăn tại khu vực dự án bao gồm: đồ hải sản các loại như: Tôm, cá, cua, ...; thịt gia súc, gia cầm như: thịt heo, thịt gà, thịt vịt...; rau, quả trái cây các loại như: Rau muống, mồng tơi, cải, cà chua... Khối lượng sử dụng: Với khả năng phục vụ khoảng 1.795 suất ăn/ngày (học sinh, giáo viên và 100 nhân viên hành chính), với khối lượng nguyên liệu sử dụng trung bình 1 kg/người/1 suất ăn. Nhu cầu nguyên liệu, thực phẩm cung cấp cho dự án vào lúc cao điểm là: 1.795 suất x 0,5 kg/suất = 897,5 kg/ngày.

Nguồn cung cấp: Nguyên liệu được mua từ các chợ trên địa bàn xã và các khu vực lân cận.

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hoá chất

a. Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long:

- Nhu cầu sử dụng dầu DO: Trong trường hợp mất điện lưới, lượng dầu tiêu thụ khoảng 125 lít dầu DO/giờ. Dầu DO được mua tại các đại lý bán lẻ trên địa bàn khu vực.

- Nhu cầu gas cấp cho hoạt động nấu ăn: khoảng: 0,5 kg/ngày.

- Nhu cầu sử dụng viên nén: Nhà máy hiện nay đang sử dụng 01 lò hơi với công suất 6.000kg/h. Lượng viên nén sử dụng là 1.260 kg/h hoạt động trong 8h. Tổng khối lượng viên nén sử dụng trong 1 ngày là 10,08 Tấn/ngày.

- Nhu cầu sử dụng hoá chất trong sản xuất:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Aceton	Lít/năm	110	Tẩy bản

2	Xăng thơm	Lít/năm	785	Tẩy bẩn
3	Cồn	Lít/năm	100	Tẩy bẩn
4	NaOH 5%	Lít/năm	4224	Xử lý khí thải lò hơi

** Trường liên cấp quốc tế Delta:*

- Nhu cầu sử dụng dầu DO: dầu DO để cấp cho hoạt động của máy phát điện dự phòng và gas cấp cho hoạt động nấu ăn. Với lượng gas khoảng: 6 kg/ngày; Dầu DO phục vụ máy phát điện dự phòng khoảng: 4,5lit/giờ.

- Nhu cầu sử dụng hoá chất trong xử lý nước thải:

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
I	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long			
1	Dung dịch phèn chua	Kg/m ³ nước thải	0,08	Xử lý nước thải sản xuất
2	Cationic polymer	Kg/m ³ nước thải	0,005	Xử lý nước thải sản xuất
II	Hệ thống xử lý nước thải tập trung			
1	Clorine	Kg/năm	73	Xử lý nước thải

Nguồn cung cấp: Các đại lý trong tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra: Công ty sử dụng chất tẩy rửa, khử mùi tại các nhà vệ sinh, hành lang và những nơi công cộng bằng các hoá chất chuyên dùng như: Vim, Hando, Xà phòng, nước rửa bát...Nguồn cung cấp hoá chất sử dụng: các cửa hàng đại lý trên địa bàn khu vực.

4.3. Nhu cầu cấp điện

** Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long:*

- Theo hiện trạng sử dụng điện của cơ sở, công suất tiêu thụ điện của toàn bộ cơ sở 584.070 KWh/năm (theo hoá đơn sử dụng điện năm 2024).

- Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho công trình, được lấy từ lưới điện trung thế 35KV huyện Hoằng Hóa, nguồn điện xuất phát từ trạm biến áp 110KV Hoằng Hóa – 25MVA – 110/35/22(10,5)KV trên địa bàn xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa. Điện trung thế được phân phối qua trạm biến áp có công suất 2x560KVA – 35/0,4KV được xây dựng tại phía Nam khu đất để cấp điện cho toàn bộ các công trình trong cơ sở.

** Trường liên cấp quốc tế Delta:*

- Theo hoạt động của một số đơn vị tương tự, điện năng sử dụng khoảng 130.000 KWh/năm.

- Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho công trình, được lấy từ trạm biến áp hiện trạng.

4.4. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước của công ty

a. Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long:

a1. Nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt:

Theo hóa đơn tiền nước hiện nay với khoảng 1.200 công nhân làm việc tại nhà máy thì lưu lượng cấp nước thực tế công ty theo sổ theo dõi nước cấp sinh hoạt thực tế: $Q_{sh} = 63,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu sử dụng nước cho nhà bếp (nhà ăn ca):

Cơ sở chỉ nấu nướng cho cán bộ công nhân viên với 50 suất ăn/ngày, công ty hỗ trợ tiền ăn trưa cho công nhân tự mang cơm và không tổ chức nấu ăn cho công nhân. Lượng nước cấp cho suất ăn là 18 lít/suất ăn và 10lit/lần rửa với công nhân mang cơm, do đó nước cấp cho nhà ăn ca là: $(18 \text{ lit} \times 50 \text{ suất ăn/ngày} + 10\text{lit/lần rửa} \times 950 \text{ công nhân}) = 10,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

a2. Nhu cầu nước sản xuất:

Dựa vào quy trình sản xuất của xưởng, nhu cầu nước cấp cho sản xuất chủ yếu là nước cấp cho lò hơi, nước xử lý khí thải lò hơi và nước rửa thiết bị sản xuất. Theo công nghệ sản xuất của cơ sở, nhà máy sử dụng lò hơi công suất 6000kg/h để cấp nhiệt cho quá trình sản xuất.

+ Tổng nhu cầu cấp nước ban đầu cho lò hơi là $5,6 \text{ m}^3$. Nước trong lò hơi bị thất thoát do quá trình sử dụng, vì vậy cần bổ sung trong quá trình hoạt động, lượng nước cần bổ sung là $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Lượng nước xả cặn lò hơi là $1,7 \text{ m}^3$ (theo khảo sát nhu cầu thực tế sử dụng của nhà máy, lượng nước xả cặn lò hơi bằng 30% lượng nước cấp ban đầu cho lò hơi).

+ Nhu cầu nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt hơi đốt than: Lượng nước cấp cho 1 hệ thống xử lý khí thải lò hơi là 2 m^3 (theo khảo sát nhu cầu thực tế sử dụng của nhà máy).

+ Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động thau rửa khay keo, thiết bị theo số liệu thống kê thực tế tối đa là $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nhu cầu sử dụng nước tưới cây: thời điểm sử dụng nước nhiều nhất là $6,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nhu cầu sử dụng nước phun chống bụi đường: thời điểm sử dụng nước nhiều nhất là $5,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu sử dụng nước cho hệ thống làm mát nhà xưởng: Trung bình $61,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (1 ngày hệ thống làm mát hoạt động 8 tiếng)

- Nhu cầu nước phòng cháy chữa cháy:

Nhu cầu nước PCCC được tính theo TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy trong nhà và công trình với công thức tính như sau:

$$Q_{cc} = q \times h \times n \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

q: Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy (l/s) (với hạng sản xuất của nhà máy là B và bậc chịu lửa II thì $q = 15 \text{ l/s}$).

h: Số giờ chữa cháy ($h = 2h$).

n: Số đám cháy (diện tích dưới 150 ha tính cho 1 đám cháy)

Như vậy, nhu cầu nước sử dụng cho mục đích PCCC là:

$$Q_{cc} = 15 \times 2 \times 3600 \times 1/1000 = 108 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Nguồn cấp nước: Nguồn nước cung cấp được đầu nối từ đường ống cấp nước thuộc chi nhánh Hoàng Hóa.

b. Trường liên cấp quốc tế Delta:

Tổng số người tại trường là 1.745 người. Trong đó số lượng cán bộ giáo viên, bảo vệ là 100 người; Số lượng học sinh tại trường là 1.645 học sinh. Theo QCVN 01:2021/BXD:

- Nhu cầu nước cấp sinh hoạt tại trường: chủ yếu là nước cấp cho hoạt động rửa tay chân, nước nhà vệ sinh và được tính theo công thức sau:

$$Q_{sh} = q \times N / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

q – Định mức cấp nước cho 1 người: $q = 40 \text{ (l/người/ ngày.đêm)}$.

N - Số lượng người trong trường: $N = 1.745 \text{ người}$.

Nguồn: TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình

$$\rightarrow Q_{sh} = (1.745 \times 40) / 1.000 = 69,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

Nhu cầu sử dụng nước cho nhà bếp: Cơ sở phục vụ với 1.745 suất ăn/ngày. Lượng nước cấp cho suất ăn là 18 lít/suất ăn, do đó nước cấp cho ăn uống là: $18 \text{ lit} \times 1.745 \text{ suất ăn/ngày} = 31,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường:

Theo TCXD 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn cho 1 lần tưới, rửa đường như sau:

+ Nước rửa đường: 0,5 lít/m (tưới thủ công bằng ống mềm).

+ Nước tưới cây: 4 lít/m.

+ Diện tích sân, đường nội bộ: $8.826,1 \text{ m}^2$.

+ Diện tích cây xanh: $4.748,4 \text{ m}^2$.

Như vậy:

+ Nhu cầu nước rửa sân đường:

$$Q_{rd} = 8.826,1 \text{ m}^2 \times 0,5 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới} \times 01 \text{ lần tưới/ngày} = 4,41 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Nhu cầu nước tưới cây:

$$Q_{tc} = 4.748,4 \text{ m}^2 \times 4 \text{ lít/m}^2 / \text{lần tưới} \times 01 \text{ lần tưới/ngày} = 19,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- **Nhu cầu nước phòng cháy chữa cháy:**

$$Q_{cc} = q \times h \times n \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó: + q: Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy (l/s) (p = 10 l/s);

+ h: Số giờ chữa cháy (h = 2h);

+ n: Số đám cháy (n = 1).

$$\rightarrow Q_{cc} = 10 \times 2 \times 3600 \times 1/1000 = 72 \text{ (m}^3\text{)}.$$

- **Nước sử dụng cho bể bơi trong trường:**

Theo QCVN 01:2021/BXD, TCXDCN 13606:2023 của Bộ xây dựng tiêu chuẩn Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế thì nhu cầu cấp nước cho bể bơi của trường là:

$$Q \text{ bể bơi} = q \times S \times 1000 = 1,0 \times 2.181 \text{ (m}^3\text{)} = 2.181 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

q – Định mức cấp nước: q = 1,0 l/m².ngđ.

S – Diện tích bể bơi: S = 2.181 m².

Nhu cầu sử dụng nước cho bể bơi phục vụ học sinh trong trường khoảng 1.509 m³/lần (2 lần/năm).

Nguồn cấp nước: Nguồn nước cung cấp được đầu nối từ đường ống cấp nước thuộc chi nhánh Hoàng Hóa.

Theo tính toán với số lượng công nhân lớn nhất là 1.500 người sẽ phù hợp để đánh giá các tác động của nguồn nước thải ở mức cao nhất. Vì vậy ta có bảng cân bằng nước như sau:

Bảng 1.9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước thường xuyên của 2 khu

STT	Hoạt động sử dụng nước	Nhu cầu và nguồn cấp		Lưu lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
		Nhu cầu (m ³ /ngày đêm)	Nguồn cấp		
I	Khu nhà máy	159,7		83,6	
1	Nước cấp cho sinh hoạt của nhà máy	63,3	Nước sạch chi nhánh Hoàng Hóa	63,3	Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước cấp cho nhà ăn	10,4		10,4	Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp

3	Nước cấp cho lò hơi	9		3,7	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp ban đầu
3.1	Nước cấp ban đầu cho lò hơi	5,5		1,7	Nước xả cặn bể chứa nước lò hơi bằng 20% lượng nước cấp ban đầu chứa trong thùng chứa lò hơi (1 tháng xả cặn 1 lần)
3.2	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	1,5		-	Không phát sinh nước thải
3.3	Nước cấp cho xử lý khí thải lò hơi	2		2	Nước xả cặn bể xử lý khí thải lò hơi bằng 100% lượng nước cấp ban đầu cho bể nước xử lý khí thải (2 tuần xả cặn 1 lần)
4	Nước cấp cho hoạt động sản xuất (thau rửa, vệ sinh thiết bị)	2,0		2,0	Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp
5	Nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng	61,6		-	Không phát sinh nước thải
6	Nước cho tưới cây, rửa đường	11,7		-	Không phát sinh nước thải
II	Khu trường học	108,7		101,2	
1	Nước cấp cho sinh hoạt	69,8		69,8	Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước cấp cho nhà ăn	31,4		31,4	Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp
3	Nước cho tưới cây, rửa đường	7,5		-	Không phát sinh nước thải
	Tổng	268,4		182,3	
III	Nước cấp bể bơi	2.181m³		2.181m³	Sử dụng thiết bị lọc tuần hoàn, chỉ phát sinh khi xả nước thau rửa bể bơi (2 lần/năm)

Từ bảng trên, ta thấy lượng nước thải thường xuyên của hai khu là 268,4m³/ngày đêm. Trong đó, nước thải tại khu nhà máy là 159,7m³/ngày đêm, nước thải tại khu trường liên cấp là 108,7m³/ngày đêm. Nước xả thau rửa bể bơi 2.181m³ (2 lần/năm).

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Các hạng mục xây dựng công trình và hạ tầng kỹ thuật của cơ sở:

a. Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long:

Hiện trạng các công trình xây dựng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.10. Bảng tổng hợp hiện trạng các công trình xây dựng

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Giá trị sử dụng (%)
1	Nhà xưởng số 1	3	4.608,0	90%
2	Nhà xưởng số 2	3	4.608,0	90%
3	Nhà kho	2	6.336,0	90%
4	Nhà điều hành, kho, để xe và nhà ăn ca	3	2.112,0	90%
5	Nhà để xe	1	1.440,0	90%
6	Trạm biến thế	1	165,6	90%
7	Nhà bảo vệ số 1	1	26,3	90%
8	Nhà bảo vệ số 2	1	15,8	90%
9	Nhà để xe ô tô	1	48,0	90%
10	Nhà trạm điện + Trạm bơm	1	72,0	90%
11	Nhà lò hơi	1	252,0	90%
12	Các hạng mục phụ trợ khác	1	13.441,3	90%
13	Via hè, cây xanh	1	4.748,4	90%
14	Sân đường nội bộ	1	8.826,1	90%

* Giải pháp thiết kế:

- Nhà xưởng số 1 và số 2 (ký hiệu số 1 và 2 trên TMB): Hai nhà xưởng có thiết kế giống nhau đối xứng qua cạnh dài của nhà, công trình cao 03 tầng, kết nối với nhau bằng 02 hành lang cầu tại tầng 2 và 3; diện tích xây dựng mỗi nhà 4.608m, tổng diện tích sàn

mỗi nhà 13.824m; chiều cao công trình 16,2m; cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3m; công năng sử dụng các tầng như sau:

- + Tầng 1 cao 4,8m, diện tích sàn 4.608m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Khu vực sản xuất, 02 khu vệ sinh, khu vực thang nâng hàng;

- + Tầng 2 cao 3,9m, diện tích sàn 4.224 m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Khu vực sản xuất, khu vực trồng tầng, 02 khu vệ sinh, khu vực thang nâng hàng;

- + Tầng 3 cao 3,9m + mái dốc cao 3,6m, diện tích sàn 4.608m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Khu vực sản xuất, 02 khu vệ sinh, khu vực thang nâng hàng;

Giao thông đứng bằng 04 cầu thang bộ bố trí phía ngoài nhà; tường nhà xây gạch kết hợp cửa đi bằng thép, vách kính lấy sáng, quạt thông gió; mái vì kèo thép tiền chế lợp mái tôn.

Chức năng:

- + Xưởng số 1: Sản xuất giấy.

- + Xưởng số 2: Sản xuất thùng carton và sản xuất đồ chơi điện tử bằng nhựa. Hiện nay, tầng 1 của xưởng số 2 đang sản xuất thùng carton, tầng 2 và 3 hiện nay chưa triển khai sản xuất. Trong thời gian tới số 2 sẽ sản xuất thêm đồ chơi điện tử bằng nhựa (tầng 2 và tầng 3).

- **Nhà kho:** kí hiệu số 3 trên tổng mặt bằng. Công trình cao 02 tầng, diện tích xây dựng 6.336,0 m², chiều cao công trình 12,6m; cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3m; tường nhà xây gạch kết hợp cửa đi bằng thép, vách kính lấy sáng, quạt thông gió; mái vì kèo thép tiền chế lợp mái tôn.

- **Nhà điều hành, kho, nhà để xe và nhà ăn ca (kí hiệu số 4 trên TMB):** Công trình cao 03 tầng, diện tích xây dựng 2.112m, tổng diện tích sàn 6.403,2m; chiều cao công trình 14,08m; cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3m; công năng sử dụng các tầng như sau:

Tầng 1 cao 3,9m, diện tích sàn 2.145,6m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Phòng truyền thống, lễ tân, khu để xe máy, khu căng tin, khu vực ăn ca, khu vệ sinh, phòng kỹ thuật, thang bộ, thang nâng

Tầng 2 cao 3,9m, diện tích sàn 2.145,6m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Khu văn phòng làm việc, khu vực kho chứa hàng, khu vực ăn ca, khu vệ sinh, phòng kỹ thuật, thang bộ, thang nâng;

- + Tầng 3 cao 3,6m + mái dốc cao 2,38m, diện tích sàn 2.112m, mặt bằng bố trí các không gian chức năng: Khu văn phòng làm việc, khu vệ sinh, phòng kỹ thuật, thang bộ, thang nâng;

- + Giao thông đứng trong công trình bằng 03 cầu thang bộ, 01 thang nâng hàng; tường nhà xây gạch kết hợp cửa đi, vách kính lấy sáng; mái vì kèo thép tiền chế lợp mái tôn.

- **Nhà để xe công nhân (ký hiệu số 5 trên TMB):** Công trình 01 tầng, chiều cao công trình 5,25m, diện tích xây dựng 1.440m²; cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,15m, kết cấu cột thép kết hợp cột BTCT, vì kèo thép hình lợp mái tôn.

- **Nhà để xe ô tô (ký hiệu số 9 trên TMB):** Công trình 01 tầng, chiều cao công trình 3,45m, diện tích xây dựng 48m²; cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,15m, kết cấu cột thép, vì kèo thép hình lợp mái tôn

- **Nhà trực bảo vệ số 1 và số 2 (ký hiệu số 07 và 08 trên TMB),** diện tích xây dựng nhà số 1: 26,3m²; nhà bảo vệ số 2: 15,8m²; kết cấu móng đơn BTCT dưới cột, hệ cột, dầm sàn BTCT đổ tại chỗ, lợp mái tôn chống nóng.

- **Nhà lò hơi:** diện tích 252 m², nền láng bê tông xi măng, mái lợp tôn.

- **Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của cơ sở:**

- Thoát nước: Cơ sở đã có hệ thống thu gom nước mưa và nước thải sinh hoạt riêng biệt.

+ Thoát nước mưa: Nhà máy đã tiến hành lắp đặt hệ thống ống PVC đường kính D110 – D150 thu gom nước mưa trên mái nhà về hệ thống thoát nước mưa trong Nhà máy. Trên toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa bố trí các hố ga với khoảng cách trung bình 30-40m/hố ga với tổng số hố ga là 59 hố ga. Kích thước ga thu 390x820mm, tổng chiều dài mương là 1.004m. Nước mưa sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo kênh Thái Vinh.

+ Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Nước thải từ hố tiêu tại các nhà vệ sinh được dẫn qua đường ống PVC D110 và dẫn về 7 bể tự hoại tổng dung tích 200 m³ được xây dựng tại nhà xưởng số 1; Nhà xưởng số 2; Nhà lho; Nhà điều hành, kho, để xe và nhà ăn ca để xử lý.

Nước thải từ nhà ăn ca và các khu vệ sinh sau khi được xử lý qua bể tách dầu mỡ sau đó dẫn ra bằng hệ thống ống PVC D200 chôn ngầm dưới đất có chiều dài 407m về các hố ga (khoảng cách 25 - 100 m/hố) trước khi thải ra kênh Thái Vinh.

Nước thải sau đó được dẫn về khu xử lý nước thải tập trung đặt tại phía Nam Trường liên cấp quốc tế Delta để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Hệ thống thông tin liên lạc:

Việc điều hành sản xuất của công ty có sự trợ giúp rất lớn từ mạng Internet, do vậy công ty đã trang bị hệ thống mạng máy tính hiện đại, có tốc độ truy cập nhanh cho các phòng ban. Ngoài ra công ty còn trang bị các thiết bị như điện thoại và máy fax phục vụ cho việc quản lý và điều hành sản xuất.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải và điều hòa khí hậu khu làm việc:

Bố trí hệ thống quạt thông gió và hệ thống làm mát bằng màng nước trong các xưởng. Toàn bộ lượng khí trong xưởng được quạt hút đưa lên trần nhà và thực hiện thoát ra ngoài và đưa khí sạch vào xưởng. Đối với khu vực chế biến hạt nhựa, đơn vị lắp đặt các

chụp hút tại vị trí của từng máy móc phát sinh hơi nhựa qua ống dẫn cho đi qua màng nước nhằm tách các hạt bụi, sau đó dẫn vào hệ thống hấp thụ bằng than hoạt tính, tại đây các khí độc hại sẽ được chất hấp thụ tách từ pha khí vào pha rắn, khí thải sau xử lý đảm bảo chất lượng về cảnh quan và các khí độc hại có trong khí thải sẽ đảm bảo được tiêu chuẩn trước khi thải vào môi trường xung quanh.

b. Trường liên cấp quốc tế Delta:

Trường liên cấp quốc tế Delta được khởi công xây dựng năm 2022, đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 06/GXN-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa và dự kiến hoàn thiện, đi vào hoạt động vào tháng 9/2026.

Bảng 1.11. Bảng tổng hợp các hạng mục đầu tư xây dựng

STT	Tên hạng mục	Ký	Diện tích	Số tầng	Ghi chú
A	Các khu chức năng				
1	Cổng trường		220		
2	Khối nhà tiểu học		967		
2,1	Nhà tiểu học A	2A	420		
2,2	Nhà tiểu học B	2B	547		
3	Nhà hiệu bộ	3	467	3	
4	Khối nhà trung học cơ sở	4	1016	4	
4,1	Nhà trung học cơ sở A	4A	486		
4,2	Nhà trung học cơ sở B	4B	530		
5	Nhà thư viện	5	624	3	
6	Nhà lưu trú	6	1010	4	
7	Nhà căng tin	7	930	2	
8	Bể bơi thi đấu trong nhà	8	2181	3	
9	Nhà thi đấu đa năng	9	2262	3	
10	Hệ thống cầu nổi	10			
11	Khu bể ngầm xử lý nước thải	11	128		
B	Cây xanh sân chơi thể thao		12011,3		
C	Giao thông bãi đỗ xe		7273,7		
	Tổng diện tích lập quy hoạch		29090		

(Nguồn: Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án)

*** Giải pháp thiết kế:**

a. Nhà tiểu học 2A :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 45,02 x 11,6 m. Công trình cao 4 tầng, có chiều cao tổng là 20,25m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tầng 4 cao 3,9m, tum cầu thang 3,9m). Diện tích xây dựng S= 471m².

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chi VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

b. Nhà tiểu học 2B :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 55,72 x 11,6 m. Công trình cao 4 tầng, có chiều cao tổng là 20,25m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tầng 4 cao 3,9m, tum cầu thang 3,9m). Diện tích xây dựng $S = 587m^2$.

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chi VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

c. Nhà hiệu bộ :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 37,92 x 10,52 m. Công trình cao 3 tầng, có chiều cao tổng là 20,46m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tum thang cao 8,01m). Diện tích xây dựng S= 452m².

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chỉ VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

d. Nhà trung học cơ sở 4A :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 46,44 x 12,5 m. Công trình cao 4 tầng, có chiều cao tổng là 20,25m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tầng 4 cao 3,9m, tum cầu thang 3,9m). Diện tích xây dựng S= 535m².

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chỉ VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.

- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

e. Nhà trung học cơ sở 4B :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 46,44 x 12,5 m. Công trình cao 4 tầng, có chiều cao tổng là 20,25m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tầng 4 cao 3,9m, tum cầu thang 3,9m). Diện tích xây dựng $S = 579m^2$.

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chỉ VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

f. Nhà thư viện :

Mặt bằng công trình được bố trí theo kiểu hình tròn đồng tâm với bán kính nhà $R = 14,11m$. Công trình cao 3 tầng, có chiều cao tổng là 23,8m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,60m; tầng 3 cao 3,6m, tum mái vòm cao 11,9m). Diện tích xây dựng $S = 574m^2$.

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 3m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chỉ VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

g. Nhà nội trú :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 55,72 x 18,52 m. Công trình cao 4 tầng, có chiều cao tổng là 20,25m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tầng 3 cao 3,9m, tầng 4 cao 3,9m, tum cầu thang 3,9m). Diện tích xây dựng S= 997m².

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chỉ VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

h. Nhà căng tin :

Mặt bằng công trình được bố trí theo hình chữ L. Kích thước theo chiều cạnh dài chữ L là 53,48x13,25m, kích thước theo cạnh ngắn chữ L là 31x10,61m. Công trình cao 2 tầng, có chiều cao tổng là 11,75m (Chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,90m; tường thu hồi mái cao 3,9m). Diện tích xây dựng S= 917m².

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng băng trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chi VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền lát gạch ceramic kích thước 600x600. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Tường thu hồi mái đổ vách nghiêng BTCT cao 3,2m, sơn kẻ gờ chỉ. Sàn mái đổ BTCT toàn khối có lớp chống nóng, chống thấm theo tiêu chuẩn.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

i. Bể bơi trong nhà :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 61,42 x 37,42 m. Công trình cao 3 tầng, có chiều cao tổng là 18,45m (Chiều cao tầng 1 là 4,8m; tầng 2 là 3,60m; tầng 3 cao 3,6m, mái vòm cao 5,7m). Diện tích xây dựng $S = 2.298m^2$.

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng đơn trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng hệ thống cột, dầm, vì kèo thép. Sàn sử dụng công nghệ sàn deck đổ bê tông dày 12cm.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chi VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền đổ bê tông đánh tăng cứng bề mặt, riêng đối với khu vực lối đi xung quanh bể bơi thì sử dụng lớp sơn chống trơn trượt. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Mái lợp tôn xộp màu xanh dày 0,45ly.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

k. Nhà thi đấu đa năng :

Mặt bằng công trình được bố trí chạy dọc theo hình chữ nhật. Chiều dài x rộng của công trình là 61,42 x 37,42 m. Công trình cao 3 tầng, có chiều cao tổng là 18,45m (Chiều cao tầng 1 là 4,8m; tầng 2 là 3,60m; tầng 3 cao 3,6m, mái vòm cao 5,7m). Diện tích xây dựng $S = 2.298\text{m}^2$.

Móng nhà:

Do đặc điểm, quy mô công trình và điều kiện địa chất nên sử dụng móng đơn trên nền đất tự nhiên. Chiều sâu chôn móng 2,25m tính từ cos nền nhà hoàn thiện. Bê tông móng mác 300#.

Thân nhà:

Kết cấu chịu lực chính sử dụng hệ thống cột, dầm, vì kèo thép. Sàn sử dụng công nghệ sàn deck đổ bê tông dày 12cm.

Phần hoàn thiện :

- Tường xây gạch chi VXM75#, trát tường VXM 100#, sơn bả nhiều lớp.
- Nền đổ bê tông đánh tăng cứng bề mặt, riêng đối với khu vực sân tập đa năng được sơn epoxy theo tiêu chuẩn sân thể thao trong nhà. Khu WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600.
- Mái lợp tôn xộp màu xanh dày 0,45ly.
- Hệ thống cửa và vách kính sử dụng hệ cửa vách nhôm kính.
- Trần sử dụng trần thạch cao khung xương nổi, đối với khu vực WC dùng trần thạch cao chịu nước.

l. Hệ thống cầu nổi :

Hệ thống cầu nổi được liên kết giữa hành lang các công trình với nhau, có kiến trúc đồng điệu cùng với các công trình trong dự án. Chiều rộng trong lòng cầu nổi là 2,13m. Móng cầu nổi là móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối mác 300#. Bê tông đổ tại chỗ tạo thành khung không gian vững chắc.

m. Hệ thống cổng :

- Dự án bố trí 03 cổng, trong đó có 01 cổng chính và 02 cổng phụ :
- Cổng chính được thiết kế cao 01 tầng theo kiểu kiến trúc tân cổ điển, tạo hình khối chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với kiến trúc chung của dự án. Cổng chính có 2 lối đi rộng 5,45m được sử dụng cổng xếp inox mô tơ điện.
- Cổng phụ số 1 được bố trí để phân luồng xe đưa đón học sinh. Cổng phụ số 1 được xây gạch bó trụ BTCT, đắp hoa văn theo kiến trúc tân cổ điển.
- Cổng phụ số 2 được bố trí để phân luồng xe ô tô cho giáo viên. Cổng phụ số 2 được làm bằng hệ thống hàng rào thép di động.

n. Hệ thống tường rào :

- Hàng rào được xây gạch kết hợp với lam thép hộp. Trụ tường rào xây gạch bên trong có lõi BTCT kích thước 220x220, trụ tường rào được đắp hoa văn theo kiến trúc tân cổ

điển. Tường rào sơn màu trắng, kết hợp với lam thép sơn màu đen tạo phối cảnh đồng bộ với cảnh quan chung của dự án.

i. Sân chơi, vỉa hè, cây xanh :

- Cấu tạo vỉa hè như sau :

+ Lát đá màu ghi sáng 200x200x30mm

+ Lớp vữa lót mác 75# dày 20mm. 29.090

+ Lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm.

+ Đất san lấp, lu lèn K95.

- Hệ thống cây xanh được trồng xen kẽ trên vỉa hè, sân chơi. Khoảng cách các cây xanh trung bình là 6-8m. Cây được trồng trong các bồn cây có kích thước 1,2x1,2m. Bề rộng vỉa hè từ 3-6m.

k. Hệ thống đường nội bộ :

- Hệ thống đường giao thông nội bộ trong dự án gồm có 2 tuyến đường :

+ Tuyến đường 1 : là tuyến đường đôi có dải phân cách ở giữa rộng 2,0m, bề rộng lòng đường 2x7m.

+Tuyến đường 2 : vị trí lòng đường nhỏ nhất là 10m, vị trí lòng đường lớn nhất là 26,5m. Vị trí lòng đường rộng 26,5m được kết hợp làm bãi đỗ xe ô tô cho giáo viên.

- Kết cấu mặt đường có dạng áo đường cứng, theo thứ tự từ trên xuống gồm các lớp cơ bản sau:

+ Đánh nhám mặt đường.

+ Bê tông đá 1x2 M300# dày 200mm.

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 200mm.

+ Cấp phối đá dăm loại II dày 250mm.

+ Đất xáo xới, lu lèn K98 dày 300mm.

o. Sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân tập thể dục :

- Sân bóng được thiết kế theo tiêu chuẩn sân cỏ nhân tạo 9 người. Kích thước sân dài x rộng = 45x60 m. Xung quanh khu thể thao được quây lưới cao 9m, trụ lưới kết hợp là cột đèn ly tâm cao 12m (chôn sâu 2m, cao hơn mặt đất 10m).

- Khu nhảy cao nhảy xa là sân đất cát, hố nhảy xa đổ cát mịn.

* Hệ thống rãnh thoát nước mặt :

- Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên, trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống ống PVC đường kính D90 – D110 về rãnh thoát nước mưa trong khuôn viên trường. Trên toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa bố trí các hố ga với khoảng cách trung bình 30-40m/hố ga với tổng số hố ga là 40 hố ga. Kích thước ga thu 1200x1200mmx1000mm, tổng chiều dài rãnh là 1.298,5 m.

- Thoát nước thải sinh hoạt: bố trí hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt ngầm tại ô đất phía Nam khu trường liên cấp công suất 310 m³ để xử lý nước thải cho cả hai khu vực đạt QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT sau đó đầu nối vào kênh Thái Vĩnh tại K3+108 (toạ độ X=588934.2629 Y=2194445.3805).

5.2. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của địa phương:

Môi trường địa phương được chỉnh trang, thường xuyên hội nghị và chỉ đạo công tác BVMT địa phương. Cuối năm 2024, Ban chỉ đạo giao thông thủy lợi xã Hoàng Đồng thường xuyên tổ chức phát động toàn dân ra quân nạo vét các tuyến kênh, mương tiêu và phát quang hành lang an toàn giao thông trên địa bàn. Toàn thị trấn đã ra quân quét dọn VSMT trên địa bàn các đơn vị thôn đảm bảo công tác VSMT luôn "Sáng, xanh, sạch đẹp" đồng thời đảm bảo cho việc lưu thông dòng chảy. thuận tiện cho việc tưới tiêu trên địa bàn.

5.3. Hiện trạng các công trình xung quanh khu vực dự án và khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

- Đối với khu dân cư: Khu vực nằm cách khu dân cư gần nhất khoảng 200m về phía Tây.

- Các dự án sản xuất liền kề: Khu vực dự án cách Khu công nghiệp & đô thị Hoàng Long khoảng 4Km về phía Tây; Cách trung tâm Công nghiệp và Đô thị mới Đông Nam TP Thanh Hóa khoảng 7,5Km về phía Nam (đi theo đường QL 10).

- Không có nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất tại khu vực dự án.

- Không có các loài động thực vật quý hiếm trong khu vực dự án.

- Không có đền chùa cũng như các di tích lịch sử - văn hóa khác trong khu vực dự án.

- Dự án cách khu di tích đền thờ Bà Cả khoảng 600m về phía Tây.

- Hệ thống sông suối quanh khu vực dự án kém phát triển: Cách khu vực dự án khoảng 3,7 Km về phía Tây Nam có sông Mã chảy qua.

Theo TCVN 4449:1987, xưởng 2 khu nhà máy là xưởng gia công giầy và khoá kéo xác định khoảng cách an toàn đến nhà xưởng tới công trình công trình đạt khoảng cách tối thiểu 50m. Dựa theo khoảng cách bố trí công trình hiện trạng so với công trình trường liên cấp, khoảng cách hiện tại là 100m. Mặt khác, khu xử lý nước thải tập trung là bể ngầm cách các công trình công cộng từ 15m trở lên, không gần khu dân cư. Do đó vẫn đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

5.4. Tiến độ thực hiện cơ sở

** Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long:*

Cơ sở được xây dựng và đi vào hoạt động với các mốc thời gian như sau:

- Thời gian khởi công xây dựng: Năm 2018;

- Thời gian cơ sở đi vào hoạt động chính thức: Năm 2020;

- Thời gian cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Năm 2024;
- Hiện tại nhà máy đã đi vào hoạt động sản xuất với 2 loại hình: sản xuất giấy và thùng carton. Số lượng CBCNV là khoảng 1.200 người. Trong thời gian tới cơ sở sẽ sản xuất thêm loại hình đồ chơi điện tử bằng nhựa với công suất 4 triệu sản phẩm/năm và lao động dự kiến là 1.500 người.

** Trường liên cấp quốc tế Delta:*

- Thời gian thi công xây dựng: Năm 2022;
- Thời gian dự kiến hoạt động: 9/Năm 2026.
- Hiện tại đã thi công xong hạng mục thu gom xử lý nước thải.
- Trạm xử lý nước thải tập trung đã đi vào vận hành ổn định.

5.5. Tổ chức quản lý vận hành cơ sở

Để thực hiện tốt việc điều hành và quản lý cơ sở có hiệu quả, Công ty sẽ kiểm tra tiến độ và kết quả thực thi công việc, cử người quản lý cơ sở, phối hợp với các đơn vị trong ngành và một số chuyên gia có kinh nghiệm.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Sửa đổi NĐ 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư sửa đổi số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2045:

+ Không nằm quy hoạch vùng bảo vệ môi trường như: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Vùng hạn chế phát thải; Vùng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

+ Không nằm trong vùng bảo vệ môi trường đối với nước mặt,...

Như vậy, hai cơ sở trên có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như vùng hạn chế phát thải mà thuộc vùng môi trường khác. Là phù hợp với định hướng phát triển chung và phân vùng môi trường của tỉnh Thanh Hóa nói chung và của Công ty nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh. Cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường được lồng ghép vào quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045).

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Việc đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường được trình bày cụ thể trong Báo cáo ĐTM của cơ sở không có sự thay đổi. Các nguồn thải từ cơ sở được xử lý đạt theo các Quy chuẩn và tiêu chuẩn về nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường.

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 03:2019/BYT (GHTX): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 26:2016/BYT về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- Theo quy định tại khoản 3, điều 8 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 3, điều 4 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì thẩm quyền thực hiện đánh giá tác động môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt nội tỉnh thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có quy định của UBND tỉnh về ban hành khả năng chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh nên chưa có cơ sở để xác định khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải của dự án.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

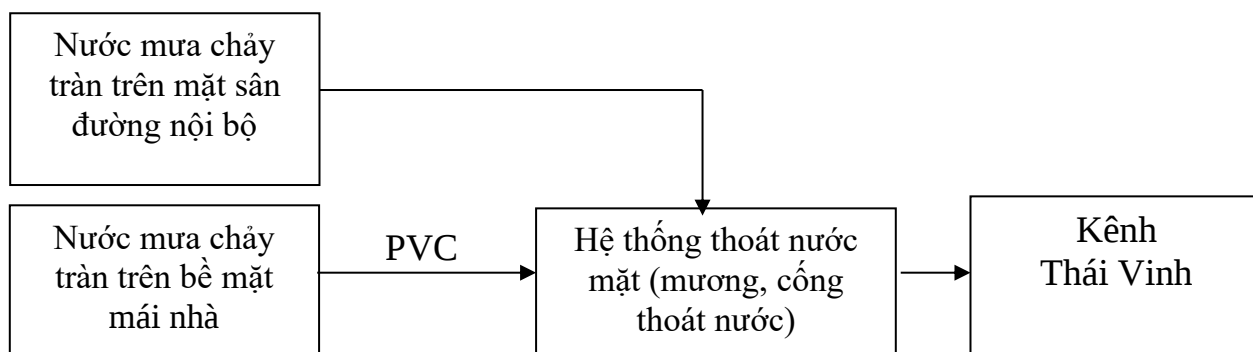
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa, nước xả bể bơi:

1.1.1. Thu gom, thoát nước mưa Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên, trên mái nhà trong khu vực cơ sở được thu gom bằng hệ thống ống PVC đường kính D110 – D150 về hệ thống thoát nước mưa trong Nhà máy. Trên toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa bố trí các hố ga với khoảng cách trung bình 30-40m/hố ga với tổng số hố ga là 59 hố ga. Kích thước ga thu 390x820mmx600mm, tổng chiều dài mương là 1.004m. Những đoạn qua sân đường nội bộ đoạn có xe tải hay qua lại dùng cống D400 gia cố chịu tải. Tuyến mương được thiết kế đi sát nhà xưởng cách chân công trình 0,5 m.

Nước mưa sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo kênh Thái Vinh.



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

Tổng hợp hệ thống thoát nước mưa chảy tràn nhà máy đã xây dựng gồm:

Bảng 3.1. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn đã xây dựng

STT	Hạng mục	Chiều dài (m)
1	Ống nhựa PVC (D110 – D150) thu nước mái	418
2	Mương thoát nước B400	680,4
3	Cống BTCT D400 chịu lực	320
4	Hố ga	59 hố

Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mái công trình được thu gom bằng máng và dẫn về đường ống nhựa PVC thoát vào cống thoát nước mưa dọc các công trình.

Nước mưa chảy tràn sân đường nội bộ và công trình được thu gom qua giếng thu vào hệ thống mương thoát nước được xây dựng xung quanh các công trình và dọc đường nội bộ. Nước mưa được thu gom và lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng tại các hố ga, thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Điểm đầu nổi thoát nước: toàn bộ nước mưa chảy tràn của nhà máy được đầu nổi vào kênh Thái Vinh. Vị trí xả nước mưa có tọa độ theo VN2000 như sau:

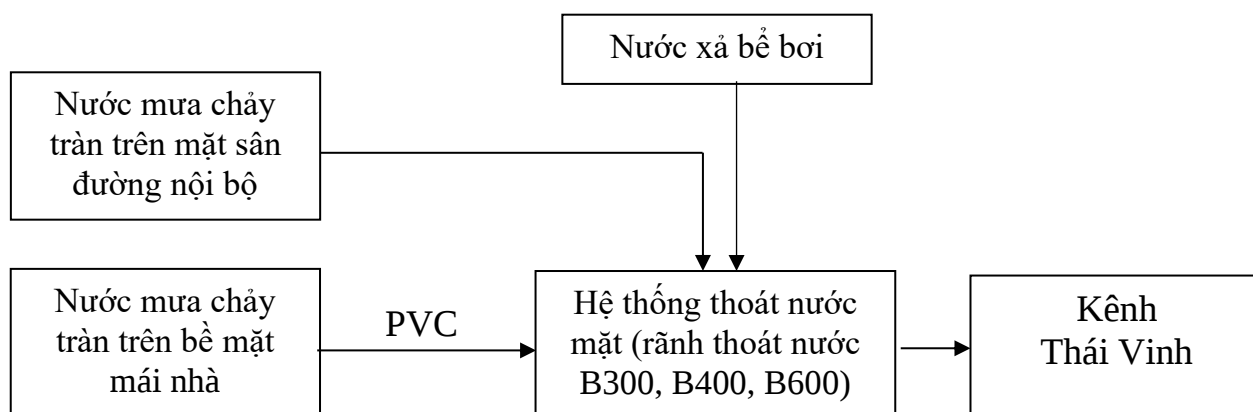
$X = 2194543.690$; $Y = 588945.009$

1.1.2. Thu gom, thoát nước mưa, nước xả bể bơi Trường liên cấp

Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên, trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống ống PVC đường kính D90 – D110 về rãnh thoát nước mưa trong khuôn viên trường. Trên toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa bố trí các hố ga với khoảng cách trung bình 30-40m/hố ga với tổng số hố ga là 40 hố ga. Kích thước ga thu 1200x1200mmx1000mm, tổng chiều dài rãnh là 1.298,5 m.

Nước mưa sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực theo kênh Thái Vinh.

Thoát nước bể bơi thực hiện 2 lần/năm để thay rửa nước trong bể bơi, sử dụng 01 máy bơm nước có công suất 75w, ống dẫn nước mềm có chiều dài 15m bơm thoát nước bể bơi và dẫn về rãnh thoát nước B300 và thoát nước như đối với thoát nước mưa.



Sơ đồ 3.2. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

Tổng hợp hệ thống thoát nước mưa chảy tràn nhà máy đã xây dựng gồm:

Bảng 3.2. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn khu trường

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ống PVC đường kính D90 – D110	m	304
2	Ống dẫn nước mềm	m	15
3	Rãnh thoát nước B300	m	64,4
4	Rãnh thoát nước B400	m	1062,3

5	Rãnh thoát nước B600	m	171,8
6	Ga thu thăm kết hợp	ga	40

- Điểm đầu nối thoát nước mưa khu trường học được đầu nối vào kênh Thái Vinh tại 2 vị trí tại cống vào khu trường liên cấp. Vị trí xả nước mưa có tọa độ theo VN2000 như sau:

+ Điểm thoát nước mưa 1: X=588947; Y=2194538;

+ Điểm thoát nước mưa 2: X=588945; Y=2194521.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Theo tổng hợp ở Chương II, tổng nước thải phát sinh của 2 khu là cơ sở là 184,8 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long: 83,6 m³/ngày đêm (nước thải rửa chân tay: 25,4 m³/ngày đêm; nước vệ sinh: 38,2 m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn: 10,4 m³/ngày đêm; nước thải lò hơi và xử lý khí thải lò hơi: 7,6 m³/ngày đêm; nước thải rửa dụng cụ sản xuất: 2,0 m³/ngày đêm);

- Khu trường liên cấp: 101,2 m³/ngày đêm (nước thải rửa chân tay: 34,9 m³/ngày đêm; nước vệ sinh: 34,9 m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn: 31,4 m³/ngày đêm).

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải, Chủ cơ sở đã xây dựng và áp dụng biện pháp thu gom xử lý nước thải theo sơ đồ phân dòng như sau:

1.2.1. Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

** Đối với nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải rửa mặt, rửa tay của công nhân thông thường → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Bể thu gom khu nhà máy → Đường ống thoát nước PVC D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh (hồ tiêu, hố tiểu) → Các bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Bể thu gom khu nhà máy → Đường ống thoát nước PVC D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

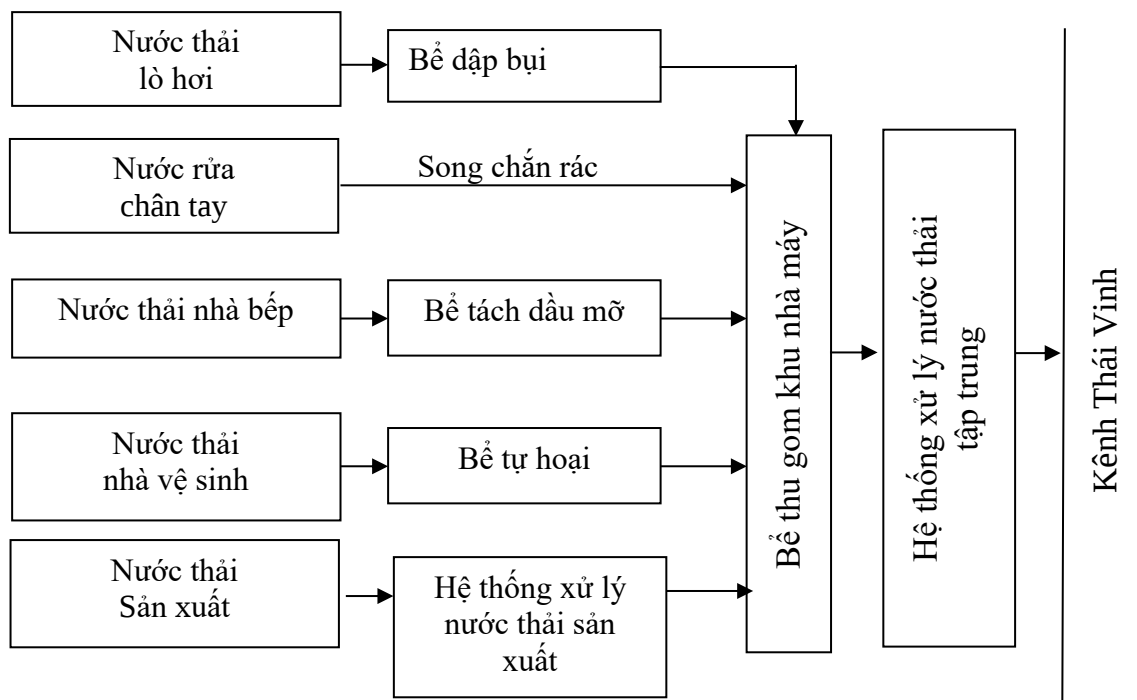
- Nước thải ăn uống → Bể tách dầu mỡ → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Bể thu gom khu nhà máy → Đường ống thoát nước PVC D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

** Đối với nước thải sản xuất (nước thải CN):*

- Nước thải lò hơi → Bể đập bụi → Đường ống PVC D90 – D160 → Bể thu gom khu nhà máy → Đường ống PVC D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ: Nước thải từ rửa dụng cụ, thiết bị khu vực xưởng in, dán đế giày → Thùng chứa nước thải sản xuất → Ngăn chứa 1 → Đường ống PVC D90 – D160 → Bể thu gom khu nhà máy → Đường ống PVC D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực theo kênh Thái Vinh tại K3+108 (toạ độ X=588934; Y=2194445).



Sơ đồ 3.3: Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải của cơ sở

- *Dòng 1: Nước thải lò hơi:* bao gồm nước xả cặn lò hơi và nước thải xử lý khí thải lò hơi. Nước thải lò hơi với tác nhân ô nhiễm là nhiệt độ và bụi than do quá trình đốt than có lưu lượng thải cao nhất là 7,6 m³/ngày đêm được dẫn qua ngăn bể đập bụi 4 ngăn thể tích 20,8 m³, sau đó được dẫn về bể thu gom khu nhà máy để về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

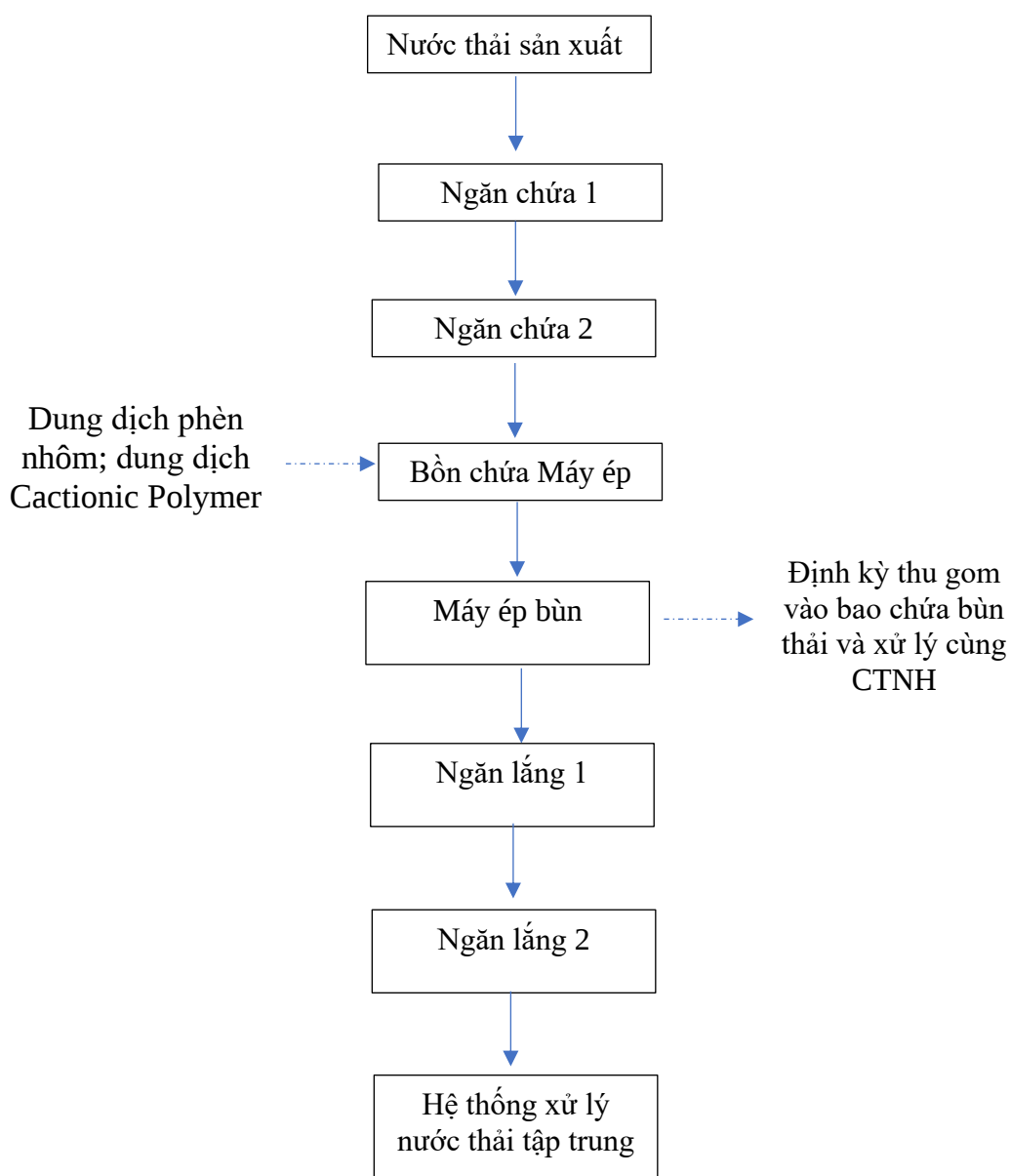
- *Dòng 2: Nước thải rửa chân tay:* Nước thải rửa chân tay phát sinh trong khu vực cơ sở có lưu lượng thải cao nhất là 25,4 m³/ngày đêm. Dòng nước thải này được dẫn qua song chắn rác rồi dẫn về bể thu gom khu nhà máy để về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Dòng 3: Nước thải nhà bếp:* Khu vực nhà bếp (nhà ăn ca) tổ chức nấu ăn, do đó phát sinh nước thải từ khu vực nhà bếp. Dòng nước thải này được dẫn qua bể tách dầu mỡ 12,5 m³ đặt tại khu bếp nhà ăn rồi dẫn về bể thu gom khu nhà máy để về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Dòng 4: Nước từ các nhà vệ sinh:* Nước thải nhà vệ sinh phát sinh trong khu vực cơ sở có lưu lượng thải cao nhất là 38,2 m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng các bể phốt sau đó dẫn về bể thu gom khu nhà máy để về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường. Khu vực có 10 bể tự hoại với tổng dung tích 1.227,9 m³. Dung tích các bể tự hoại: 08 bể tự hoại tại nhà xưởng, mỗi bể dung tích 138,2 m³; tại khu vực nhà điều hành và nhà ăn ca có 01 bể tự hoại dung tích 82,5 m³ và 01 bể tự hoại dung tích 39,8 m³.

- *Dòng 5: Nước từ sản xuất với lưu lượng 2,0 m³/ngày.đêm* được xử lý sơ bộ bằng hệ bể xử lý nước thải công nghiệp thể tích 25,3 m³ sau đó dẫn về bể thu gom khu nhà máy để về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp với công suất 25 m³/ngày.đêm:



Sơ đồ 3.4: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở

Quy trình xử lý nước thải sản xuất:

+ Bước 1: Nước thải sản xuất được thu gom vào các thùng chứa tại khu vực sản xuất (khu vực in, gián đế) được chảy vào ngăn chứa 1, từ ngăn chứa 1 chảy sang ngăn chứa 2.

+ Bước 2: Bơm nước thải vào bồn chứa máy ép bùn.

+ Bước 3: Xả dung dịch phèn nhôm theo định lượng, mở motor khuấy đều trong 15 phút.

+ Bước 4: Dùng máy kiểm tra độ pH 6-7 và kiểm tra khả năng tách màu bằng cách múc hỗn hợp vào cốc thuỷ tinh và xem lại tách màu.

+ Bước 5: Sau khi kiểm tra kết quả đạt tiếp tục xả dung dịch Cationic Polymer vào bồn chứa và khuấy đều trong vòng 15 phút.

+ Bước 6: Múc hỗn hợp ra cốc thuỷ tinh kiểm tra lớp bùn cặn có lắng xuống không.

+ Bước 7: Sau khi kiểm tra kết quả đạt, mở bơm nước cho bơm qua hệ thống máy ép bùn, nước sau khi đã được ép bùn xong thì chảy qua 2 ngăn lắng 1 và 2 rồi chảy vào đường ống đến bể gom nước thải khu nhà máy sau đó đưa về bể xử lý nước thải tập trung.

Hoá chất sử dụng:

+ Phèn nhôm: Với cần 0,05g phèn nhôm để xử lý 1m³ nước thải.

+ Cationic Polymer: liều lượng 0,005g để xử lý 1m³ nước thải.

Tổng hợp hệ thống thoát nước thải gồm:

Bảng 3.3. Hệ thống thu gom, thoát nước thải khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

STT	Tên tuyến/tên rãnh	Đơn vị	Khối lượng	Vị trí
1	Tuyến số 1	m	84,0	Thoát nước khu nhà kho
	Ống PVC D90	m	84,0	
	Cút PVC D90	cái	1,0	
	Côn thu PVC D110/90	cái	1,0	
	Cút PVC D110	cái	1,0	
	Giếng thăm	cái	1,0	
2	Tuyến số 2	m	70,0	Thoát nước khu nhà kho
	Ống PVC D90	m	70,0	
	Cút PVC D90	cái	1,0	
	Bạc thu PVC D160/110	cái	1,0	
	Giếng thăm	cái	1,0	
3	Tuyến số 3	m	86,0	Thoát nước khu nhà xưởng dọc đường giao thông nội bộ chính

	Ống PVC D90	m	86,0	
	Cút PVC D90	cái	1,00	
	Tê thu PVC D140/90	cái	1,0	
	Giếng thăm	cái	1,00	
4	Tuyến số 4	m	32,0	Thoát nước bể đập bụi lò hơi
	Ống PVC D90	m	32,0	
	Cút PVC D90	cái	1,00	
	Côn thu PVC D110/90	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	1,00	
5	Tuyến số 5	m	98,0	Thoát nước nhà xưởng 2, nhà điều hành, ăn ca
	Ống PVC D90	m	17,0	
	Ống PVC D110	m	81,0	
	Tê thu PVC D110/90	cái	2,00	
	Bạc thu PVC D140/110	cái	1,00	
	Tê thu PVC D140/110	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	2,00	
6	Tuyến số 6	m	24,0	Thoát nước nhà điều hành, ăn ca
	Ống PVC D90	m	24,0	
	Cút PVC D90	cái	1,00	
	Bạc thu PVC D110/90	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	1,00	
7	Tuyến số 7	m	151,0	Thoát nước nhà xưởng
	Ống PVC D90	m	4,0	
	Tê thu PVC D140/90	cái	2,00	
	Ống PVC D140	m	147,0	
	Bạc thu PVC D140/110	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	3,00	
8	Tuyến số 8	m	75,0	Thoát nước khu nhà kho dọc đường giao thông nội bộ chính
	Ống PVC D140	m	75,0	
	Bạc thu PVC D110/90	cái	1,00	
	Tê thu PVC D110/90	cái	2,00	

	Giếng thăm	cái	2,00	
9	Tuyến số 9	m	15,0	Thoát nước chung
	Ống PVC D160	m	15,0	
	Cút PVC D160	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	1,00	
10	Tuyến số 10	m	66,0	Chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu trường liên cấp
	Ống PVC D160	m	66,0	
	Cút PVC D160	cái	1,00	

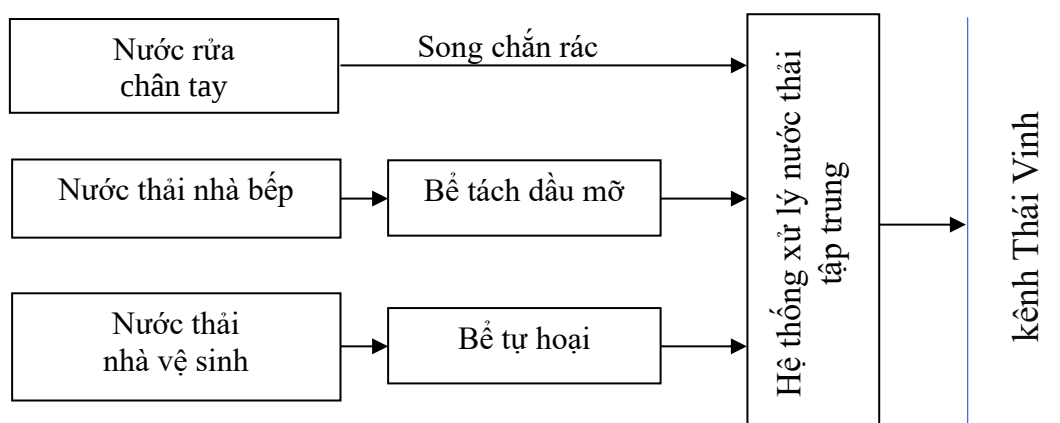
1.2.2. Khu trường liên cấp

- Nước thải rửa mặt, rửa tay → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh (hồ tiêu, hồ tiểu) → Các bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải ăn uống → Bể tách dầu mỡ → Đường ống thoát nước PVC D90 – D160 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 310m³/ngày đêm phía trường liên cấp để xử lý đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường.

Điểm đầu nổi thoát nước thải: toàn bộ nước thải của nhà máy và trường liên cấp sau khi xử lý được đầu nổi vào kênh Thái Vinh tại K3+108 (toạ độ X=588934.2629 Y=2194445.3805).



Hình 3.4: Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải của khu trường

- Dòng 1: Nước thải rửa chân tay: Nước thải rửa chân tay phát sinh trong khu vực trường học có lưu lượng thải cao nhất là 34,9 m³/ngày đêm. Dòng nước thải này được dẫn qua song chắn rác rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Dòng 2: Nước thải nhà bếp:* Khu vực nhà bếp (nhà ăn ca) tổ chức nấu ăn, do đó phát sinh nước thải từ khu vực nhà bếp lưu lượng thải cao nhất là 31,4 m³/ngày đêm. Dòng nước thải này được dẫn qua bể tách dầu mỡ 12,5 m³ đặt tại khu bếp nhà ăn rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Dòng 3: Nước từ các nhà vệ sinh:* Nước thải nhà vệ sinh phát sinh trong khu vực trường học có lưu lượng thải cao nhất là 34,9 m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng các bể phốt trước khi dẫn sang hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

Khu vực có 19 bể tự hoại với tổng dung tích 610,7m³. Dung tích các bể tự hoại: 02 bể tự hoại tại khu nhà thi đấu đa năng, mỗi bể dung tích 38,9 m³; 02 bể tự hoại tại khu nhà thi đấu đa năng, mỗi bể dung tích 38,9 m³; 01 bể tự hoại tại khu nhà tiểu học A dung tích 38,5m³; nhà tiểu học B 01 bể dung tích 20,6 m³, 01 bể dung tích 21,7 m³; 01 bể tự hoại tại khu nhà hiệu bộ dung tích 28,6 m³; 02 bể tự hoại tại khu nhà trung học cơ sở B, mỗi bể dung tích 36m³; 01 bể tự hoại tại khu nhà trung học cơ sở A dung tích 32,4 m³; khu căn tin 01 bể dung tích 56,1 m³, 02 bể dung tích 33,1 m³; 01 bể tự hoại tại khu nhà thư viện dung tích 28,3 m³; 04 bể tự hoại khu nhà nội trú dung tích mỗi bể 90,7 m³.

Tổng hợp hệ thống thoát nước thải gồm:

Bảng 3.4. Hệ thống thu gom, thoát nước thải khu trường liên cấp

STT	Tên tuyến/tên rãnh	Đơn vị	Khối lượng	Vị trí
1	Tuyến số 1	m	67,10	Thoát nhà vệ sinh bể bơi
	Ống PVC D90	m	8,60	
	Ống PVC D160	m	58,50	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	1	
	Y PVC D160	cái	1,00	
	Chếch PVC D90	cái	1,00	
	Giếng thăm	cái	2,00	
2	Tuyến số 2	m	51,10	Thoát nhà vệ sinh bể bơi
	Ống PVC D90	m	9,10	
	Ống PVC D160	m	42,00	
	Chếch PVC D90	cái	1,00	
	Y PVC D160	Cái	1	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	1	
	Giếng thăm	Cái	1	
3	Tuyến số 3	m	108,30	Thoát nhà vệ sinh Bể bơi + Đa năng

	Ống PVC D160	m	108,30	
	Chếch PVC D160	cái	2	
	Giếng thăm	Cái	3	
4	Tuyến số 4	m	74,30	Nhà đa năng
	Ống PVC D90	m	17,30	
	Ống PVC D160	m	57,00	
	Chếch PVC D90	cái	5	
	Y PVC D160	Cái	3	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	4	
	Giếng thăm	Cái	1	
5	Tuyến số 5	m	22,00	
	Ống PVC D160	m	22,00	
	Giếng thăm	Cái	1	
6	Tuyến số 6	m	20,10	
	Ống PVC D160	m	20,10	
	Giếng thăm	Cái	1	
7	Tuyến số 7	m	44,10	Thoát nhà hiệu bộ +2A
	Ống PVC D90	m	44,10	
	Ống PVC D160	m	54,00	
	Chếch PVC D90	cái	9	
	Y PVC D160	Cái	5	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	5	
	Giếng thăm	Cái	2	
8	Tuyến số 8	m	61,00	Thoát nhà thư viện + căng tin
	Ống PVC D90	m	39	
	Ống PVC D160	m	22,50	
	Chếch PVC D90	cái	2	
	Giếng thăm	Cái	1	
9	Tuyến số 9	m	167,70	Thoát nhà 4A & 4B+ căng tin
	Ống PVC D160	m	91,70	
	Ống PVC D90	m	76,00	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	2	
	Y PVC D160	Cái	2	

	Chếch PVC D90	cái	17	
	Giếng thăm	cái	3	
10	Tuyến số 10	m	12,00	
	Ống PVC D200	m	12,00	
	Giếng thăm	cái	1	
11	Tuyến số 11	m	11,70	Thoát nhà 2B
	Ống PVC D160	m	11,70	
	Ống PVC D90	m	8,00	
	Y PVC D160	cái	1	
	Chếch PVC D160	cái	1	
	Chếch PVC D90	cái	2	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	2	
12	Tuyến số 12	m	21,00	Thoát nhà 2B
	Ống PVC D200	m	21,00	
	Y PVC D200	cái	1	
	Bạc thu PVC D200/160	Cái	1	
	Giếng thăm	cái	1	
13	Tuyến số 13	m	20,10	
	Ống PVC D160	m	20,10	
	Chếch PVC D160	cái	6	
14	Tuyến số 14	m	61,50	Thoát nhà nội trú
	Ống PVC D160	m	58,00	
	Ống PVC D90	m	3,50	
	Chếch PVC D90	cái	8	
	Y PVC D160	cái	6	
	Giếng thăm	cái	3	
15	Tuyến số 15	m	99,80	Thoát nhà nội trú
	Ống PVC D160	m	72,00	
	Ống PVC D90	m	27,80	
	Chếch PVC D90	cái	16	
	Bạc thu PVC D160/90	Cái	8	
	Y PVC D160	cái	8	
	Giếng thăm	cái	3	

16	Tuyến số 16	m	256,60	Thoát Hoàng Long + NOCN
	Ống PVC D160	m	256,60	
	Chếch PVC D160	cái	2	
	Giếng thăm	cái	2	
17	Tuyến số 17	m	48,30	
	Ống PVC D200	m	48,30	
	Y PVC D200	cái	1	
	Bạc thu PVC D200/160	Cái	2	
	Giếng thăm	cái	1	
18	Tuyến số 18	m	65,90	
	Ống PVC D160	m	65,90	
	Chếch PVC D160	cái	8	
	Tổng hợp		1.200,60	

1.3. Xử lý nước thải:

Chủ đầu tư đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 310m³/ngày.đêm để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cả hai khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty sẽ thu gom nước thải của các khu gồm:

- + Khu Trụ sở làm việc Khu sản xuất Hoàng Long với lưu lượng 83,6 m³/ngày.đêm
- + Khu Trường quốc tế Delta với lưu lượng với 101,2 m³/ngày.đêm.
- + Khu nhà ở Khu nhà ở công nhân Công ty Delta với lưu lượng 120m³/ngày.đêm.

Như vậy, tổng lưu lượng nước thải về Hệ thống xử lý nước thải tập trung là 302,3 m³/ngày.đêm. Như vậy Trạm xử lý nước thải tập trung của công ty đủ khả năng xử lý nước thải của cả 2 khu.

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi xả thải ra kênh Thái Vinh.

Công nghệ sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt là công nghệ Sử dụng công nghệ sinh học kết hợp hóa lý AO, hiệu quả xử lý đạt từ 90%.

Đơn vị thi công hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 310 m³/ngày đêm: Chi nhánh ĐT&XD Detal – Công ty CP DCTT Delta.

Đơn vị thiết kế: Công ty CP đầu tư và xây dựng Trần Anh

Đơn vị giám sát: Công ty Cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Việt Nam.

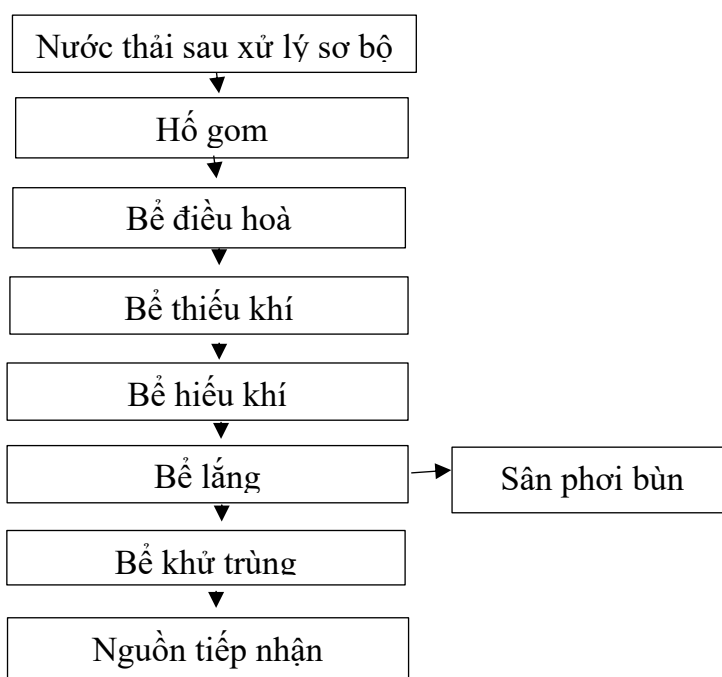
Thời gian nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải: 2/2025.

Chế độ vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Vận hành theo 2 chế độ, điều khiển bằng tay và chế độ điều khiển tự động.

Thời gian vận hành hệ thống xử lý liên tục 24 giờ. Nước thải phát sinh trong ngày làm việc được bơm về hệ thống bể gom và bể điều hòa. Nước thải từ bể điều hòa được bơm tự động vào hệ thống xử lý.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 310m³/ngày đêm được thể hiện sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:



Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh:

+ Nước thải từ bể phốt được chảy về hố gom, nước thải từ hố gom sẽ được bơm tự động về bể điều hoà nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ. Tại bể điều hoà sẽ được bố trí hệ thống sục khí để đảm bảo điều hoà nhanh nồng độ và các chất ô nhiễm và oxi hoá 1 phần các chất hữu cơ. Sau đó nước thải chảy sang bể thiếu khí Anoxic, tại bể thiếu khí dưới tác dụng của đĩa khí sẽ trộn các dòng nước liên tục để tạo ra môi trường thiếu oxi vì sinh vật thiếu khí phát triển mạnh mẽ nhằm mục đích khử 1 phần hàm lượng các chất nito (quá trình phản ứng nitrat hoá), photpho, nước từ bể thiếu khí sẽ chảy sang bể hiếu khí. Tại đây nước thải được cấp thêm không khí và bổ sung vi sinh vật có hoạt lực cao nhằm loại bỏ triệt để các chất hữu cơ gây ô nhiễm trong nước thải. Hệ thống phân phối khí cung cấp không khí cho vi sinh vật hoạt động (được đặt dưới đáy bể) nhờ các đĩa phân phối khí. Tại bể lắng, bùn sinh học được lắng xuống đáy bể, một phần bùn được tuần hoàn lại bể thiếu khí và hiếu khí. Để ổn định lượng bùn trong hệ thống xử lý, phần bùn dư được đưa về bể chứa

bùn. Nước thải ra khỏi bể lắng chảy sang bể khử trùng sẽ được châm hoá chất xử lý rồi chảy vào ống thoát nước của dự án.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt ngầm tại ô đất phía Nam khu trường liên cấp công suất 310 m³ để xử lý nước thải cho cả hai khu vực đạt QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT sau đó đầu nối vào kênh Thái Vinh tại K3+108 (toạ độ X=588934.2629 Y=2194445.3805). Vị trí bố trí được thể hiện trên bản vẽ đính kèm phụ lục.

+ Kết cấu hệ thống xử lý nước thải tập trung: Tường xây bằng gạch Tuynel dày 220 mm, VXM mác 150; đáy đổ BTCT mác 100, dày 220 mm; nắp BTCT mác 150 dày 200 mm. Kích thước bể dài x rộng= 16,0m x 8,0m.

Điểm xả thải ra môi trường: điểm đầu nối xả thải kênh Thái Vinh tại K3+108 (toạ độ X=588934.2629 Y=2194445.3805).

- *Hố gom*: Kích thước của ngăn theo thi công xây dựng là LxBxH = 5,0 x 3,05 x 4,5 (m).

- *Bể điều hoà*: Chức năng điều hoà lượng nước, với lưu lượng nước thải. Kích thước của ngăn theo thi công xây dựng là LxBxH = 9,0 x 4,2 x 4,5 (m) hoàn toàn phù hợp.

- *Bể thiếu khí*: Tại thiếu khí nước thải được khuấy trộn bằng thiết bị khuấy trộn chìm đặt dưới bể. tại đây nước thải chứa NO₃⁻ chuyển hóa thành N₂. Nước thải được xử lý trong 8h, v = 1,0 m/h là tốc độ chuyển động đi lên của dòng nước thải. Kích thước ngăn thiếu khí xây dựng là: LxBxH = 5,5 x 3,05 x 4,5 (m).

- *Bể hiếu khí*: Nước thải sau khi giảm nồng độ nitơ sẽ tràn qua bể sinh học hiếu khí. Bể này có chức năng loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong nước thải bằng phương pháp xử lý sinh học bùn hoạt tính giàu ô xy. Lượng oxy sẽ được cung cấp bằng máy thổi khí và được phân phối trong bể qua các đĩa sục khí bọt mịn. Thời gian lưu nước trong bể hiếu khí để bể làm việc hiệu quả nhất là lấy là 3h. Kích thước ngăn lọc kỵ khí là: LxBxH = 4,5 x 3,625 x 8,0 (m)

- *Bể lắng*: Kích thước xây dựng : LxBxH = 4,5 x 3,625 x 8,0 (m)

- *Bể khử trùng*: Thời gian lắng và thời gian tiếp xúc giữa dung dịch khử trùng và nước là 3 giờ. Kích thước xây dựng : LxBxH = 1,5 x 4,2 x 4,5 (m).

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước (m)			Thể tích xây dựng (m ³)	Kết cấu
			Rộng	Dài	Cao		
I	Hệ thống thu gom nước thải	HT		1.200,6			Ống nhựa HDPE
1	Nước thải sinh hoạt						

1.1	Bể tách dầu mỡ	1	2,5	2,5	2,0	12,5	BTCT & gạch chỉ không nung
1.2	Bể tự hoại 3 ngăn	19	-	-	-	610,7	BTCT & gạch chỉ không nung
2	Nước thải công nghiệp					24,6	
2.1	Ngăn chứa 1	1	2,18	2,265	1,45	7,2	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
2.2	Ngăn chứa 2	1	2,18	2,21	1,45	7,0	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
2.3	Ngăn lắng 1	1	2,18	1,625	1,45	5,1	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
2.4	Ngăn lắng 2	1	2,18	1,68	1,45	5,3	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
3	Nước thải công nghiệp xử lý khí thải lò hơi					20,4	
3.1	Ngăn lắng 1	1	2,215	2,14	1,55	7,3	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
3.2	Ngăn lắng 2	1	1,21	2,14	1,55	4,0	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
3.3	Ngăn lắng 3	1	1,21	2,14	1,55	4,0	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
3.4	Ngăn lắng 4	1	1,525	2,14	1,55	5,1	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
4	Bể gom khu nhà máy	1	4,0	5,0	3,5	70,0	BTCT & gạch chỉ không nung
5	Giếng thăm	26	1,34	1,34	-		

II	Hệ thống xử lý nước thải tập trung						
1	Hố gom	1	5,0	3,05	4,5	15,2	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
2	Bể điều hoà	1	9,0	4,2	4,5	37,8	
3	Bể thiếu khí	1	5,5	3,05	4,5	16,7	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
4	Bể hiếu khí	1	4,5	3,0625	8,0	16,3	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
5	Bể lắng	1	4,5	3,0625	8,0	16,3	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc
6	Bể khử trùng	1	1,5	4,2	4,5	6,3	Đáy bể bê tông mác M200, bê tông lót M100, tường xây gạch đặc

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở được xây dựng tại khu vực giáp ranh giới phía Nam khu trường mầm non. Hệ thống được xây dựng bằng BTCT Chủ cơ sở đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lắp đặt hệ thống điện và công tơ riêng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, trong đó ghi nhận đầy đủ, đúng các số liệu đo đạc bằng đồng hồ điện, đồng hồ xả thải, lượng hóa chất sử dụng và công suất đang hoạt động, chất lượng nước, các sự cố và biện pháp khắc phục,...

Thống kê vật tư hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Bảng 3.5. Thống kê vật tư hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐV	SỐ LƯỢNG
1	Ống PVC D110 C2	m	8.00
2	Ống lắng D1000 inox cao 7.0m	cái	1.00
3	Cút PVC D110	Cái	3.00
4	Tê PVC D110	Cái	1.00
5	Bịt đầu PVC D110	Cái	2.00
6	Ống PVC D60 C2	m	52.00
7	Ống PVC D48 C2	m	40.00

8	Cút PVC D60	Cái	2.00
9	Cút PVC D48	Cái	10.00
10	Tê PVC D90	Cái	2.00
11	Tê PVC D60	Cái	9.00
12	Tê PVC D60/48	Cái	8.00
13	Tê PVC ren trong D48/27 (48x3/4")	Cái	52.00
14	Bịt đầu PVC D90	Cái	4.00
15	Bịt đầu PVC D60	Cái	4.00
16	Van khóa PVC D60	Cái	9.00
17	Van 1 chiều PVC D60	Cái	6.00
18	Rắc co PVC D60	Cái	6.00
19	Côn thu PVC D60/48	Cái	10.00
20	Nối ren ngoài PVC D60x2"	Cái	4.00
21	Nối ren trong đồng PVC 48x1x1/2"	Cái	4.00
22	Ống lọc nước PVC D90	m	8.00
23	Cút PVC D90	Cái	4.00
24	Ống thép mạ kẽm DN80	m	4.00
25	Ống thép mạ kẽm DN65	m	8.00
26	Ống thép mạ kẽm DN50	m	4.00
27	Van cửa đồng DN80	Cái	2.00
28	Van 1 chiều DN80	Cái	2.00
29	Van cửa đồng DN50	Cái	4.00
30	Cút thép hàn DN80	Cái	2.00
31	Cút thép hàn DN65	Cái	1.00
32	Cút thép hàn DN50	Cái	2.00
33	Côn thép hàn DN80/65	Cái	2.00
34	Côn thép hàn DN65/50	Cái	2.00
35	Côn thép hàn DN65/40	Cái	1.00
36	Tê thép hàn DN65	Cái	1.00
37	Tê thép hàn DN65/50	Cái	2.00
38	Tê thép hàn DN65/40	Cái	4.00
39	Kép inox DN50	Cái	4.00
40	Kép inox DN40	Cái	4.00
41	Đai ôm ống thép DN65	Cái	5.00
42	Đai ôm ống thép DN50	Cái	4.00
43	Đai ôm ống PVC D60	Cái	11.00
44	Đai ôm ống PVC D48	Cái	35.00
45	Hộp inox D40x40x2	m	9.60

Bảng 3.6. Thống kê vật tư tủ điện hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐV	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đèn LED tuýp đơn 1,2m-18W(máng+bóng)	Cái	4	
2	Mặt 2 ổ cắm	Cái	1	
3	Mặt 2 lỗ	Cái	1	
4	Đế nổi đơn	Cái	1	
4	Dây XLPE/PVC/CU 3x10+1x6,0mm ²	m	80	
5	Dây XLPE/PVC/CU 3x4+1x2,5mm ²	m	20	
6	Dây PVC/CU 4x2,5mm ²	m	20	
7	Dây đơn (1x2,5)mm ²	m	135	Dây 2 màu khác nhau
8	Dây đơn (1x1,5)mm ²	m	25	Dây 2 màu khác nhau
9	Gen RG D20	m	20	
9	Gen RG D25	m	10	
10	Gen RG D50	m	8	

Bảng 3.7. Thống kê vật tư tủ điện hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐV	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Tủ bể xử lý nước thải			
1	MCB-3P-60A	Cái	1	
2	MCB-3P-50A	Cái	1	
3	MCB-1P-16A	Cái	1	
4	Cầu đấu dây 40	Cái	2	
5	Cầu đấu dây 15a-12 chân	Cái	2	
6	Relay thời gian tuần hoàn DH48 S-S	Cái	3	
7	Relay trung gian 8 chân loại 380V	Cái	5	Rơ le + đế
8	Relay bảo vệ chống mất pha	Cái	1	Selec 600VPR-310/520
9	Khởi động từ 60A	Cái	1	
10	Khởi động từ 9A	Cái	10	
11	Role nhiệt 3P-MT32	Cái	10	
12	Gen răng lược 20x30	Cây	3	
13	Vỏ tủ điện 600x800x200	Cái	1	
14	Đèn báo điện màu xanh fí 22	Cái	6	
15	Đèn báo điện màu vàng fí 22	Cái	7	
16	Đèn báo điện màu đỏ fí 22	Cái	1	
17	Công tắc xoay 3 vị trí fí 22	Cái	5	

18	Nút nhấn màu xanh fi 22	Cái	5	
19	Nút nhấn màu đỏ fi 22	Cái	5	
20	Nút nhấn khẩn cấp	Cái	1	
21	Bảng ghi tên tủ điện fi 22	Bộ	50	Đế + nắp mica trong
22	Đầu cos chữ y SV 2-5	Cái	200	
23	Dây rút nhựa 100x3 mm	Túi	1	1 túi = 1000 cái

Ngoài ra, hệ thống xử lý nước thải tập trung còn sử dụng các thiết bị phụ trợ và các hóa chất, chế phẩm sinh học như sau:

Bảng 3.8: Danh mục thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ
1	BỂ thu gom nước thải + tách rác			
-	Song chắn rác	02 cái	- Vật liệu chế tạo: inox 304 - KT: 1500 x 1110mm	
2	BỂ điều hòa			
-	Bơm nước thải	02 cái	- Bơm chìm - Q = 45 m ³ /h - H = 9,3m	Italia
3	BỂ thiếu khí			
-	Máy khuấy chìm	02	- Công suất: 2,6 kw - Tốc độ: 1450 vòng/phút	Đài Loan
-	Giá thể sinh học di động	08	- Vật liệu: PE - Diện tích bề mặt 500-700 m ² /m ³	Việt Nam
4	BỂ hiếu khí			
-	Đĩa phân phối khí	56 bộ	Lưu lượng khí tại điều kiện làm việc tiêu chuẩn: 5-12 m ³ /phút	Đức
-	Giá thể sinh học di động	08	- Vật liệu: PE - Diện tích bề mặt 500-700 m ² /m ³	Việt Nam
5	BỂ lắng			
-	Bơm nước thải	02 cái	- Bơm chìm - Q = 45 m ³ /h - H = 9,3m - P = 1,37KW	Italia
-	Hệ thống tấm lắng lamén và ống lắng	01 hệ thống	-	-
6	BỂ khử trùng			
-	Hộp chứa Clorine	01 cái	-	Việt Nam

- Danh mục hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung được thống kê như sau:

Bảng 3.9: Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hóa chất	Công đoạn sử dụng	Khối lượng sử dụng (m ³)
-----	----------	-------------------	--------------------------------------

1	Hóa chất Clorine	Sử dụng để khử trùng tại bể khử trùng	0,2 kg/ngày
---	------------------	---------------------------------------	-------------

Ngoài ra, công ty cũng sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

- Tránh không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

- Định kỳ hút cặn trong bể để không xảy ra ứ đọng nhiều gây tràn bể phốt.

- Bùn thải tại bể chứa bùn được vận chuyển đi xử lý.

- Nhu cầu sử dụng điện năng:

+ Định mức tiêu hao điện năng: 180KVh/ ngày.

+ Chế độ vận hành: vận hành 24h/ngày, 365 ngày/năm. Thiết bị máy móc vận hành trong trạm XLNT chạy theo chế độ tự động.

+ Chi phí nhân công vận hành hệ thống: Vận hành hệ thống cần tối thiểu 02 nhân công, với mức lương bình quân 300.000 đồng/người/ngày.

Chi phí nhân công là: 1 người x 300.000 đồng/người/ngày = 300.000 đồng/ngày.

+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng: khoảng 100.000.000 đồng/năm ~ 280.000 đồng/ngày.

*** Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:**

- *Hồ thu gom*: Kiểm tra, vớt loại bỏ rác trong song chắn rác. Định kỳ hàng năm hút loại bỏ cặn bã lắng dưới đáy bể.

- *Bể điều hòa*:

+ *Bước 1*: Kiểm tra hiện trạng các bơm (*Bơm hoạt động ổn định khi: hiệu điện thế ~ 380-420 V; dòng định mức ~ 3,5 A – 3,9A*).

+ *Bước 2*: Kiểm tra và làm sạch bơm (*Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm*).

+ *Bước 3*. Kiểm tra hoạt động của các phao mức.

- *Bể hiếu khí*:

+ *Hệ thống khí*:

Bước 1: Kiểm tra nồng độ DO trong bể Hiếu Khí.

Bước 2: Kiểm tra kích thước các bóng khí nổi lên mặt nước (*Kích thước bóng khí < 5cm*).

Bước 3: Điều chỉnh lượng khí cấp vào bể Hiếu Khí (nếu cần) để DO > 3mg/ lít và khuấy trộn hoàn toàn trong bể Hiếu Khí.

+ *Máy thổi khí*:

Bước 1: Kiểm tra nồng độ DO trong bể Hiếu Khí.

Bước 2: Kiểm tra kích thước các bóng khí nổi lên mặt nước (Kích thước bóng khí < 5cm).

Bước 3: Điều chỉnh lượng khí cấp vào bể Hiếu Khí (nếu cần) để DO > 3mg/ lít và khuấy trộn hoàn toàn trong bể Hiếu Khí.

+ Giá thể vi sinh:

Bước 1: kiểm tra lượng vi sinh dính bám trên vật liệu (Nếu thấy có lớp vi sinh mỏng, nhớt, màu nâu đất bám trên vật liệu là bình thường, Thường hàng quý kiểm tra hoặc khi chất lượng nước biến động)

Bước 2: Nuôi cấy thêm hoặc bổ sung vi sinh nếu vi sinh yếu hoặc không có

- *Bể lắng:*

Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Bơm hoạt động ổn định khi: hiệu điện thế ~ 380-420 V; dòng định mức ~ 1,6 A – 2A).

Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm).

Bước 3. Kiểm tra hoạt động của Timer điều khiển bơm (Reset Timer nếu cần thiết).

- *Bể khử trùng: Kiểm tra và pha hóa chất định kì hàng ngày.*

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

a. Xử lý khí thải lò đốt cấp nhiệt cho lò hơi:

Chủ đầu tư đã đầu tư lắp đặt 01 lò đốt mùn cưa cấp nhiệt cho lò hơi công suất 6000 kg hơi/giờ để phục vụ sản xuất.

- Đơn vị thiết kế, cung cấp lò đốt than cấp nhiệt cho lò hơi là Công ty CP nồi hơi Việt Nam.

- Thời gian xây dựng, lắp đặt thiết bị: năm 2015

- Chứng nhận và lý lịch lò hơi được đính kèm phụ lục báo cáo.

- Chất lượng khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Lò hơi sử dụng nước tuần hoàn tự nhiên. Thông số cơ bản nồi hơi:

+ Model: SZL6-1.25-T

+ Hộp điều tốc ghi lô GL -10P

+ Thân nồi hơi 6 tấn 42T

+ Quạt thổi G6-41-11 No.7.1A lưu lượng 10.354 m³/h.

+ Bộ hâm nước TSL1506.8

+ Bộ lọc bụi đa ống XTD-6

+ Quạt hút khói Y6-47 NO 9C lưu lượng 30.000 m³/h

+ Bộ lọc bụi màng đá hoa cương 7.0T

+ Ống khói có đường kính ngoài Φ 650mm, H =20m;

+ Bể chứa nước tinh khiết 5 m³; bể chứa nước mềm 5 m³;

+ Ống dẫn khói: thép Q235B, đường kính ngoài Φ 650 – 900 mm, dày 4mm.

+ Hệ thống xả đáy lò hơi: 6 bộ: ống đúc DN40x3,5mm x 5m

- Nhiên liệu được đưa vào buồng đốt và cháy trên mặt ghi. Tùy theo yêu cầu của người sử dụng, nhiên liệu được đưa vào bằng phương pháp thủ công hoặc máy hút than.

- Nguyên lý chung:

Nhiệt lượng toả ra trong buồng đốt được truyền bằng bức xạ cho các dàn ống vách của buồng đốt. Tiếp đó dòng sản phẩm cháy đi vào buồng cháy kiệt được ngăn cách với buồng đốt bằng tường ngăn. Tại đây phần nhiên liệu chưa cháy hết (nếu có) được cháy kiệt và sản phẩm cháy truyền nhiệt cho các dàn ống vách của buồng cháy kiệt. Sau đó khói nóng đi vào các chùm ống đối lưu 1 và 2 được ngăn cách nhau bởi vách ngăn phân luồng, thực hiện quá trình trao đổi nhiệt đối lưu cho chùm ống và thoát ra khỏi lò qua cửa thoát khói bố trí ở phía sau lò. Sau đó khói được dẫn qua hệ thống xử lý khí, bụi và được quạt hút đưa ra ngoài qua ống khói. Khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Lưu lượng khí phát sinh tối đa là 30.000 m³/h.

Bảng 3.10. Đặc tính kỹ thuật lò hơi

STT	Đặc tính	Ký hiệu	Đơn vị tính	Loại lò hơi
1	Năng suất sinh hơi định mức	D	Kg/h	6000
2	Áp suất làm việc tối đa	P _{lvmax}	Kg/cm ²	10
3	Nhiệt độ hơi bão hòa	t _{hbh}	°C	183
4	Nhiệt độ nước cấp	t _{nc}	°C	25
5	Tổng diện tích tiếp nhiệt	F _{tn}	m ²	132,5
6	Thể tích chứa hơi	V _h	m ³	1,2
7	Thể tích chứa nước	V _n	m ³	6,2
8	Hiệu suất lò hơi	H	%	74
10	Kích thước lò	DxRxH	mxmxm	6,3x2,74x3,4

*** Quy trình vận hành lò hơi:**

Khởi động lò nhóm lò:

- Trước tiên mở nguồn nước vào betori rửa bụi trên bề mặt khử bụi ướt và mở bơm cấp

nước lên thiết bị hấp phụ, kiểm tra bề hòa xút cho nhỏ rọt vào bể để trung hòa nước thải.

Dùng xẻng rải một lớp xỉ than lên toàn bộ mặt ghi với độ dày 20-:-30 mm (tránh cho lửa than tiếp xúc trực tiếp với mặt ghi)

- Tạo một vùng than để nhón ở góc ngoài lò, cho củi khô để nhóm, dùng giỏ khô môi lửa đưa vào buồng đốt. Khi củi đã cháy toàn diện và than nhóm trong lò đã cháy bén lửa dung trang lò san dần than cháy ra toàn lò sau khi mặt ghi được phủ một lớp than nóng thì cho tiếp một lớp than mỏng lên trên. Khi lớp than đã bén lửa thì đóng cửa cho than lại. Thời gian nhóm lò được thực hiện từ từ và kéo dài khoảng 50 phút để nhiên liệu bén lửa dần.

- Khi nhiên liệu trên ghi đã cháy tốt, cấp nhiên liệu thêm nhiên liệu vào lò bằng xẻng, trang than đều trên mặt ghi.

- Lưu ý trong quá trình vận hành lò hơi việc đánh lò và cấp than cho lò đều phải duy trì một biên lớp xỉ trên mặt ghi là : 10 -:- 20mm vì lý do lò được điều khiển cháy tự động PLC dung tần điều khiển quạt hút và quạt đẩy, than cháy tốt nhiệt độ vùng chảy có thể lên đến trên 1000C lúc này có thể cho thêm giỏ vụn đốt cung. Nếu thời gian ngừng cấp hơi có kế hoạch trước lưu ý tính toán độ than cần thiết đến khi dừng cấp hơi lò chảy ở chế độ thấp nhất, hạn chế dùng quạt đẩy.

- Nâng áp suất của lò lên áp suất làm việc và kim áp kế sẽ vượt quá vạch đỏ một chút.

- Công việc khởi động đốt lò được kết thúc khi đã đưa áp suất của lò lên áp suất giới hạn và kiểm tra xong sự hoạt động của lò.

Cấp hơi: Khi cấp hơi mở từ từ van hơi chính để một lượng hơi nhỏ làm nóng đường ống dẫn hơi và xả hết nước đọng trên đường ống dẫn hơi trong khoảng thời gian 5 - 10 phút. Trong thời gian đó quan sát hiện tượng dẫn nở ống và giá đỡ ống. Nếu thấy bình thường thì mở hết cỡ van hơi chính để cấp hơi đi. Việc mở van phải từ từ, khi mở hết cỡ thì xoay ngược lại nửa vòng vô lăng van hơi lại.

Cấp nước: Trong thời gian vận hành lò phải giữ mức nước trung bình trong lò bằng phương thức bơm tự động, không nên cho lò hoạt động lâu ở mức thấp nhất và cao nhất của ống thủy. Thuyết đối không cấp nước khi lò có sự cố cạn nước, phải để lò nguội mới cấp nước trở lại.

Xả bẩn: Việc xả bẩn định kỳ cho lò hơi được thực hiện nhờ van xả ở thân lò. ít nhất 1 ca phải xả bẩn 1 lần, mỗi lần 2 + 3 hồi, mỗi hồi từ 5 - 10 giây. Trước khi xả bẩn nên nâng mức nước trong lò lên trên mức nước trung bình khoảng 10 : 15 mm của ống thủy sáng là vừa.

- Ống thủy phải được thông rửa ít nhất 1 lần trong 1 ca, ống xi phông của áp kế thông rửa 1 lần trong 1 ca. Van an toàn được kiểm tra 1 lần trong 1 ca.

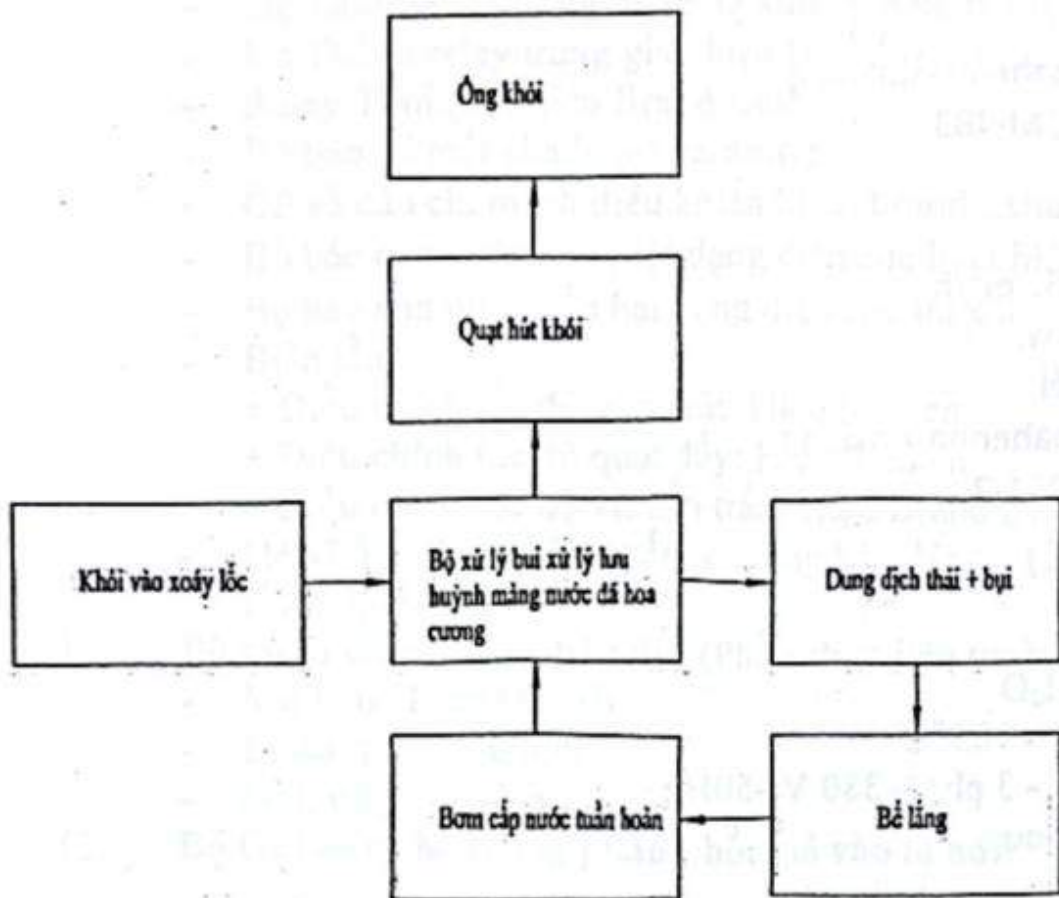
- Kiểm tra xả bẩn trong thiết bị lọc bụi khô mỗi ca một lần, kiểm tra xả bẩn ở bể lọc bụi ướt 02 ngày một lần và thường xuyên kiểm tra hệ bơm nước và nước cấp bảo bề qua bentori.

Ngừng lò:

Thực hiện theo trình tự sau:

- Ngừng hoạt động của quạt, cào than ra khỏi lò, đóng cửa gió
- Đóng van cấp hơi và xả hơi ra ngoài khí quyển bằng cách mở van xả le hoặc kênh van an toàn để giảm dần áp suất của lò xuống.
- Cấp nước vào lò để nâng mức nước trong lò đến vạch cao nhất của ống thủy.
- Để lò nguội từ từ có sự giám sát thường xuyên của người vận hành lò hơi.

Xử lý khí thải lò hơi:



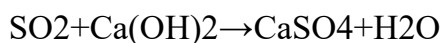
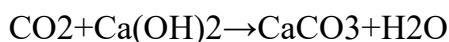
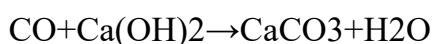
Sơ đồ 3.5. Sơ đồ xử lý khí thải hệ thống lò hơi

Thuyết minh:

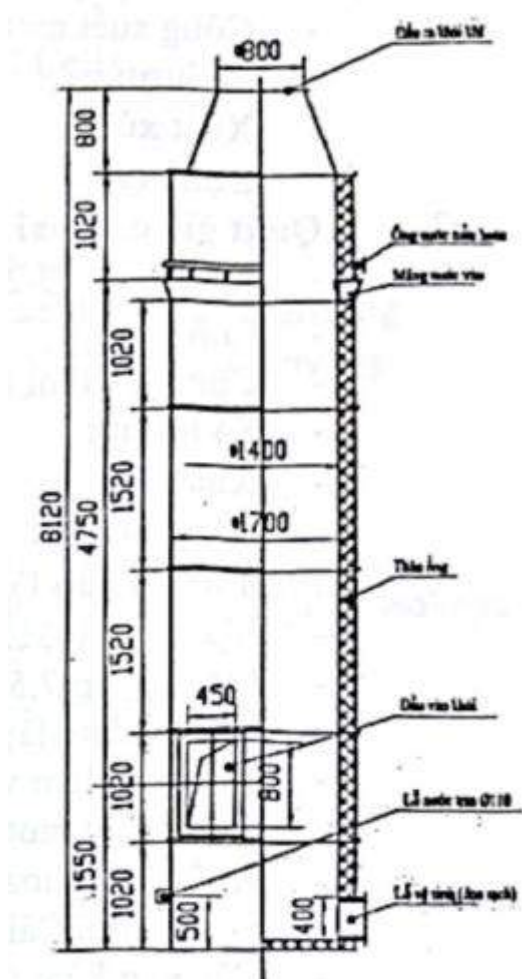
Khói lò sau khi đi vào quạt hút ra ống khói, bộ lọc lắp đặt để xử lý hấp thụ SO_2 , CO_2 và khói bụi. Khói được đi vào từ phía dưới lên tháp xử lý theo hướng tiếp tuyến tháp tạo thành xoáy lọc đi lên. Nước vôi (hoặc soda) được phun thành tia và chảy tràn ở máng chảy tràn quanh tháp (mặt trong của tháp được ốp một lớp đá hoa cương có tác dụng tăng diện tích tiếp xúc khói lò với chất hấp thụ và các bụi bám vào thành nhám của đá). Máng chảy tràn luôn tạo thành dòng chảy vách tháp, hấp thụ tối đa các chất thải độc hại từ khói lò. Sau

khí qua xử lý theo kiểu phun thành tia và máng chảy tràn, khói lò đi ra quạt hút và ống khói.

Dung dịch sau khi hấp thụ các chất độc hại theo phản ứng:



Dung dịch này được chảy tràn theo rãnh ở đáy tháp về hệ thống bể lắng, sau đó tiếp tục được bơm nước tuần hoàn cấp lại vị trí máng cấp và phun tia.



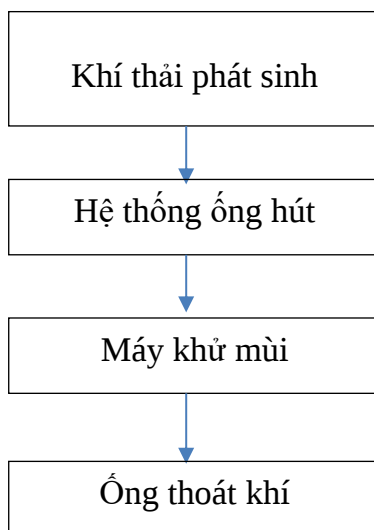
Hình 3.6. Hệ thống xử lý khí thải thải tại khu nhà máy

b Xử lý khí thải khu vực in, dán keo

Do khu vực bồi dán và in bản sử dụng các loại hóa chất, dung môi và mực in đảm bảo tiêu chuẩn (tức là ít gây nguy hại cho người sản xuất và người sử dụng) nên trong xưởng chỉ phát sinh mùi không độc hại. Mùi và khí thải từ các công đoạn bồi dán (sử dụng latex), in bản,... được nhà máy giảm thiểu bằng cách bố trí nhà xưởng thông thoáng, bố trí thiết bị chụp hút khu vực in, dán keo, trong toàn bộ khu xưởng bố trí quạt thông gió và hệ thống hút đưa lên trần nhà và thực hiện thoát ra ngoài và đưa khí sạch vào xưởng.

Hệ thống hút mùi cho khu vực in xoa và dán keo cần đảm bảo hiệu quả cao để giảm

thieu hơi dung môi hữu cơ và hóa chất bay hơi trong quá trình sản xuất. Tại khu nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2, lắp đặt tại mỗi khu 01 hệ thống xử lý khí thải như sau:



Sơ đồ 3.6. Hệ thống xử lý khí thải nhà máy

Thuyết minh:

Khí thải phát sinh từ các công đoạn in, phun keo dán để chứa các thông số hữu cơ như Methyl Ethyl Ketone, Ethyl acetate

Dùng các hộp thu gom phía trên, cách khu vực bàn in xoa, phun keo của 0,5m, đưa khí thải vào trong hệ thống ống hút khí nhờ quạt hút ly tâm với công suất 1.200 m³/h, khí thải sẽ được đưa qua máy khử mùi bằng tia UV và các cục lọc than hoạt tính. Máy khử mùi có chức năng hấp thụ và giữ lại hơi dung môi, khí sạch không chứa hơi dung môi, đạt QCVN20:2019/BTMT cột B sẽ thoát ra ngoài theo ống thoát khí có chiều cao 10m.



Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực in, dán keo

Quy trình vận hành hệ thống:

- Khi hệ thống khởi động, quạt hút sẽ tạo áp suất âm, kéo không khí chứa hơi dung môi và bụi keo vào chụp hút.

- Không khí ô nhiễm đi qua hệ thống máy khử mùi bằng than hoạt tính để loại bỏ hóa chất bay hơi.

- Sau khi lọc, khí sạch được thải ra ngoài qua ống xả.

Hệ thống có thể tích hợp cảm biến đo nồng độ VOC (hợp chất hữu cơ bay hơi) để điều chỉnh công suất quạt hút.

Bảng 3.11. Thông số thiết kế bộ lọc than hoạt tính

Thông số	Giá trị
Diện tích bề mặt lọc than	20 - 30 m ²
Độ dày lớp than	20 - 50 cm
Hiệu suất khử mùi	85 - 95%
Tuổi thọ than	6 - 12 tháng (tùy mức độ ô nhiễm)

c. Biện pháp xử lý khí thải tại khu vực mài

Khu vực mài tại xưởng sản xuất giày của xưởng 1 sẽ phát sinh bụi trong quá trình mài ảnh hưởng đến người lao động. Để giảm thiểu bụi phát sinh tại khu vực mài để, Công ty đã trang bị tại mỗi vị trí máy mài sẽ tích hợp thiết bị lọc bụi túi vải vào buồng thu bụi tại khu vực mài để thu gom toàn bộ bụi phát sinh. Định kỳ 1 lần/ngày công nhân sẽ thu bụi phát sinh về khu vực chứa CTCN.



Hình 3.8. Máy thu bụi tại khu vực mài để

d. Biện pháp cải thiện điều kiện vi khí hậu trong khu vực dự án

- Nhà xưởng được xây dựng cao, thoáng, thông gió tự nhiên, triệt để lợi dụng hướng gió chủ đạo để bố trí hướng nhà hợp lý, tăng cường diện tích cửa mái, cửa chớp và cửa sổ.

- Bố trí quạt thổi mát cục bộ cho những nơi phát sinh nhiều nhiệt như khu vực tập trung nhiều máy móc và nơi công nhân làm việc tập trung.

- Trang bị hệ thống điều hòa trung tâm, tháp giải nhiệt, quạt thông gió trong các nhà xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc lý tưởng theo tiêu chuẩn Châu Âu.

- Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh và ao sinh thái theo đúng quy hoạch và tạo diện tích đất trống để cải thiện môi trường không khí trong khu vực.

- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ từ mặt đường vào mùa khô. Các khu nhà vệ sinh công cộng sẽ luôn được dọn dẹp, phun thuốc diệt muỗi, khử mùi hàng ngày. Rác sẽ được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Rác thải được đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

e. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu mùi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, CTR và các biện pháp khác.

- Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố gas có nắp đậy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý, nạo vét hố gas, mương rãnh được thu gom và Hợp đồng thu gom và chuyển xử lý chất thải sinh hoạt.

- Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế thoáng, rộng, khu vực thiết bị có mái che. Vị trí cây dựng lắp đặt cách biệt khu vực văn phòng và nhà xưởng công nhân, khoảng cách đến khu làm việc gần nhất khoảng 35m.

- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống định kỳ đảm bảo hệ thống hoạt động tốt nhất.

- Khu vực nhà ăn được thiết kế thông thoáng, tận dụng tối đa ánh sáng và gió tự nhiên. Bố trí cách xa khu vực làm việc.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ. Trong quá trình dọn dẹp vệ sinh, nếu thời tiết khô hanh, phát sinh nhiều bụi thì trong quá trình quét dọn phải phun tưới nước tạo độ ẩm để giảm bụi.

- Trồng và chăm sóc cây xanh hai bên hành lang đường nội bộ. Ngoài ra, hai bên vỉa hè nội bộ đặc biệt là khu vực từ cửa ra vào đến các nhà xe, nhà văn phòng được bố trí thêm các chậu hoa, cây cảnh tạo cảnh quan đẹp và không khí trong lành.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực xử lý nước thải tập trung để giảm phát tán mùi từ khu vực đến khu làm việc của cán bộ nhân viên.

- Thu gom và xử lý hàng ngày CTR sinh hoạt về bãi tập kết đúng quy định.

- Các thiết bị, máy móc phục vụ công tác sản xuất, vận chuyển như xe ô tô các loại được bảo dưỡng định kỳ theo quy định; đảm bảo tiếng ồn theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- Để giảm thiểu nhiệt phát sinh do quá trình hoạt động của máy móc và của công nhân làm việc trong xưởng, nhà máy trang bị cho các nhà xưởng hệ thống điều hòa trung tâm, quạt thông gió và tháp giải nhiệt. Biện pháp giảm thiểu của nhà máy có hiệu quả tốt, nhiệt độ trong xưởng làm việc đảm bảo giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT, đảm bảo môi trường làm việc thoải mái cho công nhân.

- Vệ sinh sân đường nội bộ sạch sẽ hạn chế bụi phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, ký thỏa thuận với Trung tâm y tế dự phòng huyện Hoàng Hóa để phun thuốc xua và diệt côn trùng như ruồi, muỗi,...

- Nhà máy cũng đã hợp đồng với các đơn vị có chức năng đo đạc, lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường không khí theo chương trình giám sát chất lượng môi trường.

- Khí thải trong khu vực xưởng sản xuất phải đạt theo QCVN 03:2019/BYT (GHTX): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc); QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bảng 3.12: Tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường không khí

TT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Hệ thống tháp giải nhiệt	03 tháp
2	Hệ thống điều hòa trung tâm	02 hệ thống
3	Chụp hút khí thải	40 cái
4	Quạt hút gắn tường	156 cái
5	Hệ thống xử lý khí thải và ống thoát khí khu vực in + dán keo (nhà xưởng 1)	01 hệ thống
6	Hệ thống xử lý khí thải và ống khói lò hơi	01 hệ thống

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải Khu trường liên cấp

- Giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu vực dự án

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu sân đường nội bộ trong phạm vi của dự án.

+ Phun, tưới nước các tuyến đường nội bộ hàng ngày nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Bố trí 1.498 m² cây xanh, cây cảnh trong khuôn viên cây xanh theo quy hoạch để cải thiện môi trường và tăng vẻ đẹp, trong đó bố trí trồng cây có tán rộng là 50 cây. Cây xanh được trồng là các loại cây ít rụng lá, dễ chăm sóc. Bố trí các cây to như cây cọ dầu,

cây hồng lộc, bàng đài loan,...phân theo từng khu, ở dưới chân được che phủ nền bằng cây cỏ lá lạc cho hoa quanh năm, tạo độ ẩm cho đất, tăng mỹ quan cho khuôn viên. bố trí công nhân chăm sóc cây xanh, vườn cây công cộng để đảm bảo diện tích cây xanh đúng tỷ lệ quy hoạch.

- + Hàng ngày bơm nước giảm bụi, quét dọn vệ sinh sân đường.
- *Giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động của trường học*
- + Thường xuyên phun hóa chất khử mùi tại các nơi tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom rác thải, tránh ô nhiễm môi trường không khí xung quanh.
- + Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường, công rãnh, rác thải sinh hoạt hạn chế khả năng phân hủy hữu cơ phát sinh các khí thải có mùi gây ô nhiễm môi trường.
- + Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt;
- + Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí, mùi đối với hoạt động nấu ăn*
- + Đối với khu vực nhà bếp được trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.
- + Lắp đặt hệ thống quạt có hệ thống khử mùi, đồng thời sử dụng biện pháp thông thoáng tự nhiên để hạn chế ảnh hưởng của mùi tại các phòng ăn.
- + Thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi sử dụng bằng nước rửa có mùi hương.
- + Vệ sinh, dọn dẹp thường xuyên khu vực bếp nấu, khu bàn ăn.
- + Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện...

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

Theo thông kê tại nhà máy đang hoạt động và căn cứ công suất cơ sở, chất thải sản xuất phát sinh trung bình trong tại nhà máy gồm:

Bảng 3.13. Tổng hợp khối lượng CTR thông thường phát sinh của Nhà máy

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	872,5	261.750
2	Chất thải rắn sản xuất		

-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất giấy</i>	146,99	44097,3
-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất bóng</i>	201,41	60422,13
	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất thùng carton</i>	2.541,42	762425,79
	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất dây kéo khoá</i>	224,20	67259
-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ dụng cụ bảo hộ hỏng, rách không sử dụng được</i>	30	9000
-	<i>Chất thải rắn sinh ra trong quá trình vận hành lò hơi là tro thải</i>	201,6	60480
	TỔNG	4.218,11	1.265.434,22

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế khoảng 303 kg/ngày, phát sinh chủ yếu tại khu vực nhà ăn, nhà văn phòng, nhà vệ sinh được thu gom xử lý như sau:

- Tại nhà ăn trang bị 51 thùng đựng rác loại 5 lít tại mỗi bàn ăn, trong khu vực nhà ăn trang bị 02 thùng rác loại 100 lít.

- Tại khu vực bếp bố trí 3 thùng 200 lít đựng thức ăn thừa, thực phẩm và bán cho các hộ dân làm thức ăn chăn nuôi.

- Tại khu vực văn phòng bố trí 20 thùng đựng rác 20 lít để chứa chất thải rắn phát sinh. Hàng ngày cuối ca làm việc nhân viên vệ sinh thu gom phân loại và bỏ vào 3 thùng chứa chất thải 100 lít tại khu vực nhà văn phòng và chuyển về xe thu gom rác đầy tay của nhà máy.

- Tại khu vực nhà vệ sinh bố trí 8 thùng đựng rác 20 lít để chứa chất thải rắn phát sinh. Hàng ngày cuối ca làm việc nhân viên vệ sinh thu gom phân loại và bỏ vào 3 thùng chứa chất thải 100 lít tại khu vực nhà văn phòng và chuyển về xe thu gom rác đầy tay 0,5m³ của nhà máy.

- Yêu cầu công nhân thực hiện phân loại rác tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa quy định để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khoẻ cộng đồng. Tham gia các hoạt động

vệ sinh môi trường tại khu vực sản xuất và khu vực cơ sở. Cử cán bộ lao động hàng ngày quét dọn sân đường, vệ sinh khu vực công cộng, khu vực cây xanh và thu gom rác thải về nơi tập kết rác thải với diện tích 30m² phía Nam cơ sở gần cổng C3.

- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng môi trường Hoàng Anh vận chuyển và xử lý rác thải mỗi ngày 1 lần từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần.



Hình 3.9. Kho chứa chất thải sinh hoạt

b. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sản xuất

Lượng chất thải sản xuất phát sinh là được thu gom xử lý như sau:

- Xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp diện tích 100 m². Nền kho chứa được đổ bê tông, láng vữa xi măng. Tường xây gạch không nung trát vữa xi măng, cao. Mái tôn lạnh dày 0,45mm. Cửa ra vào thép sơn tĩnh điện.

Các loại CTR như:

+ Chất thải rắn phát sinh từ xưởng sản xuất bóng bao gồm: vải vụn, chỉ khâu, kim khâu, da nhận tạo,... khoảng 60,42 tấn/năm, tương đương 201,41 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát sinh từ xưởng sản xuất thùng carton bao gồm: Các phế liệu giấy từ quá trình cắt, những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, ghim đóng thùng,... khoảng 762,43 tấn/năm tương đương 2.541,42 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát sinh từ xưởng sản xuất dây khóa kéo bao gồm: những sản phẩm bị lỗi, cước, đầu khóa, chui khóa,... khoảng 67,26 tấn/năm tương đương 224,2 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát sinh từ sản xuất giày bao gồm: vãi thừa và xốp để thừa khoảng 44,1 tấn/năm tương đương 147 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát sinh từ dụng cụ bảo hộ hỏng, rách không sử dụng khoảng 30 kg/ngày.

+ Chất thải là tro xỉ từ lò đốt hàng ngày thải ra khoảng 201,6 kg/ngày.

- Phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh là các nhà xưởng. Chất thải được phân thành 3 loại chính gồm:

+ Chất thải là vãi vụn, chỉ thừa: được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các bao chứa, vận chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy sau đó thuê đơn vị vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải là giấy, bìa carton: được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các bao chứa, vận chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy và bán phế liệu.

+ Chất thải là kim loại (kim khâu gậy, phụ kiện kim loại,...): được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các hộp bằng sắt và lưu chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy sau đó được vận chuyển theo hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải là tro xỉ từ lò đốt hàng ngày thải ra được tập kết tại bãi chứa có mái che dện tích bãi chứa khoảng 20 m² tại khu nhà lò hơi. Hàng ngày sau khi đổ tro xỉ, công nhân vận hành lò hơi tưới ẩm tro xỉ trong bể không để gió bốc bay, phát tán vào không khí. Nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý khi có nhu cầu theo đúng quy định.

- *Đối với chất thải rắn từ các hoạt động vệ sinh môi trường:*

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố gas, hệ thống xử lý nước thải, bùn từ hệ thống xử lý nước ngầm, bùn từ hệ thống xử lý khí thải, công ty hợp đồng với Công ty CP Môi trường tại Hoàng Hóa để nạo hút khi có nhu cầu vận chuyển xử lý.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động quét dọn vệ sinh khuôn viên nhà máy (với khối lượng khoảng 5 kg/ngày) được thu gom vào các thùng thu gom Composite 240 lít, đặt tại khu tập kết rác thải với diện tích 63m², sau đó ký hợp đồng với Công ty CP Môi trường tại Hoàng Hóa vận chuyển đi xử lý.

+ Bùn thải từ bể tự hoại được chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng hút bằng các xe chuyên dụng nhằm tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và tăng hiệu quả xử lý nước thải của bể tự hoại, định kỳ (06 tháng/lần).

- Đối với chất thải rắn sản xuất, công ty hợp đồng với công ty Công ty TNHH môi trường đô thị Trục Ninh để xử lý 2 lần/tháng theo hợp đồng số 0109/2024/HĐKT/DT-ĐTTN ngày 01/9/2024 để xử lý theo đúng quy định.



Hình 3.10. Khu vực chứa rác thải công nghiệp

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường Khu trường liên cấp

Đối với CTR sinh hoạt Theo QCVN 01:2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng, định mức chất thải rắn là 0,5 kg/người.ngày.đêm đối với cán bộ giáo viên nhà trường và học sinh, khi đó tổng khối lượng rác thải sinh hoạt của toàn khu vực là:

$Q = 0,5 \times (50 + 1.645) = 872,5 \text{ kg/ngày.đêm}$. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: Đồ ăn thừa, giấy các loại, vỏ hộp, đồ chứa hàng hóa, dây buộc...

Căn cứ công suất cơ sở, chất thải phát sinh trung bình trong tại trường học gồm:

Bảng 3.14. Tổng hợp khối lượng CTR thông thường phát sinh của trường học

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	872,5	261.750
	TỔNG	872,5	261.750,00

Để giảm thiểu tác động tiêu cực do CTR sinh hoạt gây ra, Cần thực hiện các giải pháp sau:

- Yêu cầu cán bộ giáo viên nhà trường không vứt rác bừa bãi, rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, mỗi loại bỏ vào các thùng có màu sắc khác nhau.
- Tại hành lang mỗi tầng của khu lớp học bố trí 01 thùng rác phân loại 3 ngăn loại 750mm x 400mm x 900mm có nắp đậy để phân loại rác thải tại nguồn, tổng thùng đựng rác 3 ngăn là 09 thùng.
- Bố trí 01 thùng rác phân loại 3 ngăn loại 750mm x 400mm x 900mm có nắp đậy để phân loại rác thải tại nguồn đặt tại các khu nhà hành chính và phục vụ lớp học, nhà điều hành, nhà nghỉ ca, khu bể bơi. Tổng thùng đựng rác 3 ngăn là 04 thùng
- Bố trí 06 thùng đựng rác phân loại 3 ngăn ngoài trời loại 1220 x 480 x 900 mm, có nắp đậy tại sân đường nội bộ;
- Bố trí 01 thùng rác loại 500 lit/thùng tại nhà bếp ăn, khu căng tin đựng thực phẩm. Tổng số thùng loại 500lit là 03 thùng.
- Bố trí 02 thùng rác loại 200 lit/thùng đựng CTR tái chế và CTR khác tại nhà bếp ăn, khu căng tin. Tổng số thùng loại 200lit là 06 thùng.
- Bố trí 04 xe đẩy rác thể tích 1m³ thường xuyên vệ sinh, quét dọn các tuyến đường, khu vực công cộng trong trường; đồng thời tiến hành thu gom rác thải từ các lớp học sau cuối mỗi ngày học đến nơi tập kết chung của toàn khu.
- Thùng thu gom rác tại dự án được thau rửa hàng ngày. Rác thải sau cuối ngày được tập kết về bãi tập kết phía Tây của dự án, được phun chế phẩm vi sinh EM trực tiếp để hạn chế mùi hôi và diệt côn trùng.
- Định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị chức năng nạo hút bùn cặn các công trình xử lý nước thải.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển CTR sinh hoạt tại địa phương là Công ty TNHH Xây dựng môi trường Hoàng Anh vận chuyển xử lý mỗi ngày 1 lần từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Căn cứ quy mô sản xuất của dự án và số liệu thống kê chất thải nguy hại tại công ty, lượng chất thải nguy hại của dự án phát sinh với khối lượng như sau:

Bảng 3.15. Tổng hợp khối lượng CTNH thông thường phát sinh của Nhà máy

STT	Chủng loại	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng	
-----	------------	---------	--------	------------	--

				(ngày)	Khối lượng (năm)
I	Chất thải dạng rắn				
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh	160106	kg	0,3	90
2	Giẻ, bông lau nhiễm thành phần nguy hại	180201	kg	1,5	450
3	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	180102	kg	1,6	480
4	Bao bì bằng nhựa, nilong nhiễm thành phần nguy hại	180103	kg	1,1	330
6	Chất thải y tế	130101	kg	0,2	60
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	20501	kg	3,5	1050
7	Cặn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý khí thải	20501	kg	0,5	150
II	Chất thải dạng lỏng				
1	Các loại dầu mỡ thải	160108	lít	4,37	1.312
2	Dung dịch tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại	70106	lit	0,6	180

4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại Khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

Biện pháp giảm thiểu như sau:

- Các loại CTR nguy hại sẽ được tách riêng, không để lẫn lộn.
- Toàn bộ rác thải nguy hại sẽ được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để CTR nguy hại với CTR sinh hoạt thông thường. Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20m² bố trí tại khu nhà xưởng 2 (kích thước xây dựng 4x5m). Nền kho chứa được đổ bê tông, láng vữa xi măng và sơn chống thấm. Tường xây gạch không nung trát vữa xi măng, sơn chống thấm, sơn màu cao 0,9m, trên tường bao quây lưới thép B40 và khung thép. Mái tôn lạnh dày 0,45mm. Cửa ra vào thép sơn tĩnh điện. Bên cạnh đó chủ dự án đã trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy. Trang bị 1 thùng phi 200 lít chứa vật liệu hấp thụ là cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng. Lắp đặt biển hiệu cảnh báo khu vực kho lưu chứa CTNH

- Đối với CTNH dạng rắn: Thu gom vào 07 thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn theo quy định với dung tích thùng là $V = 500\text{ l}$ và đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Đối với CTNH dạng lỏng: Thu gom vào 02 thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn theo quy định với dung tích mỗi thùng là $V = 200\text{ l}$

- Khu vực lưu rác thải nguy hại sẽ được xây dựng tách riêng hoàn toàn với khu vực chứa rác thải sinh hoạt thông thường và các loại CTR khác.

- Chủ dự án sẽ đăng ký chủ nguồn thải đối với CTR nguy hại với Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa theo quy định chung của pháp luật.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH là Công ty Cổ phần môi trường Nghi Sơn (hợp đồng số 01/HĐKT/2025/DELTA &NSEC).

4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại Khu trường liên cấp

Các chất thải nguy hại giai đoạn này có khối lượng là: 0,5 kg/ngày.đêm chủ yếu là pin, bóng đèn neon, ắc quy... từ các công trình nhà dịch vụ tổng hợp, nhà nghỉ công nhân, nhà kho. Vì vậy chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Ban hành ngày 06/01/2025, nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP cho cán bộ quản lý và công nhân làm việc tại dự án.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm trang bị 6 thùng chứa các loại CTNH khác nhau về đặc tính có dung tích 20 lít, được dán nhãn cụ thể cho từng loại đặc tính (bao gồm 6 đặc cơ bản: Dung môi thải; Thuốc diệt trừ các loài gây hại; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, các linh kiện, thiết bị điện tử thải hoặc các thiết bị điện; Các loại dầu mỡ thải; Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có thành phần nguy hại; Pin, ắc quy thải).

- Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và vận chuyển CTNH ... đưa đi xử lý theo quy định. Định kỳ 1 lần/năm theo đúng cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ Khu Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long

Tiếng ồn và rung động phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu do hoạt động của các dây truyền và thiết bị máy móc và các phương tiện vận chuyển. Các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy. Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị

cần phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Tại chân của các máy khâu, máy cắt, ... đặt các chân đế để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và rung.

- Thiết kế hệ thống nhà xưởng thoáng, rộng, đủ không gian bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất, hành lang di chuyển, ... Các nhà xưởng được xây dựng tường, vách kính, cửa thép có khả năng cách âm tốt, giảm tiếng ồn cộng gộp giữa các khu vực với nhau.

- Các thiết bị của dây chuyền sản xuất được lắp đặt chắc chắn trên cá đệm cao su để giảm tiếng ồn và rung khi vận hành

- Chủ đầu tư sẽ định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các thiết bị, máy móc kỹ thuật chung theo đúng quy trình.

- Các thiết bị có phát sinh tiếng ồn, rung lớn như: máy nén khí, máy bơm, máy phát điện dự phòng được nhà máy lựa chọn sử dụng các thiết bị mới, của những thương hiệu có uy tín về chất lượng và thiết kế lắp đặt trên giá đỡ có giảm chấn chống rung lắc; Lắp đặt các thiết bị tại các khu vực cách xa xưởng sản xuất, nhà văn phòng nhà điều hành và các khu vực làm việc đông người. Đối với máy phát điện được lắp đặt trong khu vực riêng biệt có vỏ bọc, ống giảm âm và hộp giảm âm.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực máy móc thiết bị hoạt động phát ra tiếng ồn: Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực có mức ồn cao...

- Vận hành các máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật; định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện, ...) theo khuyến cáo của nhà sản xuất; lắp đặt thiết bị giảm âm để giảm thiểu tiếng ồn khi máy hoạt động,....

- Bố trí thời nghỉ giữa ca cho công nhân của nhà máy là 1 giờ.

- Các phương tiện, máy móc làm việc, quạt hút công nghiệp, tháp làm ẩm luôn được tra dầu mỡ định kỳ để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn (bong, nút tai, mũ bảo hộ, ...).

- Các biện pháp quản lý, xử lý bụi và khí thải trong quá trình vận hành của Nhà máy đã được Công ty đầu tư, xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ.

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung là: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung Khu trường liên cấp

Trong quá trình hoạt động của dự án để giảm thiểu tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị như: Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông, tiếng ồn từ hoạt động vui chơi nghỉ giữa giờ của học sinh... cần thực hiện các biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

- Bố trí thời gian học tập và vui chơi cho học sinh tại trường theo đúng quy định của ngành giáo dục.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

6.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

a. Phòng ngừa sự cố môi trường

Kiểm tra hệ thống: Đánh giá kỹ thuật, kiểm tra các bể xử lý, bơm, đường ống, van khóa, cảm biến trước khi đưa vào vận hành thử.

Vận hành từng phần: Chạy thử từng công đoạn của hệ thống trước khi vận hành toàn bộ để phát hiện lỗi.

Kiểm soát thông số: Định kỳ đo pH, BOD, COD, TSS, kim loại nặng, hóa chất trong nước thải đầu vào và đầu ra.

Chuẩn bị vật tư dự phòng: Máy bơm, đường ống, hóa chất xử lý, thiết bị đo kiểm.

Tập huấn luyện nhân sự: Huấn luyện vận hành, quy trình xử lý sự cố rò rỉ hóa chất, tràn bể, mất điện.

b. Ứng phó sự cố trong vận hành thử nghiệm

Sự cố mất điện: Kích hoạt máy phát dự phòng, đảm bảo bơm nước thải và quạt khí hoạt động.

Sự cố tràn bể: Ngừng tiếp nhận nước thải, sử dụng bơm dự phòng chuyển sang bể lưu trữ.

Sự cố rò rỉ hóa chất: Lập hàng rào cô lập, dùng vật liệu thấm hút (mùn cưa, cát), xử lý và thu gom theo đúng quy định.

Nước thải đầu ra không đạt chuẩn: Điều chỉnh hóa chất, tăng thời gian xử lý, kiểm tra hệ vi sinh (nếu có).

Sự cố vỡ đường ống: Khóa van cô lập, bơm nước về bể lắng khẩn cấp, sửa chữa đường ống.

6.2. Giai đoạn vận hành chính thức

a. Phòng ngừa sự cố môi trường

- Duy trì bảo trì định kỳ: Kiểm tra máy móc, bơm, hệ thống cấp khí, bể chứa theo lịch trình.

- Giám sát tự động: Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động (nếu bắt buộc theo quy định).

- Kiểm soát hóa chất: Lưu trữ và sử dụng hóa chất đúng tiêu chuẩn an toàn.

- Dự trữ vật tư ứng phó sự cố: Duy trì đủ hóa chất trung hòa, thiết bị bảo hộ, vật liệu thấm hút.

- Diễn tập ứng phó sự cố: Tổ chức định kỳ để nâng cao kỹ năng xử lý cho nhân sự.

b. Ứng phó sự cố trong vận hành chính thức

- Nước thải không đạt tiêu chuẩn đầu ra:

- Kiểm tra quy trình xử lý, điều chỉnh hóa chất, bổ sung vi sinh

- Nếu chưa khắc phục, tạm dừng xả thải, báo cáo cơ quan chức năng.

- Tràn bể xử lý:

+ Ngừng tiếp nhận nước thải, dùng bơm điều tiết về bể chứa dự phòng.

+ Xử lý ô nhiễm khu vực xung quanh (nếu có).

+ Hư hỏng thiết bị quan trọng:

+ Sử dụng thiết bị dự phòng, nhanh chóng sửa chữa/thay thế.

+ Nếu hệ thống dừng hoạt động dài ngày, cần có phương án lưu trữ nước thải.

- Sự cố rò rỉ hóa chất xử lý nước thải:

+ Cô lập khu vực, sử dụng vật liệu thấm hút, thu gom và xử lý theo quy trình chất thải nguy hại.

- Sự cố cháy nổ trong khu vực hóa chất:

+ Ngắt điện, dùng thiết bị chữa cháy phù hợp (CO₂, bột khô).

+ Báo cáo cơ quan chức năng nếu cháy lớn.

c. Báo cáo và giám sát sau sự cố

- Lập biên bản sự cố, ghi nhận nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng.

- Thông báo cho cơ quan môi trường (nếu sự cố nghiêm trọng).

- Triển khai biện pháp khắc phục và giám sát chất lượng nước thải sau sự cố.

- Cập nhật phương án phòng ngừa để tránh lặp lại sự cố tương tự.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp

STT	NỘI DUNG THAY ĐỔI	ĐTM/CAM KẾT MÔI TRƯỜNG	GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
I	Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long		
1	Công nghệ xử lý nước thải	Xử lý qua bể tự hoại và dẫn ra mương thoát nước chung của khu vực	Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể xử lý nước thải công nghiệp sau đó đầu nối TNT với khu Trường liên cấp để xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 310 m ³ /ngày đêm trước khi thoát ra kênh Thái Vinh.

2	Công suất	- Sản phẩm bóng khâu tay: 1.200.000 quả/năm. - Thùng carton 3 lớp: 5.700.000 m²/năm. - Thùng carton 5 lớp: 9.500.000 m²/năm. - Thùng offset: 2.500.000 m²/năm. - Dây khóa kéo: 20.000.000 cái/năm. - Vải không dệt: 1.500 tấn/năm.	Cung cấp sản phẩm: 12.900 tấn thùng carton/năm; 1.950 triệu đôi giày/năm
3	Công nghệ xử lý khí thải khu nhà xưởng	Qua quạt hút	Toàn bộ khu nhà xưởng sử dụng quạt hút. - Đối với khu vực in – dán keo xưởng 1 và xưởng 2 bổ sung mỗi nhà xưởng 1 hệ thống xử lý khí thải. - Sử dụng lọc bụi túi và tại khu vực máy mài để
II	Trường liên cấp		
1	Công suất	1.595 học sinh và 50 giáo viên	1.645 học sinh và 100 giáo viên
2	Công nghệ xử lý nước thải	Xử lý qua bể tự hoại và dẫn ra mương thoát nước chung của khu vực	Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ sau đó qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 310 m ³ /ngày đêm trước khi thoát ra kênh Thái Vinh.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt cán bộ, công nhân khu nhà máy: 63,6 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp khu nhà máy: 10,4 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Nước xả cặn từ hoạt động lò hơi: 5,6 m³/lần xả cặn.

+ Nguồn số 04: Nước xả cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 2,0 m³/lần xả cặn.

+ Nguồn số 05: Nước thải hoạt động sản xuất: 2,0 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt học sinh và giáo viên khu trường học: 69,8 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 07: Nước thải nhà ăn khu trường học: 31,4m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 310 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải: Số lượng dòng nước thải là 01 dòng (là dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở đầu nối vào kênh Thái Vinh bằng đường ống D200 phía Tây khu trường học).

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B). Cụ thể như sau:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
1	pH	mg/l	5,5-9
2	BOD5	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	TSS	mg/l	100
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,5
6	NH ₄ ⁺ - theo N	mg/l	10
7	Tổng N	mg/l	40
8	PO ₄ ³⁻ - theo P	mg/l	6

9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	MPN/100ml	5000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí: Nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải đầu nổi vào kênh Thái Vinh phía Tây khu trường học bằng đường ống D200.
- Toạ độ vị trí xả thải (*Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰*): X=588934; Y=2194445 (m).
- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy tràn và kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Thái Vinh phía Tây khu trường học.

2. Nội dung đề nghị cấp phép và quản lý đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

*** Nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép:**

- Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tại ống khói xả ra môi trường khu nhà máy.
- Nguồn số 02: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1.
- Nguồn số 03: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2.
- ***Nguồn phát sinh khí thải đề nghị quản lý:***
- Nguồn số 04: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu nhà máy.
- Nguồn số 05: Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu nhà máy.
- Nguồn số 06: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu trường liên cấp quốc tế Delta;
- Nguồn số 07: Mùi từ khu bếp nấu khu trường liên cấp quốc tế Delta;
- Nguồn số 08: Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu trường liên cấp quốc tế Delta.

2.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Lưu lượng xả tối đa nguồn số 1: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 30.000 m³/h.
- Lưu lượng xả tối đa nguồn số 2: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1 là 24.000 m³/h.

Lưu lượng xả tối đa nguồn số 3: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2 là 24.000 m³/h.

Lưu lượng xả tối đa nguồn các nguồn 1,2,3: 3.803,4 m³/h.

Lưu lượng xả thải nguồn số 04, 05, 06, 07, 08: không xác định.

2.3. Dòng khí thải

*** Dòng khí thải đề nghị cấp phép:**

- Dòng số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tại ống khói xả ra môi trường khu nhà máy.

- Dòng số 02: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1.

- Dòng số 03: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2.

*** Dòng khí thải đề nghị quản lý:**

- Dòng số 04: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu nhà máy.

- Dòng số 05: Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu nhà máy.

- Dòng số 06: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu trường liên cấp quốc tế Delta;

- Dòng số 07: Mùi từ khu bếp nấu khu trường liên cấp quốc tế Delta;

- Dòng số 08: Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu trường liên cấp quốc tế Delta.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Giá trị thông số các chất ô nhiễm chính có trong khí thải của cơ sở xin cấp phép xả vào môi trường tiếp nhận không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, kv=0,6, kp=1), cụ thể:

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm khí thải và giới trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, kv=0,6, kp=1)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	600
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300
4	Nito oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510
5	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	4,5
6	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	30
7	Clo	mg/Nm ³	6
8	Axit clohydric, HC	mg/Nm ³	30
9	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	mg/Nm ³	30

- Đối với nơi làm việc tuân thủ theo QCVN 03:2019/BYT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- Đối với máy phát điện dự phòng tuân thủ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

- Đối với mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt tuân thủ theo QCVN 05:2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh.

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải:

- Dòng khí thải 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tại ống khói xả ra môi trường.

+ Vị trí xả thải: ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

+ Phương thức xả thải: 08 giờ/ngày (khi lò hơi hoạt động).

+ Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0):
X=2197466 (m); Y=570636(m);

- Dòng khí thải 02: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1.

+ Vị trí xả thải: Sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1.

+ Phương thức xả thải: 08 giờ/ngày (khi lò hơi hoạt động).

+ Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0):
X=2197456 (m); Y=570630(m);

- Dòng khí thải 03: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2.

+ Vị trí xả thải: Sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2.

+ Phương thức xả thải: 08 giờ/ngày (khi lò hơi hoạt động).

+ Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0):
X=2197412 (m); Y=570624(m);

- Dòng khí thải 04: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu nhà máy.

+ Vị trí xả thải: tại khu vực tập kết CTR sinh hoạt.

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (chỉ xả thải khi rác thải được tập kết vào cuối mỗi ngày đến khi đơn vị xử lý đến vận chuyển).

- Dòng khí thải 05: : Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu nhà máy.

+ Vị trí xả thải: ống thoát khí máy phát điện dự phòng.

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành).

+ Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0): X =
2197372 (m); Y= 570605(m).

- Dòng số 06: Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt khu trường liên cấp quốc tế Delta;

+ Vị trí xả thải: tại khu vực tập kết CTR sinh hoạt.

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (chỉ xả thải khi rác thải được tập kết vào cuối mỗi ngày đến khi đơn vị xử lý đến vận chuyển).

- Dòng số 07: Mùi từ khu bếp nấu khu trường liên cấp quốc tế Delta;

+ Vị trí xả thải: khu bếp nấu khu nhà máy.

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (chỉ xả khi nấu ăn).

- Dòng số 08: Khí thải sau ống thoát khí máy phát điện dự phòng khu trường liên cấp quốc tế Delta.

+ Vị trí xả thải: ống thoát khí máy phát điện dự phòng.

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành).

+ Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2197372 (m); Y= 570605(m).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Khu vực máy bơm, máy thổi khí và động cơ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Vị trí, phương thức phát thải:

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.

+ Vị trí phát thải: Máy phát điện dự phòng.

+ Phương thức phát thải: gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành)

- Nguồn số 02: Khu vực máy bơm, máy thổi khí và động cơ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Vị trí phát thải: Khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Phương thức phát thải: gián đoạn (ngày làm việc và ngày nghỉ).

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, và quy định theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn cụ thể như sau:

** Đối với tiếng ồn phát sinh tại nơi làm việc:*

Nguồn phát sinh	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Nguồn số 1	8giờ	85	Không thực hiện	Khu vực thông thường
Nguồn số 2	8giờ	85		

- Giới hạn tiếng ồn phát sinh trong khuôn viên cơ sở và khu vực xung quanh:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Thông tư số 24/2016/TT-BYT quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - *Giới hạn cho phép mức áp suất âm tại các vị trí lao động:*

+ Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp: không được vượt quá 85 dBA.

+ Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch: không được vượt quá 65 dBA.

- Các phòng lao động trí óc, nghiên cứu thiết kế, thống kê, lập chương trình máy tính, phòng thí nghiệm lý thuyết: không được vượt quá 55 dBA.

Ngoài ra, Thông tư này cũng quy định:

- Trong mọi thời điểm làm việc, mức áp âm cực đại không vượt quá 115 dBA.

+ Đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Cam kết về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

a. *Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:*

a.1 *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):*

Bảng 4.3: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)	Mã (CTNH)
1	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	180201
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	160106
3	Chất thải lây nhiễm: Rác thải y tế	Rắn	10	130101
4	Chất thải có chứa thành phần nguy hại vô cơ	Rắn	3	191201
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	5	180102
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	2	190601
7	Dầu thải	Lỏng	30,7	17 02 04
8	Hộp mực thải	Rắn	3,0	080201
	Tổng		83,7	

a2. *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

Bảng 4.5: Khối lượng, tính chất chất thải rắn công nghiệp đề nghị cấp phép

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	872,5	261.750
2	Chất thải rắn sản xuất		
-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất giày</i>	146,99	44097,3
-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất bóng</i>	201,41	60422,13
	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất thùng carton</i>	2.541,42	762425,79
	<i>Chất thải rắn phát sinh từ các nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất dây kéo khoá</i>	224,20	67259
-	<i>Chất thải rắn phát sinh từ dụng cụ bảo hộ hỏng, rách không sử dụng được</i>	30	9000
-	<i>Chất thải rắn sinh ra trong quá trình vận hành lò hơi là tro thải</i>	201,6	60480
	TỔNG	4.218,11	1.265.434,22

a3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Bảng 4.6: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long	Rắn	90,9
2	Chất thải rắn sinh hoạt của Trường liên cấp quốc tế Delta		261,750

b. Cam Kết bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, thông thường, chất thải nguy hại:

b1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

*** Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, dung tích 100 lít
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

*** Khu lưu chứa:**

- Xây dựng kho chứa rác thải nguy hại: diện tích 10m².

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Hàng năm ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn thông thường:

****Thiết bị lưu chứa:***

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.
- Kho lưu chứa: 01 kho
- Diện tích kho chứa: 100m²
- Thiết kế, cấu tạo: tường bao kín, mái che, nền láng bê tông chống thấm.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: giỏ rác, thùng composite dung tích 5 lít, 120 lít, 200 lít, xe đẩy tay 0,5m³.

- Khu vực lưu chứa: Khu tập kết rác thải tập trung diện tích 63m².

- Đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý các loại chất thải phát sinh tại cơ sở.

4.2. Cam kết về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Chủ đầu tư Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Chủ đầu tư thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

4.3. Các cam kết khác về bảo vệ môi trường

Các hạng mục công trình xây dựng của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

a. Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục thực hiện

Không xây dựng bổ sung các hạng mục công trình xây dựng

b. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng

Không xây dựng bổ sung công trình bảo vệ môi trường.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta đã kết hợp với Công ty cổ phần đầu tư KGZ tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng môi trường nước thải. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ từ năm 2024 được tổng hợp trong các bảng dưới đây:

Bảng 5.1: Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải năm 2024

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả 07/10/202 4	Kết quả 8/10/202 4	Kết quả 9/10/202 4	QCVN 40:2011/BT N MT Cột B
1	pH	mg/l	7,0	6,86	6,85	5,5-9
2	TSS	mg/l	32	32	29	100
3	BOD5	mg/l	10	22	8	50
4	COD	mg/l	26	8	22	150
5	NH ₄ ⁺	mg/l	0,54	1,02	1,15	10
6	Tổng N	mg/l	<2	2,5	3,2	40
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	<0,3	<0,3	<0,3	-
8	Coliform	MPN/100m l	700	1.100	1.200	5.000

Ghi chú:

+ NT: Nước thải sau xử lý tại bể khử trùng trước khi thải ra môi trường. Toạ độ X=2193842; Y= 589277

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu nước thải năm 2024 cho thấy hệ thống XLNT tập trung công suất 310 m³/ngày.đêm của cơ sở hoạt động hiệu quả đảm bảo thoát ra công thoát nước chung của khu vực.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải lò hơi

Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta đã kết hợp với Công ty cổ phần đầu tư KGZ tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng khí thải lò hơi.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ từ năm 2024 được tổng hợp trong các bảng dưới đây:

Bảng 5.2: Kết quả phân tích chất lượng khí thải năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT
			KT 15/10/2024	KT 16/10/2024	KT 17/10/2024	
1	Lưu lượng	°C	22.020	22.477	22.804	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	50,6	61,2	59,6	200
3	CO	mg/Nm ³	78	69	62	1000
4	NOx	mg/Nm ³	35	35	26	850
6	SO ₂	mg/Nm ³	30	28	36	500

Ghi chú:

+ KT: Khí thải ống khói sau xử lý. Tọa độ X= 2194706; Y=589273.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B).

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu khí thải năm 2024 cho thấy khí thải sau xử lý đạt QCCP.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	09/2025	11/2025	85-90%
2	Hệ thống xử lý khí thải xưởng 1	09/2025	11/2025	85-90%
3	Hệ thống xử lý khí thải xưởng 2	09/2025	11/2025	85-90%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

* Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thời gian lấy mẫu:

Bảng 6.2. Thời gian dự kiến thực hiện lấy mẫu

Giai đoạn	Lần lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
Giai đoạn vận hành ổn định	Lần 1	Ngày 26/11/2025
	Lần 2	Ngày 27/11/2025
	Lần 3	Ngày 28/11/2025

- Vị trí và chỉ tiêu lấy mẫu:

Bảng 6.3. Chỉ tiêu lấy mẫu

Stt	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu lấy mẫu	Số lượng mẫu/ngày	Số lần lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), TSS, TDS, Sunfua, Amoni	01	01	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật
2	Mẫu nước thải đầu	Nitrat, Dầu mỡ	01	03	

	ra Hệ thống xử lý nước thải tập trung	động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Coliforms			quốc gia về nước thải công nghiệp.
3	Mẫu khí thải đầu ra Hệ thống xử lý khí thải xưởng 1	Bụi tổng; Cacbon oxit (CO); Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) Hydro sunphua, H ₂ S Amoniac và các hợp chất amoni	01	03	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, kv=0,6, kp=1)
4	Mẫu khí thải đầu ra Hệ thống xử lý khí thải xưởng 2	Bụi tổng; Cacbon oxit (CO); Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) Hydro sunphua, H ₂ S Amoniac và các hợp chất amoni	01	03	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, kv=0,6, kp=1)

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí quan trắc và giám sát:
 - + NT1: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.
 - + NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy.
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, Nhiệt độ, TSS, COD, Amoni, Chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ, Coliform, Độ màu.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Công nghiệp.

6.2.2. Chương trình quan trắc đối với khí thải

- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí quan trắc và giám sát:
 - + KT1: Khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than;
 - + KT2: Khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải của xưởng 1;

- + KT3: Khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải của xưởng 2;
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, Áp suất, Nhiệt độ, Bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, kv=1,0, kp=0,6) và QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C),

6.2.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí quan trắc môi trường được tính toán theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/05/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Ban hành bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, kinh phí giám sát môi trường cho mỗi đợt quan trắc môi trường được tính toán ở bảng sau:

Bảng 6.4: Dự toán kinh phí cho công tác giám sát môi trường mỗi đợt

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	<i>Chất lượng môi trường nước thải</i>	02		6.019.076
	- Lưu lượng		107.770	215.540
	- pH		76.833	153.666
	- Nhiệt độ		70.553	141.106
	- TSS		204.961	409.922
	- COD		278.330	556.660
	- Amoni		294.433	588.866
	- Chất hoạt động bề mặt		510.412	1.020.824
	- Dầu mỡ		664.196	1.328.392
	- Coliform		721.423	1.442.846
	- Độ màu		80.627	161.254
2	<i>Chất lượng môi trường khí thải ống khói</i>	03		18.823.881
	- Lưu lượng		318.401	955.203
	- Áp suất		176.935	530.805
	- Nhiệt độ		326.084	978.252
	- O ₂		815.126	2.445.378
	- Bụi		2.836.908	8.510.724
	- SO ₂		516.287	1.548.861
	- NO _x		737.282	2.211.846
	- CO		547.604	1.642.812
	<i>Tổng kinh phí/đợt</i>			24.842.957
	<i>(Bảng chữ: Hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng)</i>			

6.2.5. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Quan trắc nước thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải

Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

+ Các số liệu, dữ liệu (như nguồn ô nhiễm, thông số ô nhiễm, tải lượng ô nhiễm,..).

Chủ cơ sở dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu thống kê, đo đạc thực tế tại cơ sở trong thời gian hoạt động nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cũng như phù hợp với cơ sở trong thời gian tới.

+ Có một số đánh giá tác động, nguồn thải của dự án mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin hoặc chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về tác động nguồn thải của dự án, đồng thời đề xuất, thực hiện các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

+ Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra như trình bày tại chương 4 của báo cáo.

+ Nước thải từ dự án sẽ được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Cam kết phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

+ Cam kết tuân thủ các quy định về tần suất quan trắc, chương trình và giám sát môi trường theo quy định.

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

+ Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2803054207

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DELTA HOÀNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY DELTA HOÀNG LONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phòn 1 Lê Lợi, Xã Hoàng Đồng, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Điện thoại: 02373645725

Fax:

E-mail:

Website:

3. Vốn điều lệ

114.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm mười bốn tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2800792548

Ngày cấp: 31/12/2019 Nơi cấp: Phòng ĐKKD tỉnh Thanh Hoá

Địa chỉ trụ sở chính: *Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038170039284

Ngày cấp: 21/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự và an ninh

Địa chỉ thường trú: *Số 154, Phố Trần Hưng Đạo, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 154, Phố Trần Hưng Đạo, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Thu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần Dụng cụ thể thao Delta

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh 2800702548 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/12/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: Phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

CV 881393

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 456, tờ bản đồ số: 15 (do vẽ năm 2014).
- b) Địa chỉ: xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- c) Diện tích: 33.125 m² (bằng chữ: Ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm một vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/12/2066.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sản hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng số 1	4.608	13.824 m ²	Sở hữu nông	2	-/-
2. Nhà xưởng số 2	4.608	13.824 m ²		2	
3. Nhà điều hành, kho, để xe và nhà ăn ca	2.112	6.403,2 m ²		3	
4. Nhà để xe	1.440	1.440 m ²		3	

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thừa số 456 là thừa mới tạo thành theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 794/TLBD do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 14/12/2016.
- Được miễn tiền thuê đất 02 năm 9 tháng trong thời gian xây dựng cơ bản (từ ngày 01/4/2017 đến ngày 31/12/2019); Miễn tiền thuê đất 11 năm ưu đãi đầu tư (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2033) theo Quyết định số 977/QĐ-CT ngày 27/4/2017 và Quyết định số 976/QĐ-CT ngày 27/4/2017 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.
- Nhận sáp nhập từ Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long theo hồ sơ số 007019.CP.002
- Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số CP 640323, ngày 09/01/2019.

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 7 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

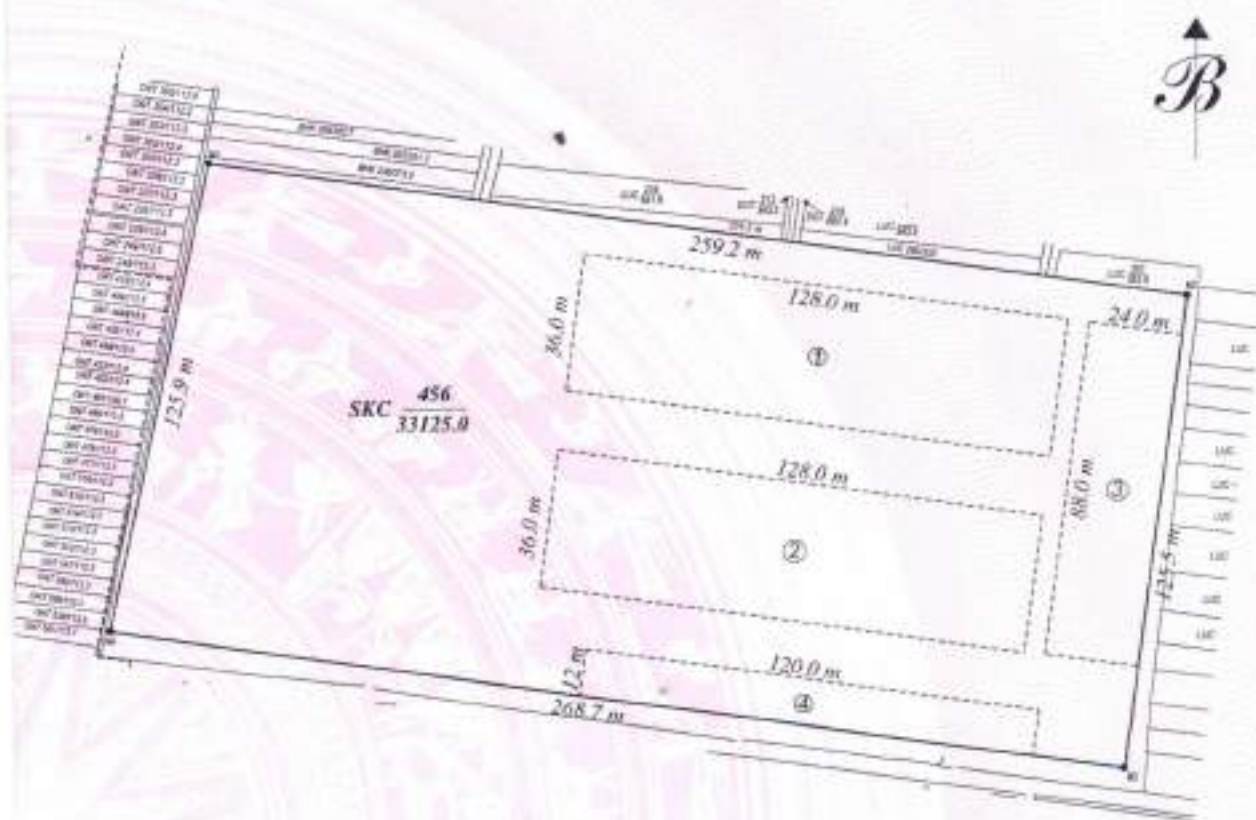


Lưu Trọng Quang

Số vào sổ cấp GCN: CT. 1180.3.

Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: **456**

Tờ bản đồ số: **15**

Số phát hành GCN: **CV 881393**

Số vào sổ cấp GCN: **CT 11803**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung đăng ký thế chấp ngày 15/01/2019 tại giấy chứng nhận số CP 640323 có thay đổi: Tên bên thế chấp đã đăng ký là Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long nay thay đổi thành Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta. Phiên yêu cầu đăng ký thay đổi ngày 19/8/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 931001/2020/HĐBĐ/NHCT422-DELTA ngày 19/8/2020 theo hồ sơ số 007079.TC.003 ngày 19/8/2020".	Ngày 19/8/2020  PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lô Thị Bích Ngọc</i>

Trang bổ sung này làm phát sinh theo Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư dự án Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 999/2015/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về thực hiện trình tự thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1239/SKHĐT-KTĐN ngày 11/4/2016 (kèm theo ý kiến tham gia của các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; UBND huyện Hoàng Hóa); đề nghị của Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 11 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư dự án Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long; địa chỉ: Số 105 tiểu khu Tân Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Hình thức đầu tư: Đầu tư trong nước.

3. Mục tiêu đầu tư: Kinh doanh sản xuất nguyên, phụ liệu, các sản phẩm phụ trợ ngành may mặc và dụng cụ thể thao.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô xây dựng: Nhà trụ sở làm việc - ăn ca - kho, xưởng sản xuất bóng khâu tay, xưởng sản xuất sản phẩm phụ trợ, nhà xe và các công trình phụ

trợ khác.

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 30.000m².

7. Phạm vi, ranh giới, quy mô đất đai:

- Vị trí được xác định tại tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Hoàng Đồng, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2014.

- Ranh giới cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất lúa, phía Tây giáp đất ở, phía Nam giáp đường giao thông nội đồng, phía Bắc giáp đất trồng hoa màu.

8. Các yêu cầu về quy hoạch, môi trường:

- Tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình thi công dự án và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Tổng vốn đầu tư của dự án: Khoảng 150 tỷ đồng.

10. Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty, vốn vay và các nguồn huy động hợp pháp khác.

11. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thực hiện thủ tục thuê đất: từ Quý II - Quý III năm 2016;

- Giai đoạn I (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất bóng khâu tay):

+ Khởi công xây dựng: Quý IV/2016.

+ Hoàn thành đưa vào sử dụng: Quý IV/2017.

- Giai đoạn II (Xây dựng nhà xưởng sản xuất công nghiệp phụ trợ ngành may và dụng cụ thể thao):

+ Khởi công xây dựng: Quý II/2018.

+ Hoàn thành đưa vào sử dụng: Quý III/2019.

12. Phương án quản lý, vận hành dự án: Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long trực tiếp quản lý và vận hành dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long hoàn thành hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; hoàn thành hồ sơ, thủ tục về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng đất; thực hiện việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định.

2. Giao UBND huyện Hoằng Hóa chỉ đạo UBND xã Hoằng Đồng, Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long giữ nguyên hiện trạng khu đất trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty lập hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa theo quy định.

5. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; UBND huyện Hoằng Hóa và các đơn vị có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết kịp thời những công việc có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời gian 180 ngày kể từ ngày ký, nếu Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long không hoàn thành thủ tục về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng đất theo quy định thì Quyết định này không còn giá trị pháp lý, Công ty không được bồi thường, hỗ trợ bất kỳ các khoản kinh phí đã đầu tư, chi phí liên quan đến dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Hoằng Hóa, Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- Sở Công Thương;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3205 /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

**Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trụ sở làm việc
và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoằng Hóa**

(Cấp lần đầu: ngày 06 tháng 5 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 29 tháng 7 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đất đai ngày 29
tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công,
Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật
Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và
Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động
đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; sửa
đổi, bổ sung tại Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư dự án trụ sở làm
việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoằng Hóa;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án do Công ty cổ
phần dụng cụ thể thao Delta nộp ngày 01/7/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
4920/TTr-SKHĐT ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trụ sở làm việc và
khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoằng Hóa (được Chủ tịch
UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư tại Quyết định số 1531/QĐ-
UBND ngày 06/5/2016), với các nội dung điều chỉnh như sau:



1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất

Chủ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh được điều chỉnh thành:

“a) Chủ đầu tư: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800702548 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/12/2019.

b) Địa chỉ trụ sở chính: phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai

Mục tiêu đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh được điều chỉnh thành:

“Mục tiêu đầu tư: kinh doanh sản xuất nguyên, phụ liệu, các sản phẩm phụ trợ ngành may mặc, dụng cụ thể thao và giày dép”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta khẩn trương thực hiện các hồ sơ, thủ tục có liên quan (đặc biệt là thủ tục về môi trường) và hoàn thành đưa dự án vào hoạt động đảm bảo đúng với các nội dung theo chủ trương đầu tư được chấp thuận, điều chỉnh và các quy định có liên quan; hằng quý, hằng năm, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan Thống kê trên địa bàn về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư.

2. Giao UBND huyện Hoằng Hóa cập nhật dự án trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoằng Long tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta vào các quy hoạch, kế hoạch có liên quan, đảm bảo tính thống nhất giữa các cấp độ quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Hoằng Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác, phù hợp của nội dung tham mưu, thẩm định, tham gia ý kiến và các điều kiện theo quy định (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, có liên quan đến dự án nêu trên nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định, tham gia ý kiến); đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, giải quyết kịp thời những công việc liên quan đến dự án trên theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa, Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp một bản cho Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta, một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa và một bản được lưu tại UBND tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH. (354.2024)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 767/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 7 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng
trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoằng Đồng, huyện
Hoằng Hóa của Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy
định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh
giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng
Long tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty
TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long họp ngày 24/01/2017 tại Sở Tài nguyên
và Môi trường Thanh Hoá và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 278/TTr-
STNMT ngày 10/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư
xây dựng trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoằng Đồng,
huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Dụng cụ thể thao
Hoàng Long (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

* Phạm vi dự án:

Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long
được xây dựng tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa trên
khu đất có tổng diện tích 33.125 m², có ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp đất trồng hoa màu;
- Phía Nam giáp đường giao thông quy hoạch và giáp với dự án khu nhà
ở của Công ty Delta;
- Phía Tây và phía Đông giáp đất trồng lúa;

* Quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long bao gồm các hạng mục sau:

- + Công suất của xưởng bóng khâu tay: 1.200.000 sản phẩm/năm;
- + Công suất xưởng sản xuất thùng carton 11.400 tấn/năm (thùng carton 3 lớp là 3.400 tấn/năm; thùng carton 5 lớp là 8.000 tấn/năm);
- + Công suất của xưởng sản xuất thùng offset: 1.500 tấn/năm;
- + Công suất của xưởng sản xuất vải không dệt: 1.500 tấn/năm;
- + Công suất của xưởng sản xuất dây khóa kéo: 20.000.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chủ dự án:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Chất lượng không khí và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

2.3. Nước thải phải được thu gom về hệ thống và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định hiện hành về bảo vệ môi trường; quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2016/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này; thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giám sát các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường. Định kỳ chủ dự án phải nộp báo cáo giám sát môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa và UBND cấp huyện nơi có dự án để cập nhật và theo dõi, kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

3.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa, Giám đốc Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.



Nguyễn Đức Quyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoàng Hóa, ngày 31 tháng 03 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 21 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long
 - Người đại diện: Nguyễn Trọng Biểu Chức vụ: Giám đốc
 - Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 - Số điện thoại: 0904.848.196 Fax: 0373.865.847
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long
 - Địa chỉ xây dựng: xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 - Công trình số 01: Nhà xưởng số 1
 - * Diện tích xây dựng: 4.608,0 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 13.824,0 m²
 - * Chiều cao công trình: 16,2 m
 - * Số tầng: 03 tầng
 - Công trình số 02: Nhà xưởng số 2
 - * Diện tích xây dựng: 4.608,0 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 13.824,0 m²
 - * Chiều cao công trình: 16,2 m
 - * Số tầng: 03 tầng
 - Công trình số 03: Nhà xưởng số 3
 - * Diện tích xây dựng: 3.168,0 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 3.168,0 m²
 - * Chiều cao công trình: 8,7 m
 - * Số tầng: 01 tầng
 - Công trình số 04: Nhà điều hành, kho, để xe và nhà ăn ca
 - * Diện tích xây dựng: 2.112,0 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 6.403,2 m²
 - * Chiều cao công trình: 14,08 m
 - * Số tầng: 03 tầng
 - Công trình số 05: Nhà để xe
 - * Diện tích xây dựng: 1.440,0 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 1.440,0 m²
 - * Chiều cao công trình: 5,25 m
 - * Số tầng: 01 tầng
 - Công trình số 06: Trạm biến thế 2X560KVA-35/0,4KV
 - * Diện tích xây dựng: 165,6 m²
 - * Công suất của trạm: 2x560KVA-35/0,4KV
 - Công trình số 07: Nhà bảo vệ số 1
 - * Diện tích xây dựng: 26,3 m²
 - * Tổng diện tích sàn: 26,3 m²
 - * Chiều cao công trình: 4,55 m
 - * Số tầng: 01 tầng
 - Công trình số 08: Nhà bảo vệ số 2



* Diện tích xây dựng: 15,8 m²

* Chiều cao công trình: 4,55 m

* Tổng diện tích sàn: 15,8 m²

* Số tầng: 01 tầng

- Công trình số 09: Nhà để xe ô tô

* Diện tích xây dựng: 48 m²

* Chiều cao công trình: 3,45 m

* Tổng diện tích sàn: 48 m²

* Số tầng: 01 tầng

- Các hạng mục phụ trợ khác: San lấp mặt bằng; Hệ thống tường rào xây + hoa sắt; Hệ thống cống; Hệ thống rãnh thoát nước mặt; hệ thống rãnh kỹ thuật; Hệ thống ống thoát nước thải; Hệ thống sân, đường giao thông nội bộ; Hệ thống vỉa hè cây xanh.

- Cốt san nền: Bằng cao độ thiết kế đường tỉnh lộ 510.

- Vị trí xây dựng các công trình: Theo tổng mặt bằng xây dựng dự án Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long được sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa thẩm định tại Văn bản số 6981/SXD-HĐXD ngày 02/12/2016;

- Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ các công trình: Theo tổng mặt bằng xây dựng dự án Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long được sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa thẩm định tại Văn bản số 6981/SXD-HĐXD ngày 02/12/2016;

- Mật độ xây dựng: 49%; hệ số sử dụng đất: 1,17 lần.

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 5083/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đất phi nông nghiệp; cho Công ty TNHH Dụng cụ thể thao Hoàng Long thuê đất để sử dụng vào mục xây dựng Trụ sở làm việc và Khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa ngày 29/12/2016;

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Phòng KT&T

- Lưu: VT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày...28...tháng...11...năm...2018...

Số:.....2331...Quyển số:.....61/CT-BS

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nhuận

PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Danh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 31/3/2017)



1. Nội dung Điều chỉnh:

Điều chỉnh theo Văn bản số 63/KTHT ngày 13/3/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoảng Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoảng Đồng, huyện Hoảng Hóa; Tổng mặt xây dựng điều chỉnh số 03/MBQH ngày 20/12/2018 của UBND huyện Hoảng Hóa phê duyệt.

- Các Công trình điều chỉnh xây dựng:

+ Công trình số 01: Nhà kho (vị trí số 03 trên TMB).

* Diện tích xây dựng: 6.336m²

* Tổng diện tích sàn: 12.672m²

* Số tầng: 02

* Chiều cao công trình: 12,6m.

- Các công trình bổ sung:

+ Công trình số 01: Nhà trạm điện + Trạm bơm (vị trí 11 trên TMB).

* Diện tích xây dựng: 72,0m²

* Tổng diện tích sàn: 72,0m²

* Số tầng: 01

* Chiều cao công trình: 4,05m.

+ Công trình số 02: Nhà lò hơi (vị trí số 12 trên TMB).

* Diện tích xây dựng: 252,0m²

* Tổng diện tích sàn: 252,0m²

* Số tầng: 01

* Chiều cao công trình: 7,8m.

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

Hoàng Hóa, ngày 21 tháng 3 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Nhuận



Số: 765 /TD-PCCC - P3

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày / / của: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Trọng Biều..... Chức danh: Giám đốc.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH THANH HÓA

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Tru sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long.....

Địa điểm xây dựng: Xã Hoảng Đồng, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Khoảng cách an toàn PCCC; giao thông phục vụ cho xe chữa cháy; bậc chịu lửa;... giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; hệ thống thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng... sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; các hệ thống chữa cháy bằng nước; trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.....

(Các thiết bị PCCC phải được kiểm định theo quy định trước khi trang bị vào công trình; Cảnh sát PCCC sẽ kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công và kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng).....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. Được

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 2 năm 2017..

Nơi nhận:

- C66.....

- Chủ đầu tư

- Lưu P3.....

KT. GIÁM ĐỐC.....
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Nguyễn Xuân Hà

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 4 tháng 4 năm 2019

SỐ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 38000337.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long.

Địa chỉ văn phòng: Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373963355

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2801569930; đăng ký lần đầu ngày 08/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04/01/2019, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo Phụ lục danh mục CTNH.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Tuân thủ các quy định về quản lý, xử lý CTNH.

IV. Điều khoản thi hành:

Số đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như phần I;

- Giám đốc Sở (để b/c);

- Lưu: VT, CCBVMT.

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 4 năm 2019

Số: 751/QLCTNH Quyển số: 01/CT-RS

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Cảnh



Hoàng Văn Thế

**PHỤ LỤC**

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 38000337.T do
Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá cấp lần đầu, ngày 45/4/2019)
Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Công ty TNHH dụng cụ thể thao Hoàng Long.

Địa chỉ: Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

2. Danh mục chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên
(ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dung dịch tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	300	07 01 06
2	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	100	08 02 01
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	100	08 02 04
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	10	13 01 01
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	10	13 03 02
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	50	16 01 06
7	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	50	16 01 08
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	100	18 01 02
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	100	18 01 03
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01
	Tổng khối lượng		920	

Thanh Hóa, ngày ...31...tháng ...10...năm 2018

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG
HỢP PHẦN: HẠ TẦNG KIẾN TRÚC

1. Tên công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng:

- Hệ thống cổng, tường rào; Hệ thống vỉa hè cây xanh; Hệ thống rãnh kỹ thuật, Hệ thống rãnh thoát nước mặt; Nhà cầu nổi mái che; Hệ thống sân đường; Nhà bảo vệ số 1; Nhà bảo vệ số 2; Hệ thống thoát nước thải.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH DCTT HOÀNG LONG

- Ông: Nguyễn Trọng Biều Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Đoàn Văn Duy Chức vụ: Giám sát A

b. Đại diện đơn vị TVGS: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ ĐTXD AN PHẠ

- Ông: Lê Khả Tùng Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Đinh Trọng Tuấn Chức vụ: Giám sát viên

c. Đại diện đơn vị TVTK: CÔNG TY TNHH DCTT HOÀNG LONG

- Ông: Nguyễn Trọng Biều Chức vụ: Giám đốc

d. Đại diện đơn vị thi công: CHI NHÁNH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG DELTA

- Ông: Trịnh Thị Phương Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Hoàng Văn Xuân Chức vụ: Kỹ thuật thi công

3. Thời gian nghiệm thu:

* Bắt đầu:ngày ...31... tháng ...10... năm 2018...

* Kết thúc:ngày ...31... tháng ...10... năm 2018...

Tại công trường Dự án: Trụ sở làm việc & khu sản xuất Hoàng Long, xã Hoằng Đông, Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

4. Đánh giá công trình xây dựng đã thực hiện:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- * Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.
- * Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:
 - Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
 - Căn cứ nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
 - TCVN 4447:2012 Công tác đất. Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4459:1987 Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng.
- TCVN 4085:1985 Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8790:2011 Sơn bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5674:1992 Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu..
- * Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm CLVL, thiết bị được thực hiện trong quá trình XD.
- * Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- * Các BBNT công việc thuộc CTXD được nghiệm thu.
- * Bản vẽ hoàn công công trình.

b/. Chất lượng xây dựng công trình: (Đối chiếu với TK, TCXD & yêu cầu kỹ thuật của công trình XD)

- Thi công đúng bản vẽ thiết kế được duyệt, đạt yêu cầu về kỹ thuật.
- Công tác thi công đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước ban hành.
- Công tác thi công đúng tiến độ được lập.

c/. Các ý kiến khác (nếu có):

Không

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN THAM GIA

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Trọng Biều

ĐẠI DIỆN ĐƠN TƯ VẤN



Lê Khả Tùng

ĐẠI DIỆN ĐƠN TƯ VẤN KỸ THUẬT



Nguyễn Trọng Biều

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG



Trịnh Thị Phụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

(V/v: vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt)

Số: 01/20253/DT-MTHA

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/ QH13 ngày 23/06/2014 của chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ & Công văn số 829/CT-TTHT ngày 28/01/2022 của Cục thuế Thanh Hóa về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên.

Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta, chúng tôi gồm:

I/ BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA

Địa chỉ: Phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0237.3643.725

Fax: 0237.3643.724

Mã số thuế: 2800702548

Đại diện: Ông Nguyễn Trọng Tín.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

II/ BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HOÀNG ANH

Địa chỉ: Thôn 1, Lê Lợi, xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tài khoản: 112002712525 tại ngân hàng VietinBank, Chi nhánh Hoằng Hóa

Mã số thuế: 2802708954

Đại diện: Ông Hoàng Văn Anh

Chức vụ: Giám đốc công ty

Sau khi trao đổi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung công việc

- Theo đề nghị của Bên A thì Bên B nhận vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (Bao gồm: các loại phế thải, rác thải phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày của nhà ăn ca, trường mầm non & các hộ dân thuộc Chung cư Delta Plaza, Không bao gồm rác thải nguy hiểm, độc hại khác) từ thùng chứa hoặc xe gom rác do Bên A đầu tư.

- Hình thức vận chuyển: Dùng phương tiện vận chuyển rác chuyên dụng để ép tại bãi rác thải Bên A, sau đó vận chuyển đến nơi tập kết theo quy định;

- Khối lượng tính toán: Hai bên đồng ý xác định theo hình thức trọn gói theo tháng..

- Khối lượng quyết toán, thanh toán hàng tháng: theo tháng;

- Thời gian vận chuyển: Mỗi ngày 01 lần



(Signature)

Điều 2: Đơn giá, hình thức thanh toán, thời gian thanh toán:

- Đơn giá: **6.000.000 đồng/tháng** (Bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn cho mỗi tháng).
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của Pháp luật;
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt;
- Hồ sơ thanh toán: Hóa đơn GTGT của bên B phát hành;

Thời gian thanh toán: Bên B nộp hồ sơ thanh toán cho bên A trước ngày mùng 5 tháng liền kề, Bên A thanh toán cho bên B toàn bộ số tiền trong tháng (01 lần) chậm nhất trước ngày 20 tháng liền kề.

Điều 3: Khối lượng giao nhận, vận chuyển chất thải.

Khối lượng vận chuyển và xử lý: Vận chuyển và xử lý hàng ngày theo hình thức trọn gói theo tháng.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Gom và tập kết rác thải tại nơi thuận lợi mà xe chuyên dụng vào ra được dễ dàng, đồng thời chịu trách nhiệm bốc xếp rác thải lên xe vận chuyển của bên B;
- Thanh toán đủ tiền, đúng thời gian đã cam kết theo điều 2 của Hợp đồng.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo bố trí phương tiện vận chuyển rác chuyên dụng, đảm bảo thời gian và số lần vận chuyển, xử lý rác đúng khối lượng, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm các vấn đề liên quan đến năng lực của đơn vị mình khi ký hợp đồng vận chuyển và xử lý cho bên A. Bên A không chịu bất kỳ trách nhiệm nào khi rác thải đã được vận chuyển ra khỏi cổng công ty;
- Bên B phải có trách nhiệm vận chuyển khối lượng chất thải từ khu vực tập trung của bên A đến khu xử lý rác thải do bên B quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Xuất hóa đơn GTGT theo quy định cho bên A.

Điều 5: Sửa đổi, dừng và chấm dứt hợp đồng

- Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của hợp đồng có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên khi có thay đổi cơ chế, chính sách của Nhà nước hoặc thay đổi phương thức, cách thức, quy trình tổ chức thực hiện.

- Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- + Hợp đồng chỉ được chấm dứt khi hai bên thỏa thuận thanh lý bằng văn bản;
- + Bên B có quyền dừng hợp đồng và gửi thông báo đến cho bên A nếu bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại điều 2 và sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng khi số tiền đã được thanh toán.
- + Bên B thực hiện không đúng các điều khoản đã cam kết tại điều 4 hợp đồng này..

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

- Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh liên quan đến hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị cùng có lợi.

- Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án huyện Hoàng Hóa để giải quyết.

Điều 7: Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa, sự cố khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

7.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra ngay lập tức sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

7.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng hoặc theo sự thỏa thuận của 2 bên.

Điều 8: Điều khoản thi hành:

- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025. Hết thời hạn trên nếu hai bên vẫn còn nhu cầu hợp tác thì tiếp tục ký kết hợp đồng khác, nếu không thì hợp đồng xem như được thanh lý sau 30 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều kiện của hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh hai bên chủ động bàn bạc giải quyết, khi cần thay đổi, bổ sung thêm điều khoản đã ký hai bên có trách nhiệm thông báo cho nhau biết trước 30 ngày để giải quyết, mọi thay đổi đều có phụ lục hợp đồng kèm theo.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng Tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Tín

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: 0109/2024/HĐKT/DT-ĐTTN

HỢP ĐỒNG

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG
THƯỜNG**

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ vào thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021, quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường.
- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty TNHH Môi Trường đô thị Trục Ninh.

Hôm nay 01 ngày tháng 09 năm 2024. Tại trụ sở Công ty TNHH Môi trường đô thị Trục Ninh. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA

Địa chỉ: Phố Trung Sơn, Tỉnh lộ 510, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện: Ông NGUYỄN TRỌNG THÁU Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0237.3643.725 Fax:

Mã số thuế: 2800702548

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TRỤC NINH

Địa chỉ: Số nhà 50A, Tổ dân phố Trần Phú – Thị trấn Cổ Lễ – Trục Ninh – Nam Định.

Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Trung Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 0838235636

Tài khoản số: 3215201005547 tại Ngân hàng NN và PTNT huyện Trục Ninh

Mã số thuế: 0601136485

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển chất thải:

1. Địa điểm bàn giao chất thải tại: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta

Địa chỉ: Phố Trung Sơn, Tỉnh lộ 510, Thị trấn Bút Sơn, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH môi trường đô thị Trục Ninh.

Địa chỉ xử lý: Khu liên hợp xử lý rác thải phía Bắc huyện Trục Ninh.

3. Thời gian giao nhận: Theo kế hoạch phát sinh chất thải Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải.

4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của pháp luật và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Danh mục, đặc tính chất thải, đơn giá và thể thức thanh toán:

1. Danh mục và đơn giá xử lý chất thải công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Thời gian áp dụng
1	Chất thải công nghiệp thông thường (Da vụn, bóng hỏng và các loại rác trong quá trình sản xuất bóng)	kg	1.000	Từ ngày 01/09/2024 đến 31/12/2024
2	Chất thải công nghiệp thông thường (Da vụn, bóng hỏng và các loại rác trong quá trình sản xuất bóng)	kg	500	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/08/2025

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2. Đơn giá sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

3. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.

3. Phương thức thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và

các chứng từ chất thải có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển của bên B. Hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- d. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- e. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- f. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- g. Cung cấp thông tin về thành phần, nguồn gốc phát sinh của các loại chất thải để làm cơ sở tính toán phương án xử lý của bên B.
- h. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B:

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải thông thường.
- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường.
- c. Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- d. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải
- e. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- f. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- g. Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường,...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hay vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thoả đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Toà án có thẩm quyền tại Thanh Hóa giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định

cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Bảo mật:

a. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật)

b. Khi hợp đồng chấm dứt, hai bên không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của cả hai bên trong thời gian thực hiện hợp đồng và sẽ không đưa ra bất kì phản đối nào

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng:

a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 8: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên A đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung, thì mặc nhiên hợp đồng tự động gia hạn.

2. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, bên A giữ 03 (ba) bản B giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Châu


ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----  -----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/HĐKT/2025/DHLG&NSEC

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua và ban hành ngày 17/01/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 06/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ký ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ vào Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ký ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ký ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp lần thứ 6 ngày 07/06/2021;
- Căn cứ và nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DELTA HOÀNG LONG

Địa chỉ : Thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 02373643725

Mã số thuế : 2803054207

Người đại diện : Ông Nguyễn Trọng Tín Chức vụ : Phó Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NGHI SƠN.

Địa chỉ : KKT Nghi Sơn, Xã Trường Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại : (0237) 3972 566 Fax : (0237) 3972 565

Tài khoản : 515159999 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thanh Hóa.

Mã số thuế : 2801403389

Người đại diện : Ông Nguyễn Tất Thành Chức vụ : Tổng Giám đốc

HAI BÊN ĐỒNG Ý KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC.

1.1 Địa điểm thu gom, vận chuyển và xử lý

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý đảm nhiệm cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Bên A: **Công ty TNHH Delta Hoàng Long có địa chỉ tại thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Đồng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.** Chuyển đến địa điểm Nhà máy xử lý chất thải của Công ty Cổ Phần Môi Trường Nghi Sơn tại khu xử lý chất thải tập trung Nghi Sơn, Khu KT Nghi Sơn, xã Trường lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và xử lý toàn bộ chất thải theo đúng quy định của Pháp luật.

1.2 Thời gian thu gom, vận chuyển và xử lý

Bên A sắp xếp lịch thu gom và chủ động thông báo cho bên B trước 07 (bảy) ngày bằng Email hoặc liên hệ vào số điện thoại hotline: 0942 129 129 (Ms Nguyệt) để 2 bên phối hợp thực hiện thu gom chất thải nguy hại cho bên A.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải nguy hại	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Ghi chú
01	Dung dịch tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại	Kg	07 01 06	Trộn gói 10.000.000vnd/ 1 lần thu gom/ 1 năm	Khối lượng thu gom trộn gói từ 01-1.000kg/lần
02	Mực in thải	Kg	08 02 01		
03	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Kg	08 02 04		
04	Chất thải y tế	Kg	13 01 01		
05	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (Nhiệt kế, huyết áp kế..)	Kg	13 03 01		
06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06		
07	Các loại dầu mỡ thải	Kg	16 01 08		
08	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Kg	18 01 02		
09	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Kg	18 01 03		
10	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Kg	18 02 01		

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Nếu khối lượng vượt trên 1000kg/ lần thu gom thì phần khối lượng vượt sẽ tính giá 8000đ/kg

2.2 Phương thức thanh toán.

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng **chuyển khoản** chậm nhất **trong vòng 15 (mười lăm) ngày** kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 - + Biên bản bàn giao xử lý chất thải
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.
 - + Chứng từ chất thải nguy hại
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ
 - + Giấy đề nghị thanh toán

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ khoa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải của Bên A:

3.1. Trách nhiệm của Bên A.

- Thông báo cho bên B về lịch thu gom chất thải nguy hại trước ít nhất năm (05) ngày.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng theo hợp đồng. Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng gói chất thải theo đúng quy định, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải, mã chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án bổ sung kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình bốc xếp, vận chuyển, cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải nguy hại của Bên A do Bên B thực hiện, việc kiểm tra giám sát này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- Khối lượng chất thải nguy hại chuyển giao cho Bên B tùy thuộc vào nhu cầu của Bên A.
- Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý.

3.2. Trách nhiệm của Bên B.

- Chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, nhân công bốc xếp và vận chuyển về nơi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước.
- Bảo đảm quá trình bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại theo đúng các quy định hiện hành của Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề sự cố xảy ra và thông báo tình hình sự cố (nếu có) cho Bên A biết để cùng hợp tác giải quyết.
- Có phương án xử lý sự cố đối với tình huống tràn đổ hóa chất hoặc cháy nổ và đào tạo cho nhân viên của Bên B phương án xử lý sự cố đó.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của Bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó.
- Chuẩn bị sẵn chứng từ chất thải nguy hại theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Có trách nhiệm thường xuyên cải thiện công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất và giảm xử lý chi phí cho Bên A.
- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại mà Bên A đã giao trong các trường hợp sau:

- + Trong quá trình vận chuyển gây tràn, đổ ... làm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- + Rác thải bị thất thoát ra ngoài gây hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- + Quy trình xử lý rác thải nguy hại không đảm bảo đúng các yêu cầu về an toàn môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành vào chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A các liên theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ký ngày 10/1/2022 quy định về Quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

ĐIỀU 4: BẤT KHẢ KHÁNG

4.1. Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng bao gồm những hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của pháp luật, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như không có giấy phép, mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

4.2. Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá **03 (ba) ngày**. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị chịu ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

4.3. Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận bản chất và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN.

5.1. Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả hai Bên.

5.2. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.

5.3. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu.

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG.

6.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định), Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng.

6.2. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa để phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

7.1 Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

7.2 Trong thời hạn hợp đồng, bên A không yêu cầu bên B thu gom chất thải thì tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về quản lý chất thải của mình.

7.3 Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau 03 (ba) ngày kể từ ngày hết hiệu lực mà các bên không có thêm bất cứ thỏa thuận nào bằng văn bản thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

7.4 Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

7.5 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Tín

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tất Thành



Số/No: 24.1091/KGZ/2024/Q4/299

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Nước thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MNT/2410.07/05	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	07/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	25/10/2024	

Kết quả phân tích mẫu nước					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			NT		
1.	pH	-	7,0	TCVN 6492:2011	5,5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	32	TCVN 6625:2000	100
3.	BOD ₅	mg/L	10	TCVN 6001-1:2008	50
4.	COD	mg/L	26	SMEWW 5220C:2017	150
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,54	TCVN 6179-1:1996	10
6.	Tổng N	mg/L	<2	TCVN 6638:2000	40
7.	Dầu mỡ ĐTV*	mg/L	<0,3	SMEWW 5520.B&F:2017	-
8.	Coliform*	MPN/100mL	700	SMEWW 9221.B:2017	5.000

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long. Tọa độ: X=2193842; Y=589277

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B);

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Đức



Số/No: 24.1094/KGZ/2024/Q4/302

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Nước thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MNT/2410.08/02	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	08/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	25/10/2024	

Kết quả phân tích mẫu nước					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			NT		
1.	pH	-	6,86	TCVN 6492:2011	5,5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	32	TCVN 6625:2000	100
3.	BOD ₅	mg/L	22	TCVN 6001-1:2008	50
4.	COD	mg/L	8	SMEWW 5220C:2017	150
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1,02	TCVN 6179-1:1996	10
6.	Tổng N	mg/L	2,5	TCVN 6638:2000	40
7.	Dầu mỡ ĐTV*	mg/L	<0,3	SMEWW 5520.B&F:2017	-
8.	Coliform*	MPN/100mL	1.100	SMEWW 9221.B:2017	5.000

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long. Tọa độ: X=2193842; Y=589277

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B);

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KGZ

GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Đức



Số/No: 24.1102/KGZ/2024/Q4/313

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Nước thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MNT/2410.09/02	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	09/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	30/10/2024	

Kết quả phân tích mẫu nước					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			NT		
1.	pH	-	6,85	TCVN 6492:2011	5,5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	29	TCVN 6625:2000	100
3.	BOD ₅	mg/L	8	TCVN 6001-1:2008	50
4.	COD	mg/L	22	SMEWW 5220C:2017	150
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1,15	TCVN 6179-1:1996	10
6.	Tổng N	mg/L	3,2	TCVN 6638:2000	40
7.	Dầu mỡ ĐTV*	mg/L	<0,3	SMEWW 5520.B&F:2017	-
8.	Coliform*	MPN/100mL	1.200	SMEWW 9221.B:2017	5.000

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long. Tọa độ: X=2193842; Y=589277

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B);

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Đức

Trang/Pages: 1/1

KGZ.BM 01.1/22

Lần BH: 01.2022

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư KGZ
- Thông số có đánh dấu * là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
- Phiếu kết quả này có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng gửi đến, mẫu do PTN lấy về và mẫu do đơn vị thầu phụ quan trắc được KGZ thuê;



Số/No: 24.1119/KGZ/2024/Q4/305

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Khí thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MKT/2410.15/03	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	15/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	25/10/2024	

Kết quả phân tích mẫu khí thải					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			KT		
1.	Lưu lượng	m ³ /h	22.020	EPA Method 2	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	50,6	EPA Method 5	200
3.	CO	mg/Nm ³	78	KGZ SOP.QT.KT.08	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	30	KGZ SOP.QT.KT.08	500
5.	NO _x	mg/Nm ³	35	KGZ SOP.QT.KT.08	850

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X=2194706; Y=589273

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B)

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Đức



Số/No: 24.1126/KGZ/2024/Q4/306

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Khí thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MKT/2410.16/02	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	16/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	25/10/2024	

Kết quả phân tích mẫu khí thải					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			KT		
1.	Lưu lượng	m ³ /h	22.477	EPA Method 2	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	61,2	EPA Method 5	200
3.	CO	mg/Nm ³	69	KGZ.SOP.QT.KT.08	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	28	KGZ.SOP.QT.KT.08	500
5.	NO _x	mg/Nm ³	35	KGZ.SOP.QT.KT.08	850

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X=2194706; Y=589273

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B)

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Đức



Số/No: 24.1130/KGZ/2024/Q4/357

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng/ Customer name	:	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	
Địa điểm quan trắc/ Monitoring location	:	Trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long và Trường liên cấp quốc tế Delta - xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	
Loại mẫu/ Type	:	Khí thải	Số lượng mẫu : 01
Mã mẫu/Sample encryption	:	MKT/2410.17/01	
Ngày quan trắc/ Monitoring date	:	17/10/2024	
Ngày trả kết quả/ Results date	:	01/11/2024	

Kết quả phân tích mẫu khí thải					
Stt No	Thông số Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Testing method	Quy Chuẩn Standard
			KT		
1.	Lưu lượng	m ³ /h	22.804	EPA Method 2	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	59,6	EPA Method 5	200
3.	CO	mg/Nm ³	62	KGZ.SOP.QT.KT.08	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	36	KGZ.SOP.QT.KT.08	500
5.	NO _x	mg/Nm ³	26	KGZ.SOP.QT.KT.08	850

Ghi chú/Remark:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X-2194706; Y-589273

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B)

+ (-): Không quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM/
QA/QC

Đỗ Thị Huyền

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4444024005

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Chứng nhận thay đổi lần thứ 01: Ngày 05 tháng 7 năm 2021.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trường liên cấp quốc tế Delta;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000058 do UBND tỉnh Thanh Hóa chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 (cấp cho Công ty cổ phần Dụng cụ thể thao Delta đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa sinh thái Delta);

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Dụng cụ thể thao Delta nộp ngày 28 tháng 5 năm 2021,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

Chứng nhận:

Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000058 do UBND tỉnh Thanh Hóa chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2015, cấp cho Công ty cổ phần Dụng cụ thể thao Delta đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa sinh thái Delta (được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021); đăng ký điều chỉnh các nội dung: Tên dự án; mục tiêu và quy mô dự án; diện tích đất thực hiện dự án; tổng vốn đầu tư dự án; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800702548 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/12/2019.



Địa chỉ trụ sở chính: Phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Thấu; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; sinh ngày 02/7/1962; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 170153852, cấp ngày 22/3/2016 tại Công an Thanh Hoá; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Số nhà 154, phố Tân Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA.

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Trường liên cấp quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết và ngày càng lớn về đào tạo giáo dục trong môi trường chất lượng cao tại bậc học tiểu học, trung học cơ sở tại địa phương và vùng phụ cận, chú trọng đào tạo các kỹ năng cần thiết cho các em học sinh; giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

3. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng Trường liên cấp với quy mô khoảng 1.595 học sinh, 02 cấp học (cấp tiểu học và trung học cơ sở), bao gồm xây dựng khối tiểu học A (04 tầng, diện tích xây dựng 420 m²), khối tiểu học B (04 tầng, diện tích 547 m²), nhà hiệu bộ (03 tầng, diện tích 467 m²), khối trung học A (04 tầng, diện tích 486 m²), khối trung học B (04 tầng, diện tích 530 m²), nhà thư viện (03 tầng, diện tích 624 m²), nhà nội trú (04 tầng, diện tích 1.010 m²), nhà căng tin (02 tầng, diện tích 930 m²), bể bơi trong nhà (diện tích 2.181 m²), nhà thi đấu đa năng (diện tích 2.262 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Phạm vi khu đất được xác định tại thửa đất số 114, tờ số 23, bản đồ địa chính xã Hoàng Đồng, đo vẽ năm 2014.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 30.242 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 150 tỷ đồng; trong đó: Vốn tự có của Công ty là 54 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 36%), vốn vay và huy động hợp pháp khác là 96 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 64%).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 26/3/2062.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1 (đầu tư xây dựng khối tiểu học, nhà hiệu bộ, nhà căng tin, nhà thi đấu đa năng và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ):

+ Khởi công xây dựng: Quý IV/2021.

+ Hoàn thành, đi vào hoạt động: Quý III/2024.

- Giai đoạn 2 (đầu tư xây dựng khối trung học, nhà nội trú, bể bơi trong nhà, nhà thư viện và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ):

+ Thời gian xây dựng và đầu tư trang thiết bị trường học: Từ Quý II/2024 đến Quý II/2027.

+ Hoàn thành, đi vào hoạt động: Quý III/2027.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định nếu nhà đầu tư thực hiện đúng với hồ sơ đăng ký, đảm bảo các quy định về sổ sách kế toán và các điều kiện có liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư khi thực hiện dự án:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung đã đăng ký; chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận theo quy định của pháp luật hiện hành; chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thuế, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án, khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng đất,... trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi hoàn thành các hồ sơ, thủ tục của dự án và đáp ứng các điều kiện quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp Nhà nước thực hiện thu hồi đất để phục vụ dự án mở rộng đường tỉnh 510B, Công ty có trách nhiệm bàn giao khu đất thuộc dự án theo phương án GPMB được duyệt để Nhà nước đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và các quy định khác của luật pháp Việt Nam trong phạm vi có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư của dự án.

- Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020 và các quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp dự án chấm dứt hoạt động hoặc dự án phải dừng hoạt động do không đảm bảo đủ điều kiện theo quy định, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước không giải quyết tranh chấp giữa các Nhà đầu tư và tranh chấp giữa Nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000058, do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 30/6/2015.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND huyện Hoằng Hoá;
- Lưu: VT, KTDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Luân



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2243 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(cấp lần đầu: ngày 29 tháng 6 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta nộp ngày 28 tháng 5 năm 2021; văn bản bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2021 và ý kiến của các cơ quan liên quan;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4251/SKHĐT-KTĐN ngày 23 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư

- Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800702548 do Phòng Đăng ký kinh doanh,



Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/12/2019.

- Địa chỉ trụ sở chính: Phố Trung Sơn, tỉnh lộ 510, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên dự án: Trường liên cấp quốc tế Delta.

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Trường liên cấp quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về đào tạo giáo dục trong môi trường chất lượng cao tại các bậc học tiểu học, trung học cơ sở tại địa phương và vùng phụ cận, chú trọng đào tạo kỹ năng cần thiết cho học sinh; giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

4. Quy mô dự án:

Đầu tư xây dựng Trường liên cấp với quy mô khoảng 1.595 học sinh, 02 cấp học (cấp tiểu học và trung học cơ sở), bao gồm xây dựng khối tiểu học A (04 tầng, diện tích xây dựng 420 m²), khối tiểu học B (04 tầng, diện tích 547 m²), nhà hiệu bộ (03 tầng, diện tích 467 m²), khối trung học A (04 tầng, diện tích 486 m²), khối trung học B (04 tầng, diện tích 530 m²), nhà thư viện (03 tầng, diện tích 624 m²), nhà nội trú (04 tầng, diện tích 1.010 m²), nhà căng tin (02 tầng, diện tích 930 m²), bể bơi trong nhà (diện tích 2.181 m²), nhà thi đấu đa năng (diện tích 2.262 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ.

5. Diện tích sử dụng đất: 30.242 m².

6. Vốn đầu tư của dự án: 150 tỷ đồng; trong đó, vốn tự có của Công ty là 54 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 36%), vốn huy động hợp pháp khác là 96 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 64%).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 26/3/2062.

8. Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Phạm vi khu đất được xác định tại thửa đất số 114, tờ số 23, bản đồ địa chính xã Hoằng Đồng, đo vẽ năm 2014.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn 1 (đầu tư xây dựng khối tiểu học, nhà hiệu bộ, nhà căng tin, nhà thi đấu đa năng và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ):

+ Khởi công xây dựng: Quý IV/2021;

+ Hoàn thành, đi vào hoạt động: Quý III/2024.

- Giai đoạn 2 (đầu tư xây dựng khối trung học, nhà nội trú, bể bơi trong nhà, nhà thư viện và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ):

+ Thời gian xây dựng và đầu tư trang thiết bị trường học: Từ Quý II/2024 đến Quý II/2027;

+ Hoàn thành, đi vào hoạt động: Quý III/2027.

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật nếu nhà đầu tư thực hiện đúng với hồ sơ đăng ký, đáp ứng đủ các điều kiện liên quan theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư

- Hoàn thành hồ sơ, thủ tục về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, sử dụng đất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thỏa thuận theo quy định; triển khai thực hiện dự án theo đúng chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án. Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi hoàn thành các hồ sơ, thủ tục của dự án và đáp ứng các điều kiện quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp Nhà nước thực hiện thu hồi đất để phục vụ dự án mở rộng đường tỉnh 510B, Công ty có trách nhiệm bàn giao khu đất trên theo phương án giải phóng mặt bằng được duyệt để Nhà nước đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông theo quy định.

- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục quy định tại Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa theo quy định.

- Giao các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải; UBND huyện Hoằng Hóa và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết kịp thời những công việc có liên quan đến dự án theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 12 tháng, nếu Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta không hoàn thành hồ sơ sử dụng đất theo quy định thì Quyết định chấp thuận

chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này không còn giá trị pháp lý, Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta không được bồi thường, hỗ trợ bất kỳ các khoản kinh phí đã đầu tư, chi phí liên quan đến dự án.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa; Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta và một bản được lưu tại UBND tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải;
- UBND huyện Hoằng Hóa;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Công ty cổ phần Dụng cụ thể thao Delta

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 2800702548 cơ Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/3/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Sút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CR 100204

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 23, đo vẽ năm 2014
- b) Địa chỉ: Xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoa, tỉnh Thanh Hóa
- c) Diện tích: 30.242 m², (bằng chữ: Ba mươi nghìn hai trăm bốn mươi hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở y tế
- e) Thời hạn sử dụng: 26/3/2062
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở

3. Công trình và công trình

4. Bảng sản xuất và công trình

5. Cây lâu năm

6. **Ghi chú:**
- Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BU 696932 cấp ngày 14/10/2015.
 - Được miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 1288/QĐ - CT ngày 26/5/2010 của Cục thuế Thanh Hóa
 - Diện tích 4m² đất nghĩa địa (NTĐ) sau khi được di chuyển sẽ được cho thuê đất
 - Thửa 114 là thửa mới tạo thành theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 190/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng ĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22/4/2019

Các Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/01/2019, số 5234/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 và số 804/QĐ UBND ngày 26/3/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 4 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC

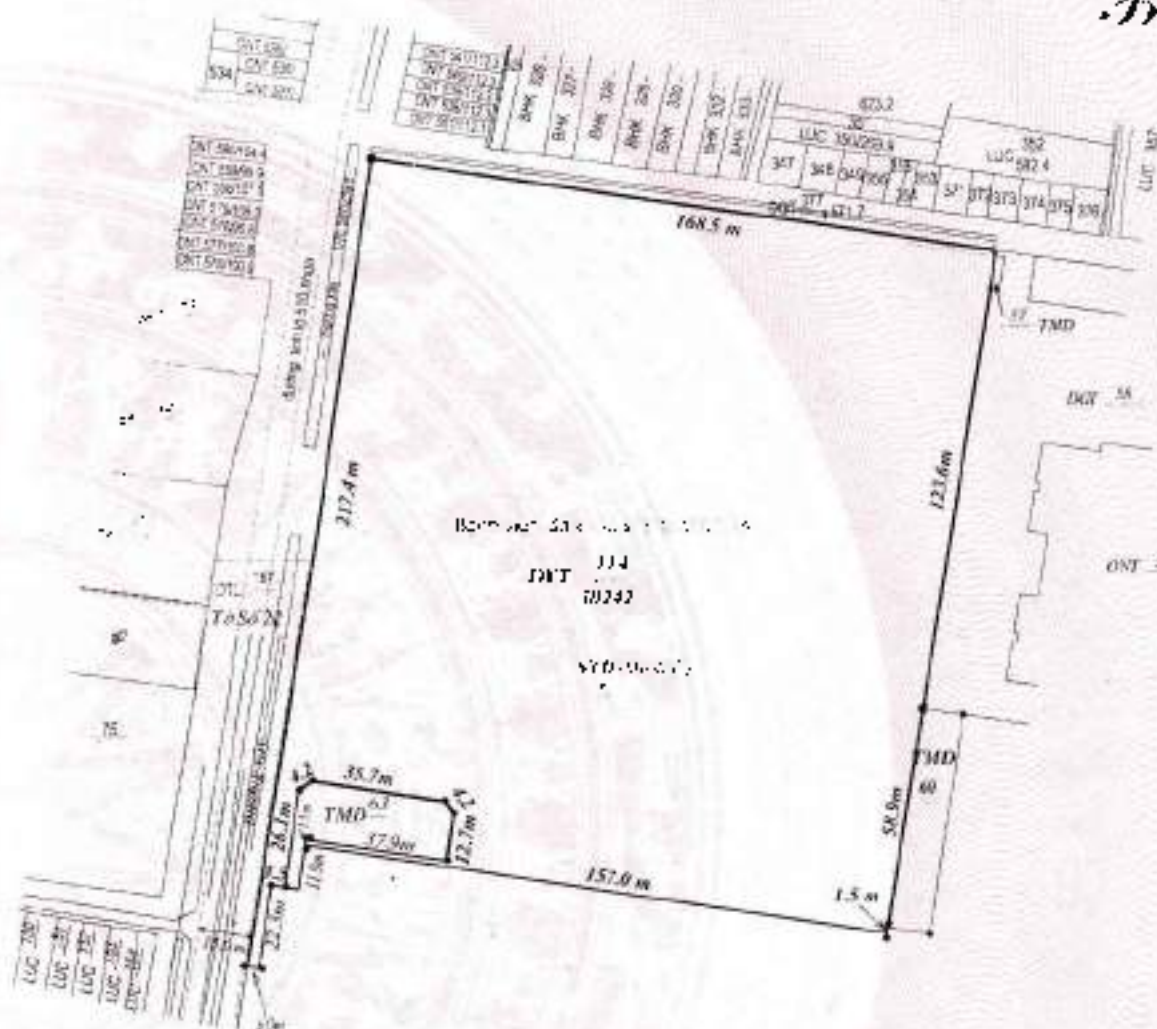
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Trọng Quang

Số hồ sơ cấp QCN: CT08307

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chuyển mục đích sử dụng đất từ "Đất xây dựng cơ sở y tế" sang
"Đất xây dựng cơ sở giáo dục" theo Quyết định số 2243/QĐ-UBND
ngày 29/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá. ✓

Ngày 08/6/2022



[Handwritten signature in blue ink]

GIÁM ĐỐC
Hoàng Vũ Tuyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1559719006230

Số: 06/GXN-UBND

Hoàng Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
UBND HUYỆN HOÀNG HÓA XÁC NHẬN**

Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại Hoàng Đồng vào ngày 29 tháng 12 năm 2021.

Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

- Đối với hệ thống công trình bảo vệ môi trường phải được xây dựng theo đúng vị trí đã được nêu trong hồ sơ kèm theo.

- Thời gian hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phải trước thời gian đi vào hoạt động.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần; bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm đền bù và khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta phải báo cáo với UBND huyện Hoàng Hóa khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện Hoàng Hóa.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. /

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta (T/h);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- UBND xã Hoàng Đồng;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2549* /UBND-KT&HT

Hoàng Hóa, ngày 25 tháng 7 năm 2024

V/v kiểm tra đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định của dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa

Kính gửi: Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta.

UBND huyện Hoàng Hóa nhận được Văn bản số 16/2024/CV-DT ngày 16/7/2024 của Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta về việc miễn giấy phép xây dựng dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa.

Sau khi xem xét, UBND huyện Hoàng Hóa có ý kiến như sau:

Dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa có quy mô cấp công trình là công trình cấp II; thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và cấp giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng.

Dự án đã được Chủ đầu tư thông báo khởi công tại Văn bản số 18/2022/TB-DT ngày 15/6/2022 và các hồ sơ có liên quan, qua công tác kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn; dự án này thuộc trường hợp xem xét miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g, khoản 2, Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (theo Văn bản số 5173/SXD-HT ngày 14/7/2024 của Sở Xây dựng v/v ý kiến về miễn giấy phép xây dựng dự án Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa); thời điểm kiểm tra dự án đủ điều kiện khởi công theo quy định.

Hiện nay dự án thuộc quy hoạch chung đô thị Thịnh Lộc đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 29/9/2023, do đó đề nghị Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

UBND huyện có ý kiến như trên để Công ty được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Ngọc Dự
Hoàng Ngọc Dự

Số: 5509 / QĐ- UBND

Hoàng Hóa, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường
liên cấp quốc tế DELTA tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Thịnh Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường liên cấp quốc tế DELTA tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2243/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 15753/UBND-CN ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thống nhất ủy quyền cho UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường liên cấp quốc tế DELTA tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 747/TĐ-KTHT ngày 25/11/2024 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trường liên cấp quốc tế Delta tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa và các văn bản tham gia ý kiến về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của các sở ngành liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số: 8218/STNMT-QLĐĐ ngày 11/9/2024 và văn bản số 10739/STNMT-BVMT ngày 22/11/2024; Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 2779/SGDDT-KHTC ngày 09/9/2024; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6102/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 11/9/2024 và Sở Xây dựng tại văn bản số 7484/SXD-PTĐT ngày 18/10/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường liên cấp quốc tế DELTA tại xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, với các nội dung chính sau:

1. Lý do điều chỉnh cục bộ:

Do hệ thống xử lý nước thải tập trung trong khu vực chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ (chưa có khả năng kết nối với hệ thống thoát nước thải tập trung), do vậy cần bổ sung bể xử lý nước thải phi tập trung trong phạm vi dự án để đảm bảo quy định về xử lý nước thải theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải, làm cơ sở để triển khai các thủ tục tiếp theo (đánh giá tác động môi trường,...) của dự án.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bổ sung quy hoạch bể xử lý nước thải (ngầm, diện tích 128m²) tại vị trí quy hoạch bãi đỗ xe nội bộ. Đồng thời bố trí lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sân đường, bãi đỗ xe tại khu vực bố trí bể xử lý nước thải để đảm bảo yêu cầu, công năng sử dụng.

- Bảng thống kê sử dụng đất:

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Theo quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 (m ²)	Quy hoạch sau điều chỉnh (m ²)	Tầng cao	Số sánh tăng (+), giảm (-)	Tỉ lệ sau điều chỉnh(%)
A	Các khu chức năng		9.677,00	9.805,00		128,0	33,71
1	Cổng trường	1	220,00	220,00	1	0,00	
2	Khối Nhà tiểu học	2	967,00	967,00	4	0,00	

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Theo quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 (m2)	Quy hoạch sau điều chỉnh (m2)	Tầng cao	So sánh tăng (+), giảm (-)	Tỉ lệ sau điều chỉnh(%)
2.1	Nhà tiểu học A	2A	420,00	420,00		0,00	
2.2	Nhà tiểu học B	2B	547,00	547,00		0,00	
3	Nhà hiệu bộ	3	467,00	467,00	3	0,00	
4	Khối nhà trung học cơ sở	4	1.016,00	1.016,00	4	0,00	
4.1	Nhà trung học cơ sở A	4A	486,00	486,00		0,00	
4.2	Nhà trung học cơ sở B	4B	530,00	530,00		0,00	
5	Nhà thư viện	5	624,00	624,00	3	0,00	
6	Nhà lưu trú	6	1.010,00	1.010,00	4	0,00	
7	Nhà căng tin	7	930,00	930,00	2	0,00	
8	Bể bơi thi đấu trong nhà	8	2.181,00	2.181,00	3	0,00	
9	Nhà thi đấu đa năng	9	2.262,00	2.262,00	3	0,00	
10	Hệ thống cầu nổi	10					
11	Khu bể ngầm xử lý nước thải	11		128,00		128,00	
B	Cây xanh, sân chơi thể thao		12.549,00	12.011,30		-537,70	41,29
C	Giao thông, bãi đỗ xe		6.864,00	7.273,70		409,70	25,00
Tổng diện tích lập quy hoạch			29.090,00	29.090,00			100,00

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường liên cấp quốc tế DELTA tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt tại Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu cho UBND huyện và địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy định được duyệt.

- Chịu trách nhiệm tổ chức công bố công khai quy hoạch; phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành

- Phối hợp với UBND xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh của đồ án theo quy định.

2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và số liệu thẩm định, trình phê duyệt; có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định. Các

phòng ban chức năng liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài Chính, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta thực hiện các nội dung về đất đai và nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên – Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; UBND xã Hoằng Đồng; Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các sở: TNMT; Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Dự

Số: 187 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 02/PCCC ngày 20/5/2022 của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Nguyễn Trọng Thấu; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH - CÔNG AN TỈNH THANH HÓA
CHỨNG NHẬN:

Công trình: Trường liên cấp quốc tế Delta.

Địa điểm xây dựng: Xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Việt Nam;
Công ty TNHH TMXD và PCCC Thủ Đô.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy;
2. Bậc chịu lửa; bố trí công năng của công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;
3. Hạng nguy hiểm cháy, nổ; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
4. Lối, đường thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước;
6. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà;
7. Trang bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy ban đầu;
8. Hệ thống chống sét; Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2 đến trang 4.

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2022

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an (để b/c);
- Đ/c Trưởng phòng (để b/c);
- CA huyện Hoàng Hóa (để p/h);
- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, Đ2.



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Lê Đình Lợi

2
**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 187/TĐ-PCCC ngày 21/10/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
	* Quy mô công trình: Trường liên cấp quốc tế Delta có quy mô khoảng 1.595 học sinh với 02 cấp học, gồm các hạng mục công trình như sau: - Khối nhà tiểu học 2A: 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 437m²; chiều cao PCCC là 13,05m; chiều cao đến mái là 19,95m. - Khối nhà tiểu học 2B: 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 545,7m²; chiều cao PCCC là 13,05m; chiều cao đến mái là 19,95m. - Nhà hiệu bộ: 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 430,5m²; chiều cao PCCC là 9,25m; chiều cao đến mái là 18,15m. - Khối nhà trung học 4A: 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 497m²; chiều cao PCCC là 13,35m; chiều cao đến mái là 20,25m. - Khối nhà trung học 4B: 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 540m²; chiều cao PCCC là 13,35m; chiều cao đến mái là 20,25m. - Nhà thư viện: 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 624,3m²; chiều cao PCCC là 13,65m; chiều cao đến mái là 21,25m. - Nhà nội trú: 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1010,3m²; chiều cao PCCC là 13,35m; chiều cao đến mái là 20,25m. - Nhà căng tin: 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 888m²; chiều cao PCCC là 5,55m; chiều cao đến mái là 11,75m. - Nhà bể bơi: 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 875m²; chiều cao PCCC là 10,95m; chiều cao đến mái là 18,45m. - Nhà thi đấu đa năng: 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2253,8m²; chiều cao PCCC là 10,95m; chiều cao đến mái là 18,45m. - Các hạng mục phụ trợ khác * Các hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan: - Hệ thống báo cháy tự động; - Hệ thống cấp nước chữa cháy cho công trình gồm: hệ thống chữa cháy ngoài nhà, hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà và hệ thống chữa cháy tự động bằng nước; - Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn chỉ dẫn thoát nạn; - Trang bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy ban đầu.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Tổng mặt bằng, giao thông: MB-01; MB-02	
2	Khối nhà tiểu học 2A	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-II.A.01 đến KT-II.A.14; KT-II.A.26; KT-II.A.27; C-01 đến C-04	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-12 đến KC-29	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-03	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-09	
3	Khối nhà tiểu học 2B	

-	Bản vẽ kiến trúc: KT-II.B.01 đến KT-II.B.13; KT-27; KT-28; KT-37 đến KT-42	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-14 đến KC-33	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-03	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-09	
4	Nhà hiệu bộ	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-III.01 đến KT-III.13; KT-III.19; C-III.01 đến C-III.05	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-12 đến KC-30	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-12	
5	Khối nhà trung học 4A	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-IV.A.01 đến KT-IV.A.14; KT-IV.A.25; KT-IV.A.26; C-IV.A.01 đến C-IV.A.06	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-11 đến KC-33	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-03	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-09	
6	Khối nhà trung học 4B	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-IV.B.01 đến KT-IV.B.14; KT-IV.B.25; KT-IV.B.26; C-IV.B.01 đến C-IV.B.05	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-09 đến KC-26	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-03	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-09	
7	Nhà thư viện	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-V.01 đến KT-V.10; KT-V.17 đến KT-V.23; C-V.01 đến C-V.06	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-08 đến KC-11; KC-15 đến KC-19; KC-23 đến KC-27; KC-31 đến KC-36; KC-40; KC-41	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-16	
8	Nhà nội trú	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-VI.01 đến KT-VI.20; KT-VI.27; KT-VI.28; C-VI.01 đến C-VI.07	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-08 đến KC-24	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-15	
9	Nhà căng tin	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-VII.01 đến KT-VII.13; KT-VII.22; C-VII.01 đến C-VII.06	



-	Bản vẽ kết cấu: KC-08 đến KC-25	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-09	
10	Nhà bể bơi	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-VIII.01 đến KT-VIII.15; KT-VIII.25 đến KT-VIII.27; C-VIII.01 đến C-VIII.08	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-19 đến KC-27; KC-35; KC-37	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-12	
11	Nhà thi đấu đa năng	
-	Bản vẽ kiến trúc: KT-IX.01 đến KT-IX.15; KT-IX.25 đến KT-IX.27; C-IX.01 đến C-IX.08	
-	Bản vẽ kết cấu: KC-11 đến KC-19; KC-25; KC-27	
-	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 đến CS-04	
-	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-13	
12	Bản vẽ PCCC ngoài nhà; Bản vẽ nhà bơm, bố trí thiết bị nhà bơm: MBPCCC-01 đến MB-PCCC-03; B-01	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 640/BSM-KT&QLCT
V/v thỏa thuận xả nước thải vào kênh
Thái Vinh tại K3+108 xã Hoàng
Đông, huyện Hoàng Hóa.

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta.

Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã nhận được công văn số 52/2021/CV-DT ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta, về việc xin thỏa thuận đầu nối thoát nước cho dự án Trường liên cấp quốc tế Delta. Sau khi kiểm tra thực tế Công ty có ý kiến như sau:

Kênh Thái Vinh đoạn qua dự án có nhiệm vụ tiêu cho 280 ha của xã Hoàng Thái, Hoàng Thịnh, Hoàng Đông và thị trấn Bút Sơn huyện Hoàng Hóa, lưu lượng $Q = 1,25 \text{ m}^3/\text{s}$.

Trên cơ sở Luật Thủy lợi, đề nghị của Công ty Delta, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã thỏa thuận cho xả nước thải xuống kênh tiêu Thái Vinh tại K3+108 với lưu lượng xả thải lớn nhất $25 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm theo phương thức lắp đặt hệ thống ống dẫn có khóa điều tiết tại cửa ra, chế độ xả thải 24h/ngày đêm và đảm bảo yêu cầu sau:

Nguồn nước thu gom trong dự án Trường Liên cấp quốc tế Delta gồm nước mưa, nước thải sinh hoạt phải được xử lý trước khi xả thải ra kênh Thái Vinh tuân thủ TCKT 01:2018/TCTL Quy định kỹ thuật nước xả thải vào công trình thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Luật Thủy lợi và các quy định, Pháp luật khác có liên quan.

Trước khi thực hiện dự án hồ sơ phải được cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo Điều 44 Luật Thủy lợi và Điều 16 Nghị Định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Thông báo kế hoạch thi công cho Chi nhánh thủy lợi Hoàng Hóa biết để phối hợp trong quá trình thực hiện.

Trên đây là thỏa thuận xả nước thải vào kênh Thái Vinh tại K3+108 để Công ty Delta có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

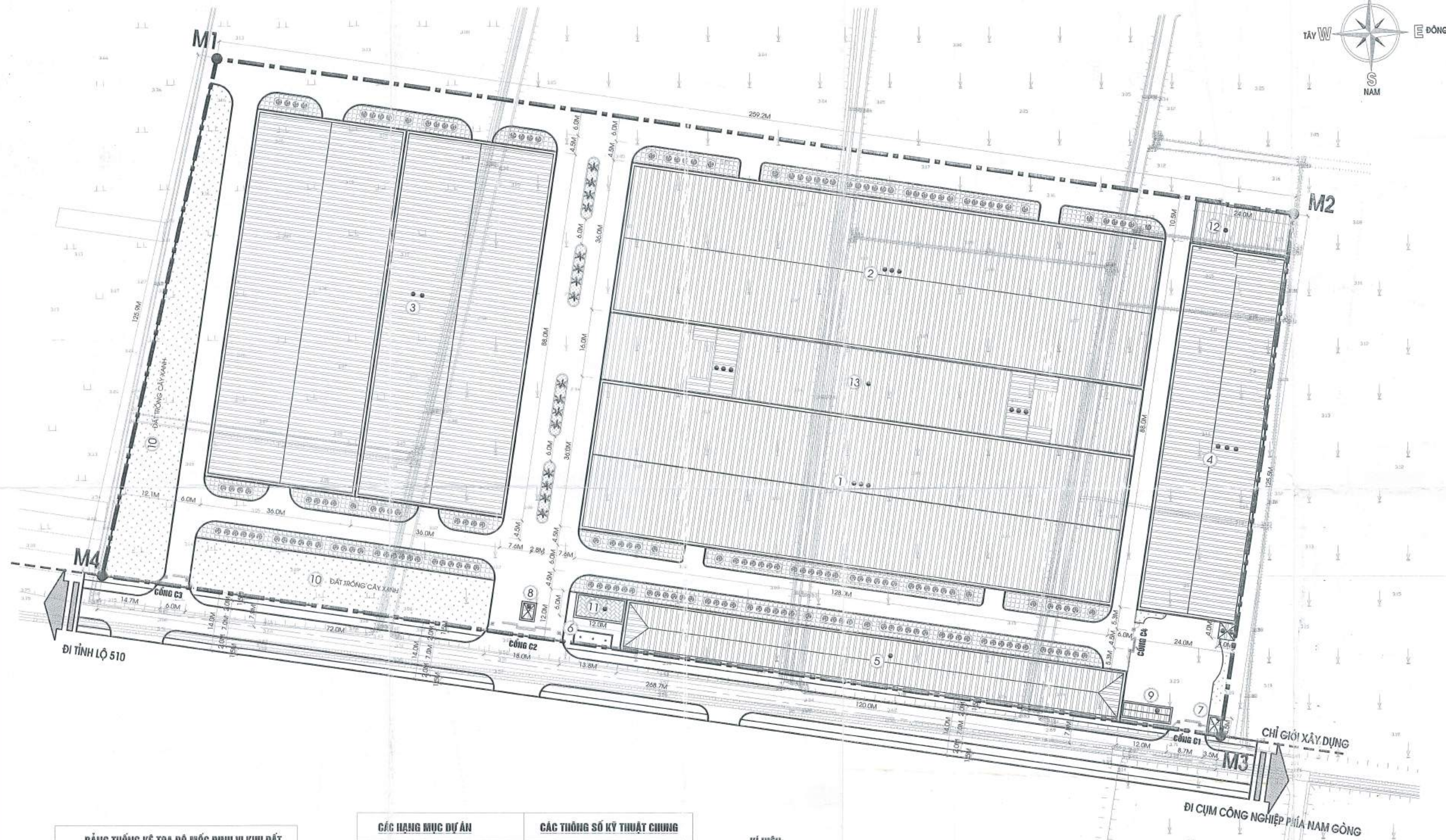
Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, giám đốc công ty (b/c);
- Phó Giám đốc công ty;
- Chi nhánh TL Hoàng Hóa (giám sát t/h);
- Lưu: VT, KT&QLCT.



Lương Quốc Luận

TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG - TỈ LỆ : 1/500



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT			
TT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ Y	TỌA ĐỘ X
1	M1	585021.726	2194739.120
2	M2	589278.321	2914702.465
3	M3	589260.568	2914578.227
4	M4	588994.572	2914616.227

CÁC HẠNG MỤC DỰ ÁN	CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG
1 - NHÀ LƯỞNG SỐ 1 2 - NHÀ LƯỞNG SỐ 2 3 - NHÀ KHO 4 - NHÀ ĐIỀU HÀNH, KHO, ĐẾ XE VÀ NHÀ ĂN CHÁ 5 - NHÀ ĐẾ XE 6 - TRẠM BIẾN THÉ 2X500KVA-35/0.4KV 7 - NHÀ LÀO VỆ SỐ 1 8 - NHÀ BẢO VỆ SỐ 2 9 - NHÀ ĐẾ XE Ô TÔ 10 - ĐẤT TRỒNG CÂY XANH 11 - NHÀ TRẠM ĐIỆN + TRẠM BƠM 12 - NHÀ LỒ HƠI 13 - CẦU NƠI + MÁI CHE	- KHU ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BẰNG CÁC ĐIỂM: M1, M2, M3, M4 - DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 33.125 M2 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 19.550,5 M2 - DIỆN TÍCH SẢN XÂY DỰNG : 48.566,7 M2 - DIỆN TÍCH SÀN + ĐƯỜNG : 8.826,1 M2 - DIỆN TÍCH VÍA HÈ, CÂY XANH: 4.748,4 M2 - MẬT ĐỘ XÂY DỰNG : 59% - HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT : 1,47 LẦN

- KÍ HIỆU:
- | | | | |
|--|-------------------|--|-------------|
| | BIÊN GIỚI KHU ĐẤT | | VÍA HÈ |
| | VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH | | TƯỜNG RÀO |
| | ĐƯỜNG GIỚI THÔNG | | MÀI TÓN |
| | CÂY XANH, THÂM CỎ | | MÁI BÉ TÔNG |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
SỐ MẶT BẰNG: 03/MB&H ngày 20.12.2018

Le Sỹ Nghiêm

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG - UBND HUYỆN HOÀNG HÓA

Hoàng Ngọc Dự

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG
KÈM THEO VẤN BẢN SỐ: 48 NGÀY 04 THÁNG 12 NĂM 2018

Nguyễn Trọng Bình

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
XÃ HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG

TÊN BẢN VẼ: GHÉP: TỶ LỆ: 1/500 NGÀY:

THỂ HIỆN: LÊ TIẾN DŨNG

THIẾT KẾ: LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ: NGUYỄN THẾ SƠN

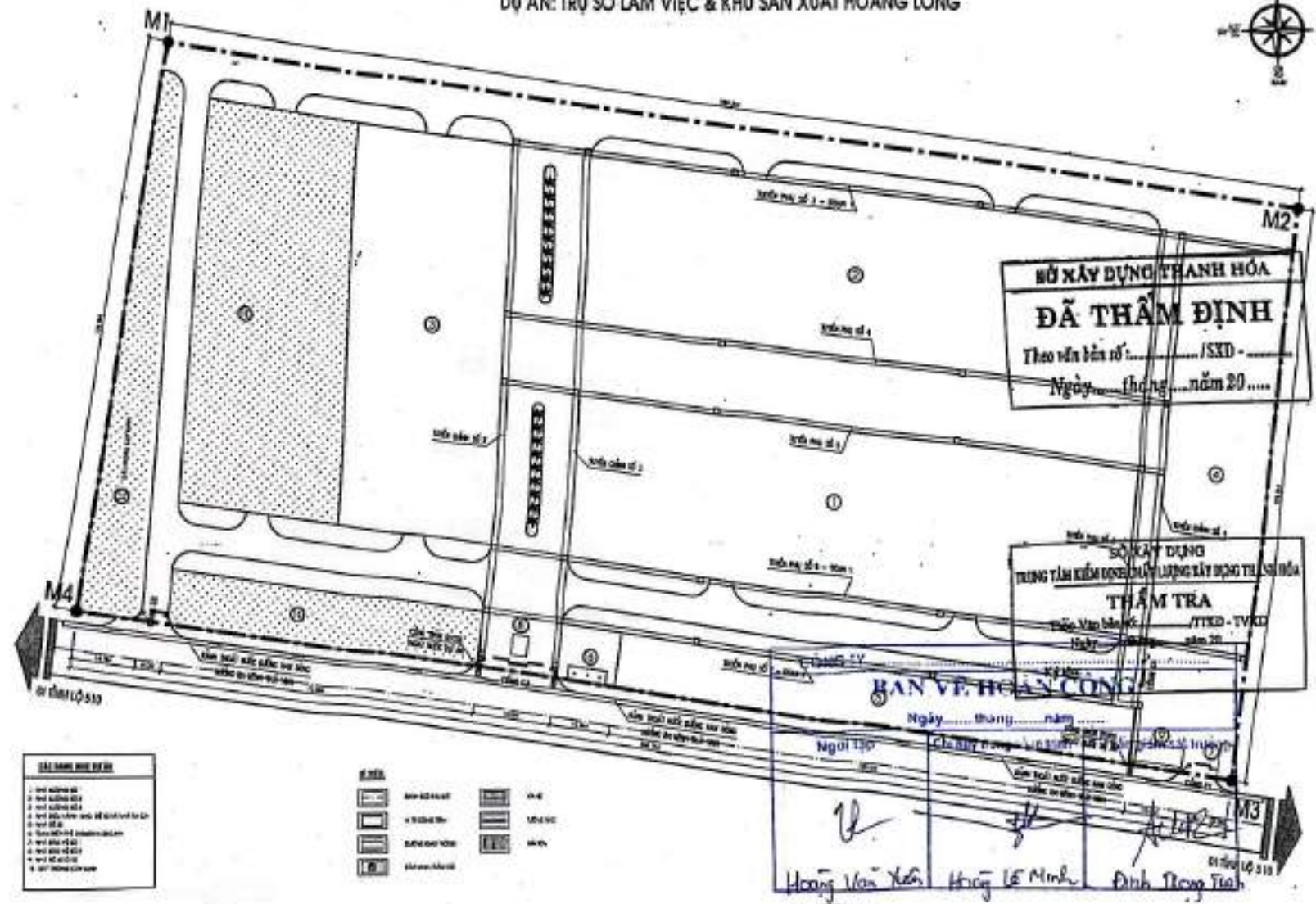
Q.L.KỸ THUẬT: ĐAM CẢNH THÈM

Nguyễn Trọng Bình

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG

ĐỊA ĐIỂM: THÔN 1 - XÃ HOÀNG ĐÔNG - HUYỆN HOÀNG HÓA - THANH HÓA
ĐIỆN THOẠI: 02373.963.355

MẶT BẰNG BỐ TRÍ RÀNH THOÁT NƯỚC MẶT - GIAI ĐOẠN 1
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG



- LEGENDA**
- 1. Rãnh thoát nước mưa
 - 2. Rãnh thoát nước thải
 - 3. Rãnh thoát nước sinh hoạt
 - 4. Rãnh thoát nước mưa
 - 5. Rãnh thoát nước thải
 - 6. Rãnh thoát nước sinh hoạt
 - 7. Rãnh thoát nước mưa
 - 8. Rãnh thoát nước thải
 - 9. Rãnh thoát nước sinh hoạt

- LEGENDA**
- 1. Rãnh thoát nước mưa
 - 2. Rãnh thoát nước thải
 - 3. Rãnh thoát nước sinh hoạt
 - 4. Rãnh thoát nước mưa
 - 5. Rãnh thoát nước thải
 - 6. Rãnh thoát nước sinh hoạt
 - 7. Rãnh thoát nước mưa
 - 8. Rãnh thoát nước thải
 - 9. Rãnh thoát nước sinh hoạt

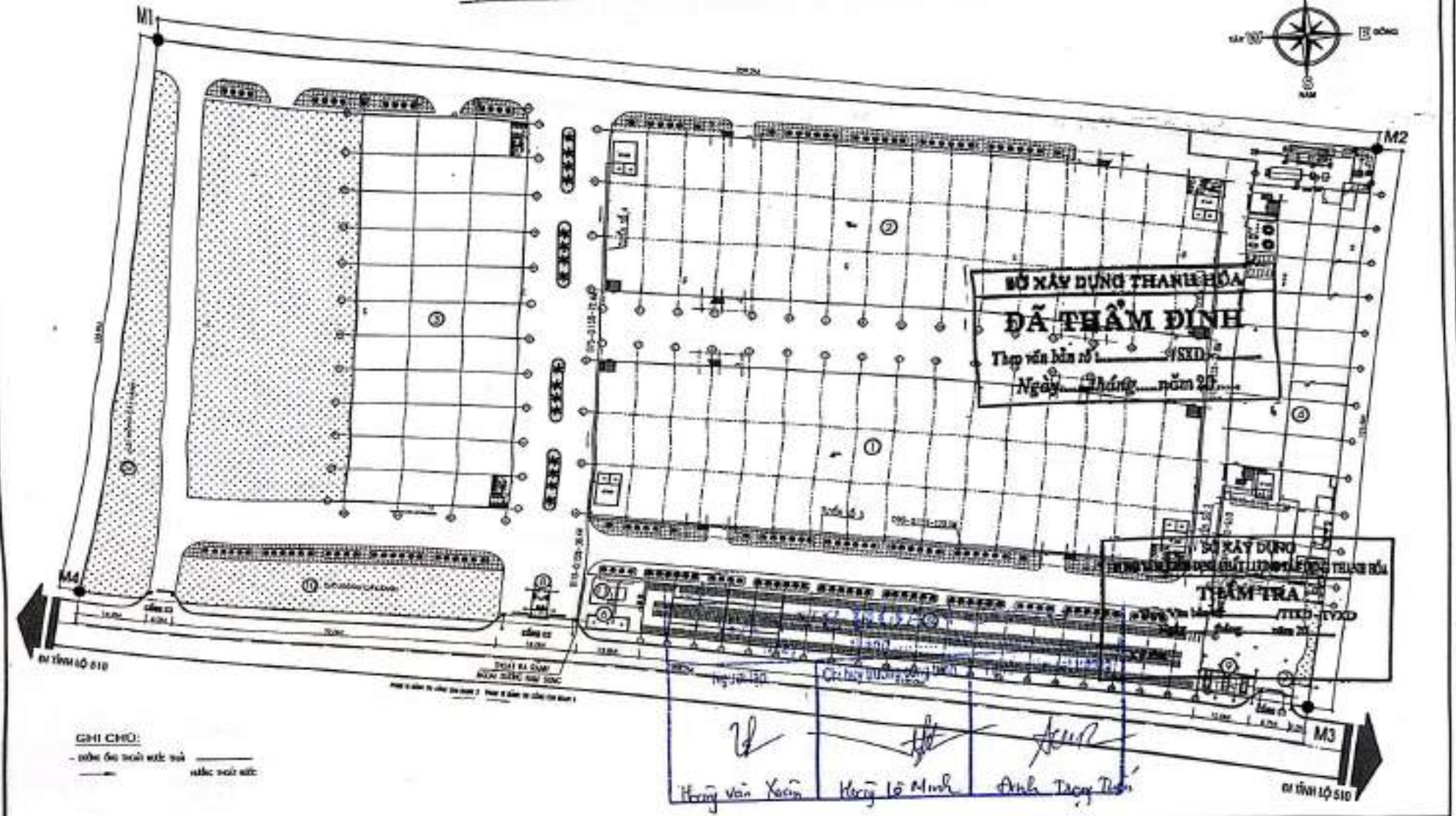
CÔNG TY TNHH DỰNG CỤ THỂ THAO - HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỖ ĐÁU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DRAWING	CHỖ TRẠCH / RESPONSIBILITY	NGƯỜI TRẠCH / SIGNATURE	NGÀY / DATE	THỜI GIAN / DURATION	LIÊN LẠC / CONTACT	CHỖ TRẠCH / RESPONSIBILITY	NGƯỜI TRẠCH / SIGNATURE	NGÀY / DATE
CÔNG TY TNHH DỰNG CỤ THỂ THAO - HOÀNG LONG Số 10, Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 0903 123 456	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DỰNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG DŨNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA	XÂY DỰNG KIẾN TRÚC	HỆ THỐNG RÀNH THOÁT NƯỚC MẶT	HỒ BẰNG BỐ TRÍ RÀNH THOÁT NƯỚC MẶT	CHỖ TRẠCH / RESPONSIBILITY		10/10/2023	10 ngày	0903 123 456	CHỖ TRẠCH / RESPONSIBILITY		10/10/2023

MẶT BẰNG CHI TIẾT RẠNH THOÁT NƯỚC MẶT - GIAI ĐOẠN 1
DỰ ÁN: TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG



CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG NG 10/TA BÀU TỶ THƯỜNG BẮC HUYỆN HOÀNG HÓA, THÀNH HÓA TEL: 0973.00.888 FAX: 0973.00.777	DỰ ÁN / PROJECT TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION XÃ HOÀNG BỐM, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA	HỢP PHẦN HẠ TẦNG KIẾN TRÚC	CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG MẠNH THOÁT NƯỚC MẶT	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG CHI TIẾT RẠNH THOÁT NƯỚC MẶT - GIAI ĐOẠN 1	CHỖ TRƯNG BÀY / DISPLAY LOCATION (Seal of the company)	CHỖ TRƯNG BÀY / DISPLAY LOCATION (Signature)	NGÀY / DATE (Signature)	CHỖ TRƯNG BÀY / DISPLAY LOCATION (Signature)	BẢN CẢNH / DRAWING NGÀY / DATE M8-02
---	--	---	--	-------------------------------	--	---	---	---	----------------------------	---	--

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI DỰ ÁN HOÀNG LONG

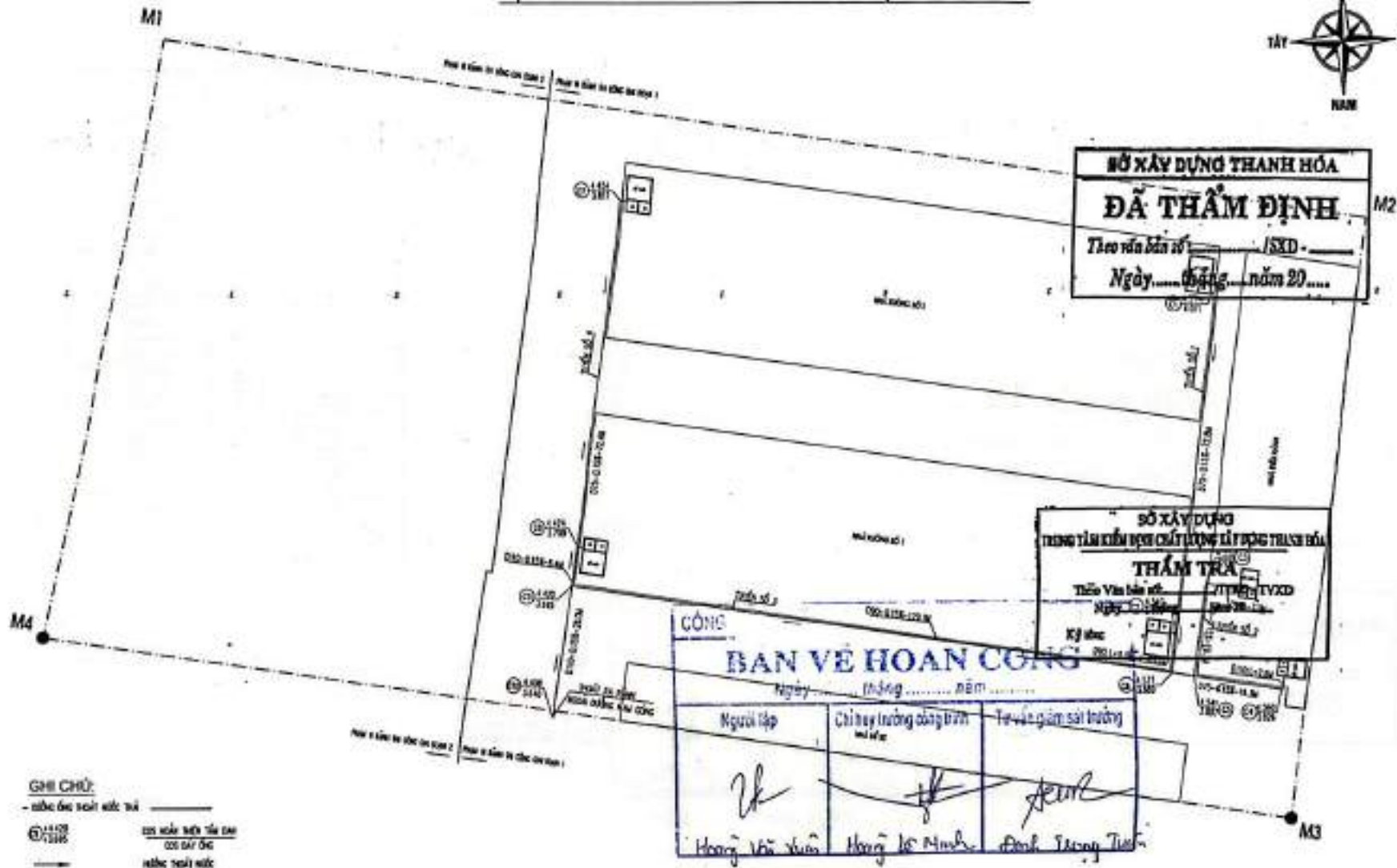


GHI CHÚ:

- Dấu gạch chéo nước thải
- Dấu gạch chéo nước

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWS TITLE	ĐẠO ĐỐC / DIRECTOR	THIẾT KẾ / DESIGNER	LÊ TIẾN DŨNG	CHẤM DẤU / SIGNATURE	ĐÁM CẢNH THÊM / WARNING	NGÀY KT / DATE	NĂM
ĐC: 05, TỈNH LỘ 510, HUYỆN HOÀNG HÓA, THÀNH PHỐ HOÀNG LONG TEL: 0973.222.888 FAX: 0973.222.132	TRU SỞ LÀM VIỆC & PHỤ SÂN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA	HÀ TÀNG KIẾN TRÚC	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	NGUYỄN THẾ SƠN	THIẾT KẾ / DESIGNER	LÊ TIẾN DŨNG	CHẤM DẤU / SIGNATURE	ĐÁM CẢNH THÊM / WARNING	NGÀY KT / DATE	NĂM
												NGÀY KT / DATE	NĂM

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI DỰ ÁN HOÀNG LONG



CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	THIẾT KẾ / DESIGN	CHẾ BẢN / PRINTING	NGƯỜI THỰC HIỆN / EXECUTION	THỜI GIAN / TIME	LE THIÊN DƯƠNG	ĐẠO CẢNH / SUPERVISOR	NGƯỜI CHẤM / REVIEWER	ALUM
HO. 10, TỈNH HO. 10, THÀNH HO. 10, HUYỆN HO. 10, TỈNH HO. 10	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & HỒ SƠ SÀN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG BỐNH, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	HÀ TĂNG KIẾN TRÚC	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG	TRẦN H. HOÀNG LONG

SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI DỰ ÁN HOÀNG LONG

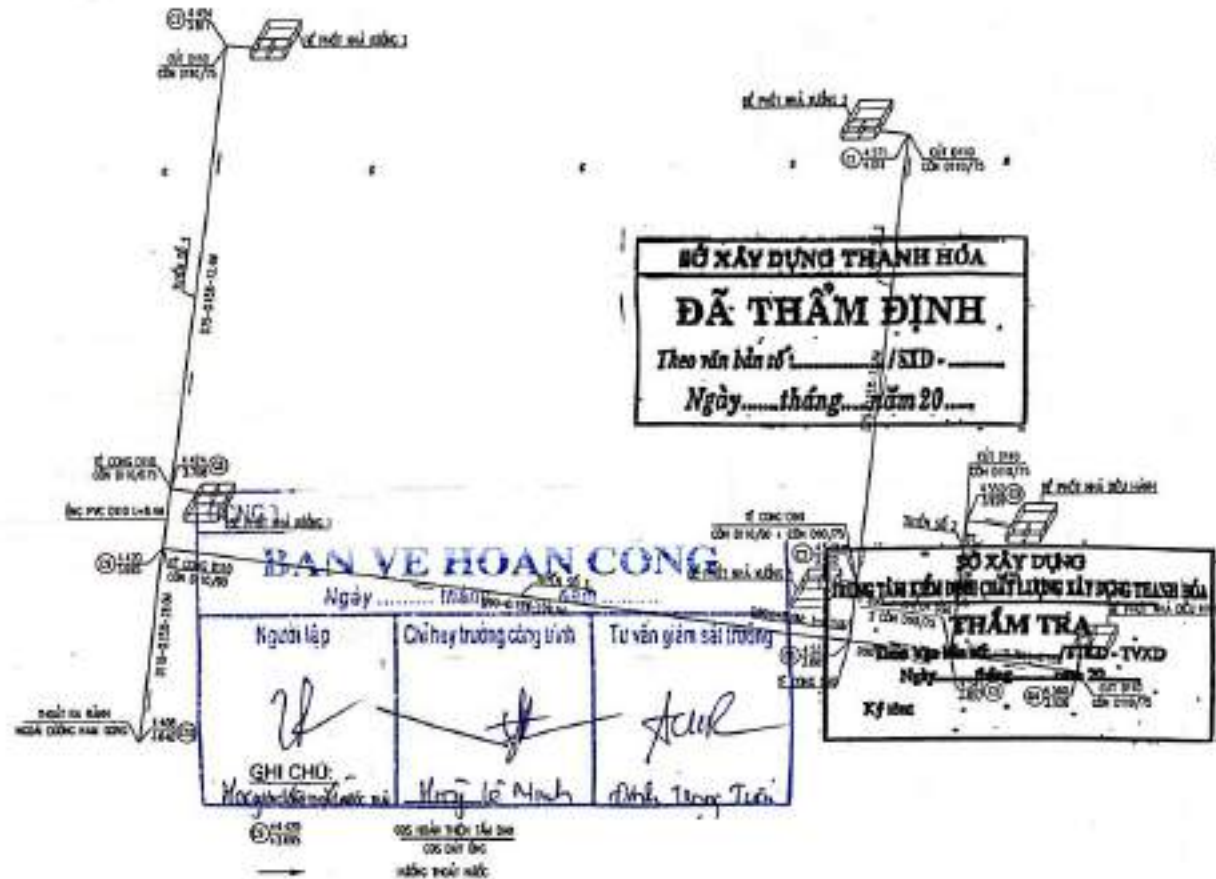


THÔNG SỐ ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

STT	Tên loại	Chung loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tuyến số 1	Ống PVC D90	m	8,8	
		Ống PVC D75	m	80,8	
		Cầu D190	Cầu	1	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D9075	Cầu	1	
	Tuyến số 2	Cầu D190	Cầu	2	
		Tổ vung D90	Cầu	1	
		Ống PVC D15	m	31,3	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D9075	Cầu	1	
2	Tuyến số 1	Cầu D190	Cầu	2	
		Ống PVC D90	m	18,26	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D190	Cầu	2	
		Cầu D1975	Cầu	1	
	Tuyến số 2	Cầu D190	Cầu	2	
		Tổ vung D90	Cầu	1	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D190	Cầu	2	
3	Tuyến số 1	Ống PVC D120	m	80,8	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D120	Cầu	2	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D190	Cầu	2	
	Tuyến số 2	Tổ vung D90	Cầu	1	
		Ống PVC D120	m	80,8	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D120	Cầu	2	
		Cầu D1975	Cầu	1	
4	Tuyến số 4	Ống PVC D120	m	80,8	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D120	Cầu	2	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D190	Cầu	2	
		Tổ vung D90	Cầu	1	
		Ống PVC D120	m	80,8	
		Ống PVC D15	m	31,20	
		Cầu D120	Cầu	2	
		Cầu D1975	Cầu	1	
		Cầu D190	Cầu	2	
		Tổ vung D90	Cầu	1	
		Tổng cộng		524,86	Tên chỉ của tuyến

Tổng cộng:

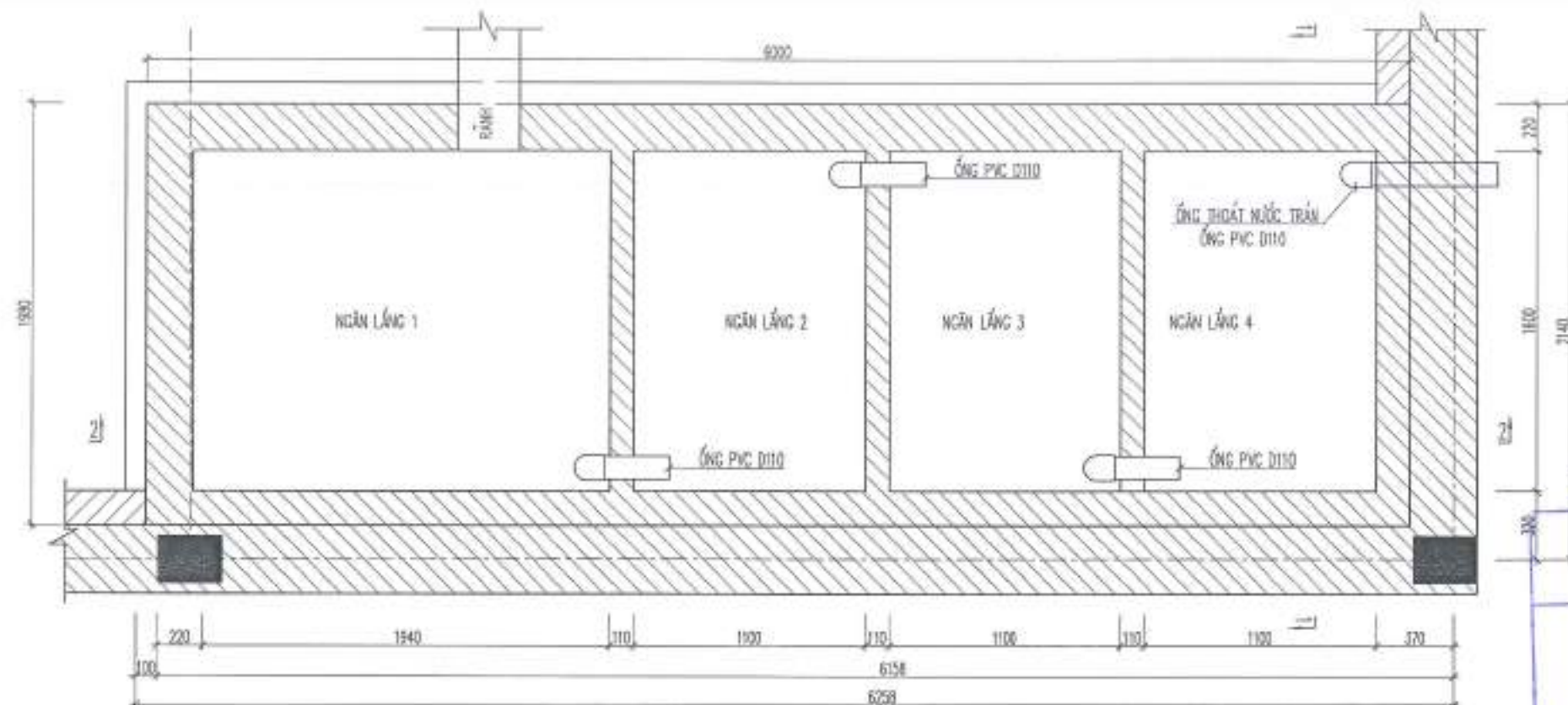
Ống PVC D90	126,84	m
Ống PVC D15	282,18	m
Cầu D190	2	cầu
Cầu D1975	5	cầu
Cầu D9075	2	cầu
Cầu D120	8	cầu
Tổ vung D90	2	cầu
Dai inox ống	8	cầu
Chốt D90	1	cầu
Tổ D90	1	cầu
Ống PVC D120	40,84	m
Tổ vung D120	2	cầu
Kiểm tra ống	1	hàng
Đóng nắp	100	chỗ



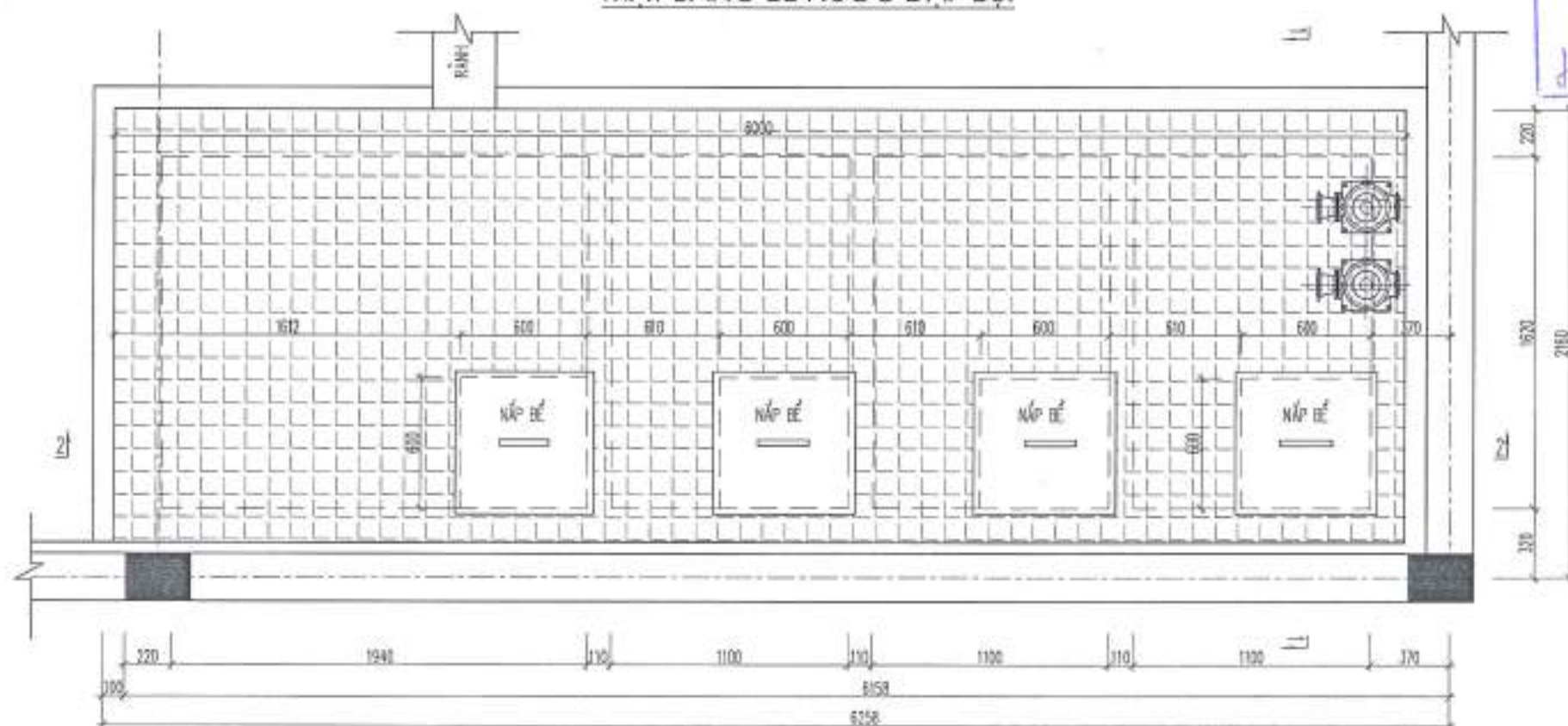
CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THÉ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẢN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DRAW TITLE	THIẾT KẾ / DESIGN	LÊ TIẾN DŨNG	ĐAM CẢNH THIỆM	NGÀY / DATE	NĂM
CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THÉ THAO HOÀNG LONG 80/101, LƯU ĐƯỜNG TỈNH THỦY SẢN, HUYỆN HOÀNG LÔNG, TỈNH THÁI HÒA TEL: 0313.22.888 FAX: 0313.22.888	TRỢ ĐỖ LÃNH VIỆN & KHU BẮN KẾT HOÀNG LONG	CÔNG TY THIẾT KẾ CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG LÔNG, TỈNH THÁI HÒA	HÀ TĂNG KIẾN TRÚC	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	NGUYỄN THỊ SƠN	ĐAM CẢNH THIỆM	ĐAM CẢNH THIỆM	01/09/2024	2024

BỂ NƯỚC DẬP BỤI

THANH HOÁ



MẶT BẰNG BỂ NƯỚC DẬP BỤI



MẶT BẰNG NẮP BỂ NƯỚC DẬP BỤI

CT1
ĐÁNH MÀU XI MĂNG NGUYÊN CHẤT
TRÁT TRƠN DÀY 20MM VỮA XM 100#
XÂY TƯỜNG GẠCH VỮA XM 75#

CT2
ĐÁNH MÀU XI MĂNG NGUYÊN CHẤT
LÁNG ĐÁY BỂ DÀY 20MM VỮA XM 100#
BỂ TÔNG DÀY BỂ 300# ĐÁ 1X2 DÀY 150MM
BỂ TÔNG LÓT 100# ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

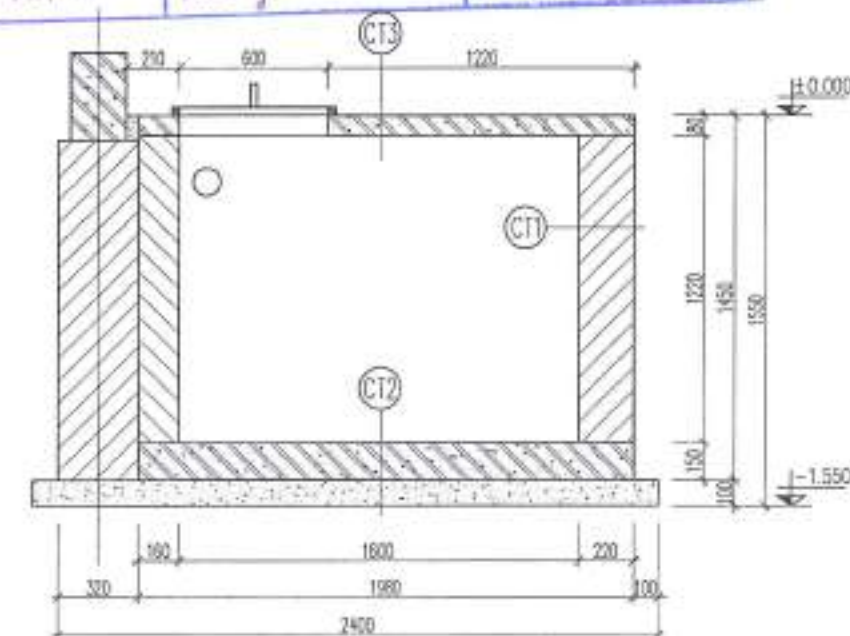
CÔNG TY *Công ty TNHH Delta*

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

BỂ TÔNG NẮP BỂ 300# ĐÁ 1X2 DÀY 80MM

Ngày *1* tháng *3* năm *2019*

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Hoàng Văn Xuân</i>	<i>Hoàng Lê Minh</i>	<i>Nguyễn Ngọc Đồng</i>



MẶT CẮT 1-1

**CÔNG TY TNHH
DỤNG CỤ THỂ THAO
HOÀNG LONG**

ĐC: 106, TÂN SƠN, TH. TRẦN BỐ SƠN,
HUYỆN HOÀNG HÓA, THANH HÓA
TEL: 0979.322.889
FAX: 0979.720.190

DỰ ÁN / PROJECT

TRU SỞ LÂM VIỆC & KHU
SẢN XUẤT HOÀNG LONG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ
THỂ THAO HOÀNG LONG

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

XÃ HOÀNG ĐÔNG,
HUYỆN HOÀNG HÓA,
TỈNH THANH HÓA

CÔNG TRÌNH

NHÀ LÒ HƠI

TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE

CHI TIẾT BỂ NƯỚC DẬP BỤI



CHỦ TRƯỞNG

Hoàng Văn Xuân

ĐẠM CẢNH THÊM

Hoàng Lê Minh

THIẾT KẾ

Nguyễn Ngọc Đồng

ĐOÀN VĂN DUY

Nguyễn Ngọc Đồng

KÊM

Nguyễn Ngọc Đồng

ĐẠM CẢNH THÊM

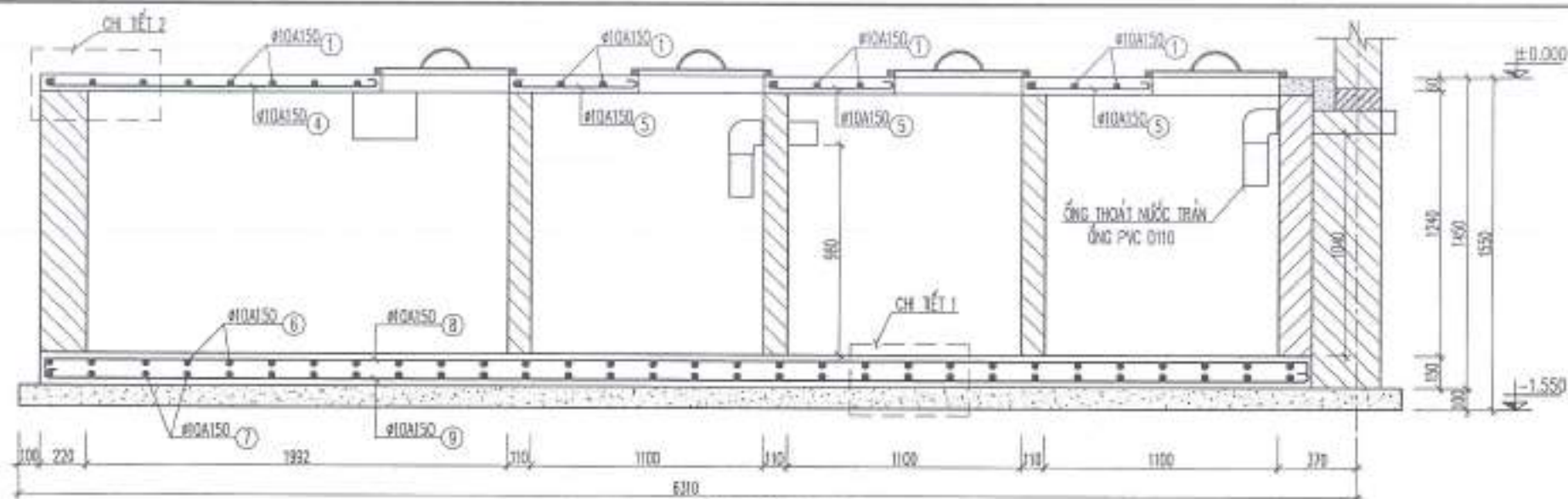
Nguyễn Ngọc Đồng

NGÀY HT

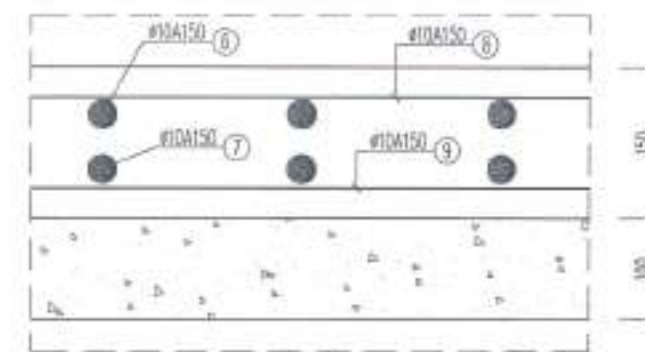
1/3/2019

NĂM

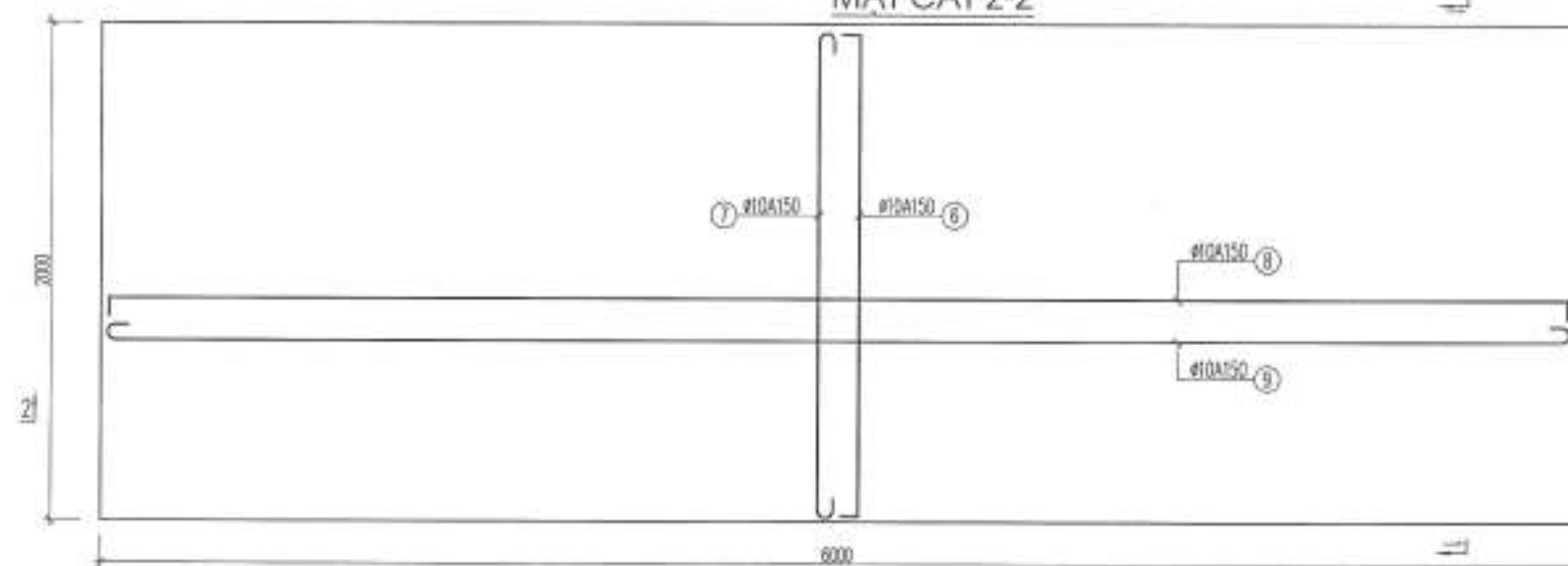
2019



MẶT CẮT 2-2



CHI TIẾT 1



MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ NƯỚC

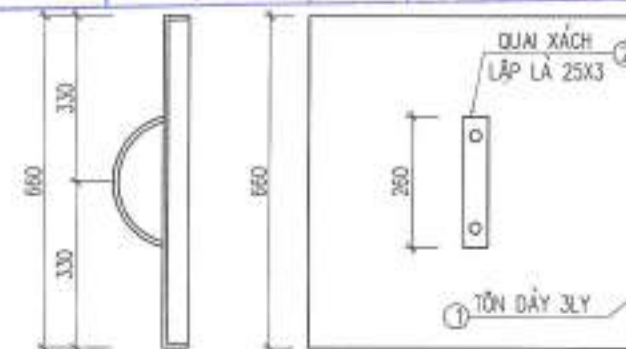
CÔNG TY *Công ty TNHH DCT Delta*

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

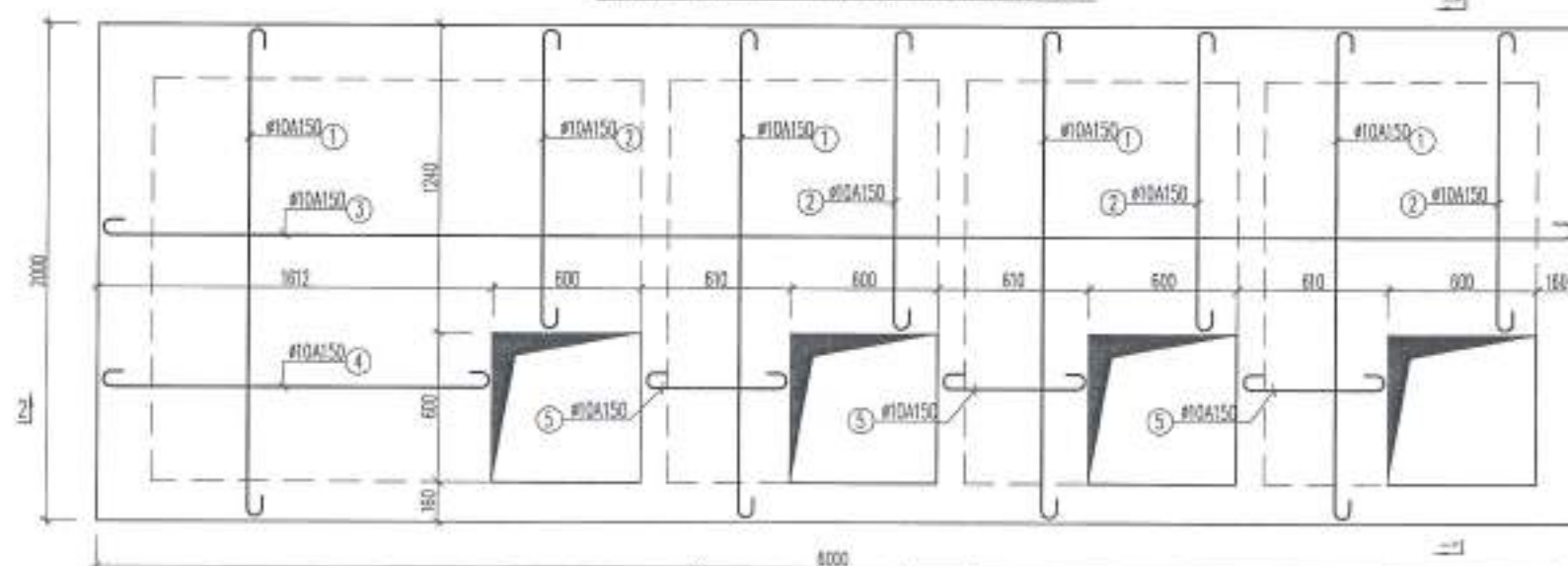
Ngày tháng năm 2019

Ngời lập	Chỉ huy công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Hương Văn Xuân</i>	<i>Hương Lê Minh</i>	<i>Nguyễn Ngọc Đăng</i>

CHI TIẾT 2



CHI TIẾT NẮP ĐÁY BỂ
(SL: 04 CÁI)



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ NƯỚC

**CÔNG TY TNHH
DỤNG CỤ THỂ THAO
HOÀNG LONG**

ĐC: 166 TÂN SƠN, THỊ TRẤN BÚT SƠN,
HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH PHỐ
TEL: 0373.222.888
FAX: 0373.720.100

DỰ ÁN / PROJECT
TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU
SẢN XUẤT HOÀNG LONG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT
CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ
THỂ THAO HOÀNG LONG

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION
XÃ HOÀNG ĐỒNG,
HUYỆN HOÀNG HÒA,
TỈNH THANH HÓA

CÔNG TRÌNH
NHÀ LÒ HƠI

TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE
CHI TIẾT BỂ NƯỚC DẬP BỤI



CHỦ TRƯỞNG
P. ARCHITECT
[Signature]

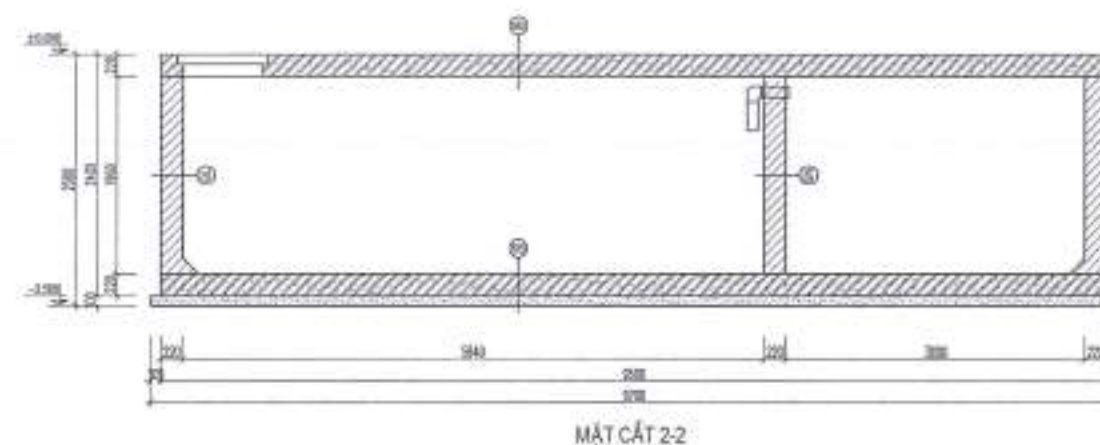
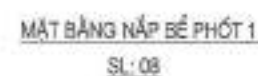
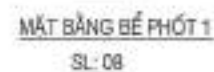
ĐẠM CẢNH THÊM
DESIGN
[Signature]

ĐOÀN VĂN DUY
KIỂM
ĐAM CẢNH THÊM
[Signature]

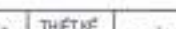
NGÀY / DATE
KÝ HIỆU /
DWG NO
NĂM
KC-09

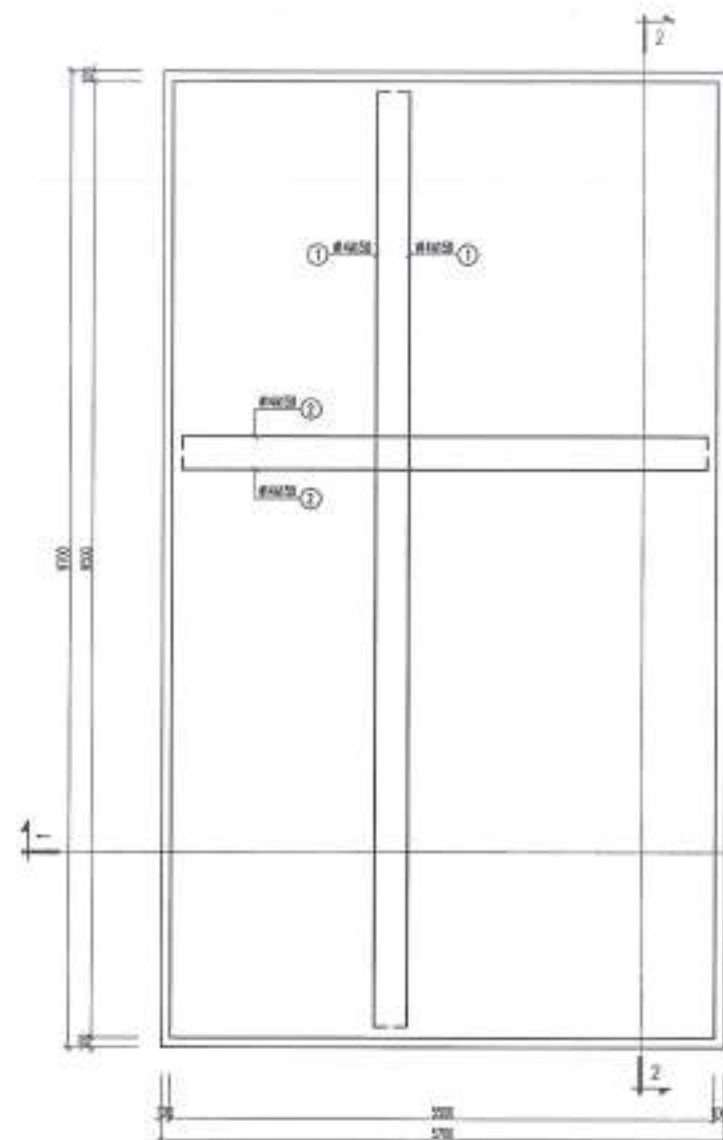
BỂ TỰ HOẠI

THANH HOÁ

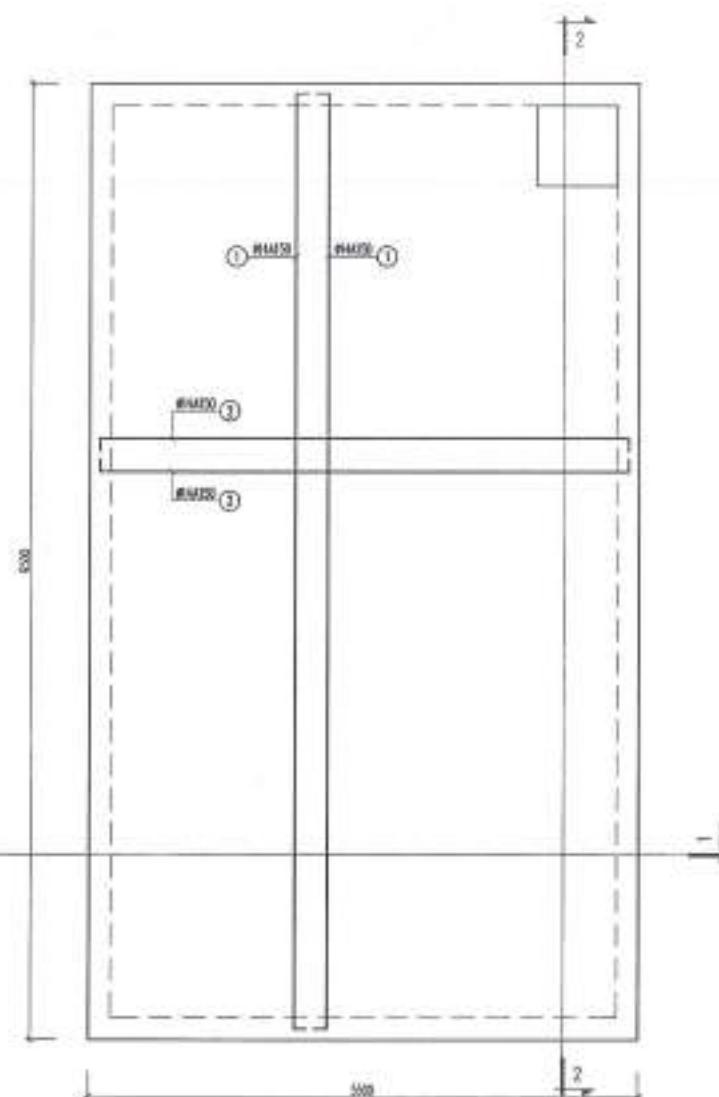


- (18) **NGÂN HÀNG ĐẾ**
 - LẬP VÀ TÀI HẠC TRƯ
 - TÍNH ĐỀ HẠC HỒN NGH

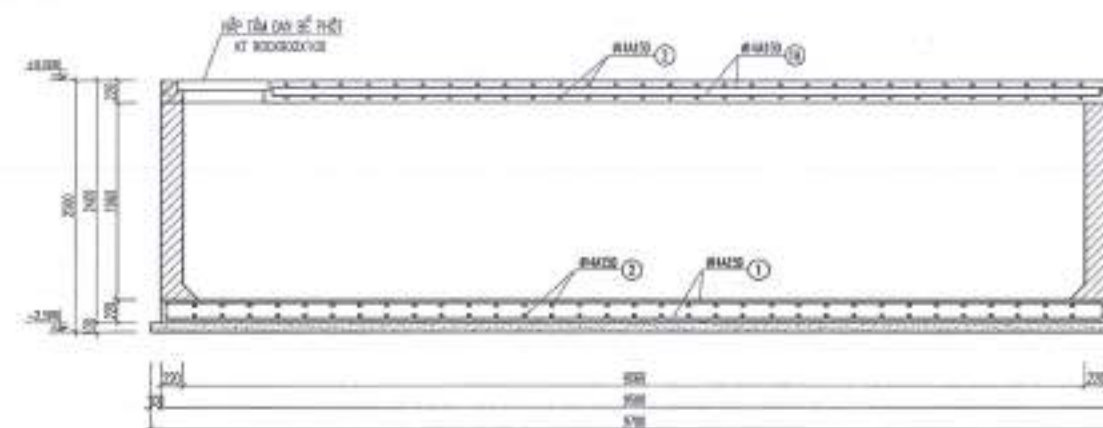
CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG ĐC: 105, TÂN SƠN, THỊ TRẤN BÚT SƠN, HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH HÒA TEL: 0373.232.888 FAX: 0373.723.100	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE	CHỨC VỤ / POSITION NG. TRONG BIỂU	CHỨC VỤ / POSITION CHU TRƯ / ARCHITECT	CHỨC VỤ / POSITION ĐAM CẢNH THÊM	CHỨC VỤ / POSITION THIẾT KẾ / DESIGN	CHỨC VỤ / POSITION ĐOÀN VĂN DUY	CHỨC VỤ / POSITION KẾM / GUK	CHỨC VỤ / POSITION ĐAM CẢNH THÊM	NGÀY HT / DATE	NĂM
	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẴN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	CÔNG TRÌNH CHÍNH	NHÀ XƯỞNG SỐ 1	CHI TIẾT BẾ PHỐT 1								K) HIEU BV DWG NO	KC-07



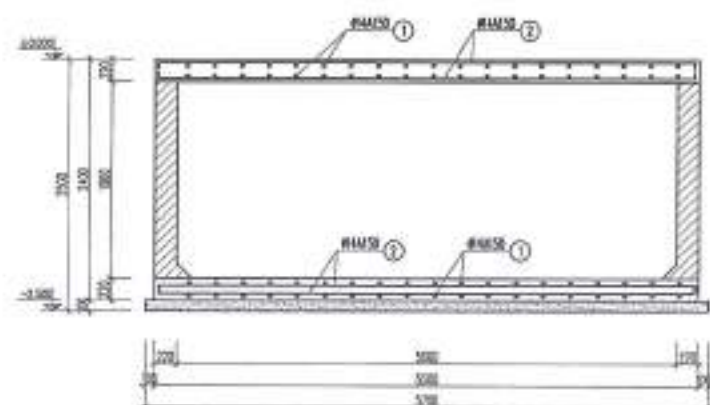
MẶT BẰNG THÉP DÂY BÉ PHỐT 1



MẶT BẰNG THÉP NẤP BÉ PHỐT 1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT TẤM ĐÀN
SL: 03

CHỈ DẪO

- MĂNG DÙNG BT GÁ 102 M300/20
- LỚP LÁT BT GÁ 405 M100/15 DÀY 100
- CỐT THÉP DÙNG 2 LỚP:
 - + 0+10 DÙNG THÉP C10
 - + 0-10 DÙNG THÉP C10
- MỐ THÉP DÙNG PE BƯỚC CHỖ DÀI NHỎ >= 300
- CHỖ DÂY LƯP BẢO VỆ THÉP NHỎ >= 30MM

CÔNG TY *Lô phườn PERT De Ba*

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...*31*...tháng...*10*...năm...*2018*...

Ngời lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>Hoàng Văn Khoa</i>	<i>Hoàng Lê Minh</i>	<i>Đinh Trọng Tuấn</i>

**CÔNG TY TNHH
DỤNG CỤ THỂ THAO
HOÀNG LONG**

ĐC: 105, TÂN SƠN, THỊ TRẤN BÚT SƠN,
HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH PHỐ
TEL: 0373.232.583
FAX: 0373.232.100

DỰ ÁN / PROJECT
TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU
SẢN XUẤT HOÀNG LONG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT
CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ
THỂ THAO HOÀNG LONG

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION
XÃ HOÀNG ĐỒNG,
HUYỆN HOÀNG HÒA,
TỈNH THANH HÓA

HỢP PHẦN
CÔNG TRÌNH CHÍNH

CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỜNG SỐ 1

TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE
CHI TIẾT BÉ PHỐT 1

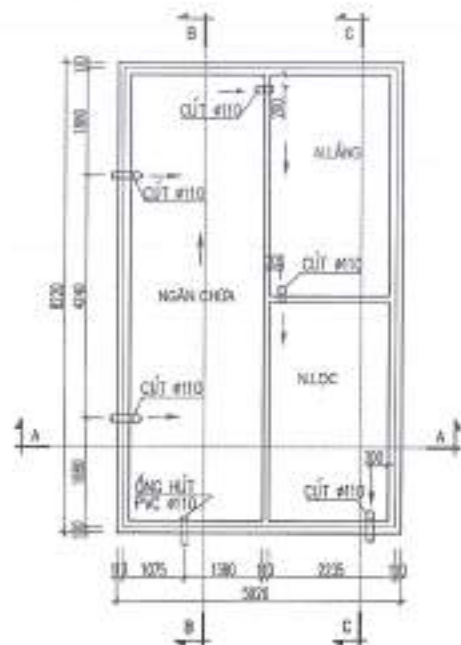


CHỦ THIẾT
KHOA TRẠNG BIỂU
KHOA TRẠNG BIỂU
KHOA TRẠNG BIỂU

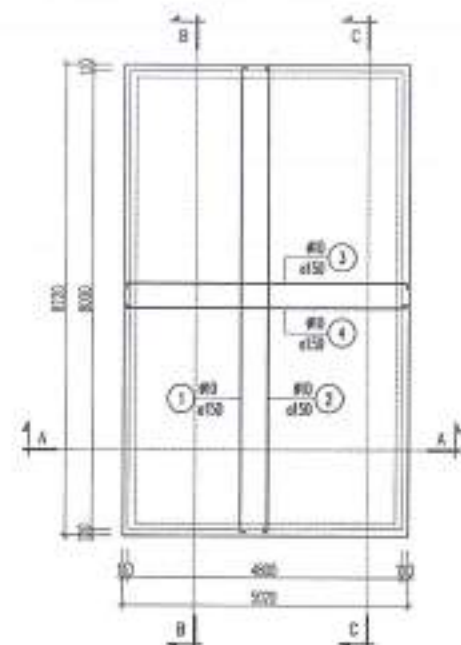
ĐẠM CẢNH THÊM
ĐẠM CẢNH THÊM
ĐẠM CẢNH THÊM

THIẾT KẾ
ĐẠM CẢNH THÊM
ĐẠM CẢNH THÊM

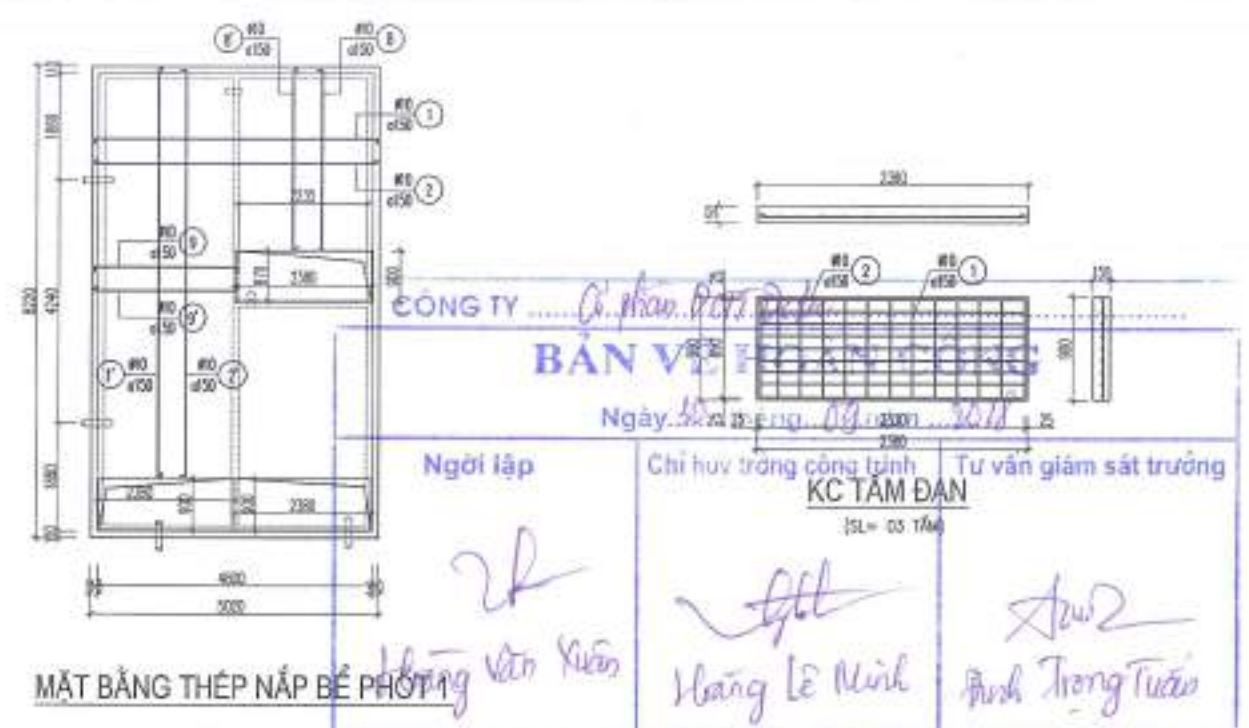
BOÀN VĂN DUY
KIỂM
ĐẠM CẢNH THÊM
NGÀY HT
DATE
CÍ HỮU TH
CHỮ KÝ
NĂM
KC-03



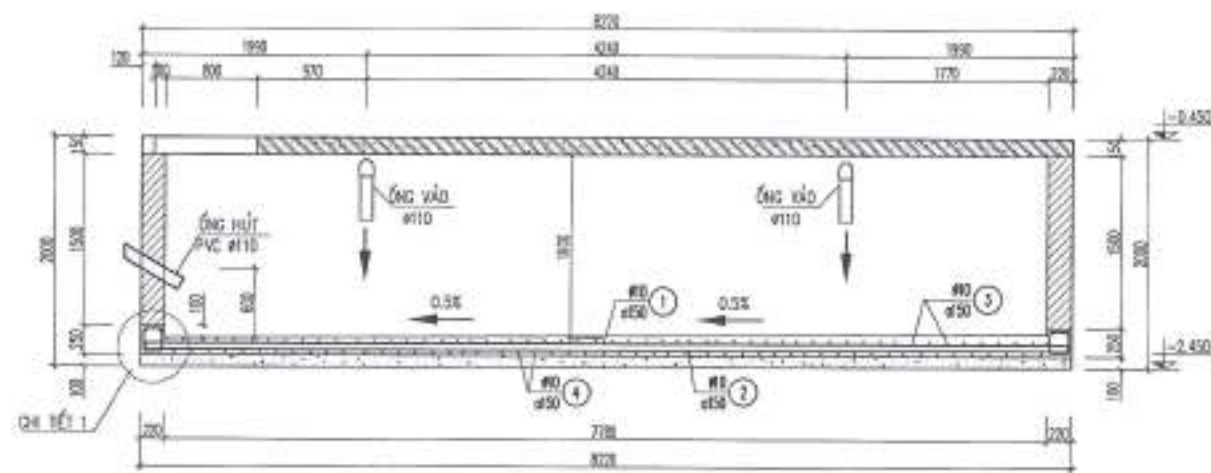
MẶT BẰNG BẾ PHỐT 1 (SL:01)



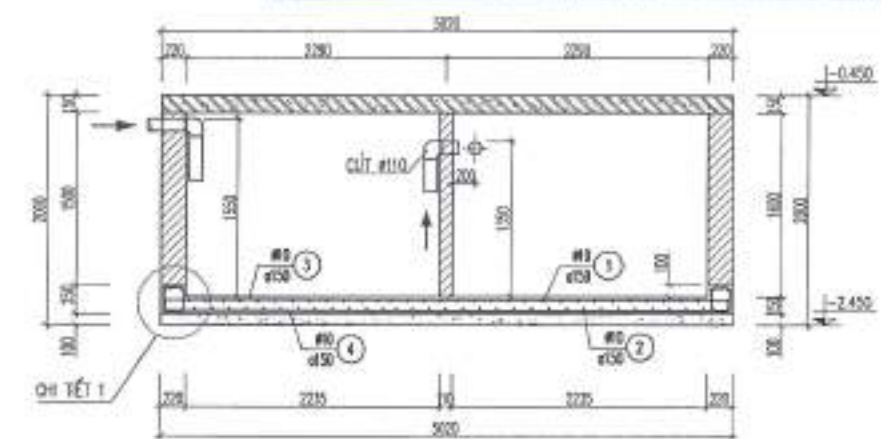
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐÁY BẾ PHỐT



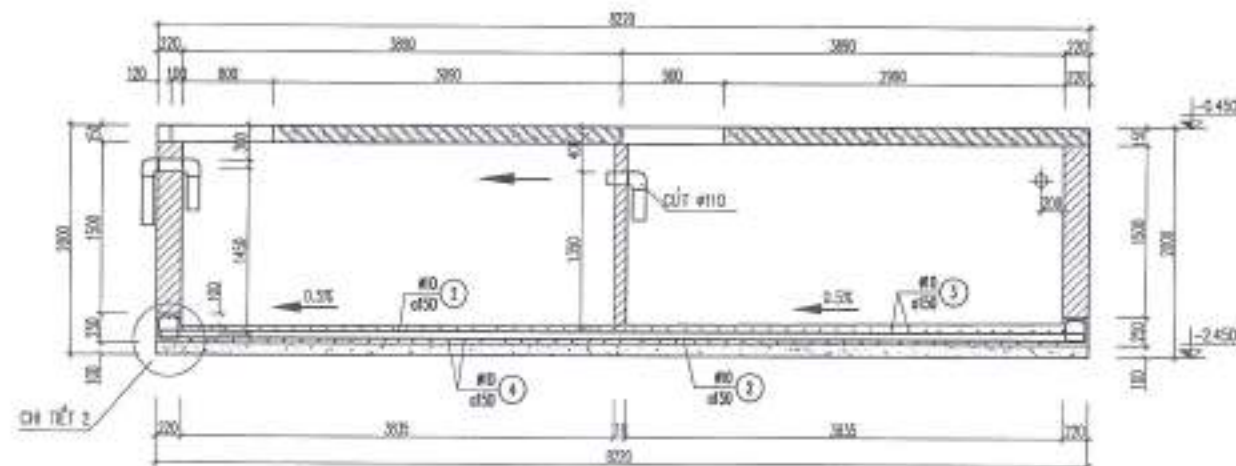
MẶT BẰNG THÉP NẮP BẾ PHỐT



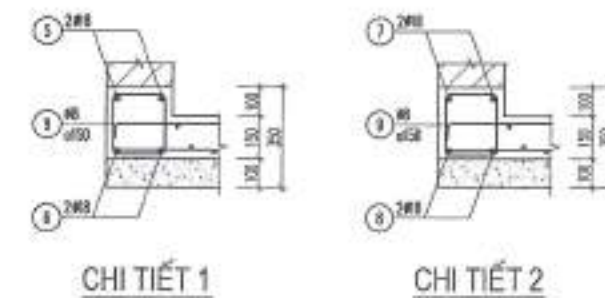
MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT C-C



GHI CHÚ:

- BẾ TÔNG LỢT DÀ 4x6 M1000 DÂY 100 MM
- BT ĐÁY BẾ DÀ 1x2 M2000 DÂY 150MM
- THÀNH BẾ XÂY QUẠCH KHUONG MUNG, TƯỜNG BAO XÂY 220, TƯỜNG NGĂN XÂY 110 VIM MẮC 75%
- THÀNH BẾ TRẮT VIM MẮC 75%, QUÉT MƯỚC XÍM CHỐNG THẨM THÀNH TRONG VÀ ĐÁY BẾ.
- BT NẮP BẾ DÀ 1x2 M2500 DÂY 150 MM

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG ĐC: 165, TAY BÓN, TH. TRẦN HƯNG ĐẠO, HUYỆN HOÀNG HOA, TỈNH THANH HÓA TEL: 0373.222.868 FAX: 0373.720.130	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE	CHỦ TRƯỞNG	ĐAM CẢNH THÊM	THIẾT KẾ	ĐOÀN VẤN DUY	KẾ TÍNH	ĐAM CẢNH THÊM	NGÀY HT	NĂM
	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HOA, TỈNH THANH HÓA	CÔNG TRÌNH CHÍNH	NHÀ ĐIỀU HÀNH, KHO, ĐẾ XE VÀ NHÀ AN CẢ	CHI TIẾT BẾ PHỐT 1	CHỦ TRƯỞNG	ĐAM CẢNH THÊM	THIẾT KẾ	ĐOÀN VẤN DUY	KẾ TÍNH	ĐAM CẢNH THÊM	NGÀY HT	NĂM

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

THANH HOÁ

NB

NẮP BỀ NƯỚC THẢI

- BỀ TỔNG ĐÁ 1X2 MẮC 300# DÀY 100MM, ĐÁNH NHẤN MẶT

ĐB	ĐÁY BỂ NƯỚC THẢI - LỚP VỎ LĂNG NỀN + ĐÁNH NHẪN - BỂ TÔNG ĐÁ 1X2 MẮC 300# DÂY 100MM - BỂ TÔNG LỚT 100# DÂY 100MM - ĐẤT SAN NỀN ĐẸM CHẶT
----	--

Architectural floor plan of a laboratory room. The plan is overlaid on a grid. Key features and dimensions include:

- Overall Dimensions:** 2180 (vertical) x 8000 (horizontal).
- Equipment and Layout:**
 - Two large rectangular tanks at the top labeled "BỒN NHỰA 300L CHỨA DUNG DỊCH CACNONIC POLYMER" and "BỒN NHỰA 300L CHỨA DUNG DỊCH PHÂN NHÔM".
 - A central rectangular area labeled "MÁY ÉP ĐÙN".
 - Two circular tanks on the right side.
 - Several smaller rectangular tanks and components are distributed throughout the plan.
- Dimensions and Spacing:**
 - Top horizontal spacing: 220, 600, 915, 110, 600, 915, 110, 750, 600, 750, 110, 1500, 600.
 - Bottom horizontal spacing: 4220, 600, 3180.
 - Vertical spacing on the left: 180, 620, 480, 220.
- Section Lines:** Indicated by arrows and numbers 1, 2, 3, and 4.

CÔNG TY Cổ phần DCTT Delta

Ngày.....tháng.....năm

Người lập

Chai huy trồng công trình:

Tư vấn giám sát trường


 Lương Văn Xúc

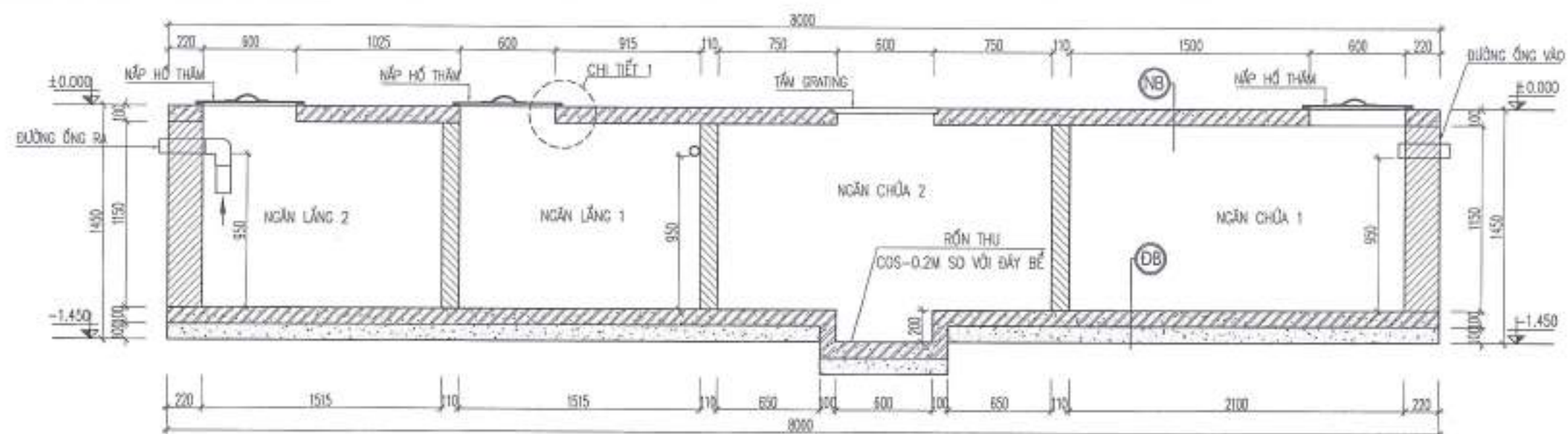

 Hoàng Lê Minh

Đinh Trọng Tuấn

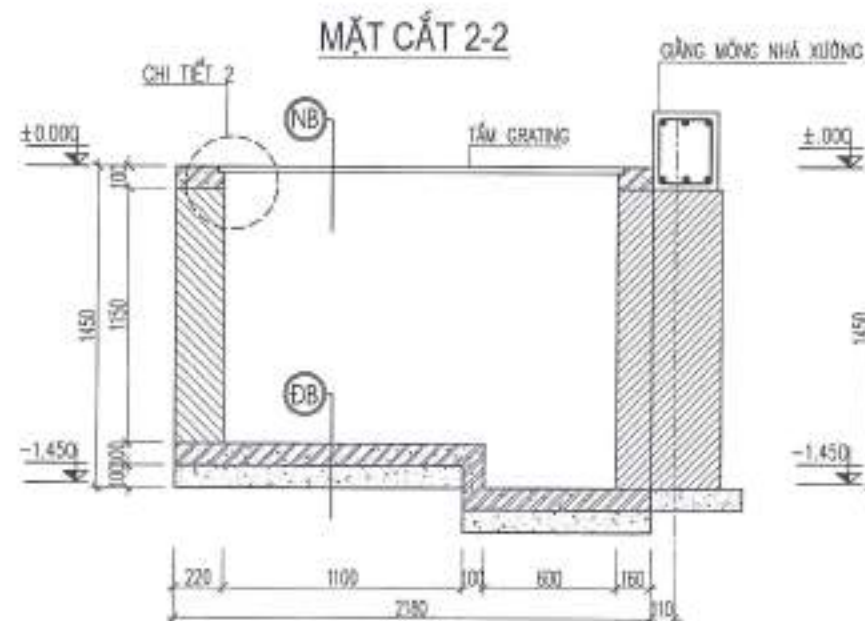
BƯỚC 1: NƯỚC THẢI ĐƯỢC CHÁY VÀO NGĂN CHỨA 1, TỪ NGĂN CHỨA 1 CHÁY SANG NGĂN CHỨA 2.
BƯỚC 2: BƠM NƯỚC THẢI VÀO BỂ BƠM CHỨA MÂY ÉP BÙN
BƯỚC 3: SAU ĐÓ XẢ DUNG DỊCH PHÂN NHÔM THEO ĐỊNH LƯỢNG RỒI MỞ MOTOR KHUẤY ĐỀU TRONG 15 PH
BƯỚC 4: DỪNG MÁY KIỂM TRA ĐỘ PH $-6-7$, VÀ KIỂM TRA KHẢ NĂNG TÁCH MÀU BẰNG CÁCH MÚC HỖN HỢ
VÀO CỐC THỦY TINH VÀ XEM TÁCH MÀU.
BƯỚC 5: SAU KHI KIỂM TRA KẾT QUẢ ĐẠT TIẾP TỤC XẢ DUNG DỊCH CATIONIC POLYMER VÀO BỂ BƠM CHỨA
VÀ KHUẤY ĐỀU TRONG VÒNG 15 PHÚT.
BƯỚC 6: MÚC HỖN HỢP RA CỐC THỦY TINH KIỂM TRA XEM LỚP BÙN CẦN CÓ LẮNG XUỐNG KHÔNG.
BƯỚC 7: SAU KHI KIỂM TRA KẾT QUẢ ĐẠT, MỞ BƠM NƯỚC CHO BƠM QUA HỆ THỐNG MÂY ÉP BÙN.
NƯỚC SAU KHI ĐÃ ĐƯỢC ÉP BÙN XONG THẢI CHÁY QUA 2 NGĂN LẮNG 1 VÀ 2 RỒI CHÁY VÀO ĐƯỜNG ống
GOM NƯỚC THẢI ĐƯA VỀ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG.

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG ĐC: 115, TÂN SƠN THỊ TRẦN BÚT SƠN, HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH PHỐ HOÀNG LÔNG TEL: 0373 222 889 FAX: 0373 725 105	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE	CHỨC VỤ / POSITION NG. TRỌNG BIỂU CHỨC VỤ / POSITION P.ARCHITECT	ĐAM CẢNH THÊM ĐAM CẢNH THÊM	THIẾT KẾ DESIGN	ĐOÀN VĂN DUY ĐOÀN VĂN DUY	KIỂM QUAL	ĐAM CẢNH THÊM ĐAM CẢNH THÊM	NGÀY HT DATE	NĂM NĂM
	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	MẶT BẰNG BỂ XLNT						KÝ HIỆU BN DWG NO	B-01	NĂM

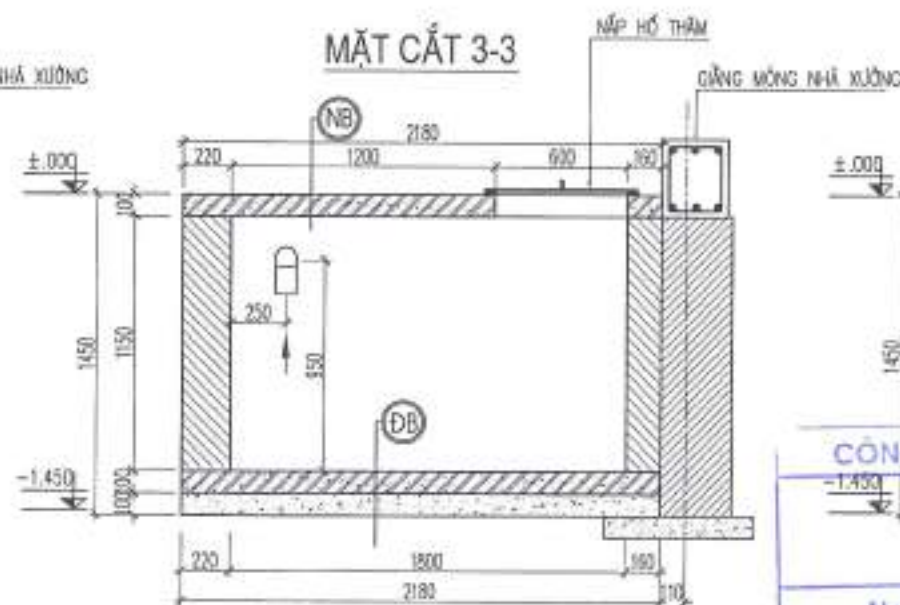
MẶT CẮT 1-1



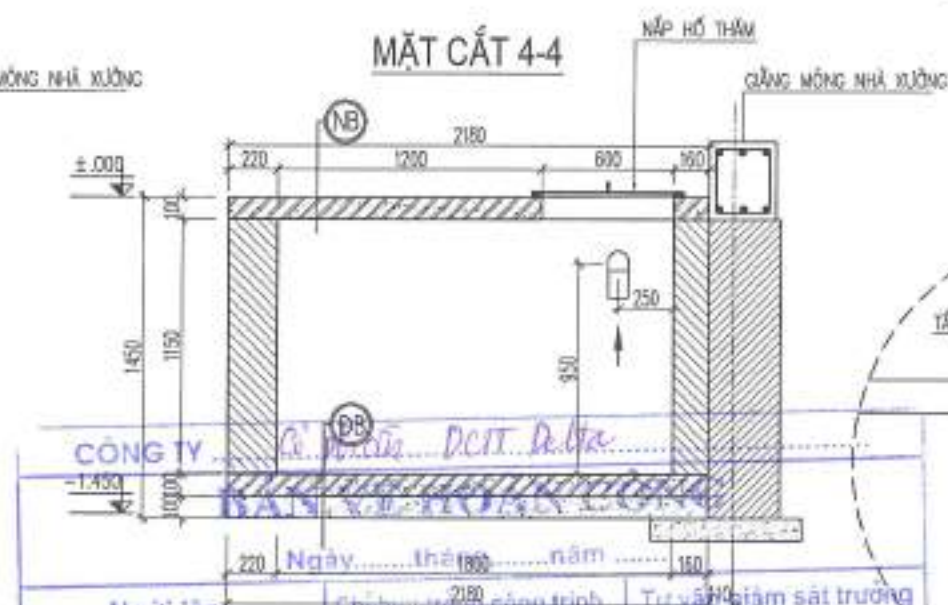
CHI TIẾT 1



MẶT CẮT 3-3



MẮT CẮT 4-4



CHI TIẾT 2

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG ĐC: 105, TÂN SƠN, THỊ TRẤN BÚT SƠN, HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH HÓA TEL: 0373.222.888 FAX: 0373.726.106	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	KỸ SƯ TRƯNG BIỂU ARCHITECT	CHỖ TRƯ ARCHITECT	ĐÁM CẢNH THÊM	THIẾT KẾ DESIGN	ĐOÀN VĂN DUY	KẾM QUẢN	ĐÁM CẢNH THÊM	NGÀY XE DATE	NĂM
	TRỤ SỞ LÂM MÈC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	MẶT BẰNG CÁT BỂ									KÝ HẸU DV DWG NO	B-02

Structural drawing of a reinforced concrete slab (Bản vẽ H) showing dimensions (8000 x 2100), reinforcement details (Ø10, A200), and a table for company and date information.

CÔNG TY	Công ty TNHH
Ngày	th
Người lập	Chức vụ

CÔNG TY Cổ phần DORT Delta

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm

Ngôi lập

Chỉ huy trưởng công trình

Từ việc giảm sút trung

Hoàng Văn Xuân

Hoàng Lê Minh

Đinh Hồng Thuận

Hand-drawn structural drawing of a reinforced concrete slab. The drawing shows a rectangular slab with dimensions 8000mm by 2180mm. It includes a grid system with columns 1, 2, 3, 4 and beams A, B, C, D, E. Reinforcement bars are labeled with numbers 1 through 9 and specifications like #10 A200. A central rectangular opening is labeled "V30X30 INOX". The drawing is signed "Hoàng Văn Nam" in the top right corner.

② TỶ PHẪNG DÂY 1.5 LY

TỜN PHẪNG DÂY 1.5 LY

QUAN XÃCH
P LÃ 2503

1 CỤM XÁCH
LẬP LÁ 25X3

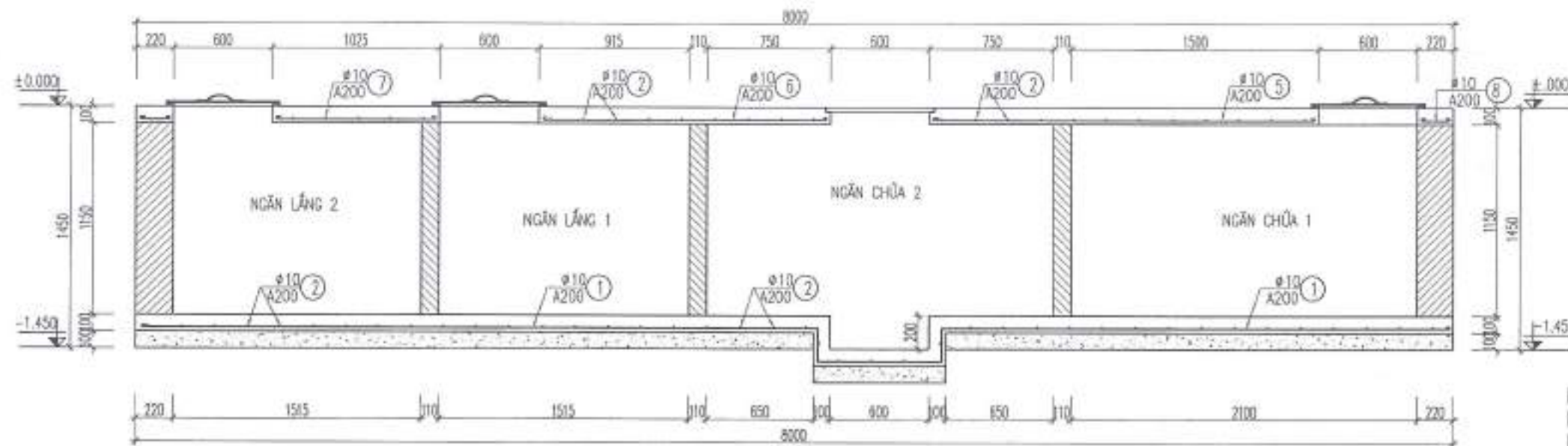
② TỶ PHẪNG DÀY 1.5 LY

QUAI XÁCH (1)
LẬP LÀ 25X3

(Số lượng: 3 Tấn)

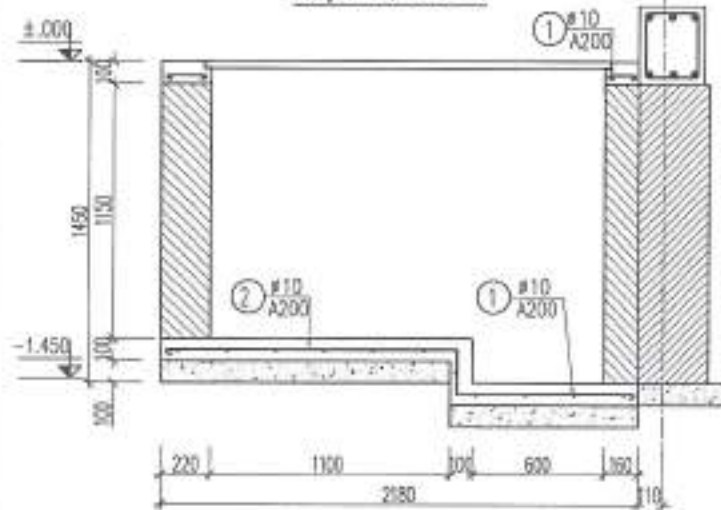
[illegible]

MẶT CẮT 1-1

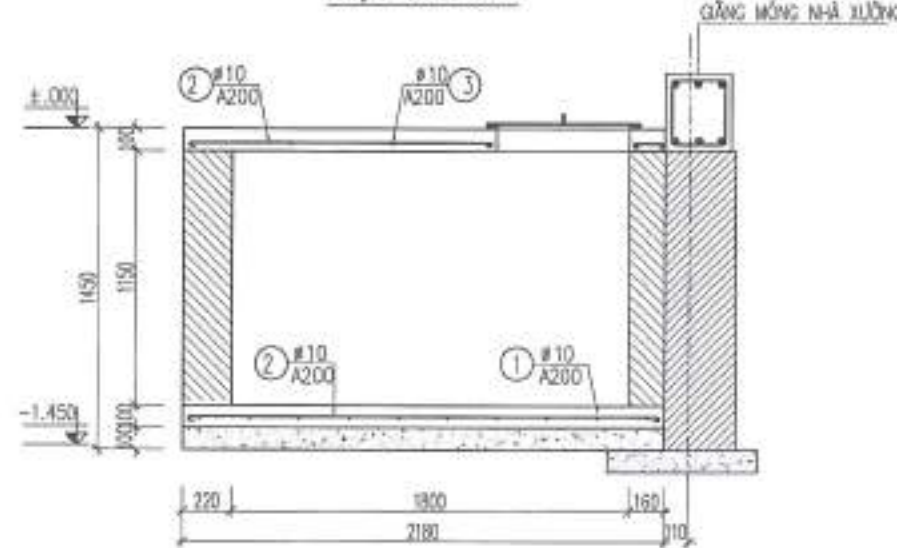


- GHI CHÚ
- BỂ NƯỚC DÙNG BÊ TÔNG DÀ 1X2 MẮC 300#
 - XÂY TƯỜNG BỂ NƯỚC BẰNG GẠCH, VỮA XÂY TRÁT MẮC 75#
 - THÉP CỎ ĐƯỜNG KÍNH D <#10 SỬ DỤNG THÉP LOẠI CB240
 - THÉP CỎ ĐƯỜNG KÍNH D ≥ #10 SỬ DỤNG THÉP LOẠI CB400
 - KHI THI CÔNG XEM BẢN VẼ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

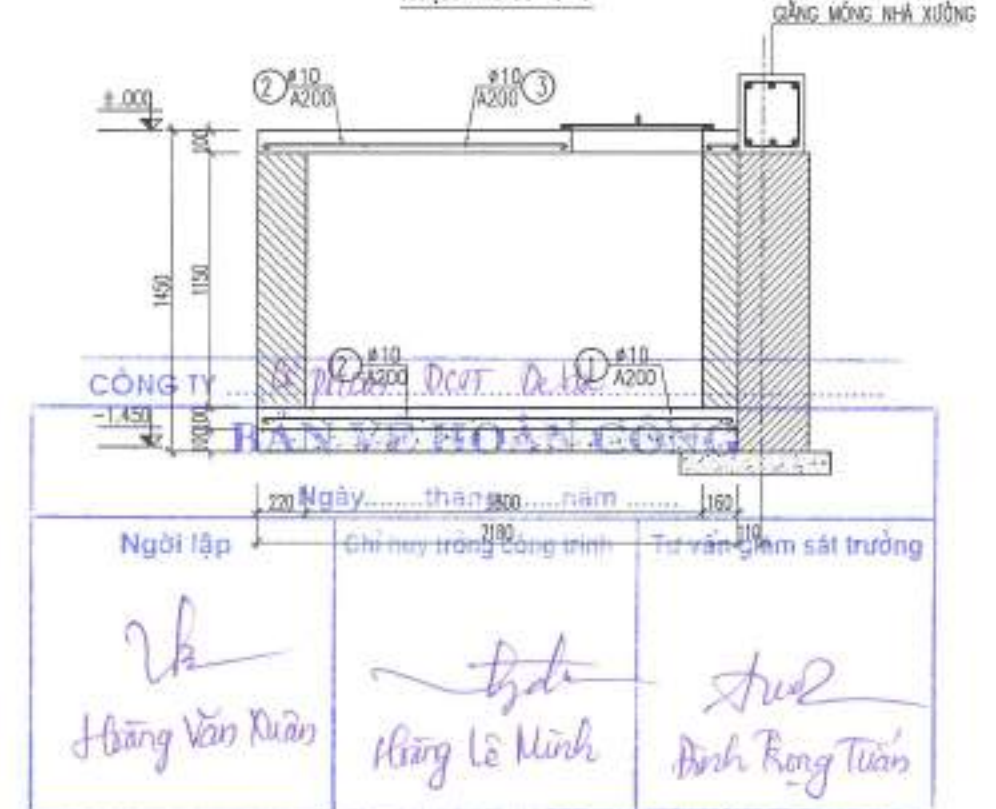
MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



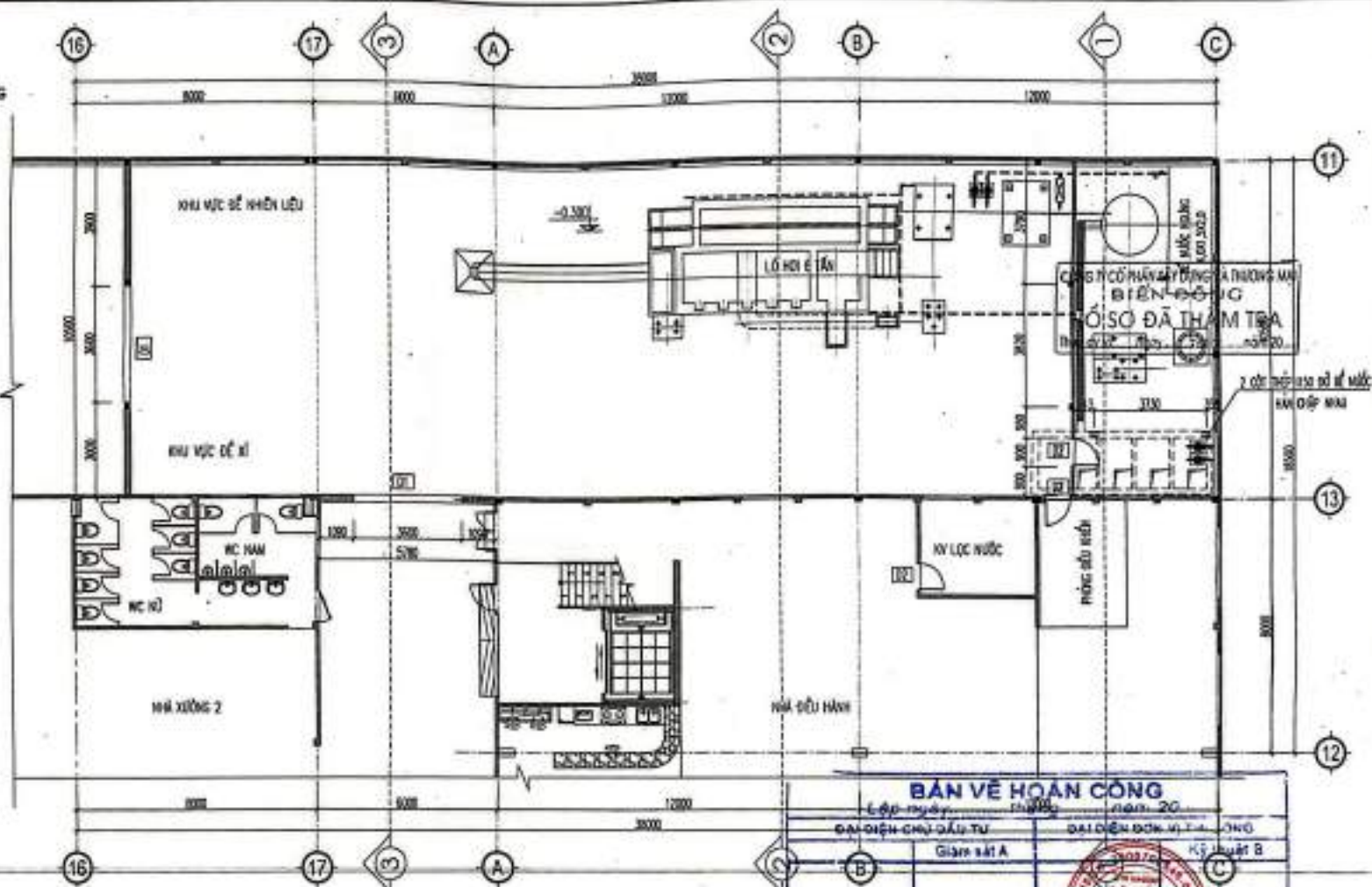
MẶT CẮT 4-4



**CÔNG TY TNHH
DỤNG CỤ THỂ THAO
HOÀNG LONG**

ĐC: 105, TÂY SƠN, THỊ TRẤN BÚT SƠN,
HUYỆN HOÀNG HÒA, THÀNH HÒA
TEL: 0975.222.989
FAX: 0975.720.180

DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	HỢP PHẦN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG.TITLE	CHỨC VỤ / POSITION	NGƯỜI TRƯNG BỊ	CHỨC VỤ / POSITION	NGƯỜI TRƯNG BỊ	CHỨC VỤ / POSITION	NGƯỜI TRƯNG BỊ	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ / POSITION	CHỨC VỤ
-----------------	---------------------	---------------------	----------	------------	------------------------	--------------------	----------------	--------------------	----------------	--------------------	----------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	---------



THỐNG KÊ CỬA NHÀ LÒ HƠI

STT	TÊN CỬA	KÍCH THƯỚC	VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG	GHỊ CHỈ
1	B1	3600X3000	CỬA CỐN	02	
2	B2	6000X7000	CỬA NHÀ LÒ THÉP + KÍNH HỘC	03	

MẶT BẰNG LÒ HƠI

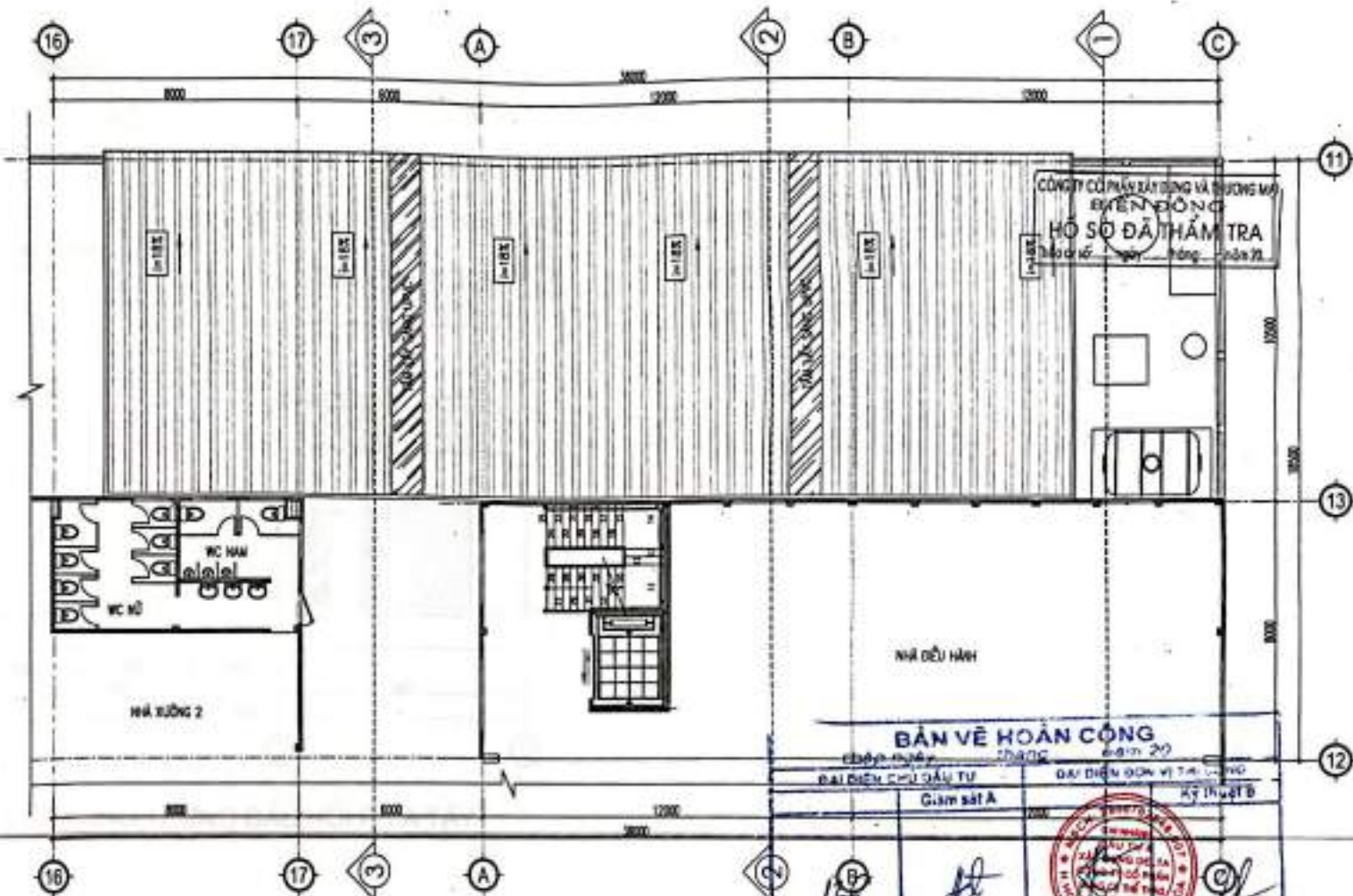
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày hoàn công: 20/08/2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
Giám sát A	Kỹ thuật B
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

[Red Seal: CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG]

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	ĐƠN VỊ PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ VOLUNT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / CÔNG TRÌNH	TRONG BIỂU	DIỆN TÍCH	NGUYỄN THẾ SƠN	THIẾT KẾ	LÊ TIẾN DŨNG	KÝ SƯ	ĐAM CẢNH THIỆM	NGÀY VẼ	NĂM
TRỤ SỞ LAM VEC & KINH SÁNH QUẬN HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	KH HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	NHÀ LÒ HƠI	MẶT BẰNG LÒ HƠI	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	KT-01	2024



MẶT BẰNG MÁI LÒ HƠI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 20/12/2023

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
Giám sát A	Kỹ thuật B

Handwritten signatures and a red circular stamp of the company are present.

**CÔNG TY TNHH
DỤNG CỤ THỂ THAO
HOÀNG LONG**
 NGUYỄN VĂN HỮU, T. 10/10/1975
 NGUYỄN VĂN HỮU, T. 10/10/1975
 T. 10/10/1975
 T. 10/10/1975

ĐƠN AN / PROJECT
 TRỤ SỞ LÂM NGHIỆP & KHU
 BẮN XUẤT HOÀNG LONG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT
 CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ
 THỂ THAO HOÀNG LONG

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION
 XÃ HOÀNG ĐÔNG,
 HUYỆN HOÀNG HÓA,
 TỈNH THANH HÓA

CÔNG TRÌNH
 NHÀ LÒ HƠI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG MÁI LÒ HƠI



THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

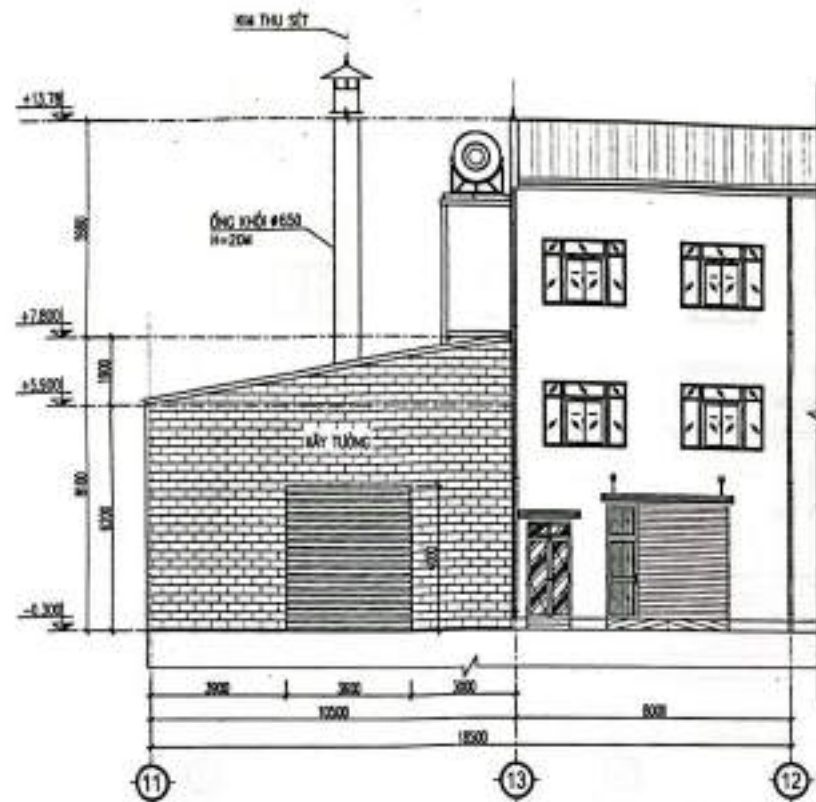
THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

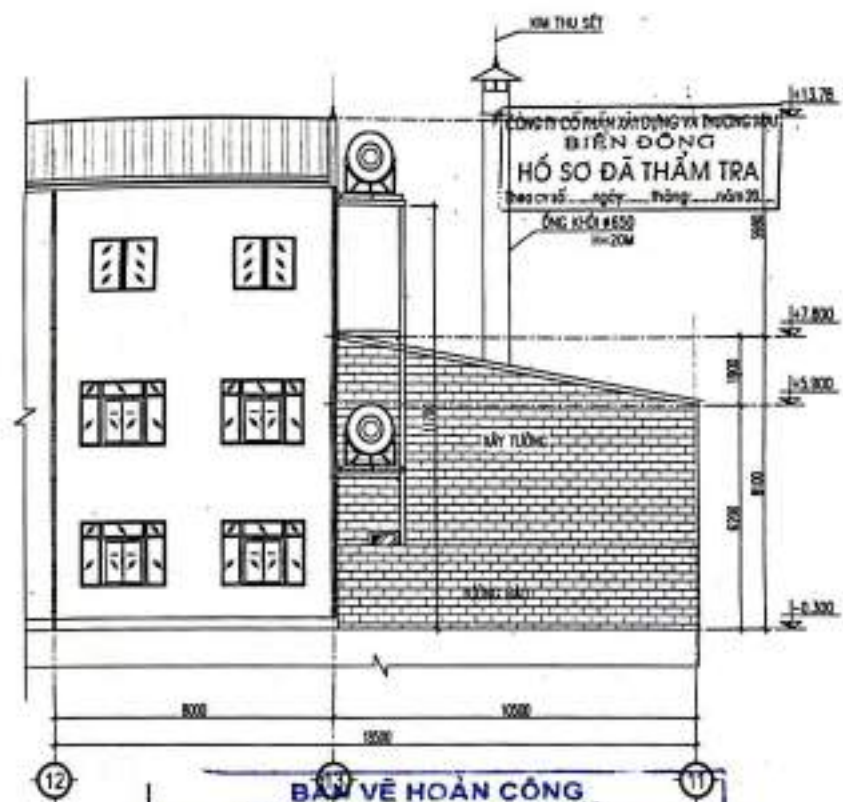
THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ
 NGUYỄN VĂN HỮU



MẶT ĐỨNG THUNG ĐẦU HỒ PHÍA TÂY



MẶT ĐỨNG THUNG ĐẦU HỒ PHÍA ĐÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày... tháng... năm 20...

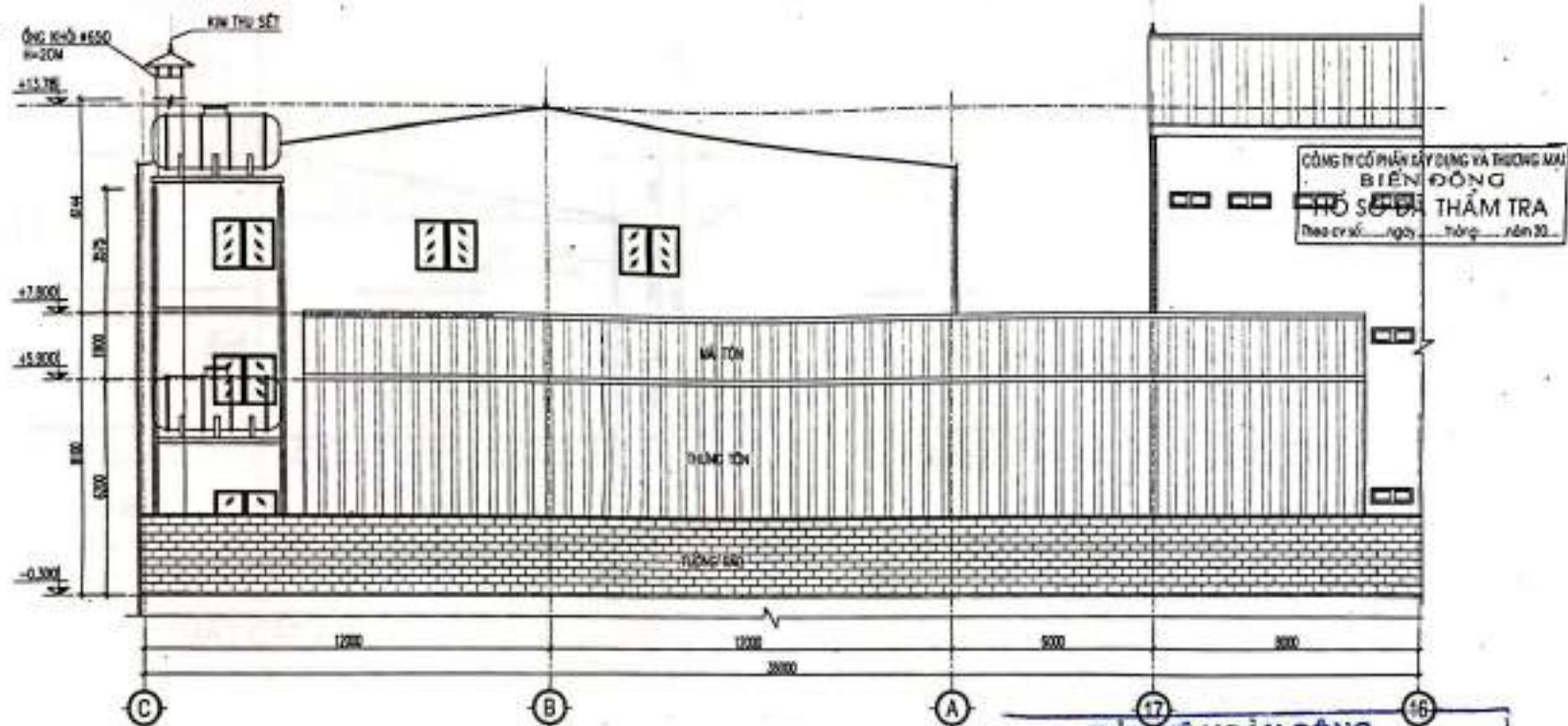
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ... ĐẠI DIỆN CÔNG TY THIẾT KẾ...

130

CHỖ ĐÓNG DẤU SỞ SÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐE LTA

13

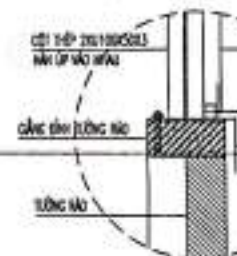
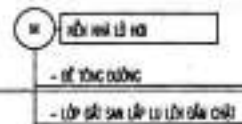
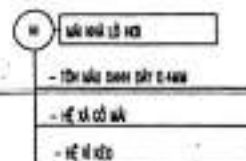
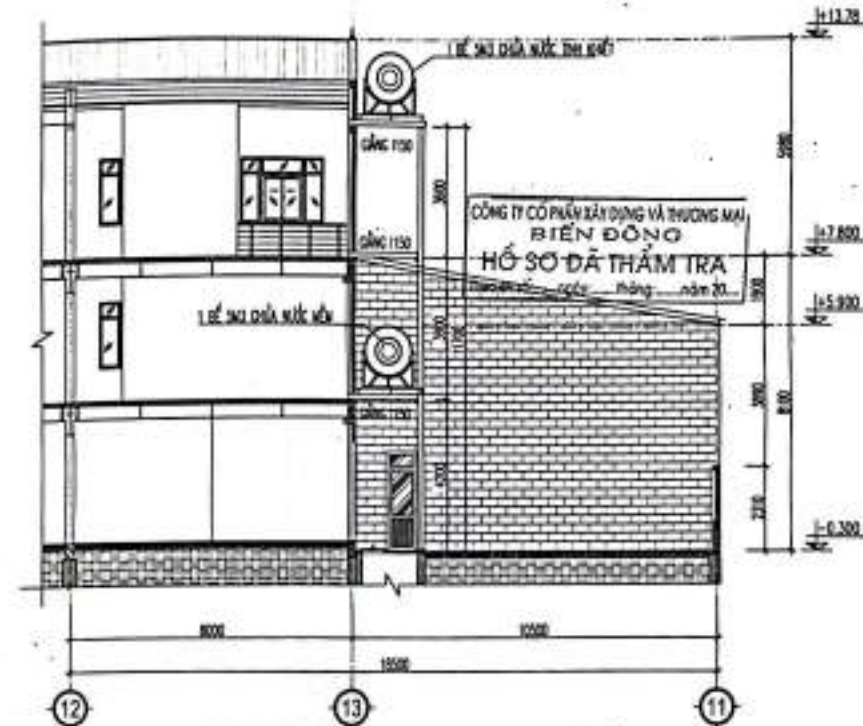
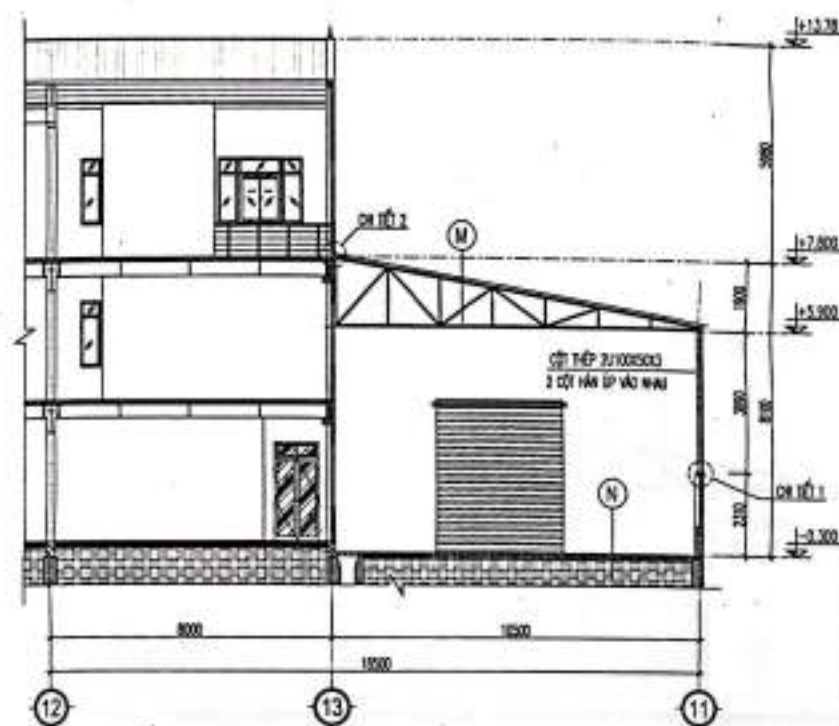
CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DNG TITLE	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
TRU SỞ LAM VEC & KHU SÂN KHUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐÔNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	MNH LỒ HỒ	MNH LỒ HỒ	MNH LỒ HỒ	NGUYỄN THẾ SƠN	LE TIẾN DƯƠNG	NGUYỄN THẾ SƠN	LE TIẾN DƯƠNG	NGUYỄN THẾ SƠN	LE TIẾN DƯƠNG	NGUYỄN THẾ SƠN	LE TIẾN DƯƠNG	NGUYỄN THẾ SƠN
130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130



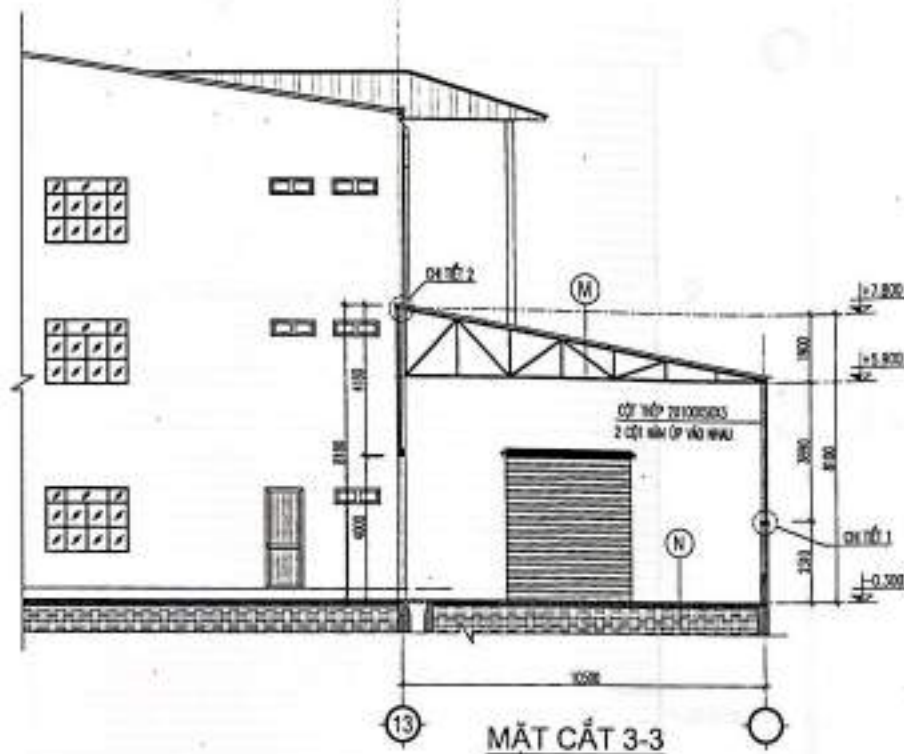
MẶT ĐƯƠNG THUNG ĐẦU HỒ PHÍA BẮC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
tháng năm 20...	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
Giám sát A	Kỹ thuật B

CÔNG TY TNHH DỰNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DUNG TIÊU	THIẾT KẾ	THI CÔNG	THIẾT KẾ	LÊ TIẾN DŨNG	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	THỜI GIAN	NĂM
TRỤ SỞ LÀM VIỆC & KHU SÂN QUÁT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DỰNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG CÔNG, HUYỆN HOÀNG HOA, TỈNH THANH HÓA	NHÀ LÒ HỒ	MẶT ĐƯƠNG LÒ HỒ	THIẾT KẾ	THI CÔNG	THIẾT KẾ	THI CÔNG	THIẾT KẾ	THI CÔNG	THIẾT KẾ	THI CÔNG



CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DRAW TITLE	HỌ TÊN NGƯỜI DÙNG BẢO HÀNH/TCT	NGUYỄN THẾ SƠN	THỜI GIAN CHẤM KÊ	LÝ TIỀN DŨNG	KÊNH QUẢN LÝ	SAM CẢNH THÊM	REPLY AT DATE	NĂM
TRƯỞNG LÂM VIỆC & KHU SẢN XUẤT HOÀNG LONG TR. TRẦN VĂN HẠO - TR. NGUYỄN ĐÌNH HÒA - TR. NGUYỄN VĂN HỮU T.L. 094.686.888 FAX: 094.686.887	CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HOA, TỈNH THANH HÓA	MỎ LÚO HỒI	VÁC DẦU ,CHAI									KT-02



M. NHÀ LỘ HỒ

- TÊN NHÀ DẠNG: 1.000

- HỆ NHÀ: 1.000

- HỆ NHÀ: 1.000

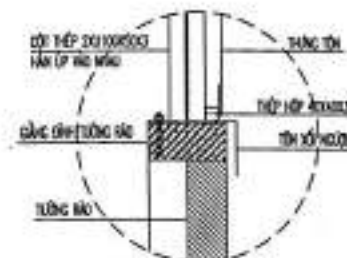
N. NHÀ LỘ HỒ

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG

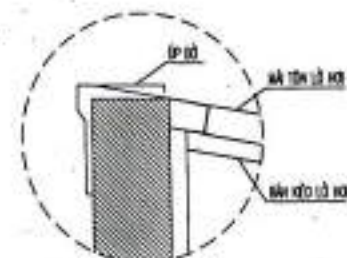
BIÊN CÔNG

HỒ SƠ DỰ THẨM TRA

Theo quy định ngày tháng năm 20...



CHI TIẾT 1

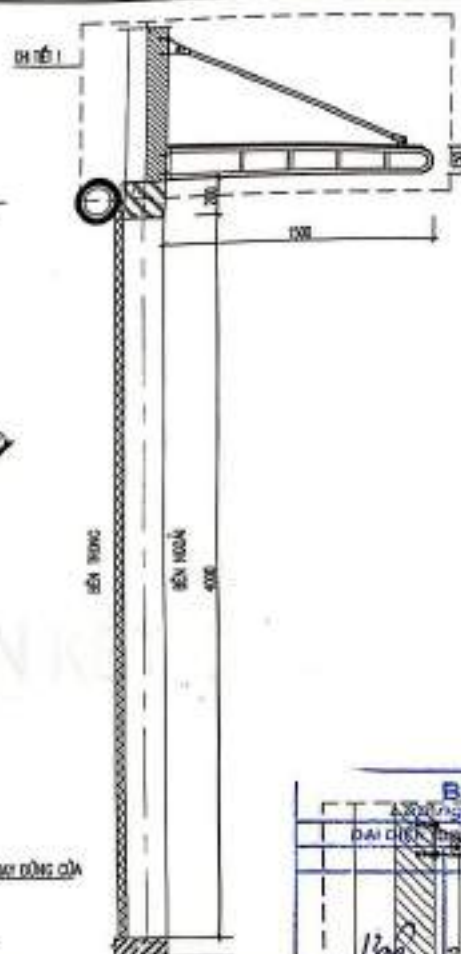
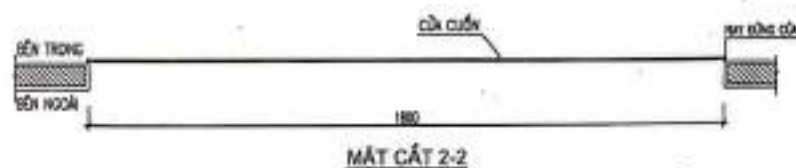
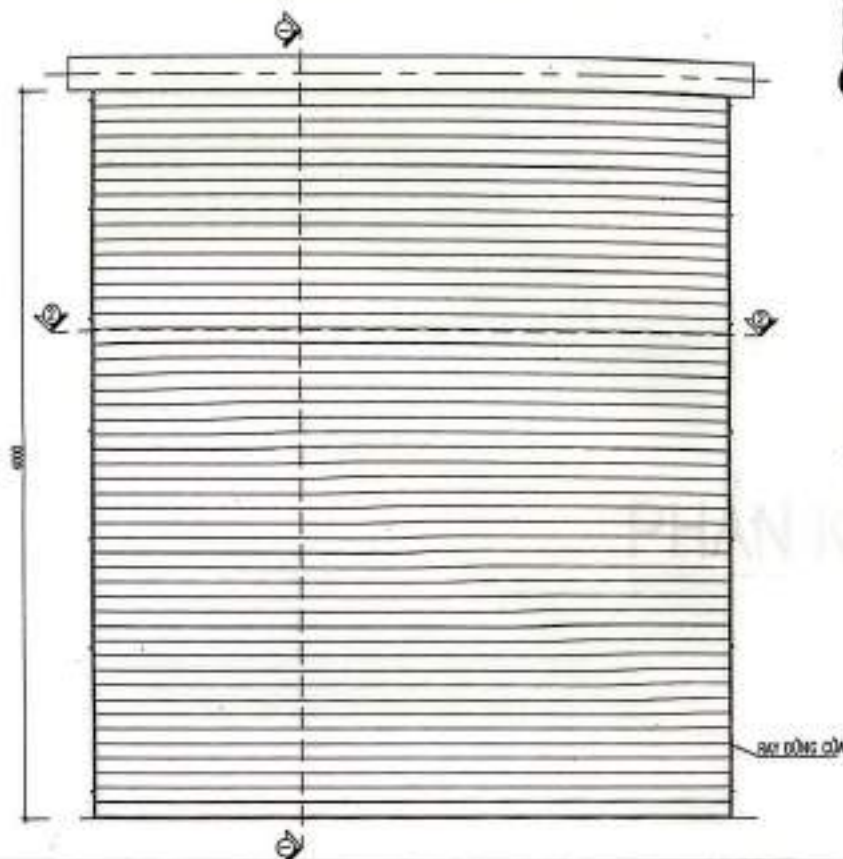


CHI TIẾT 2

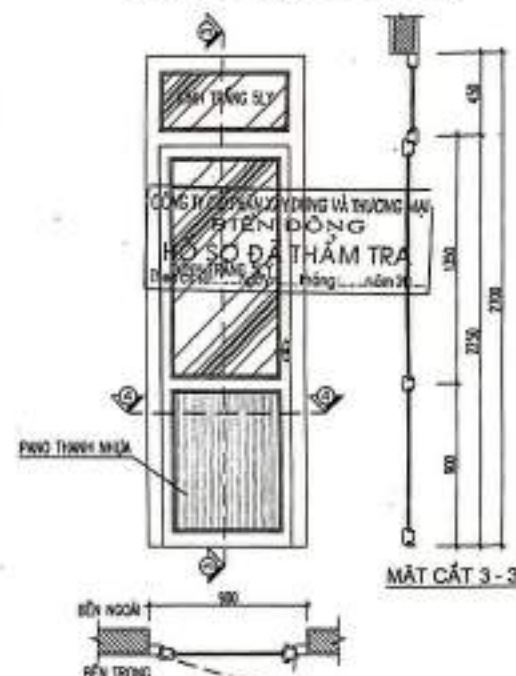
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Lập ngày ... tháng ... năm 20...		ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
Giám sát A		Kỹ thuật B	
1/20		[Signature]	
[Signature]		[Signature]	

CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DNG TÊN	THỜI GIAN / HOURS	THỜI ĐIỂM / TIME	LE TÊN CÔNG	Kiểu / Type	ĐƠN CẢNH THỌ	Ngày / Date	Năm / Year
CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & NHÀ SÂN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	XÃ HOÀNG DŨNG, HUYỆN HOÀNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	NHÀ LỘ HỒ	MẶT CẮT 3-3	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	KT-06

CỬA CUỐN D1 (SL = 02 BỘ)

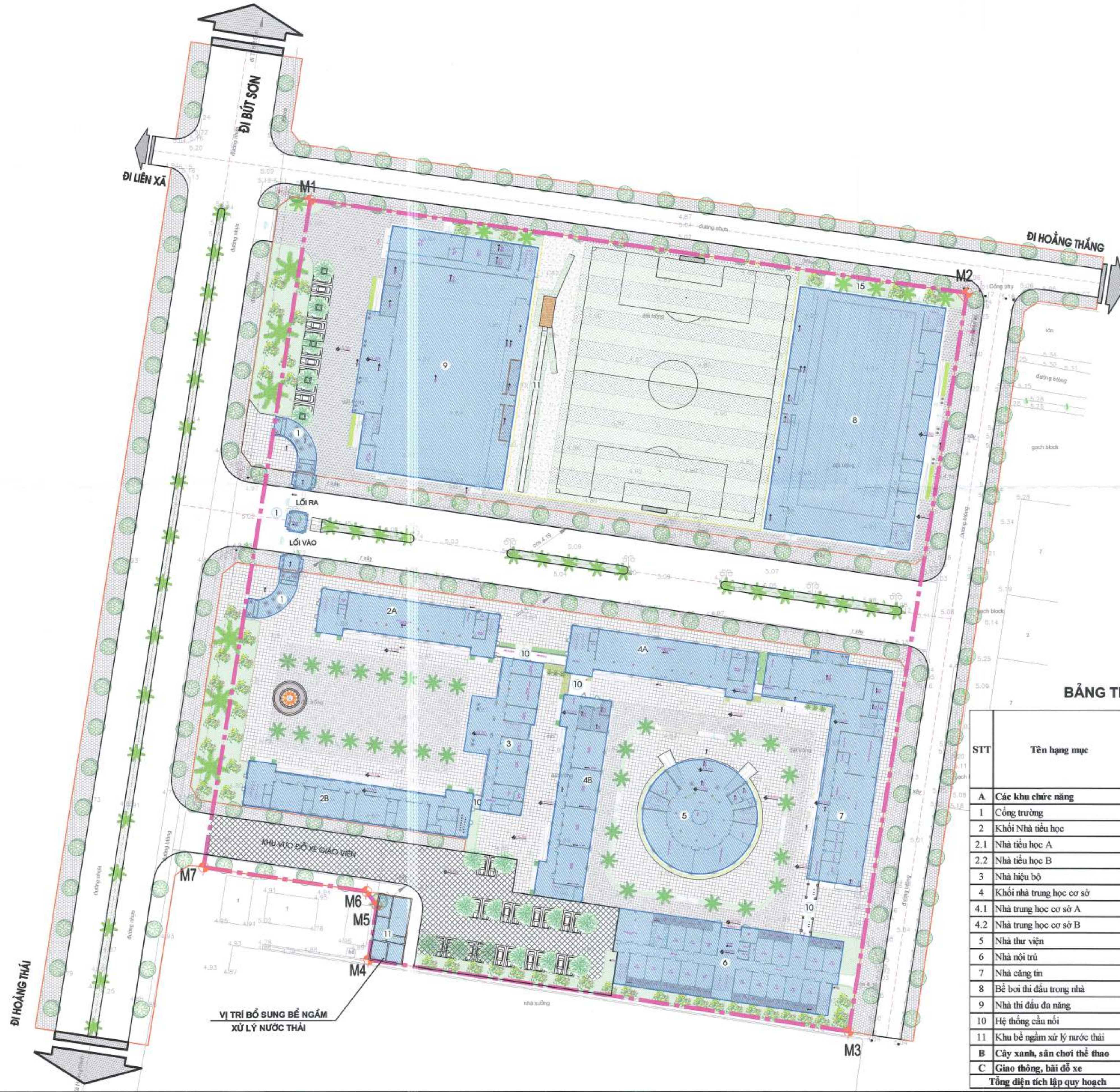
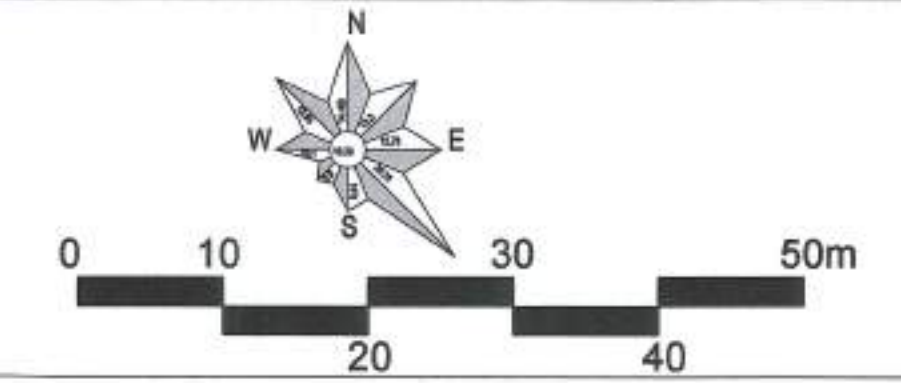


CỬA ĐI D2 (SL=03 BỘ)



CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	DỰ ÁN / PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT	BA ĐIỂM / LOCATION	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE	THANG BỐ	CHỖ HẸM / TIGHT	HOÀN THIỆN BÀN	TỔNG SỐ	LE TIỀN DONG	CỬA SỬ	ĐAM CẮM THÉN	NGÀY / DATE	NĂM
CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG TRỤ SỞ LÀM VIỆC & NHÀ SẢN XUẤT HOÀNG LONG T. N. H. 36 DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG T. N. H. 36	TRỤ SỞ LÀM VIỆC & NHÀ SẢN XUẤT HOÀNG LONG	CÔNG TY TNHH DUNG CỤ THỂ THAO HOÀNG LONG	SA HOÀNG BÔNG, HUYỀN HƯƠNG HÒA, TỈNH THANH HÓA	NHÀ LỘ HỒI	CHI TIẾT CỬA								4/12/2024	2024

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH



- KÍ HIỆU:
- RANH GIỚI KHU ĐẤT
 - CÂY XANH, THẨM CỎ
 - CÔNG TRÌNH
 - LÁT ĐÁ XANH ĐEN
 - LÁT ĐÁ GHI XÁM

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

Mốc	X	Y
1	588966.45	2194606.1
2	589127.65	2194583.07
3	589098.66	2194401.71
4	588980.84	2194419.33
5	588982.83	2194432.72
6	588980.31	2194436.13
7	588940.36	2194442.14

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5509/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 747/TĐ-KTHT NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
THEO TỜ TRÌNH SỐ 30/TTR-DELTA NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

BẢN VẼ:	GHÉP:	TỶ LỆ:	THÁNG:
QH-03	A1	1/500	12/2024
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ VIỆT DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÀNH LONG		

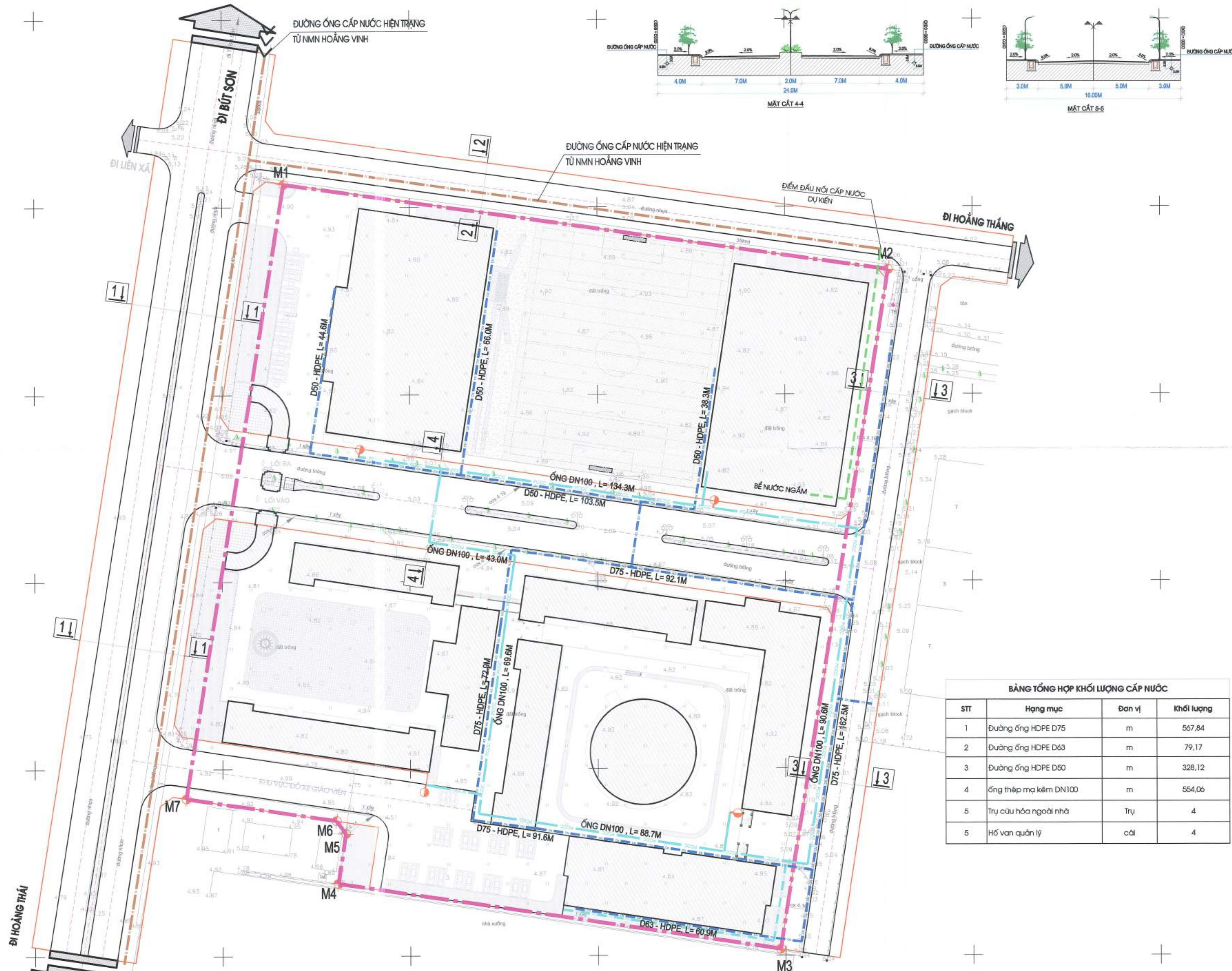
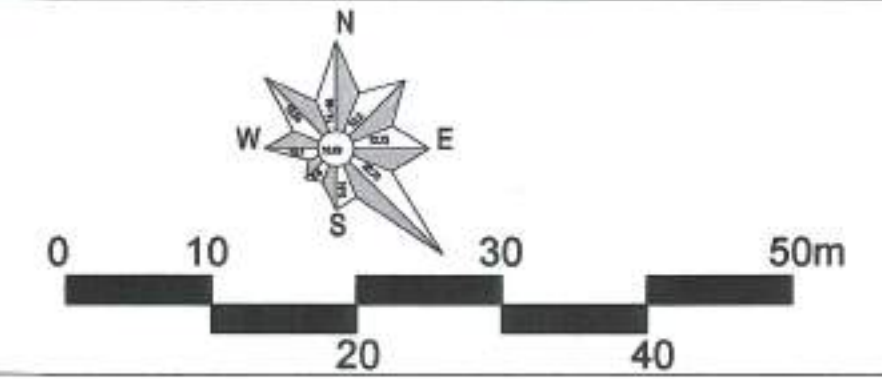
GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN HOÀI NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
ĐỊCH: 65 - TRẦN CAO VÂN - PHƯỜNG NGỌC TRẠO - THÀNH PHỐ THANH HÓA

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Theo quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 (m ²)	Quy hoạch sau điều chỉnh (m ²)	Tầng cao	Số sánh tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ sau điều chỉnh (%)
A	Các khu chức năng		9.677,00	9.805,00		128,00	33,71
1	Cổng trường	1	220,00	220,00	1	0,00	
2	Khởi Nhà tiểu học	2	967,00	967,00	4	0,00	
2.1	Nhà tiểu học A	2A	420,00	420,00		0,00	
2.2	Nhà tiểu học B	2B	547,00	547,00		0,00	
3	Nhà hiệu bộ	3	467,00	467,00	3	0,00	
4	Khởi nhà trung học cơ sở	4	1.016,00	1.016,00	4	0,00	
4.1	Nhà trung học cơ sở A	4A	486,00	486,00		0,00	
4.2	Nhà trung học cơ sở B	4B	530,00	530,00		0,00	
5	Nhà thư viện	5	624,00	624,00	3	0,00	
6	Nhà nội trú	6	1.010,00	1.010,00	4	0,00	
7	Nhà căng tin	7	930,00	930,00	2	0,00	
8	Bể bơi thu dẫu trong nhà	8	2.181,00	2.181,00	3	0,00	
9	Nhà thi đấu đa năng	9	2.262,00	2.262,00	3	0,00	
10	Hệ thống cầu nổi	10					
11	Khu bể ngầm xử lý nước thải	11		128,00		128,00	
B	Cây xanh, sân chơi thể thao		12.549,00	12.011,30		-537,70	41,29
C	Giao thông, bãi đỗ xe		6.864,00	7.273,70		409,70	25,00
	Tổng diện tích lập quy hoạch		29.090,00	29.090,00			100,00

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC



THUYẾT MINH:

- XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHO TOÀN BỘ KHU QUY HOẠCH.
- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DÙNG ĐƯỜNG ỐNG HDPE D63.
- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI DÙNG ĐƯỜNG ỐNG HDPE D75.
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC PCCC DÙNG ĐƯỜNG ỐNG THÉP MẠ KÉM DN100.
- NGUỒN CẤP NƯỚC ĐƯỢC ĐẦU NỐI VỚI ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG.
- LƯU LƯỢNG NƯỚC CẤP CHO KHU: $V = 160.94 (M^3/NG.ĐÊM)$.

KÍ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC PCCC
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG
- TRỤ CHỮA CHẤY NGOÀI NHÀ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5509/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 747/TĐ-KTHT NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỰNG CỤ THỂ THAO DELTA
THEO TỜ TRÌNH SỐ 30/TTR-DELTA NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH-07	GHÉP: A1	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 12/2024
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ VIỆT DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÀNH LONG		

GIÁM ĐỐC:

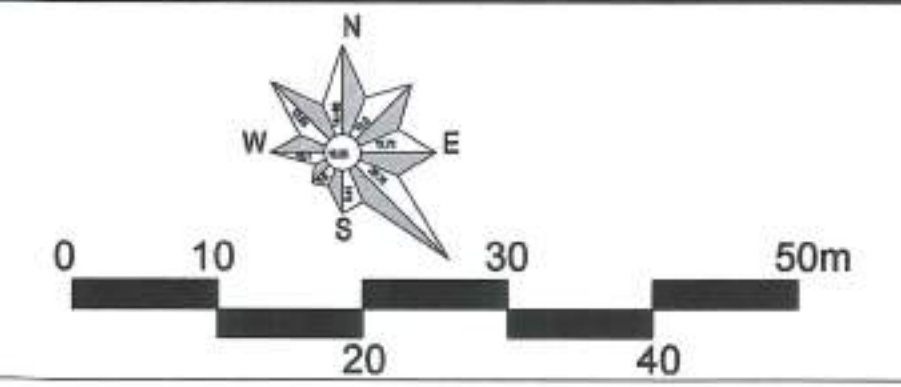
KTS. NGUYỄN HOÀI NAM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
ĐỊCH: SỐ 15 - TRẦN CAO VÂN - PHƯỜNG NGỌC TRẠO - THÀNH PHỐ THANH HÓA

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC			
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống HDPE D75	m	567,84
2	Đường ống HDPE D63	m	79,17
3	Đường ống HDPE D50	m	328,12
4	Ống thép mạ kẽm DN100	m	554,06
5	Trụ cứu hỏa ngoài nhà	Trụ	4
6	Hố van quản lý	cái	4

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA



KÝ HIỆU:

- — — — — RÀNH GIỚI QUY HOẠCH
5.05 CAO ĐỘ ĐỈNH GA
3.82 CAO ĐỘ ĐÁY RÀNH
[H=0.03 B=0.40 L=141] ĐỘ DỐC (%) - ĐƯỜNG KHÍ - CHIỀU DÀI (M)
— — — — — RÀNH B300, B400, B600
— — — — — RÀNH HIỆN TRẠNG
[] HỒ GA THU THẬP KẾT HỢP
[] CỬA XÃ

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước B300	m	64,4
2	Rãnh thoát nước B400	m	1062,3
3	Rãnh thoát nước B600	m	171,8
4	Ga thấm thu kết hợp	ga	40

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 559/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN HOÀNG HÓA
THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 747/TĐ-KTHT NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN DỰNG CỤ THỂ THAO DELTA
THEO TỜ TRÌNH SỐ 30/TTR-DELTA NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2024

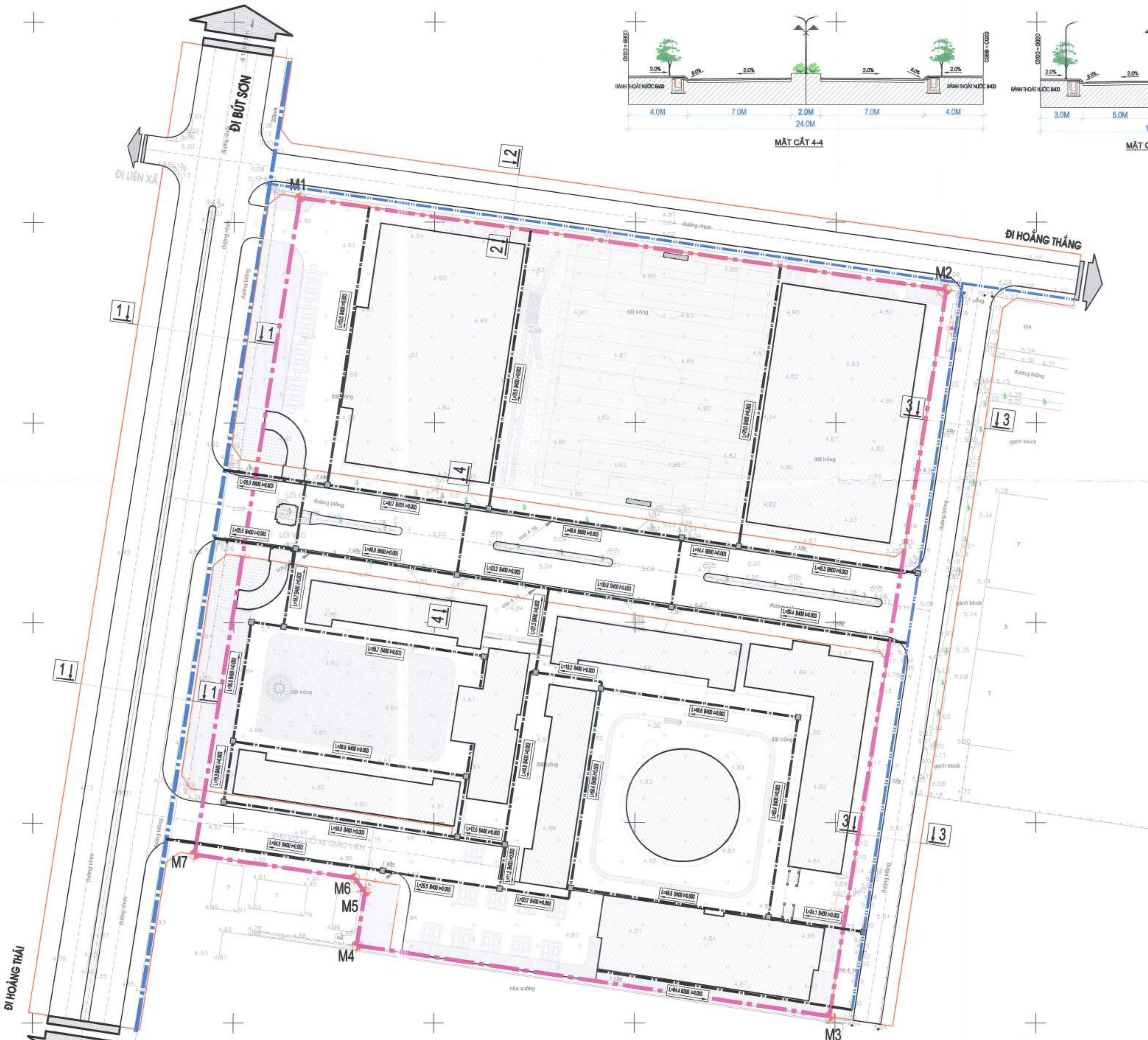
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA

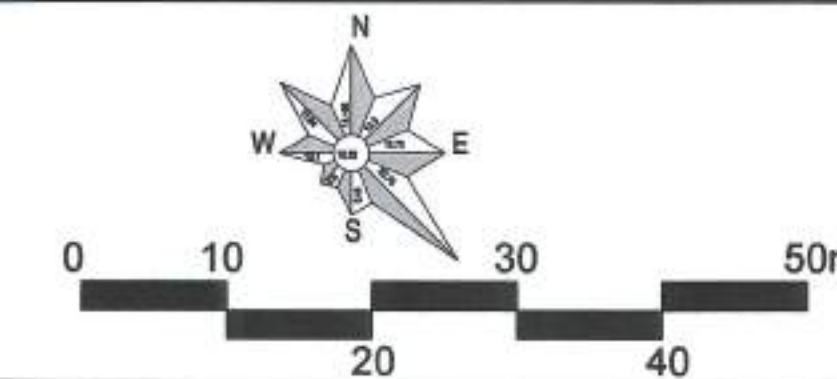
BẢN VẼ: QH-06	GHÉP: A1	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 12/2024
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ VIỆT DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÀNH LONG		

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN HOÀI NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
ĐC: SỐ 15 - TRẦN CAO VÂN - PHƯỜNG NGỌC TRẠO - THÀNH PHỐ THANH HÓA



ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN



KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- - - RANH THOÁT NƯỚC THẢI
□ HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI
1:20000:0.003 CHIỀU DÀI KÍCH THƯỚC - ĐỘ DỐC
● ĐIỂM TẬP TRUNG RÁC THẢI

THUYẾT MINH

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI ĐẢM BẢO THU GOM > 100% NHU CẦU THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT TỪ CÁC NHÀ, NHÀ VỆ SINH TRONG TRƯỜNG PHẢI ĐƯỢC XỬ LÝ QUA BẾ TỰ HOẠI XÂY ĐÚNG QUY CÁCH TRƯỚC KHI XẢ VÀO ĐƯỜNG ỚNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC D110, PVC D160... ĐI TRONG RÀNH B400, B600, ĐƯỢC TREO BẰNG DÂY CƯỚC (CHI TIẾT THỂ HIỆN Ở BƯỚC SAU), NƯỚC THẢI ĐƯỢC DẪN VÀO BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI Ồ DẤT PHÍA NAM DỰ ÁN.
- NƯỚC THẢI SAU KHI XỬ LÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG (QCVN 01-2008) SẼ ĐƯỢC ĐÁNH THOÁT RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG.
- THIẾT KẾ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI TÁCH RIÊNG VỚI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MÙA.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5509/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN HOÀNG HÓA

THEO BẢO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 747/TĐ-KTHT NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỰNG CỤ THỂ THAO DELTA

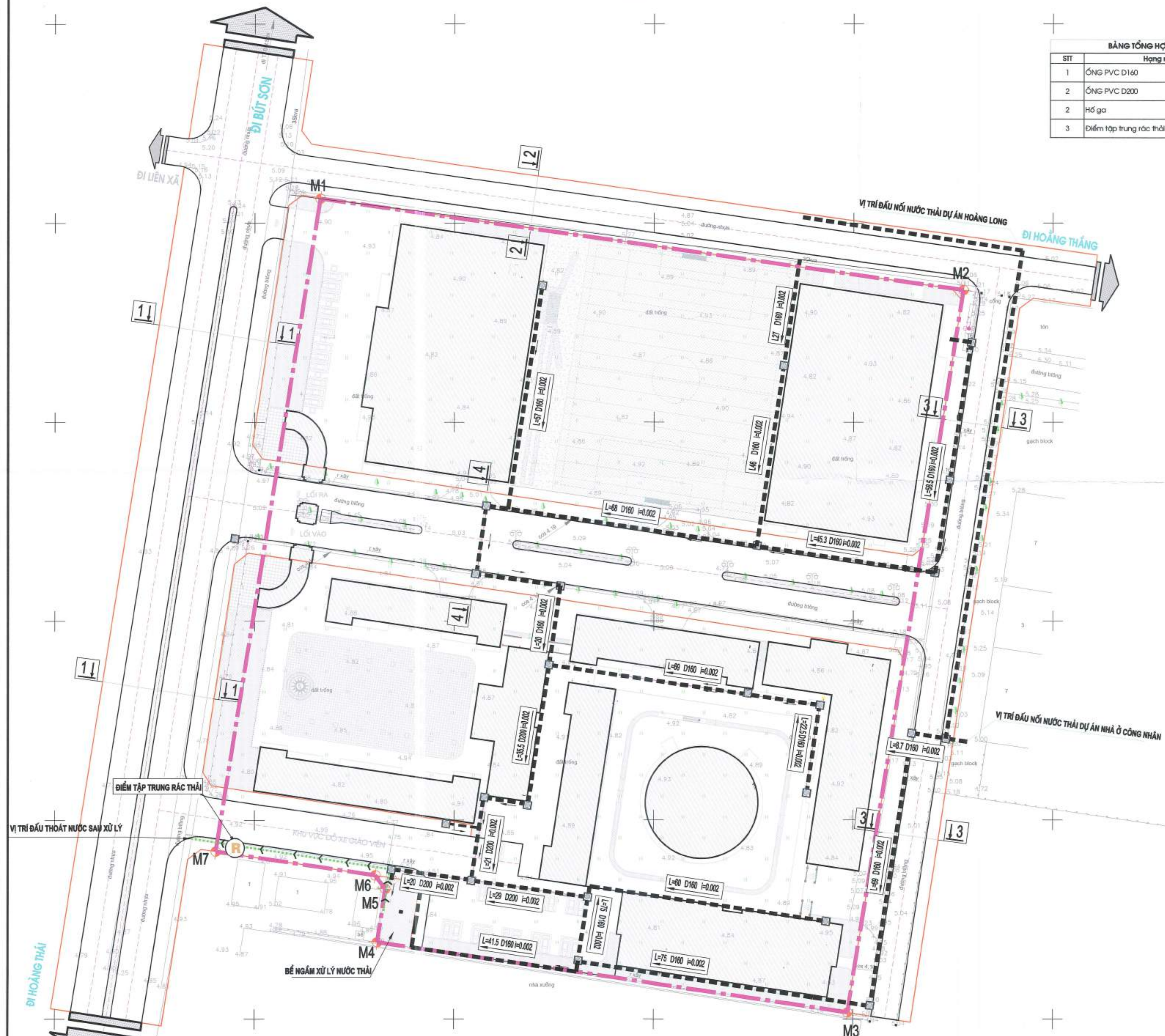
THEO TỜ TRÌNH SỐ 30/TR-DELTA NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2024
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
TẠI XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

BẢN VẼ: QH-08	GHÉP: A1	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 12/2024
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ VIỆT DŨNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TRUNG TUYẾN		
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÀNH LONG		

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN HOÀI NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
ĐC: 85 - TRẦN CAO VÂN - PHƯỜNG NGỌC TRẠO - THÀNH PHỐ THANH HÓA





CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

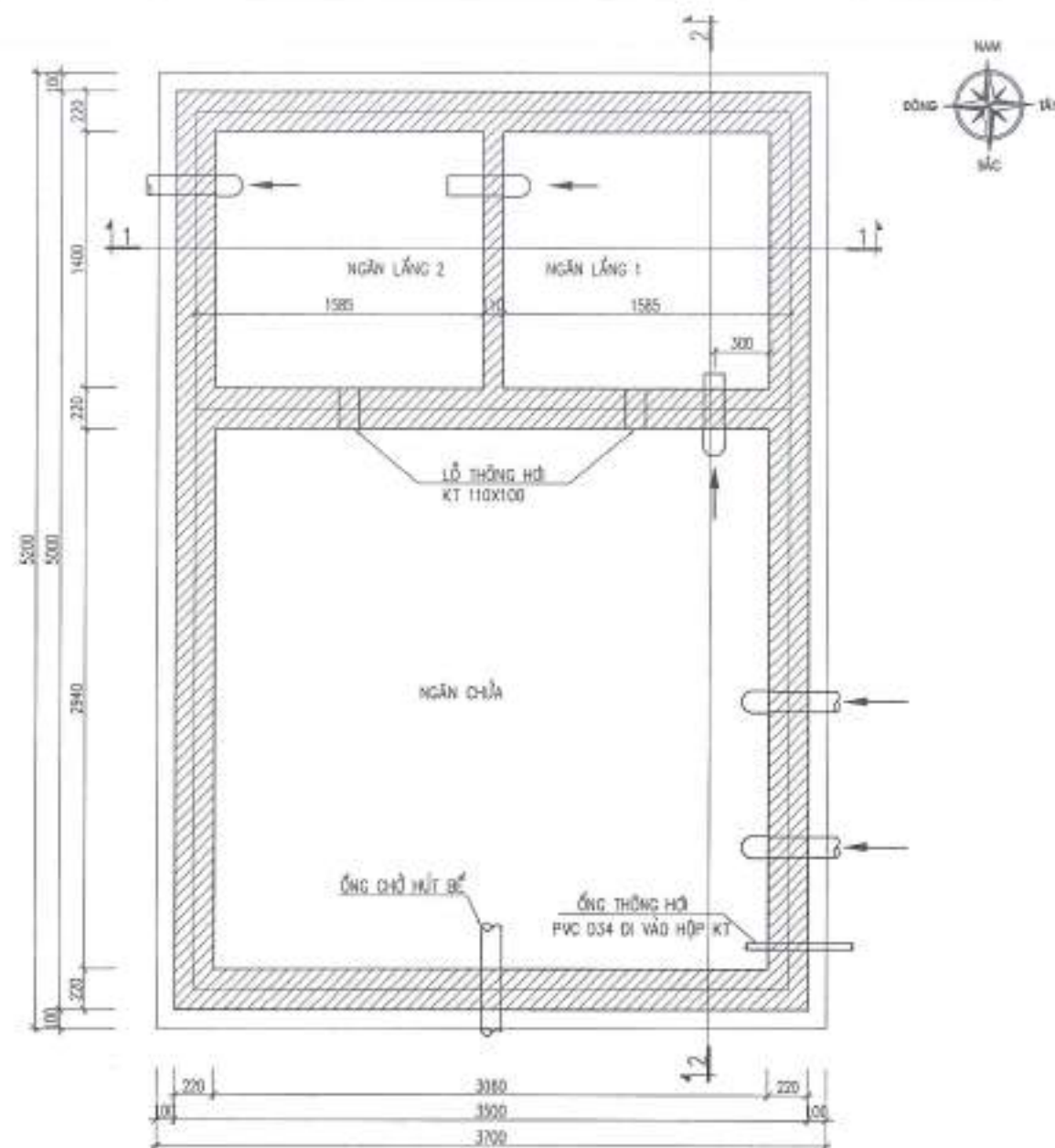
VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD : Room 14.6 - CT3 Building VINECO
Trung Yen Urban Area - Hanoi
Tel : 024 22250161
Fax : 024 22250160
Web : www.vncoco.vn

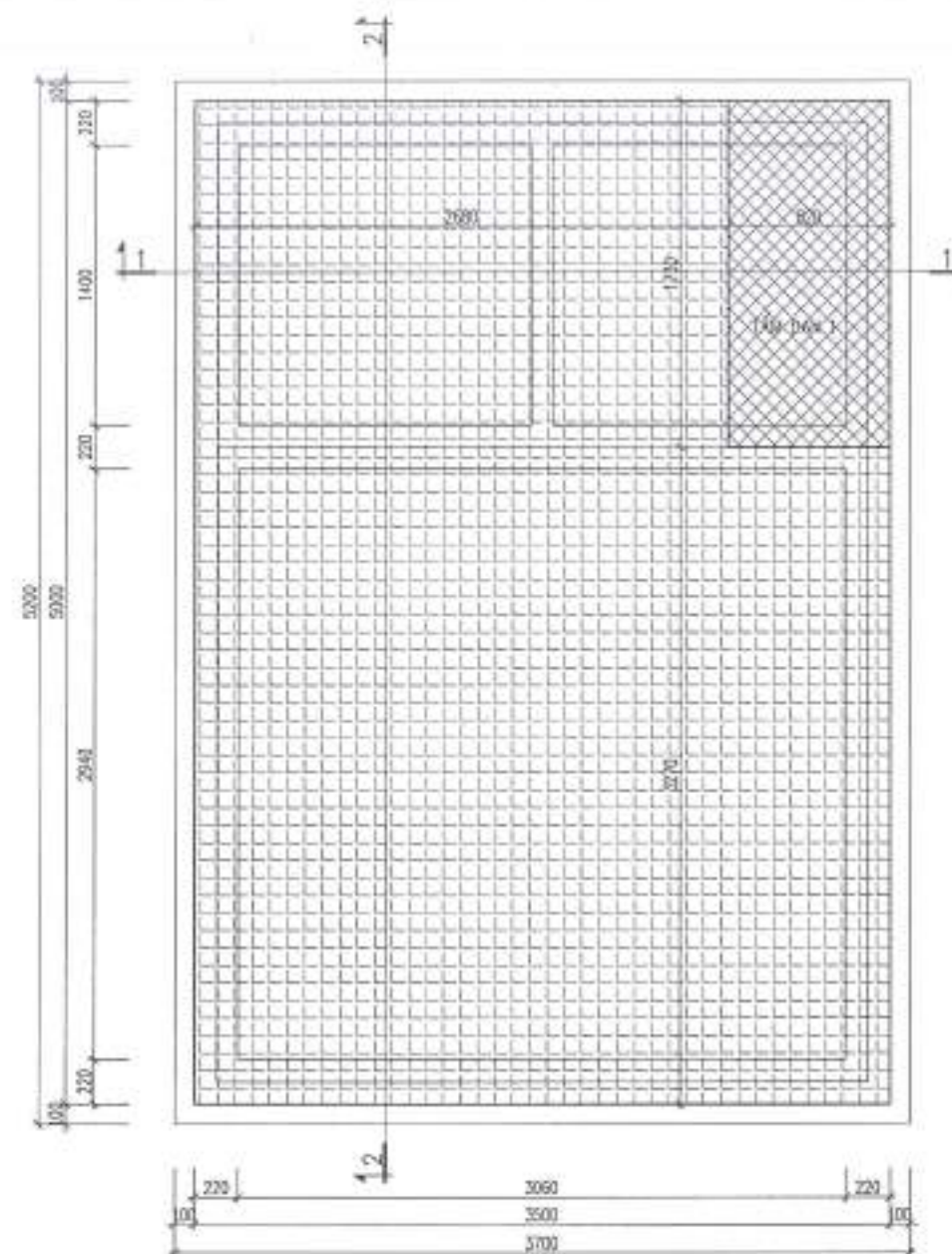
BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

DỰ ÁN: TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
HẠNG MỤC: BỂ TỰ HOẠI
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CP DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM (VNC)

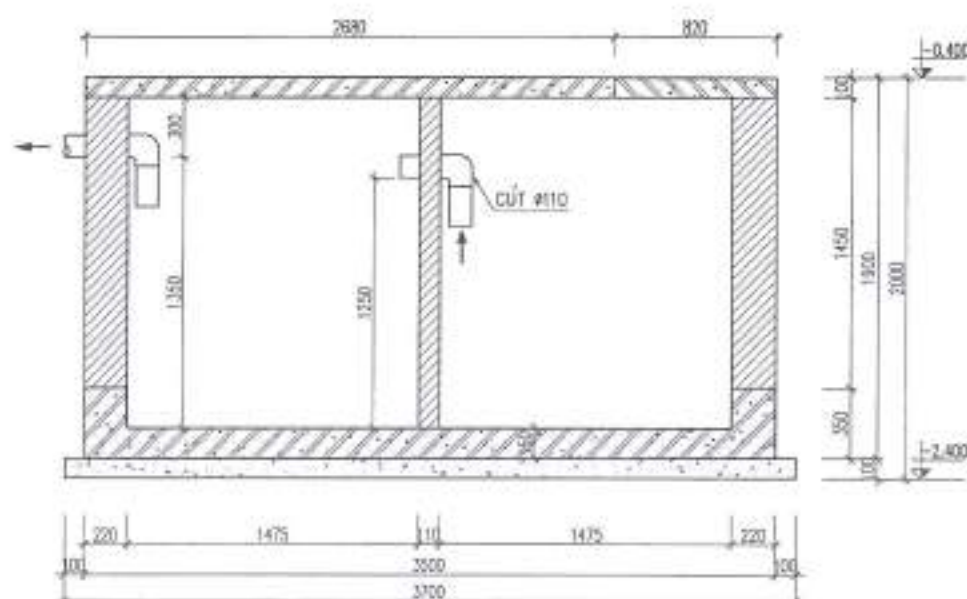
THANH HOÁ 2022



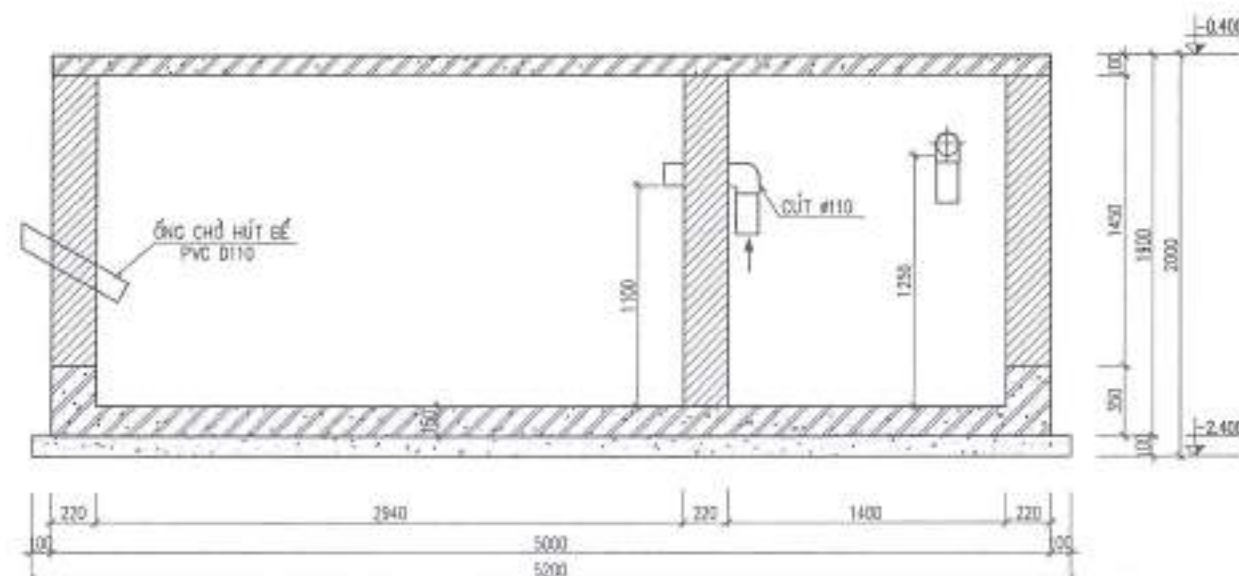
MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL=01 CÁI)



MẶT NẮP BỂ PHỐT



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG COMMENT	CHỮ KÝ APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER
CÔNG TY CỔ PHẦN DỤNG CỤ THẠO DELTA
DELTA

DỰ ÁN - PROJECT:
TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:
NHÀ TIỂU HỌC 2A

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
XÃ HOẢNG ĐỒNG HUYỆN HOẢNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:
VNC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION EXAMINATION AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
ADD : ROOM 405/203 BUI XUAN HAI STREET, HOANG HUA WARD, HOANG PHU DISTRICT, THANH HOA PROVINCE
TEL : 0912250100
WEBSITE : WWW.VNCCO.VN

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
LÊ ĐỨC THẠNH
CHẾ ĐỒ KỸ THUẬT - CHIEF ARCHITECT
NGUYỄN VĂN THẠNH
KÊ KẾ - ARCHITECT
LÊ ĐỨC HÙNG
KÊM - CHECKER
NGUYỄN VĂN SINH

ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN - STAGE:

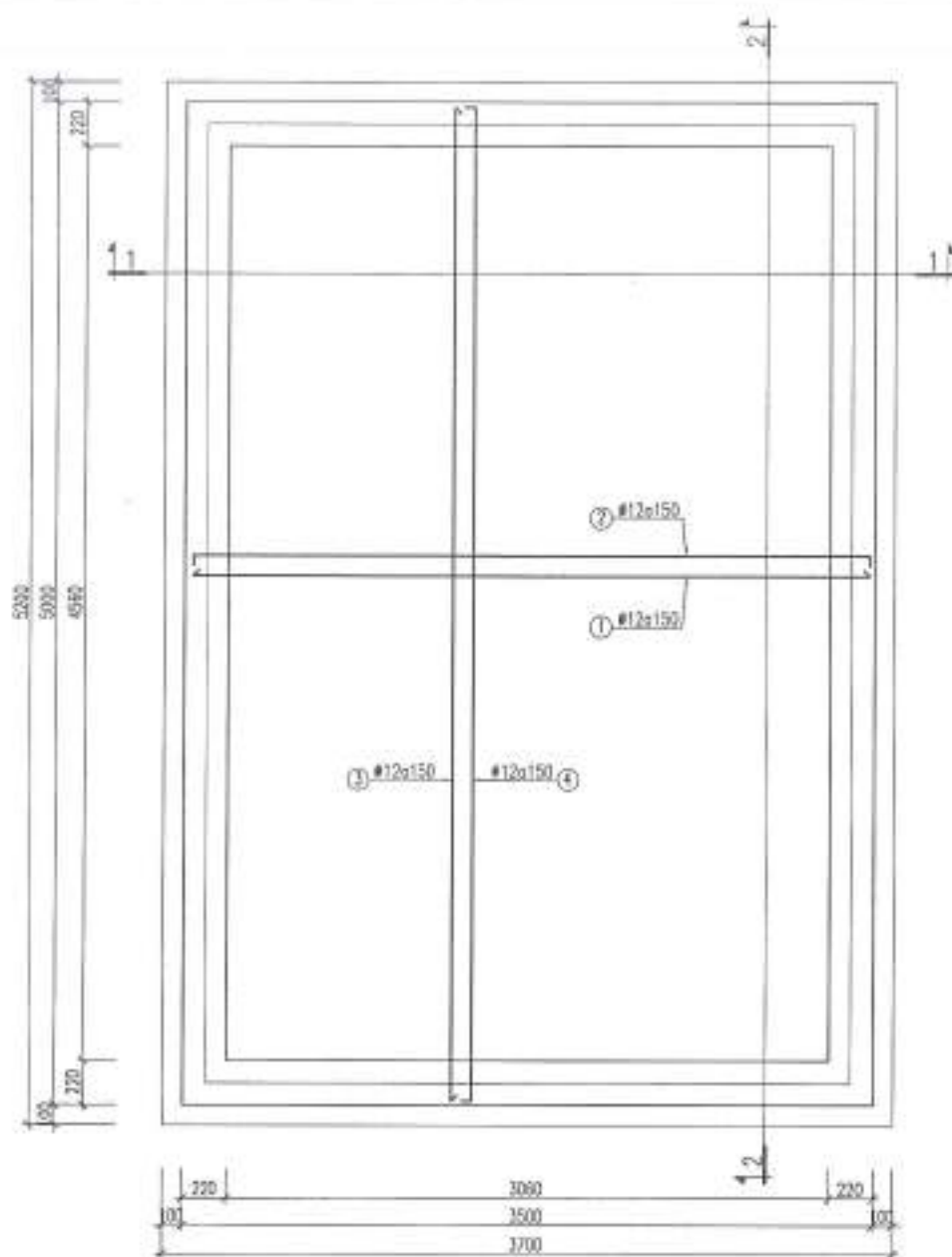
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỂ PHỐT

TỶ LỆ - SCALE:
1/...

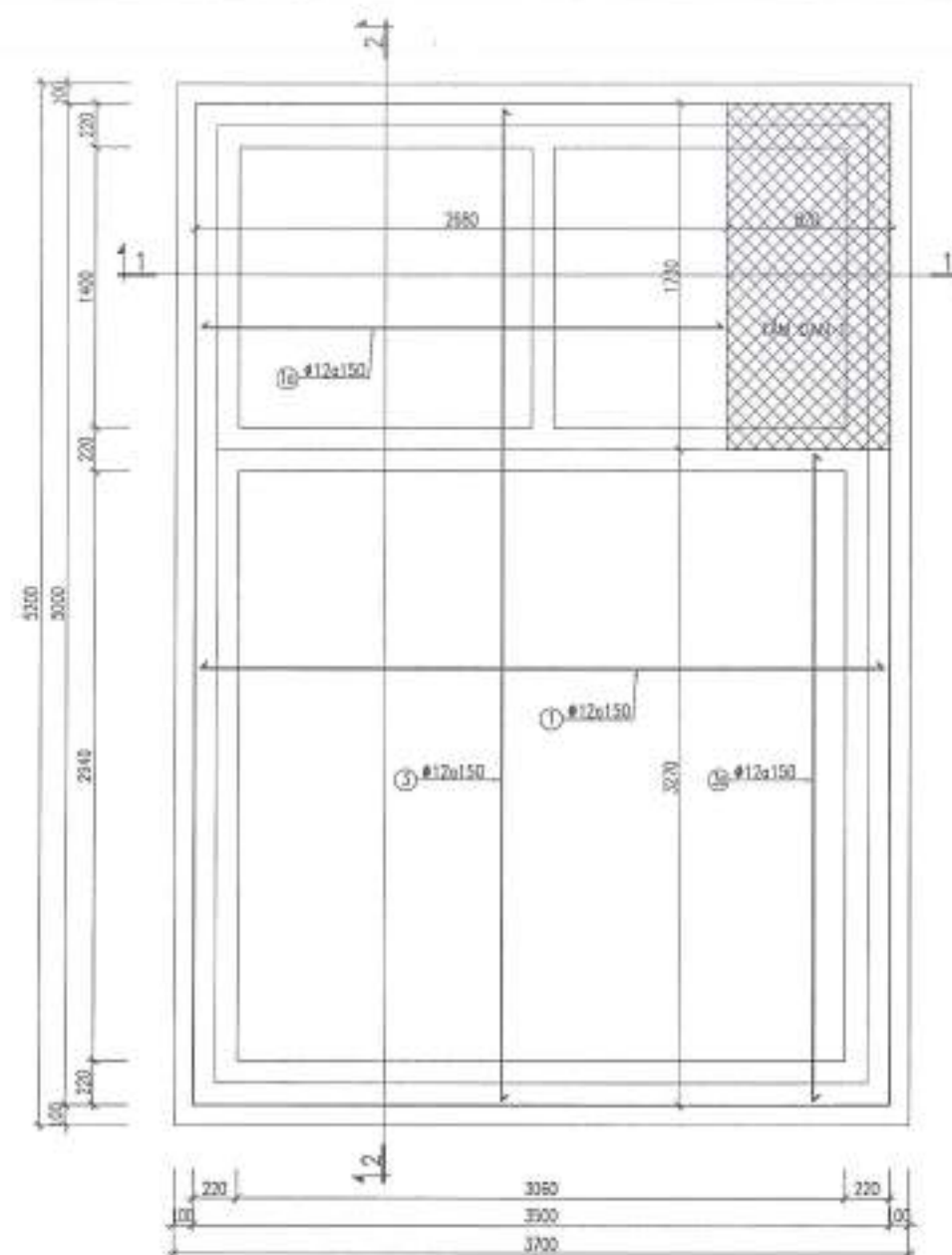
HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:
.../2022

SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:
...

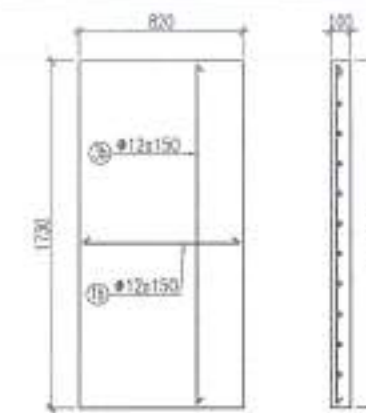
BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:
KC-10



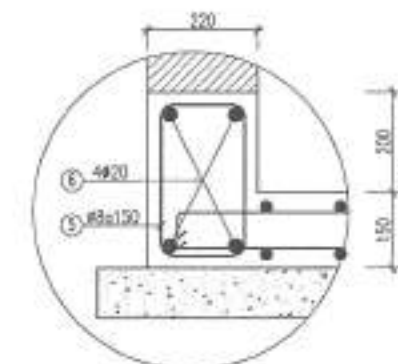
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ PHỐT (SL=01CÁI)



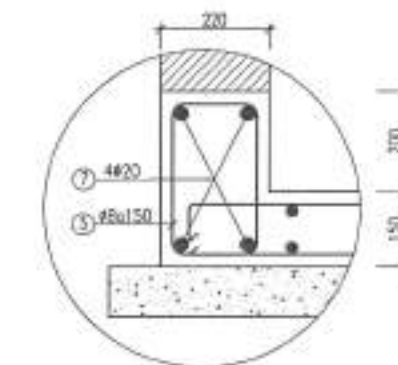
MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ PHỐT



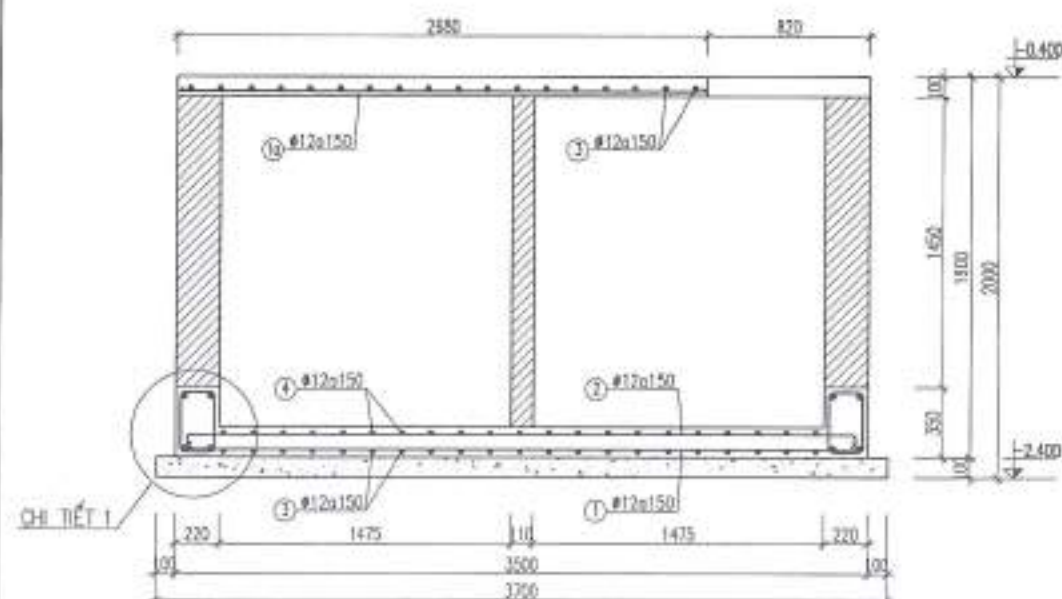
TẦM ĐẠN 1 (SL=01 C)



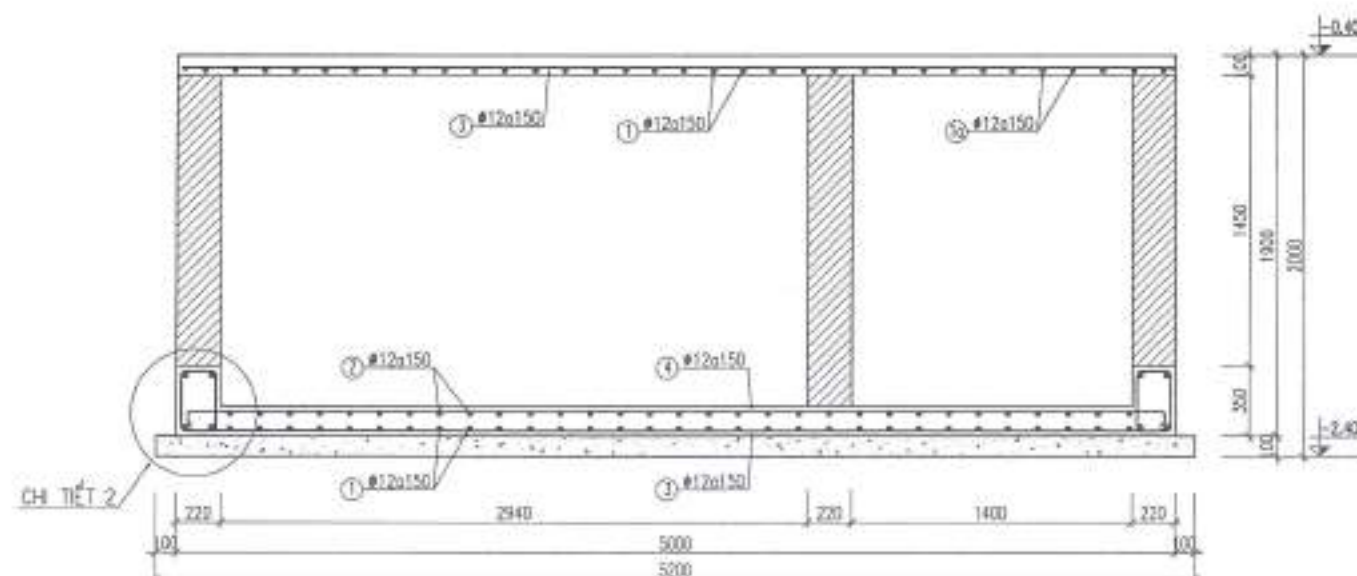
CHI TIẾT 1



CHI TIẾT 2



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THAM APPROVE
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



DỰ ÁN - PROJECT:

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

NHÀ TIỂU HỌC 2A

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

XÃ HOÀNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

VNC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY
ADD: ROOM 14A, CO BANG JIMCO,
TRANG HON BANG KEN BANG
TEL: 04 35000000
FAX: 04 35000000
WEBSITE: WWW.VNCVN.COM

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
LÊ DUY THẮNG
CHUYÊN VIÊN - SPECIALIST
NGUYỄN VĂN THẮNG
NHÊ KẾ - DESIGNER
LÊ ĐỨC HÙNG
KIỂM TRA - CHECKER
NGUYỄN VĂN SINH

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN - STAGE:

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

CHI TIẾT BỂ PHỐT

TỶ LỆ - SCALE:

1/...

HỌA THẠCH - ISSUE DATE:

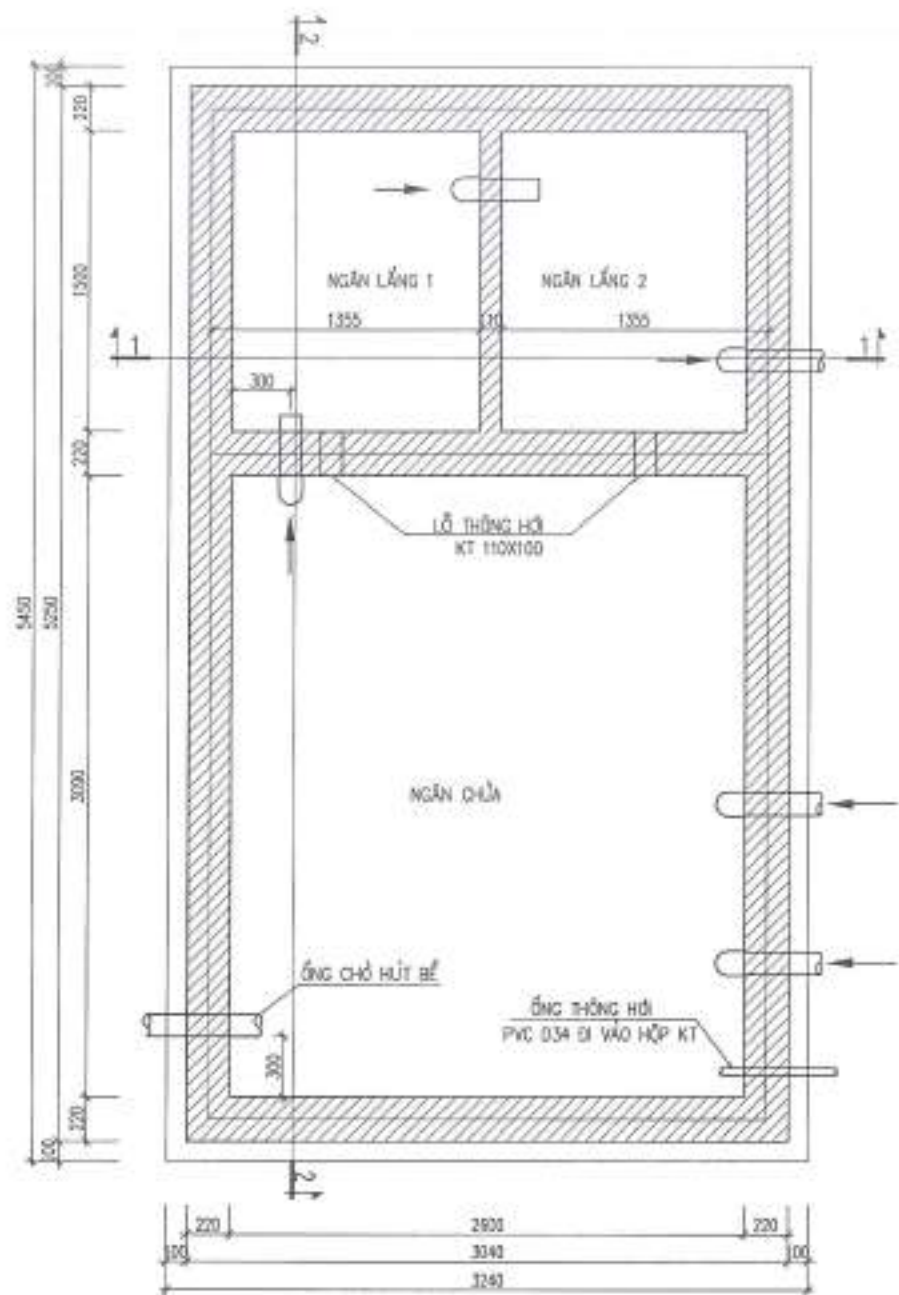
.../2023

SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:

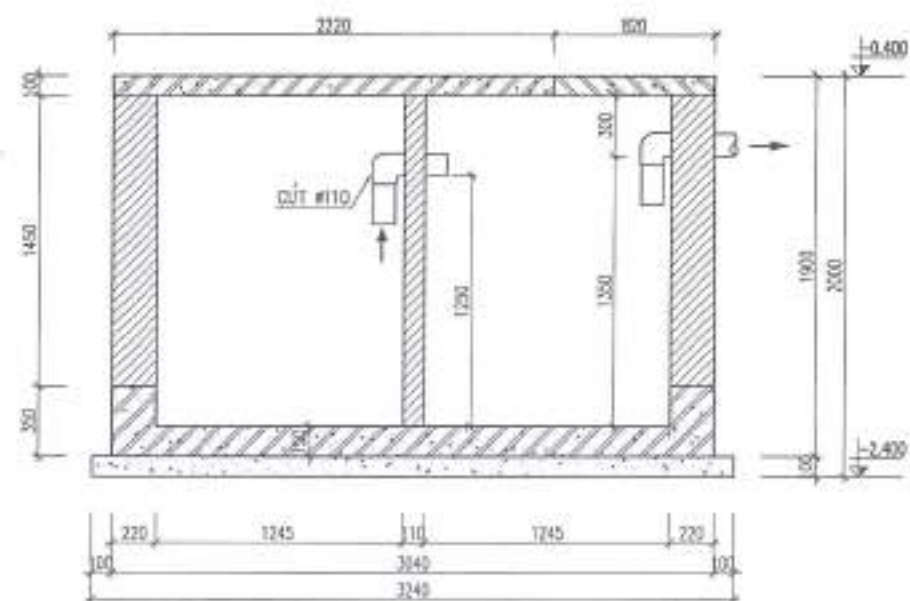
...

SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO:

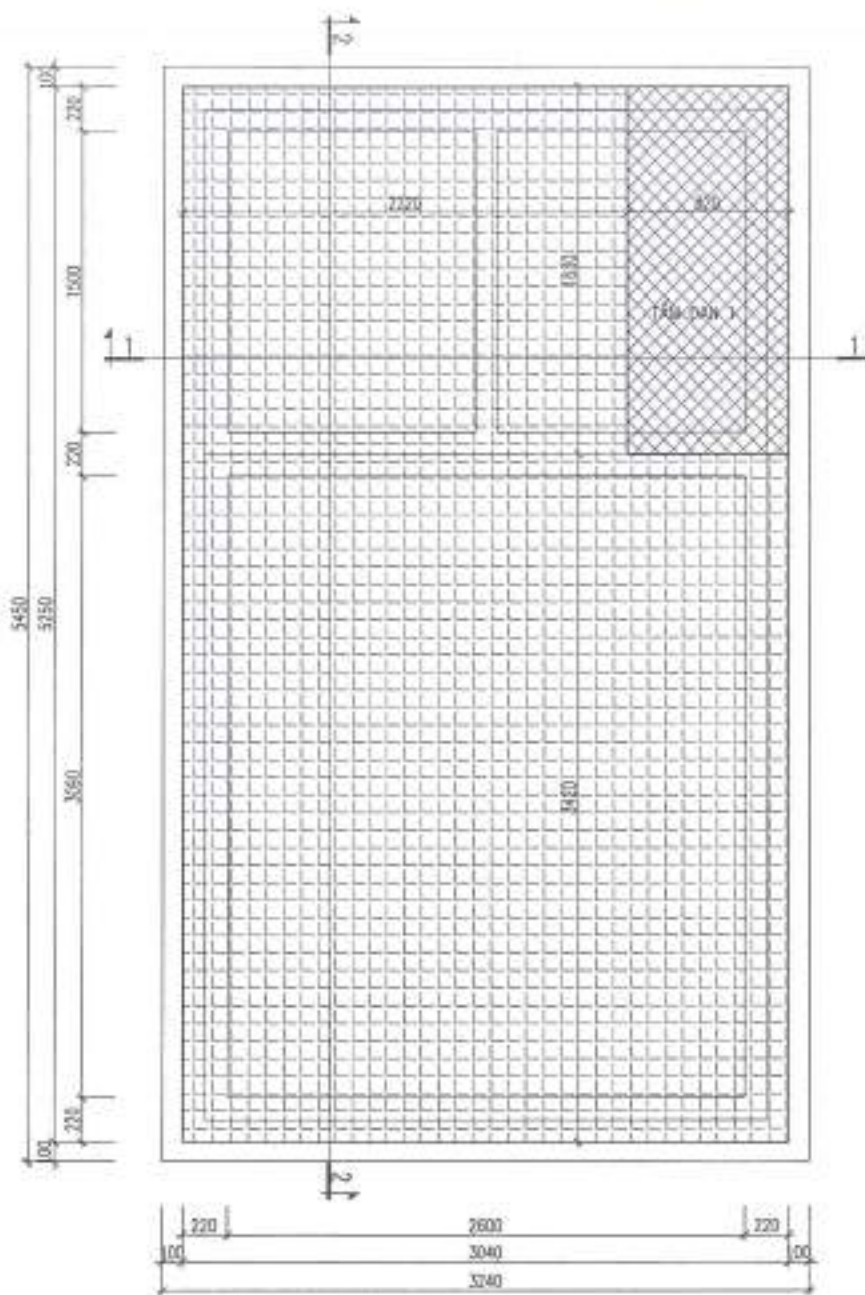
KC-11



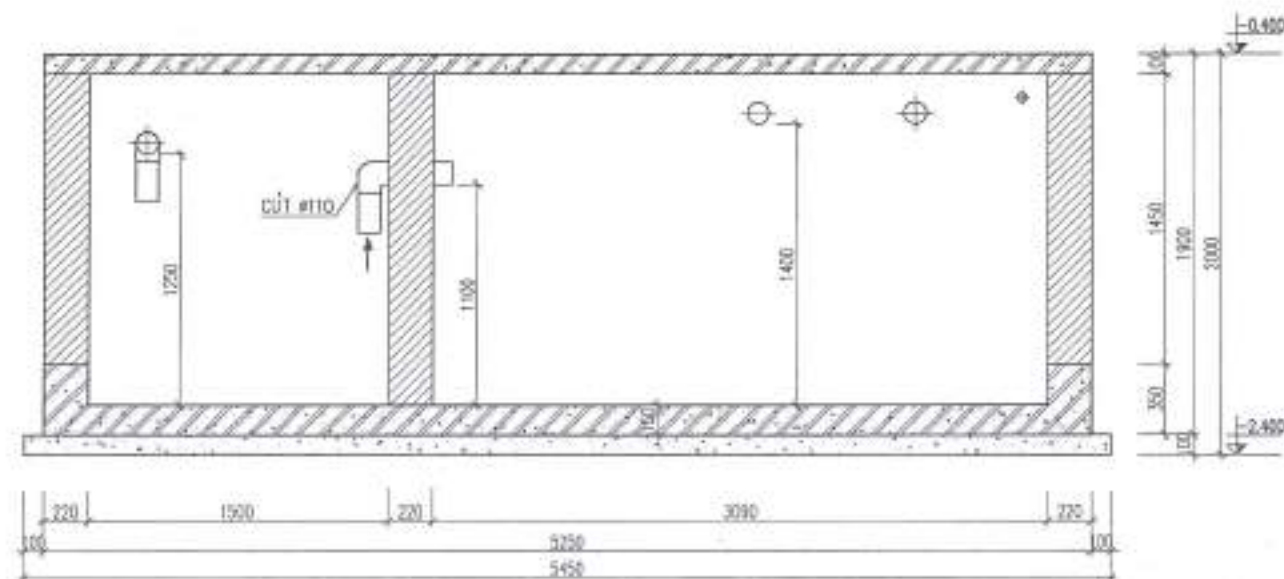
MẶT BẰNG BỂ PHỐT 1 (SL=01CÁI)



MẶT CẮT 1-1



MẶT NẮP BỂ PHỐT 1



MẶT CẮT 2-2

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO	NGÀY DATE	HỘI THẢO CURRENT	CHẤM Duyệt APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



DỰ ÁN - PROJECT:

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

NHÀ TIỂU HỌC 2B

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

XÃ HỒNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:



CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD: ROOM 11A, CO. HANG VINC,
THANH HUA CITY, VIETNAM
TEL: 0232300000
FAX: 0232300000
WEBSITE: WWW.VNCVN.COM

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

LÊ DUY THÁNH

CHẾ TẠM HẠNG TỶ SỰ:

NGUYỄN VĂN THÁNH

THIẾT KẾ - DESIGNER:

LÊ ĐỨC HÙNG

Kiểm tra - CHECKER:

NGUYỄN VĂN SINH

SƠ ĐỒ THỰC HIỆN - STAGE:

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỂ PHỐT 1

TỶ LỆ - SCALE:

1/100

HỌA THÀNH - ISSUE DATE:

01/2022

SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:

KC-10

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP NHẬN APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:

CHỖ DẤU TÝ - SIGN



DỰ ÁN - PROJECT:

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

NHÀ CẢNG TIN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

XÃ HOÀNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:



CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

VIETNAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD: ROOM 344 C23B ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN THẠNH
TRUNG ƯƠNG, HÀ NỘI
TEL: 0238381111
FAX: 0238381111
WEBSITE: WWW.VNCC.COM.VN

ĐẠM DỐC - DIRECTOR:

LÊ DUY THÀNH

CHỦ TRƯỞNG - HEAD OFFICE:

NGUYỄN VĂN THẠNH

THIẾT KẾ - DESIGNER:

ĐOÀN VĂN DUY

Kiểm tra - CHECKER:

NGUYỄN VĂN SINH

Giai đoạn thực hiện - STAGE:

Tên bản vẽ - DRAWING TITLE:

CHI TIẾT BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tỷ lệ - SCALE:

1/...

Hoàn thành - DATE:

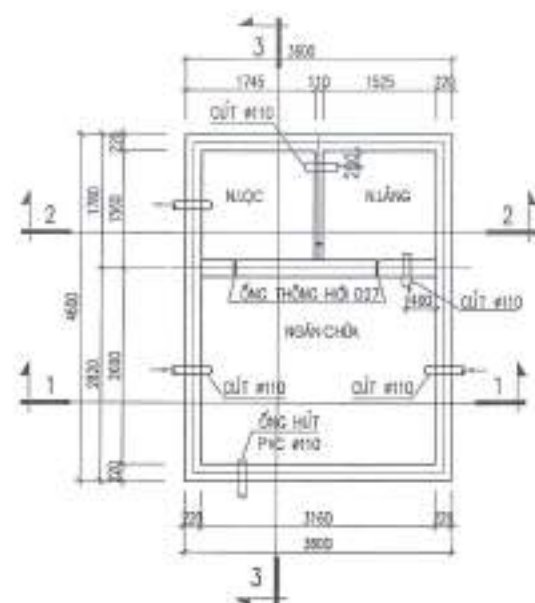
.../2022

Số hợp đồng - CONTRACT NO:

...

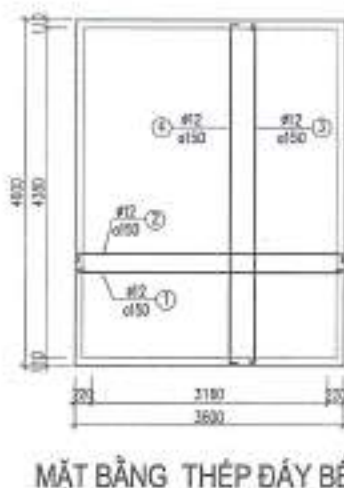
Bản vẽ số - DRAWING NO:

KC-07

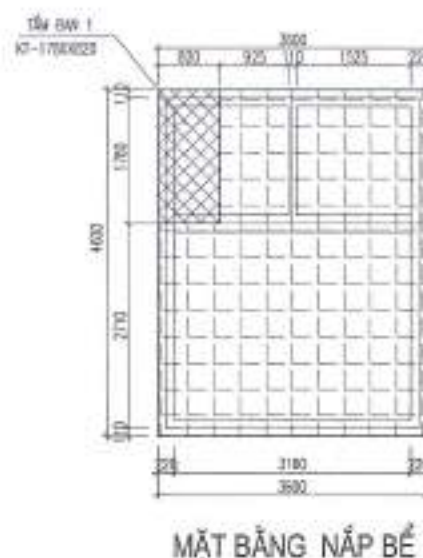


MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

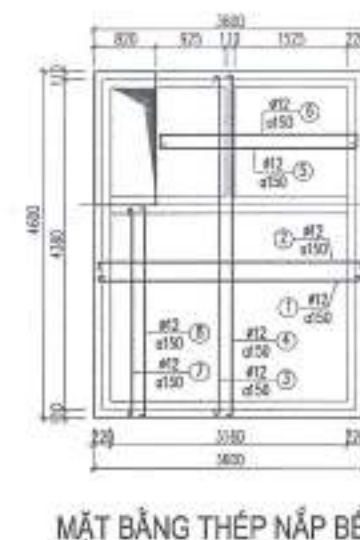
SỐ LƯỢNG = 02 CÁI



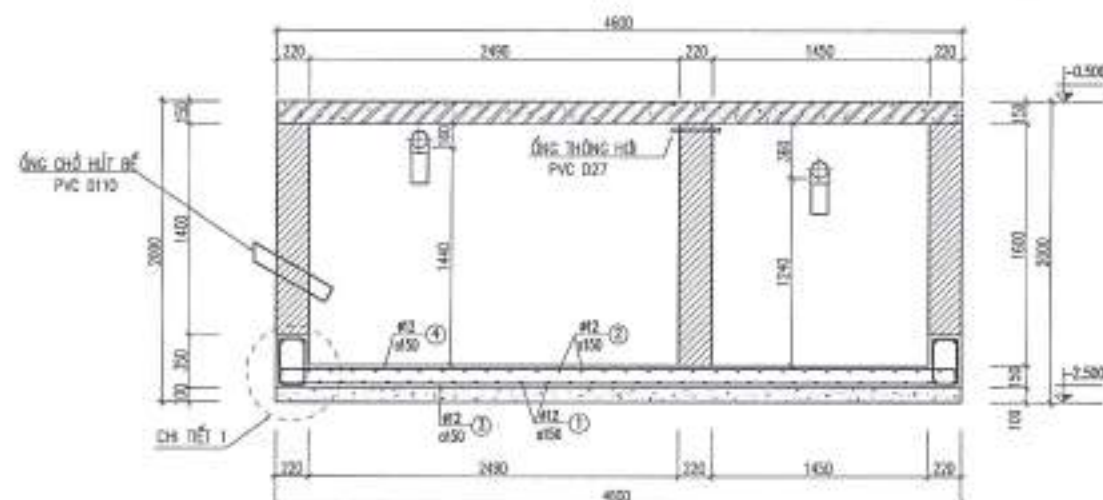
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ



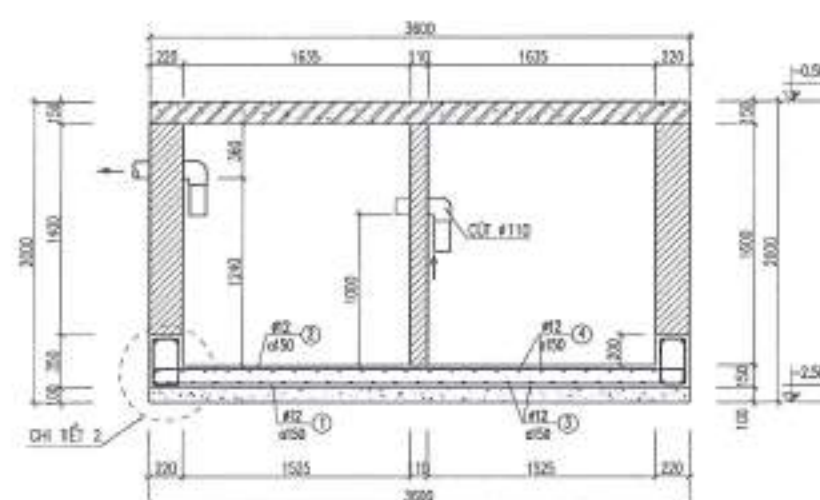
MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ



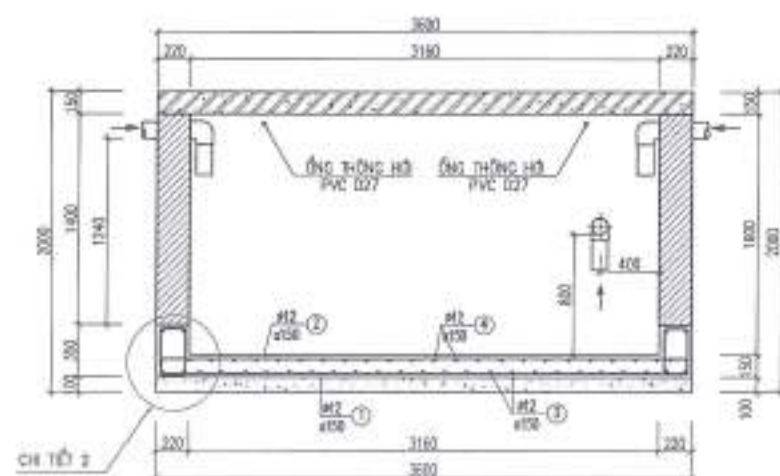
MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ



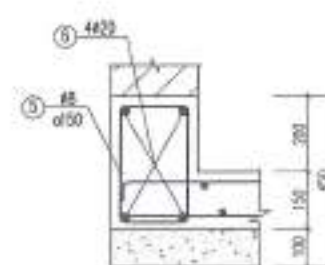
MẶT CẮT 3-3



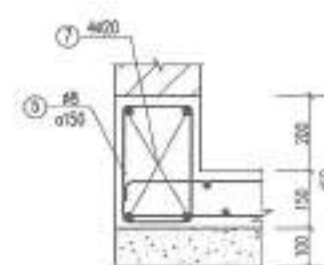
MẶT CẮT 2-2



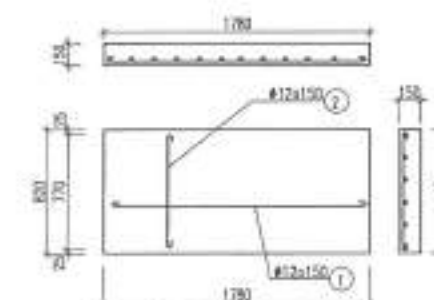
MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT 1



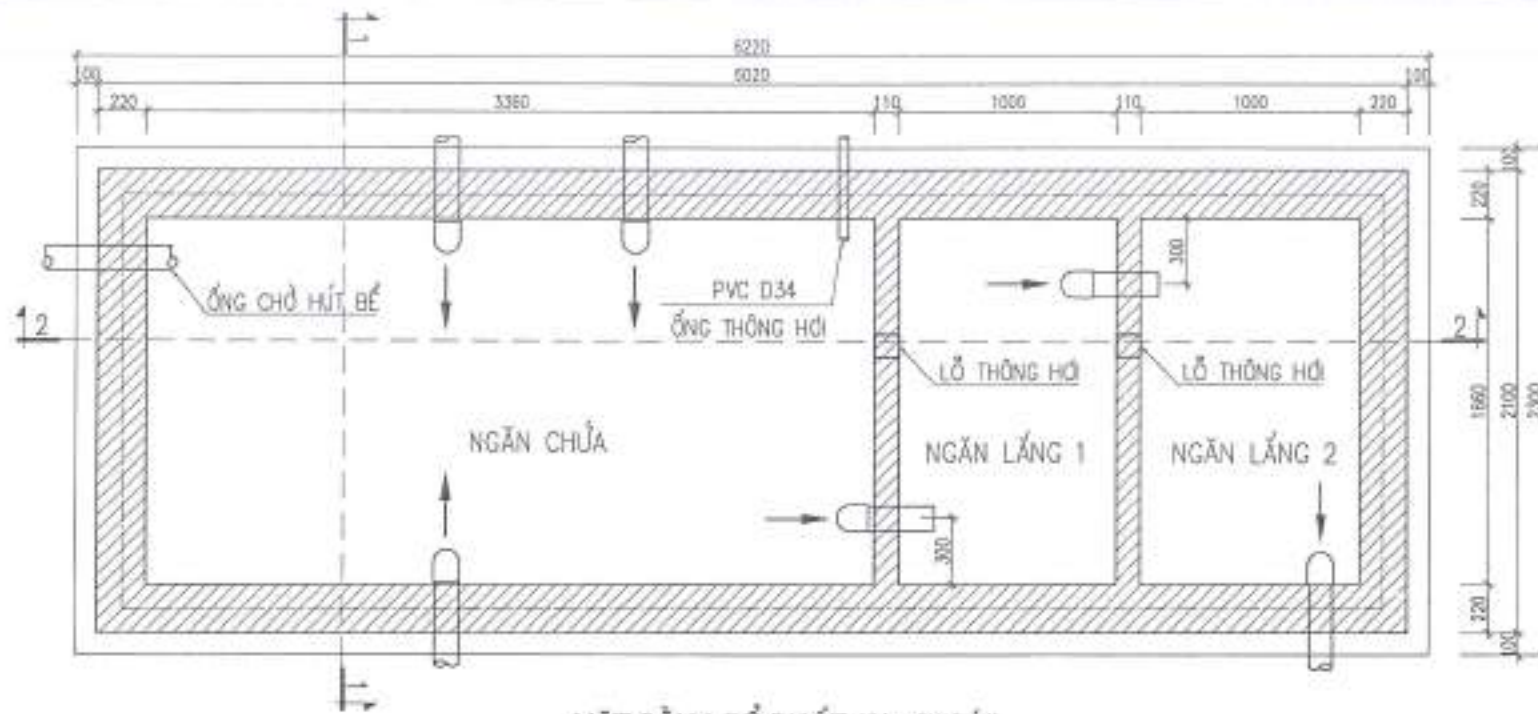
CHI TIẾT 2



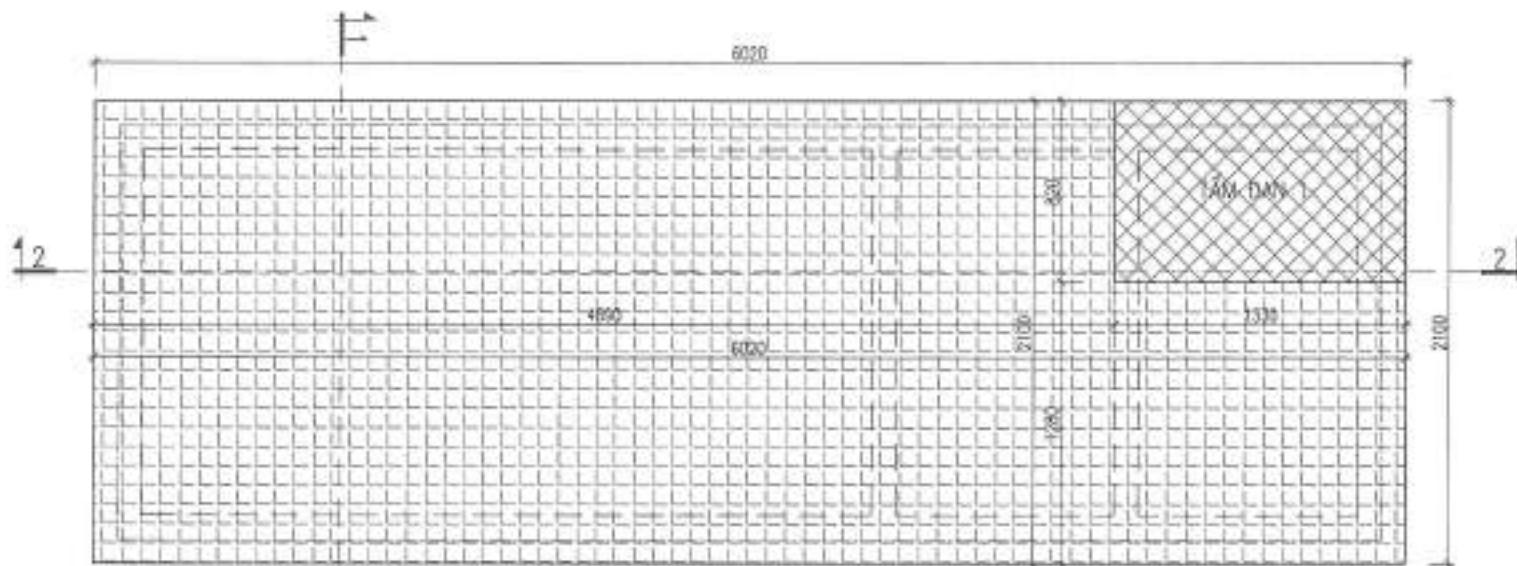
KC TẮM ĐƠN-SL=02 TẮM

GHI CHÚ:

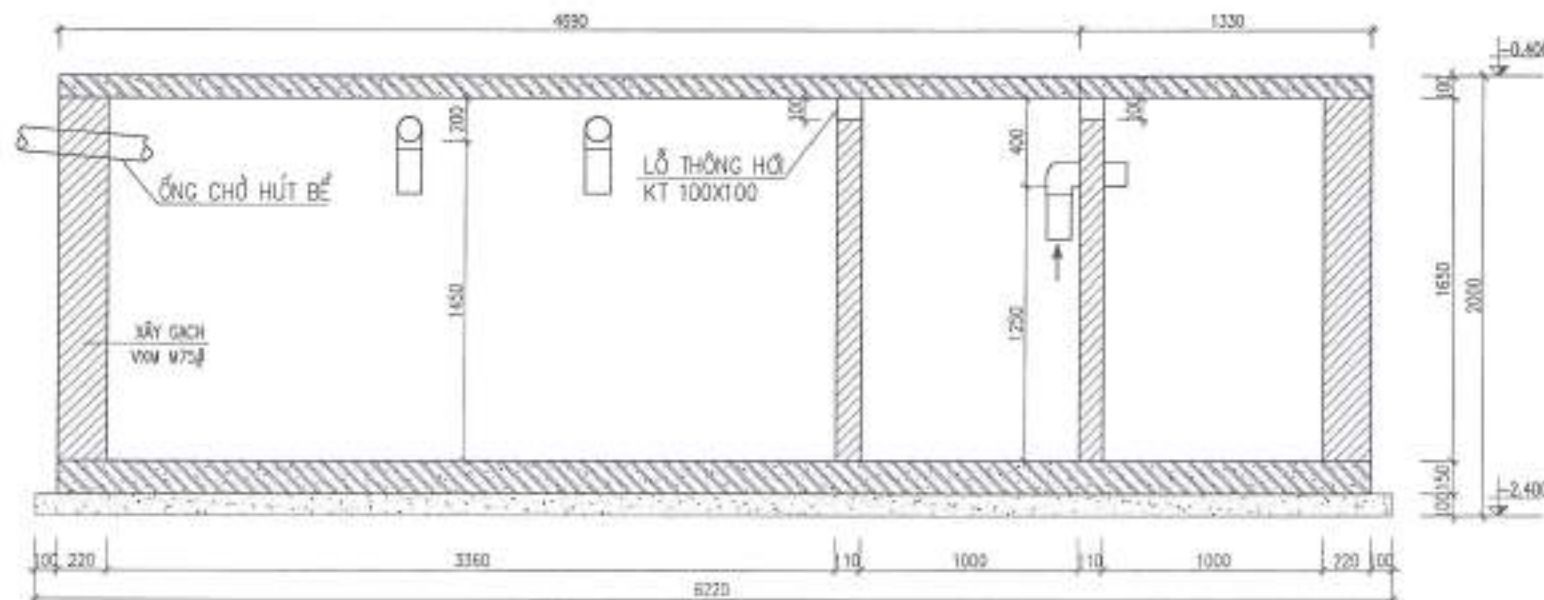
- BÊ TÔNG LÁT DÀ 415 X 1100 Ø DÂY 100 MM
- BT DÂY BÊ DÀ 142 X 200 Ø DÂY 130 MM
- THÀNH BỂ XÂY CÁCH CHỖ VỊNH MẮC 75 Ø
- THÀNH BỂ THẬT VỊNH MẮC 75 Ø, QUÉT NƯỚC XÍM
- CHỐNG THấm TRONG VÀ BÊN BỂ
- BT NẮP BỂ DÀ 130 X 250 Ø DÂY 130



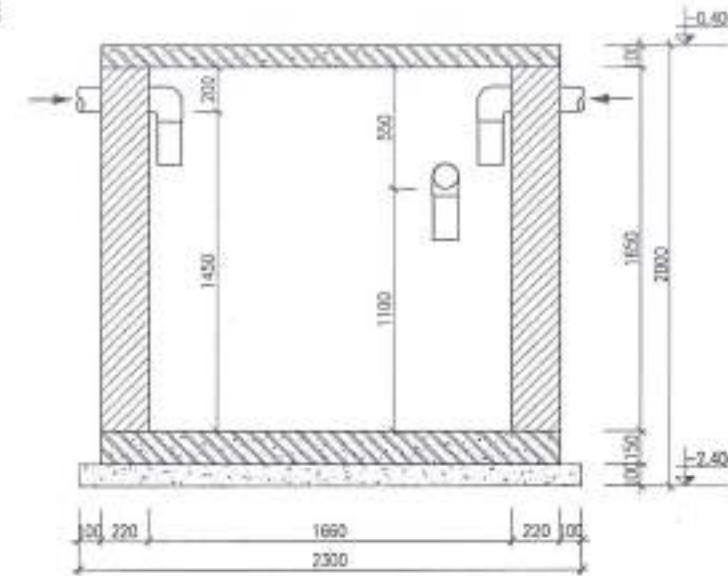
MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL=01CÁI)



MẶT BẰNG NẮP BỂ PHỐT



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 1-1

CHỈ CHỮ:

- SỬ DỤNG BÊ TÔNG BÀ 1X2 MẮC 300.
- KHI TH CÔNG CẦN XEM CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN.
- THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH $\phi \geq 10$ THÍ SỬ DỤNG THÉP LỚN CB400.
- THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH $\phi < 10$ THÍ SỬ DỤNG THÉP LỚN CB240.
- MỖI THÉP BẰNG PHƯƠNG PHÁP BƯỚC, CHÉU DÀI MỖI ≥ 300 .
- THÀNH BỂ XÂY GẠCH VHM MẮC 75.
- TRONG THÀNH BỂ TRÁT VHM MẮC 100, XỬ LÝ CHỐNG THẨM BỂ.

SỬA ĐỔI - REVISION

Lần số	Ngày DATE	Nội dung CONTENT	Chức vụ APPROVER
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:



DỰ ÁN - PROJECT:

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

NHÀ HIỆU BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

XÃ HOÀNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:



CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD: 300M LÊ VĂN TRUỞNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

TEL: 024 3555 1111

FAX: 024 3555 1111

WEBSITE: WWW.VNCCON.VN

SẢN BỐ - CHECK:

LÊ DUY THƯỜNG

CHẤM KIỂM - HANDOVER:

NGUYỄN VĂN THÀNH

THIẾT KẾ - DESIGN:

LÊ ĐỨC HÙNG

Kiểm tra - CHECK:

NGUYỄN VĂN SINH

ĐÁNH GIÁ TẠCH HIỆN - STAGE:

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỂ PHỐT

Tỷ lệ - SCALE:

1/

HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:

2023

SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:

BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:

KC-10



CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD : Room 14.6 - CT3 Building VIMECO
Trung Yen Urban Area - Hanoi
Tel : 024 22250161
Fax : 024 22250160
Web : www.vncco.vn

BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

DỰ ÁN: TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM (VNC)

THANH HOÁ 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

VIET NAM CONSTRUCTION EXAMINATION
AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

ADD : Room 14.5 - CT3 Building VIMECO
Trung Yên Urban Area - Hanoi
Tel : 024 22250151
Fax : 024 22250150
Web : www.vncoc.vn

BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

DỰ ÁN: TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ HOÀNG ĐỒNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CP DỤNG CỤ THỂ THAO DELTA
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM (VNC)

CHỦ ĐẦU TƯ



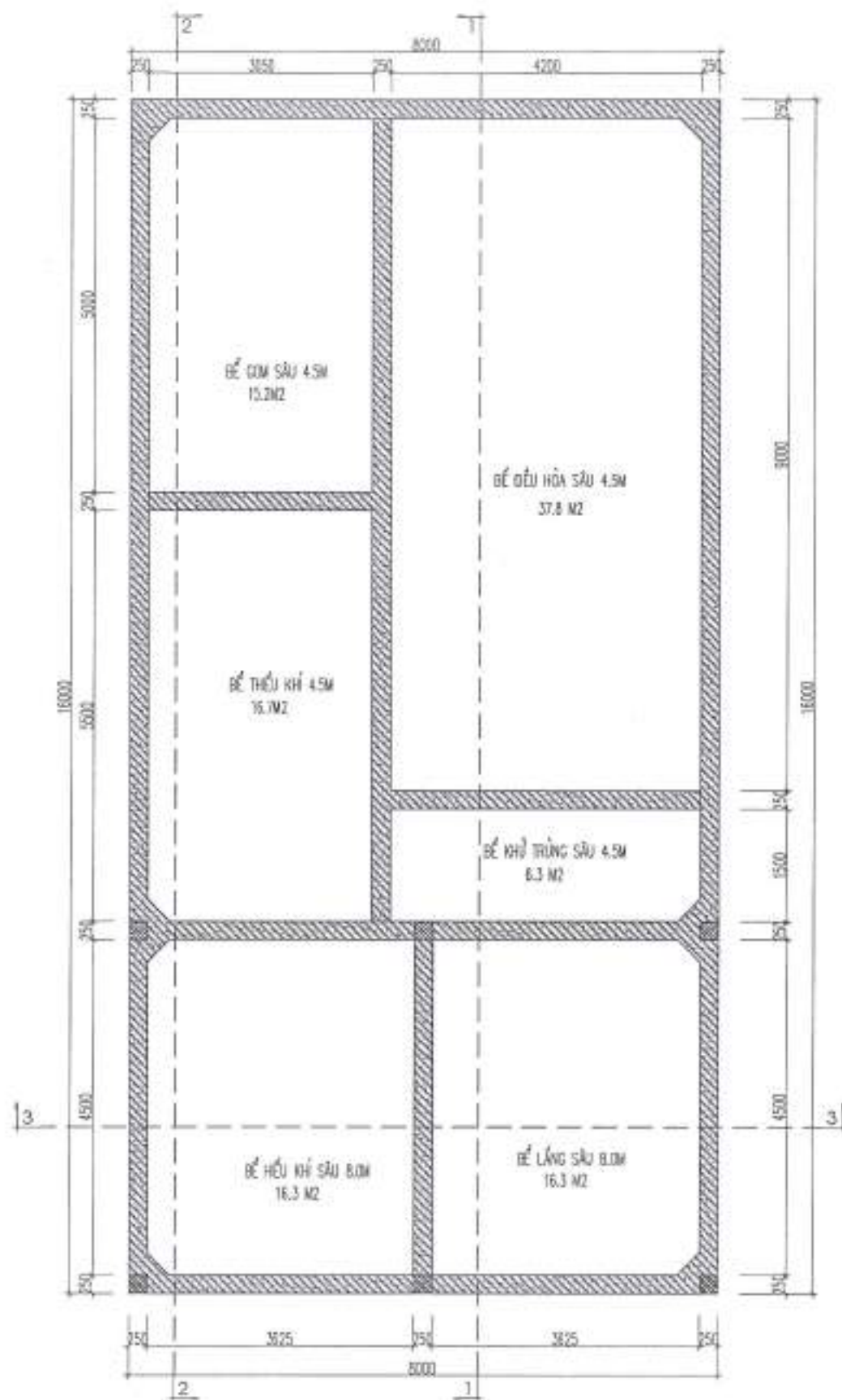
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Lầu

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

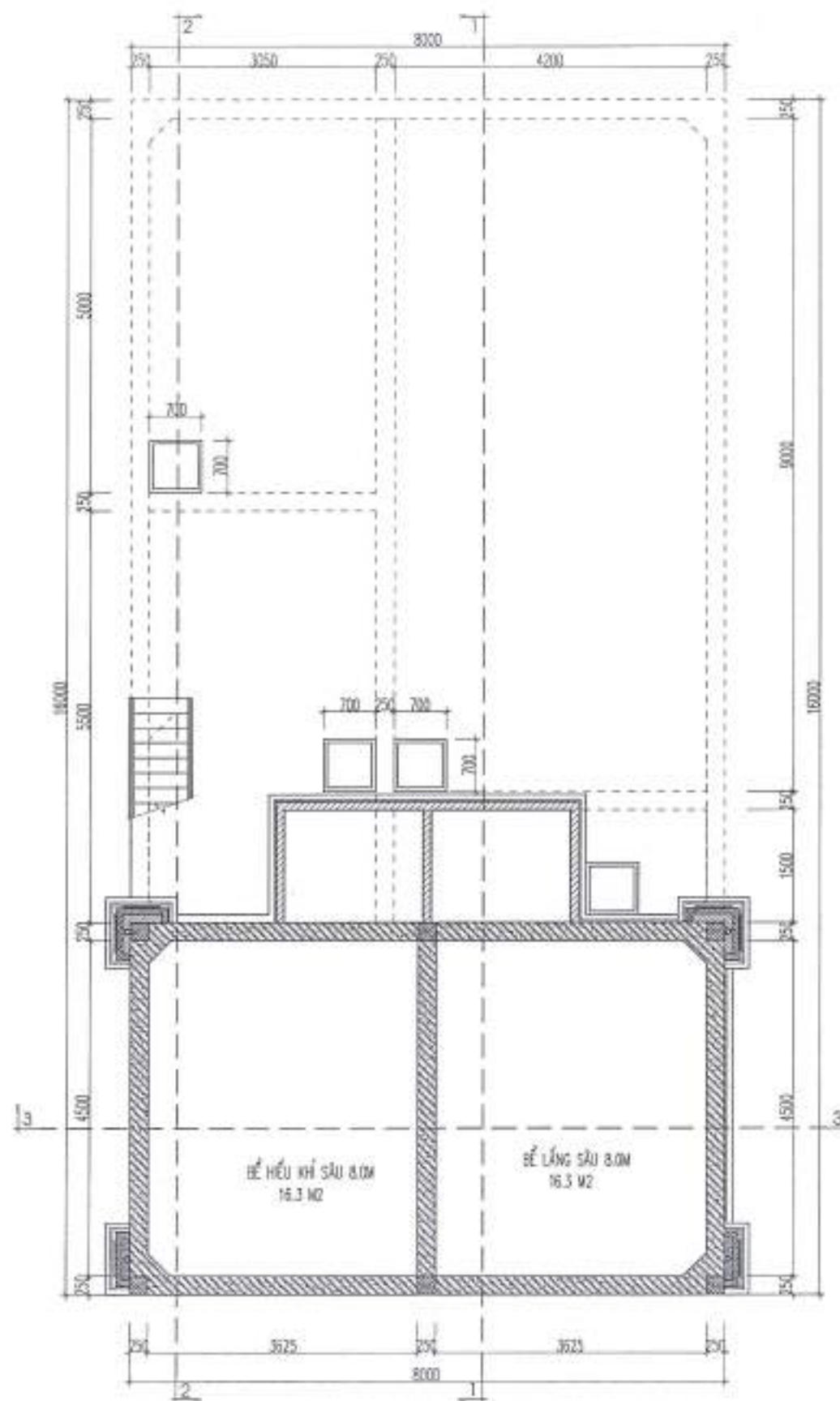


GIÁM ĐỐC
Lê Duy Thành

THANH HOÁ 2024

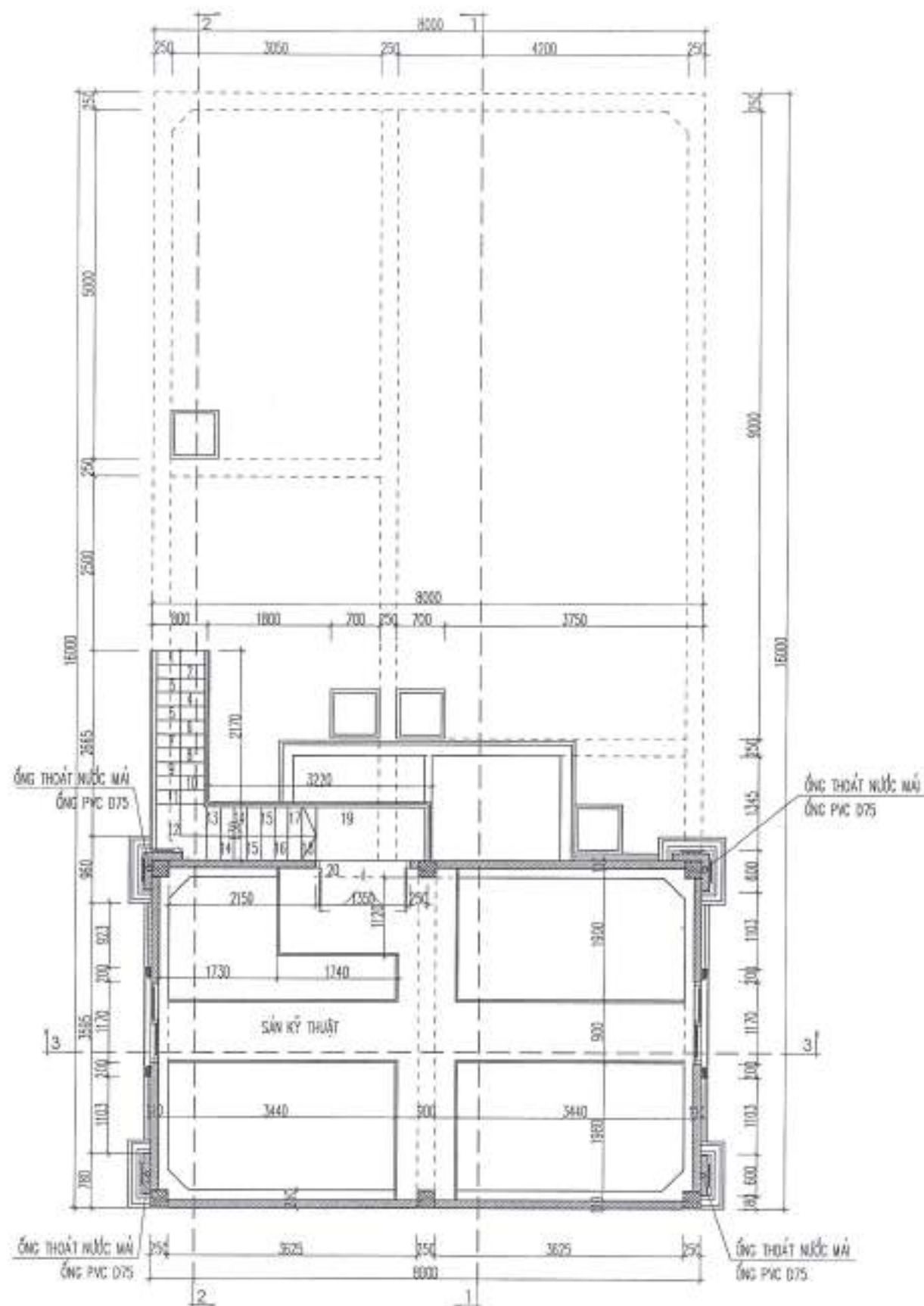


MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

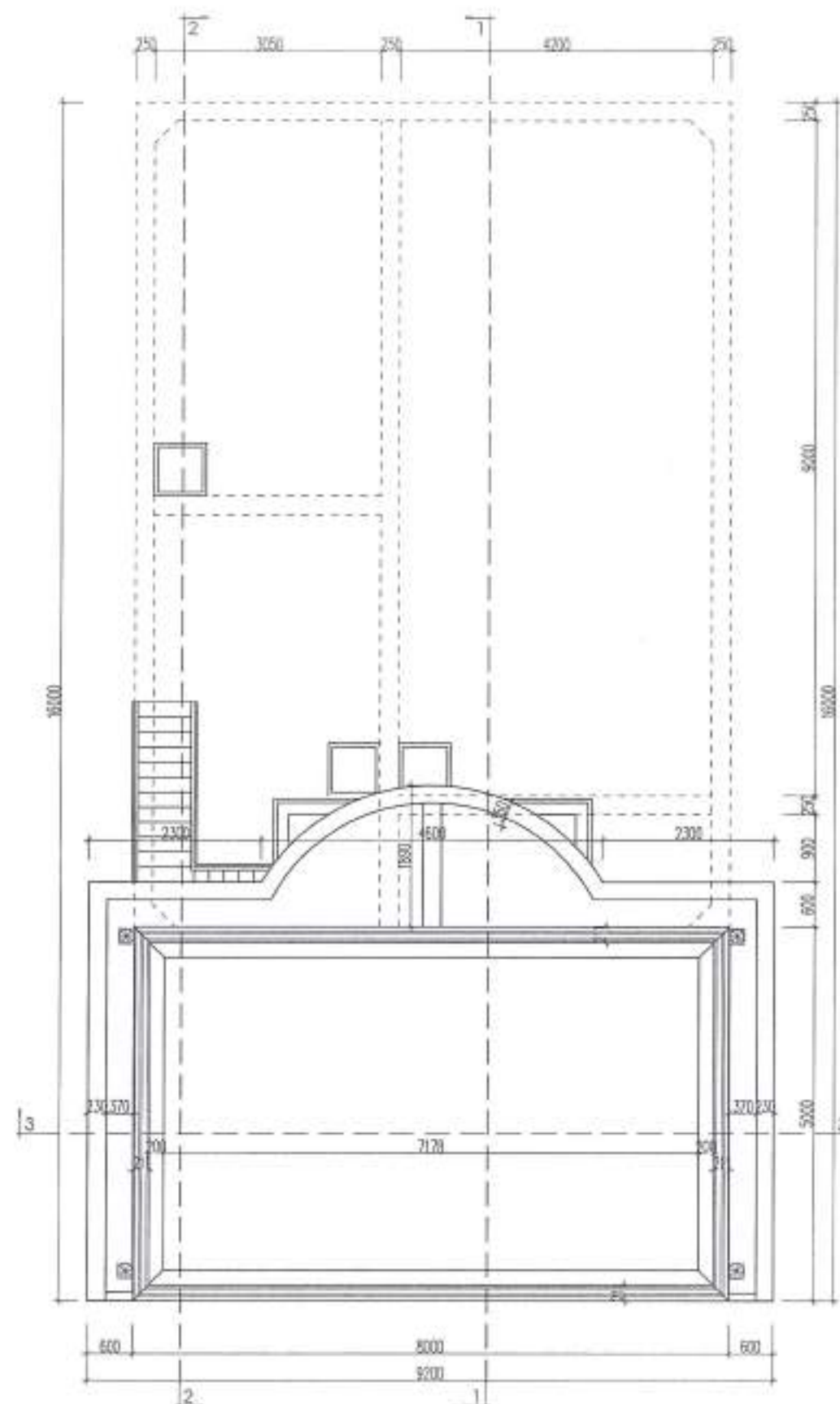


MẶT BẰNG BỂ COS ±0.00

CHỈ CHỮ: SỬA LẦN 1: - Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được ghi ra tại công trường trước khi thi công. - Mọi sai biệt về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.	
CƠ QUAN THIẾT KẾ VNC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM ADD: 800M HUI CHANGHAI (HAIKOU) QUẢNG TRUNG (HAIKOU) TEL: 00868641	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐU AN TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XÃ HOÀNG ĐÔNG HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA	
HẠNG MỤC BỂ XỬ LÝ THẢI	
GIẢI THÍCH THỰC HIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM THIỆT KẾ KTC GIÁM ĐỐC LÊ DUY THÁNH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ LẠI VĂN TÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	
THIẾT KẾ LÊ TÊN DÔNG	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ	
NGÀY PHÁT HÀNH/...../2024	KÝ HẸU BẢN VẼ KT-01

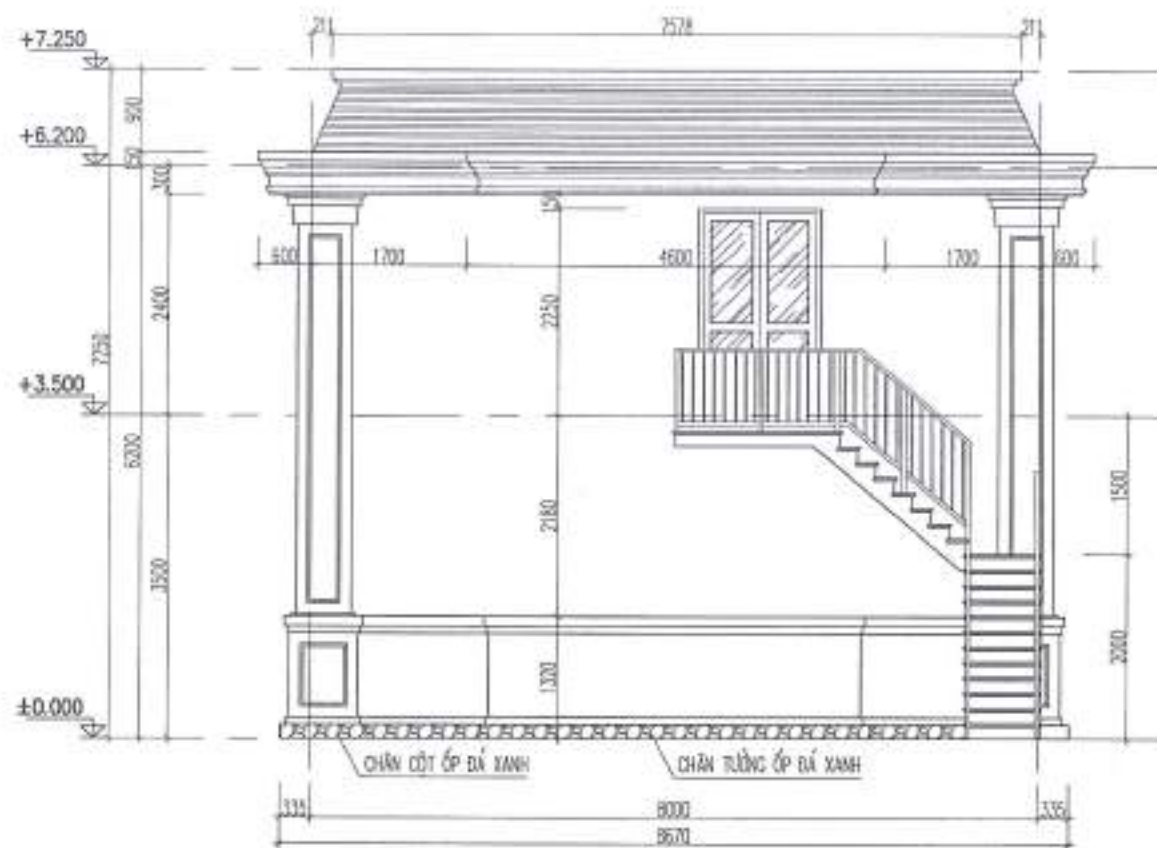


MẶT BẰNG BỂ COS +3.500

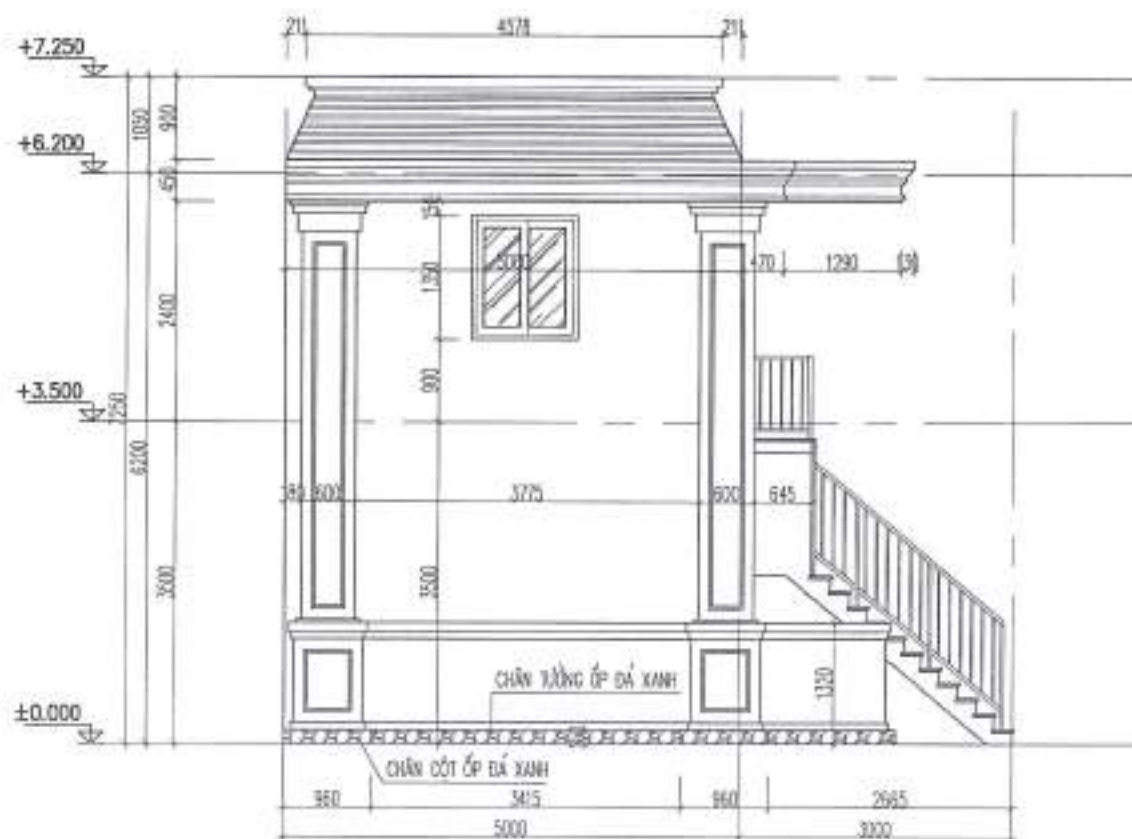


MẶT BẰNG MÁI BỂ

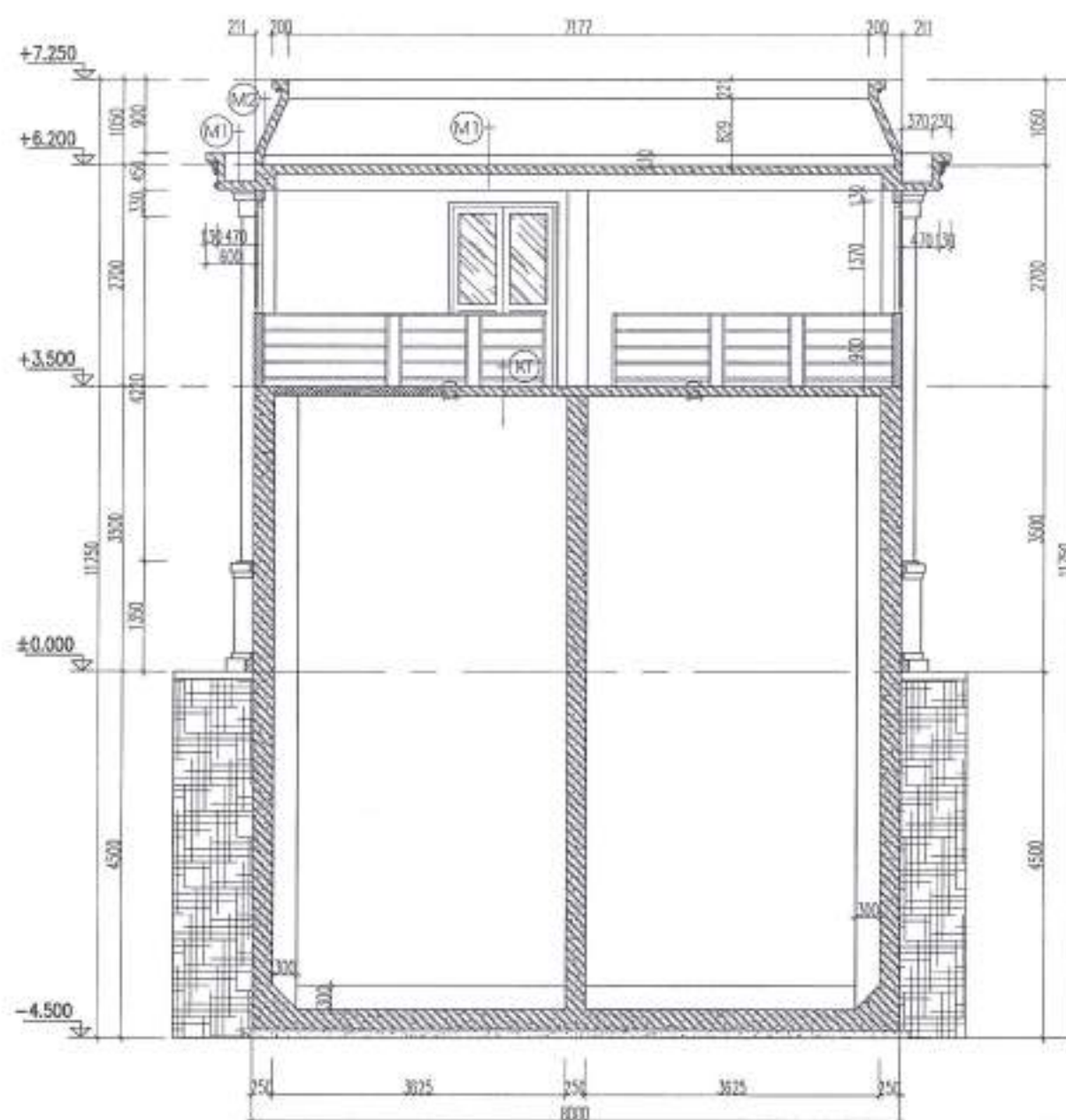
GHI CHÚ: SỬA LẦN 1: - Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra lại công trường trước khi thi công; - Mọi sai sót và thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.	
CƠ QUAN THIẾT KẾ VNC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM ADD: 100M HỒ CHÍ MINH/VNCO TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TEL: 0932081111	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG CỤ THỂ THAO DELTA DU AN CỔ PHẦN TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA DELTA ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XÃ HOÀNG ĐỒNG HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA	
HẠNG MỤC BỂ XỬ LÝ THẢI	
GIẤY BONG THỰC HIỆN CÔNG TY THIẾT KẾ KTC CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM SỐ QUẢN LÝ: 0102316438 SỞ QUẢN LÝ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA	
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ LẠI VĂN TÂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	
THIẾT KẾ LÊ TIẾN DŨNG	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ	
NGÀY PHÁT HÀNH/...../2024	KÝ HIỆU BẢN VẼ KT-02



MẶT ĐỪNG CHÍNH



MẶT BÊN



MẶT CẮT 3-3

GHỊ CHÚ

- CẤP ± 0.000 TRONG BẢN VẼ LÀ CAO ĐỘ NỀN ĐƯỜNG HOÀN THIÊN
- TÀI KHU VỰC LÃN CẬN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TƯỜNG BỀ SƠN BẢ HOÀN THIÊN MÀU TRẮNG
- LAN CAN SẪ DÙNG THÉP HỘP SƠN TÍNH ĐIỆN
- CỬA SỬ DỤNG CỬA NHÔM HÉ

GHỊ CHÚ

- SỬA (LẦN 1):
- Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công.
- Mọi sai biệt và thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.

CƠ QUAN THIẾT KẾ

VNC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
MST: 0304000000
TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
H. THANH HÓA

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỀU HÀNH TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

DIỆN

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

K. HOANG ĐÔNG
H. HOANG HÒA - T. THANH HÓA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ THẢI

GHỊ CHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
L. DUY THÁNH

CHỦ TH. THIẾT KẾ

L. V. T. T.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

N. D. H. H.

THIẾT KẾ

L. T. D. D.

TÊN BẢN VẼ

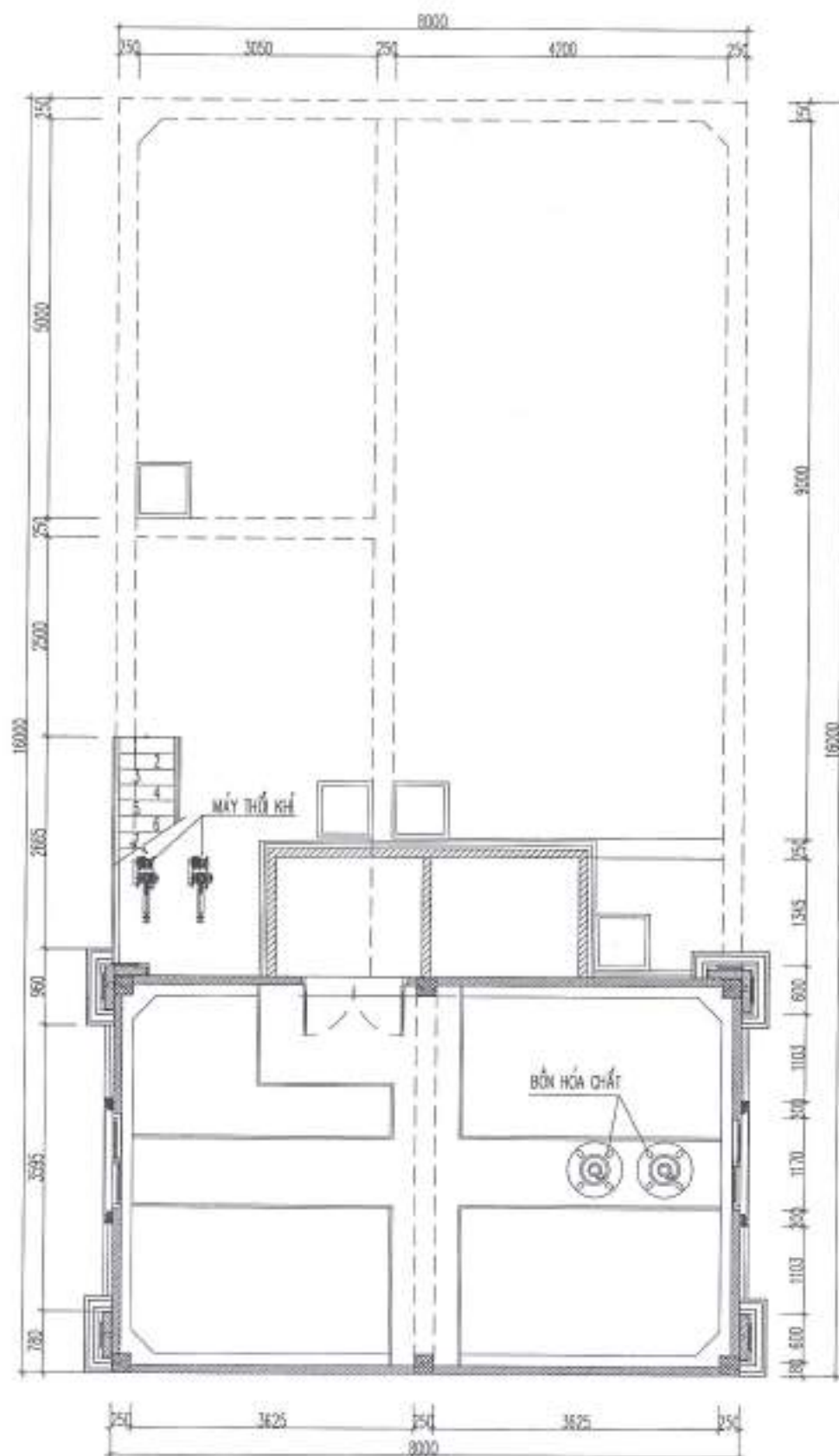
MẶT ĐỪNG, MẶT BÊN, MẶT CẮT

NGÀY PHÁT HÀNH

10/2024

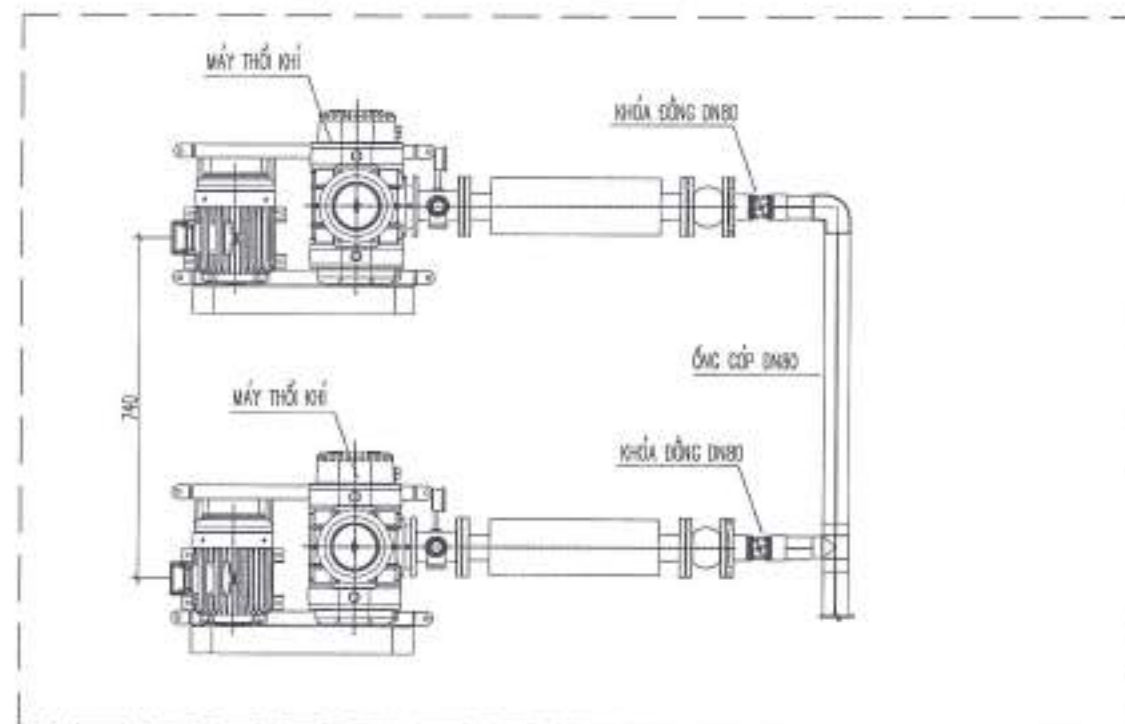
K. H. BẢN VẼ

KT-03



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

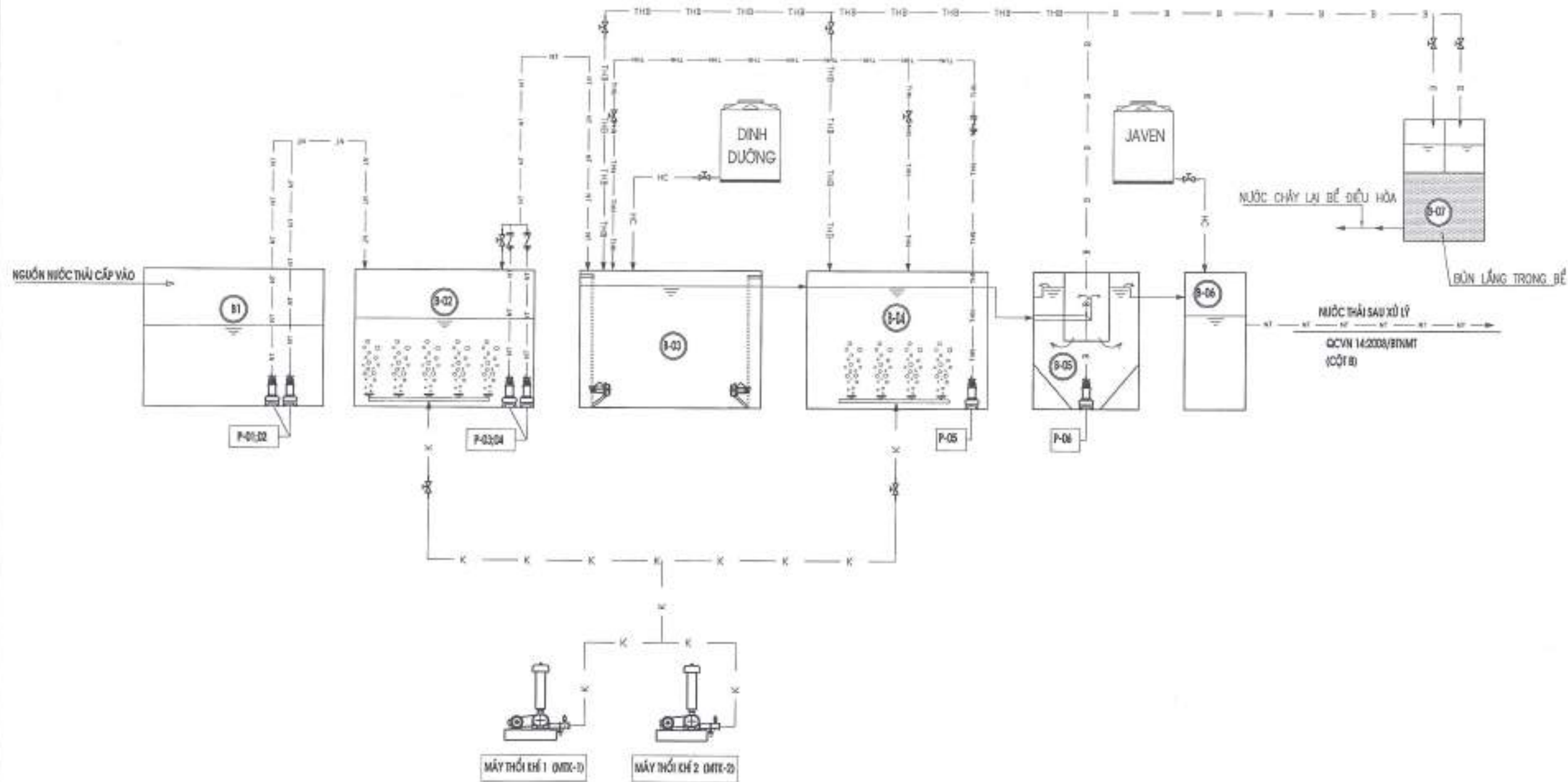
MẶT BẰNG MÁY THỔI KHÍ



GHI CHÚ: SỬA LẦN 1: - Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra kỹ cơng trường trước khi thi công. - Mọi sai lệch về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.	
CƠ QUAN THIẾT KẾ VNC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM ADD: ĐƯỜNG HÀ CHÁNH PHƯỚC THƯỜNG KIỆM, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA TEL: 0912.22.22.22	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XA HOÀNG ĐÔNG HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA	
HẠNG MỤC BỂ XỬ LÝ THẢI	
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN THIẾT KẾ CƠ SỞ GIAI ĐOẠN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM LÊ DUY THẮNG	
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ NGUYỄN THỊ TÚ ANH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	
THIẾT KẾ PHẠM DUY UY	
TÊN BẢN VẼ MB BỐ TRÍ THIẾT BỊ	
NGÀY PHÁT HÀNH/...../2024	KÝ HẸP BẢN VẼ CN-02

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT XỬ LÝ: Q = 310M3/NGÀY.ĐÊM



GHI CHÚ

- B-01: HỒ GOM
- B-02: BỂ ĐIỀU HÒA
- B-03: BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ ANOXIC
- B-04: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ AEROTEN
- B-05: BỂ LẮNG BÙN
- B-06: BỂ KHỬ TRÙNG
- B-07: BỂ CHỨA BÙN

— NT — NT — ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
 — THN — THN — ĐƯỜNG TUẦN HOÀN NƯỚC
 — B — B — ĐƯỜNG BÙN
 — THB — THB — ĐƯỜNG TUẦN HOÀN BÙN

— NT — NT — ĐƯỜNG NƯỚC SẠCH
 — HC — HC — ĐƯỜNG HOÀ CHẤT

GHI CHÚ:

SỬA LẪN 1:

- Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công;
- Mọi sai lệch về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục kịp thời.

CƠ QUAN THIẾT KẾ

VNC

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

ADD: 100M NH. 100M NH. 100M NH.
QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI
ĐT: 04.3595.0000

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

DỰ ÁN

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HOÀNG ĐÔNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ THẢI

GIÁI ĐOẠN THỰC HIỆN

THIẾT KẾ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
TỔNG QUẢN LÝ

CHỦ THÍ THIẾT KẾ

NGUYỄN THỊ TÚ ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

THIẾT KẾ

PHẠM DUY UY

TÊN BẢN VẼ

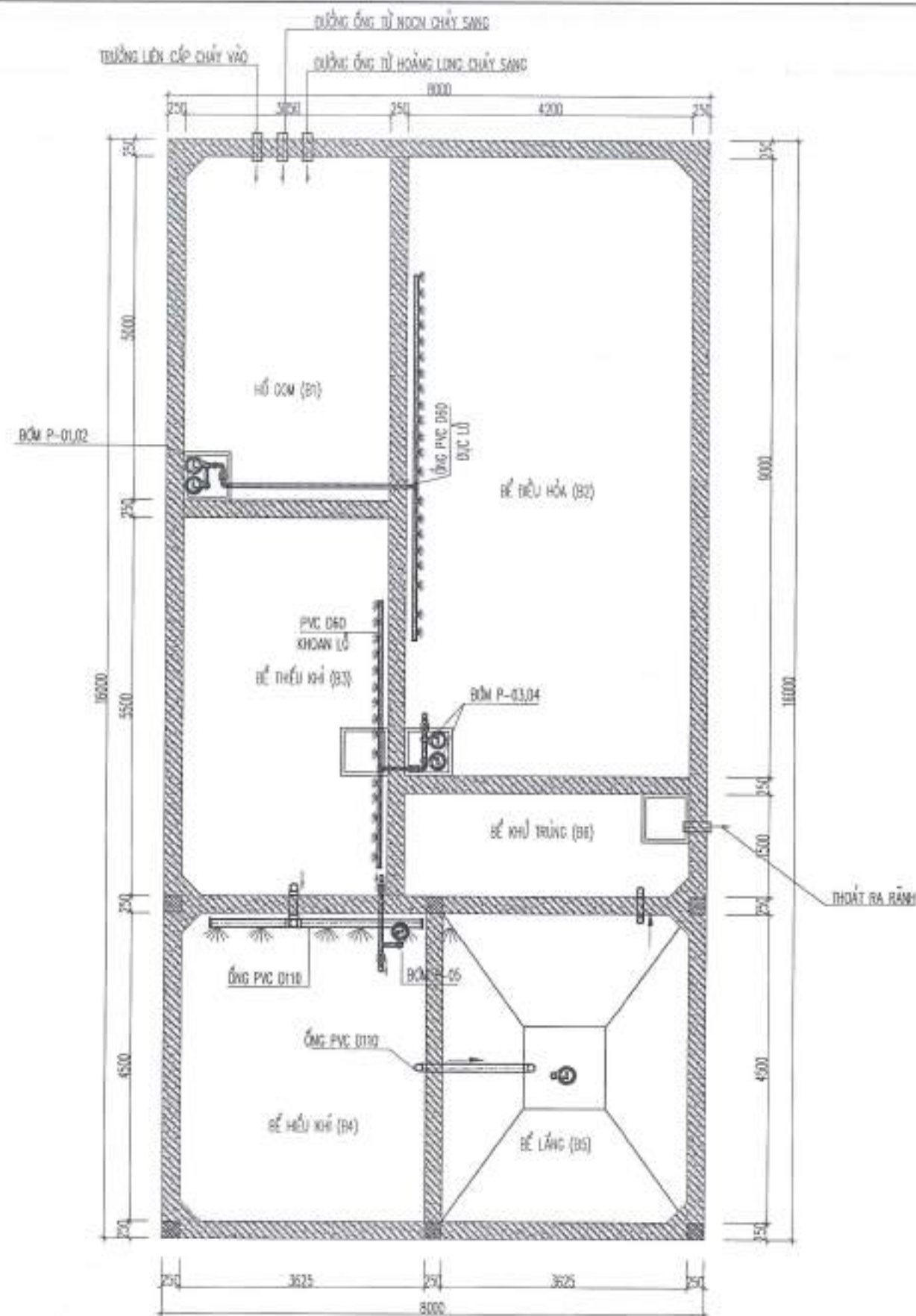
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

NGÀY PHÁT HÀNH

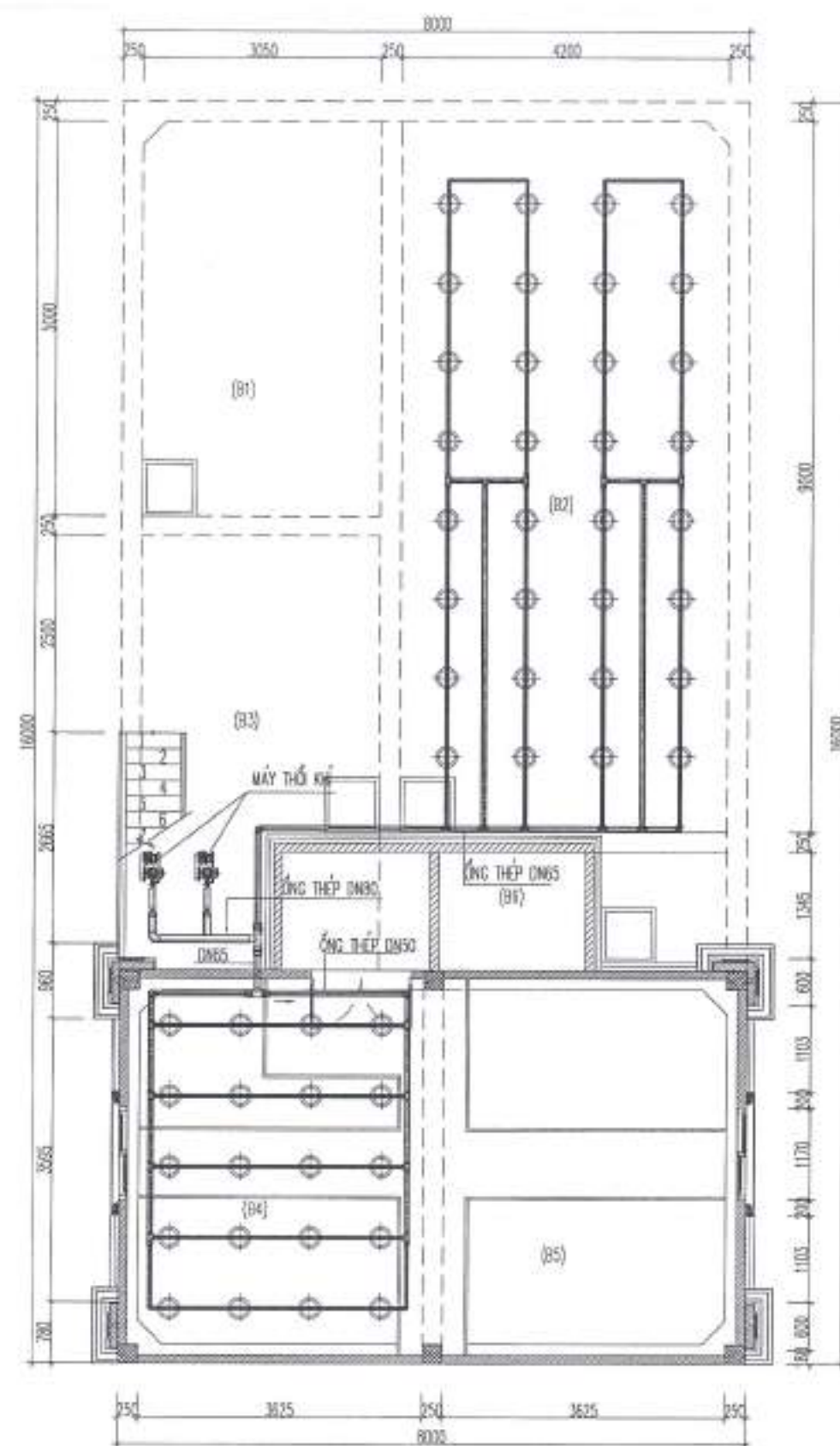
...../...../2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CN-03



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG KHÍ

GHỊ CHÚ:

B1A, B1B, 1C : HỒ GOM

B2 : BỂ ĐIỀU HÒA

B3 : BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC

B4 : BỂ HIẾU KHÍ AEROTEN

B5 : BỂ LẮNG

B6 : BỂ KHỦ TRÙNG

B7 : BỂ ĐỒN

GHỊ CHÚ:

SỬA LẦN 1:

- Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công.
- Mọi sai biệt về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.

CƠ QUAN THIẾT KẾ

VNC

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

400 : 400M HẠ CHÁNH/QUẬN HOÀNG
NGANG HẠ CHÁNH/QUẬN HOÀNG
T.Đ. : 024 38211111

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN DUNG CỤ TIỂU Đelta

ĐUẨN

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HOÀNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ THẢI

ĐẠI ĐOÀN THỰC HIỆN

THIẾT KẾ CƠ SỞ
BẢN ĐỌC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
LÊ DUY THÁNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN THỊ TỎ ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN DINH HỒNG

THIẾT KẾ

PHẠM DUY UY

TÊN BẢN VẼ

MB BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG

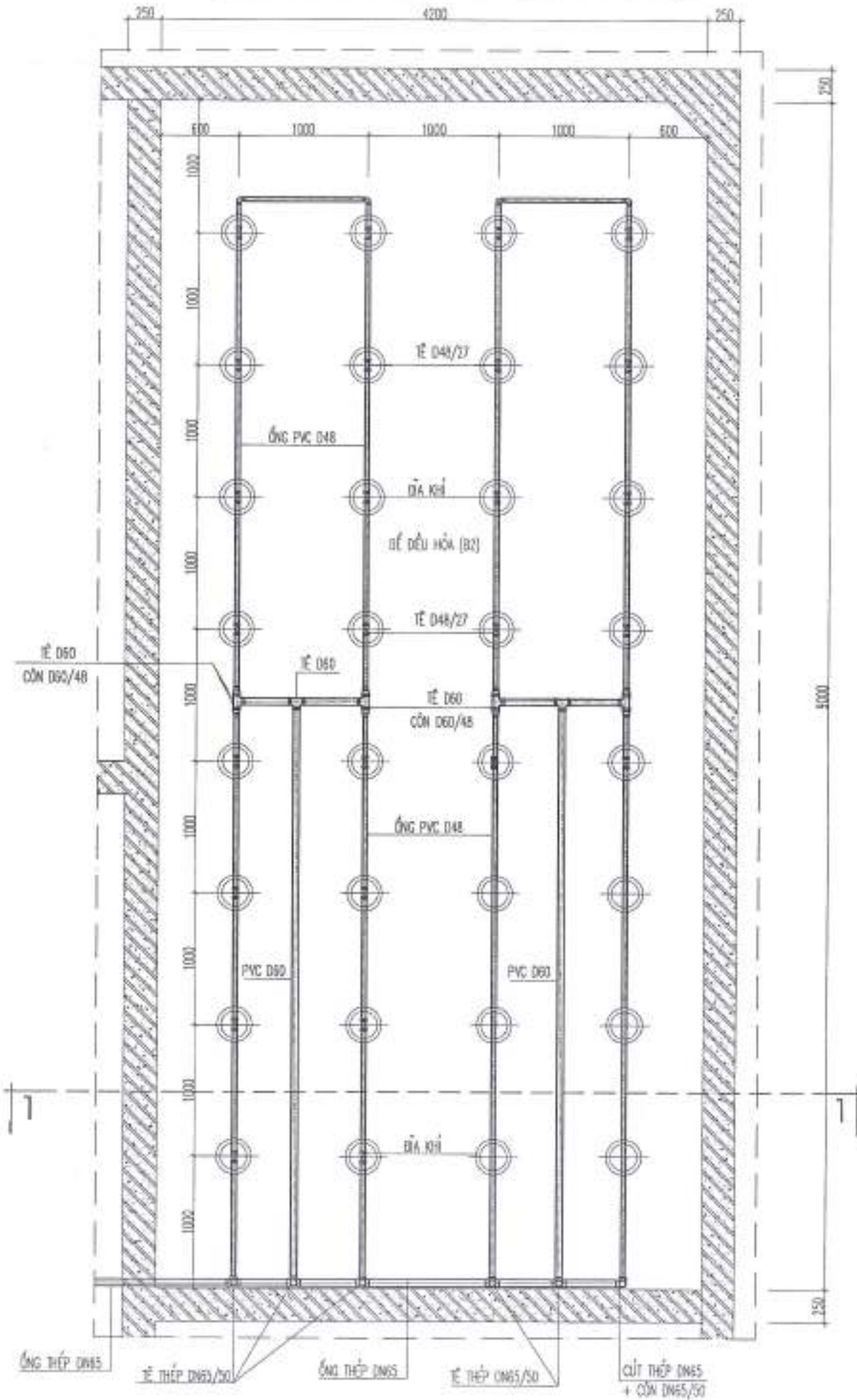
NGÀY PHÁT HÀNH

...../...../2024

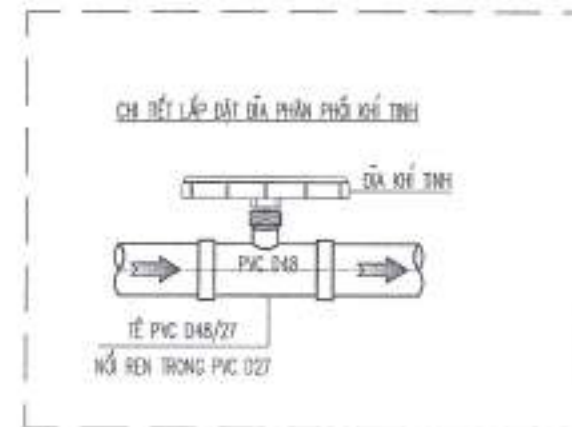
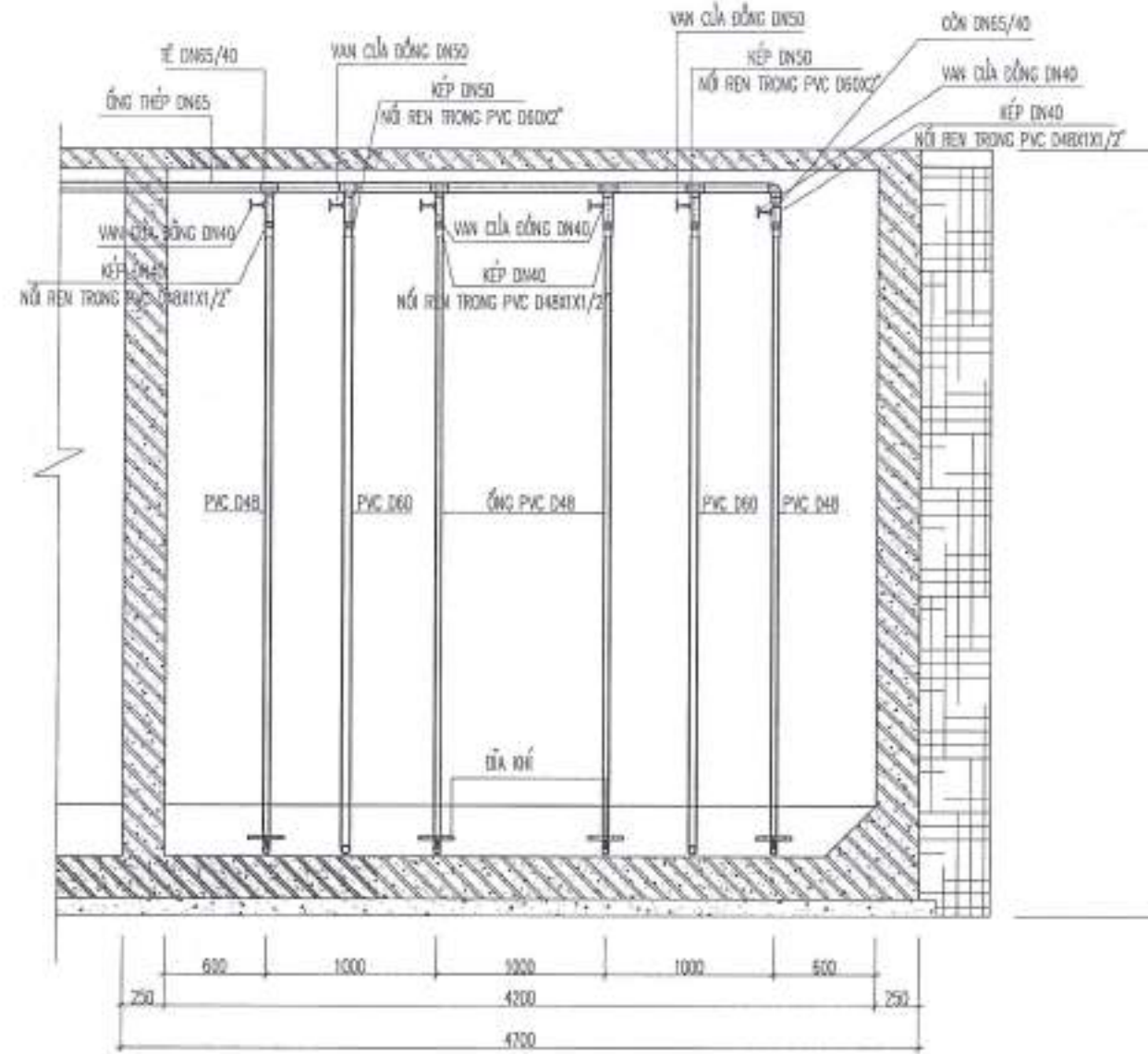
KÝ HIỆU BẢN VẼ

CN-04

CHI TIẾT LẮP ĐƯỜNG KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA



MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:
SỬA LẤN 1:
- Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công.
- Mọi sai biệt về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.

CƠ QUAN THIẾT KẾ
VNC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
ADD: KINH LÃI CH. NGUYỄN VĂN CỎ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TEL: 04 2222 2222

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP. DUNG CỤ THỂ THAO DELTA
DU AN
TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
Khu dân cư, phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, TP. HCM

HẠNG MỤC
BỂ XỬ LÝ THẢI
SƠ LƯỢC THỰC HIỆN
THIẾT KẾ CƠ SỞ
ĐẠM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM
Đ. H. 0102316434
T. DUY HUÂN

CHỦ TẾ THIẾT KẾ

NGUYỄN THỊ TÚ ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN ĐÌNH HỒNG

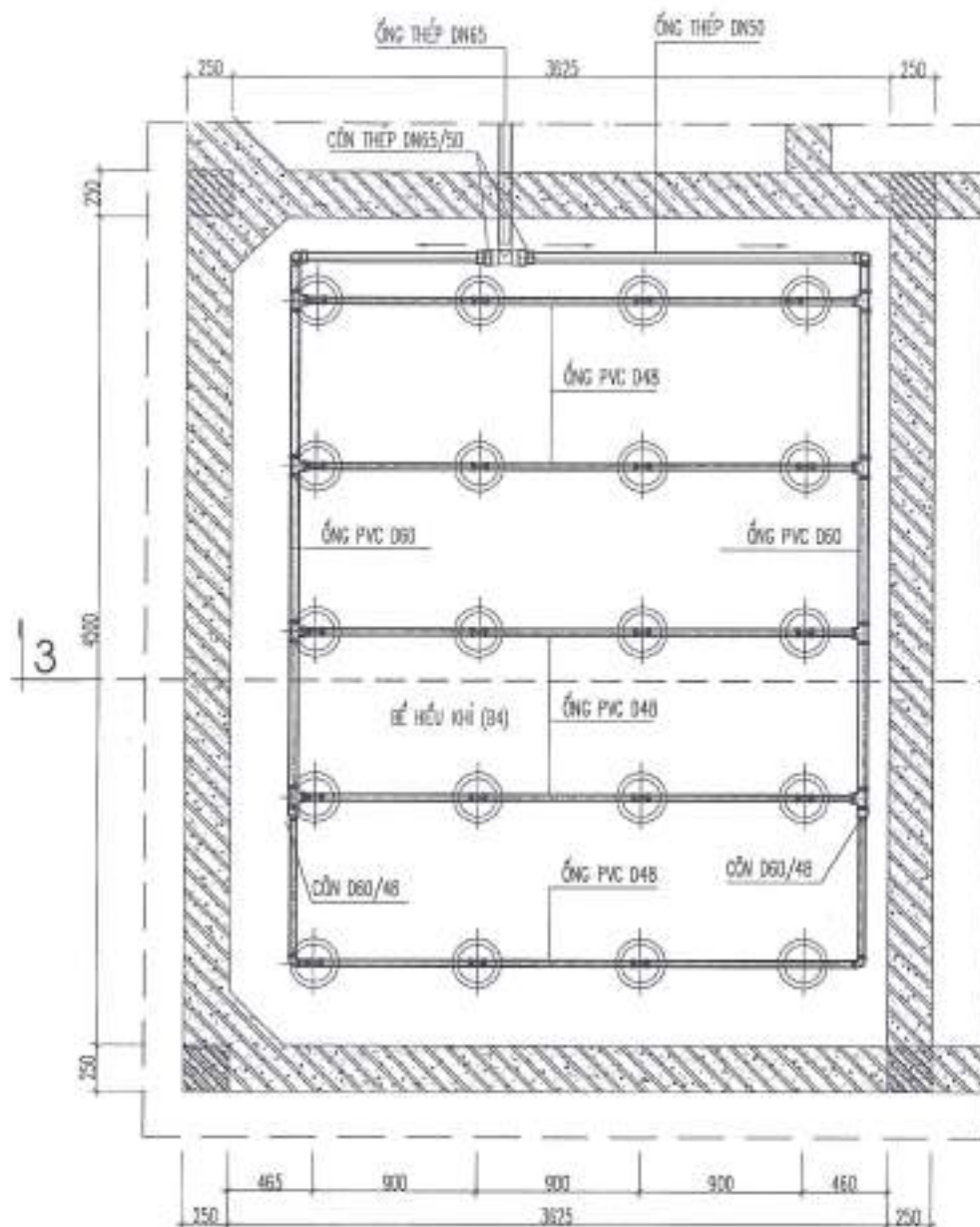
THIẾT KẾ

PHẠM DUY UY

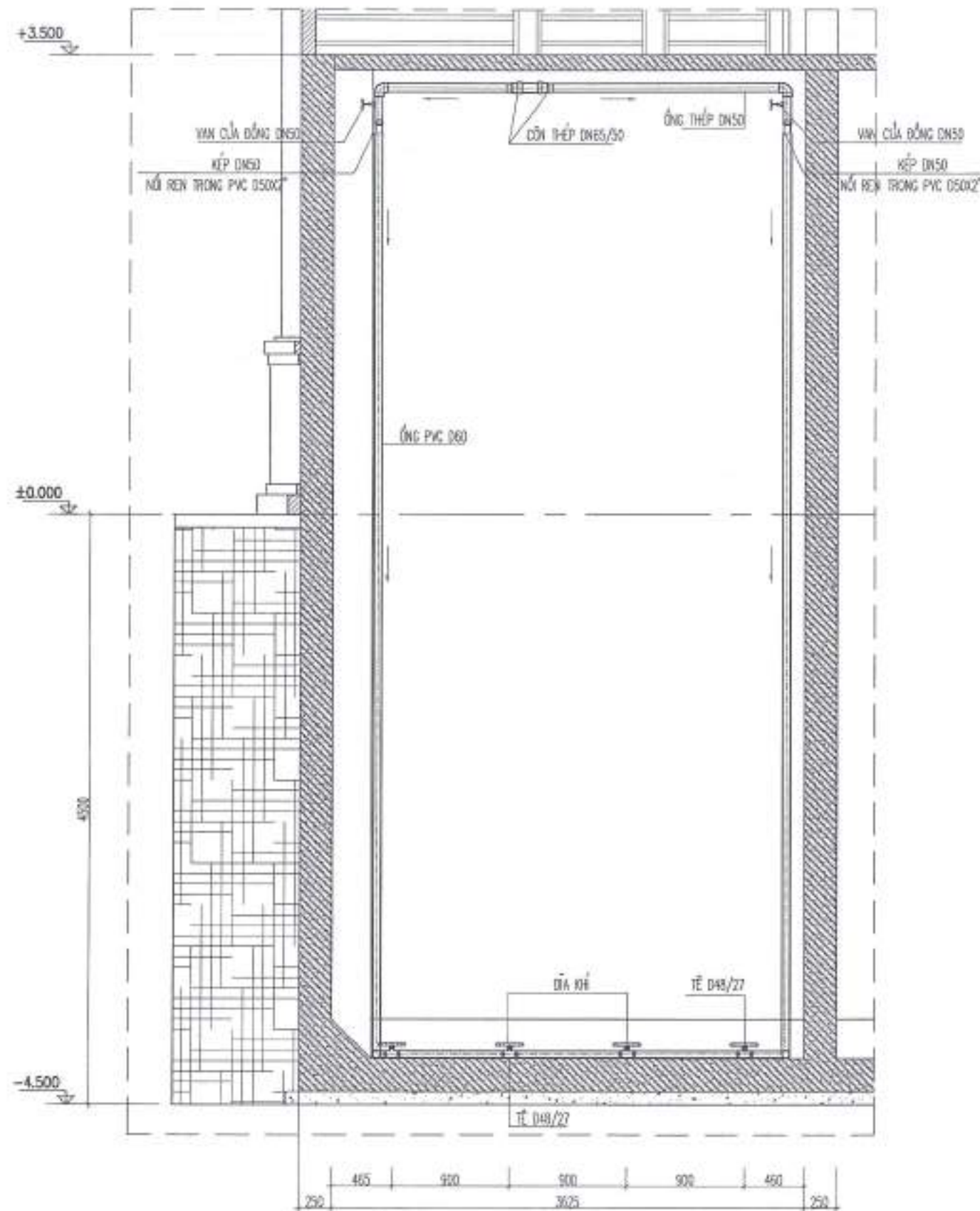
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT LẮP ĐƯỜNG KHÍ
BỂ ĐIỀU HÒA

NGÀY PHÁT HÀNH
...../...../2024
KÝ HỮU BẢN VẼ
CN-05

CHI TIẾT LẮP ĐƯỜNG KHÍ BỂ HIẾU KHÍ



MẶT CẮT 3-3



GHỊ CHÚ:

SỬA LẦN 1:

- Tất cả kích thước bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công.
- Mọi sai lệch về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế để có giải pháp khắc phục và xử lý.

CƠ QUAN THIẾT KẾ

VNC

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM

400 : 200M HÀ TIẾN BANG (HỒ CHÍ MINH)
QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT : 093229141

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỰNG DỰ THẠO DELTA

DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HOÀNG ĐỒNG
HUYỆN HOÀNG HOA - THỊNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ THẢI

GIÁI ĐOẠN THỰC HIỆN

CÔNG TY THIẾT KẾ CƠ SỞ
LƯU THẢO

GIÁM ĐỐC

TU VẤN VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

LÊ DUY THÀNH

CHỦ TẾ THIẾT KẾ

NGUYỄN THỊ TÚ ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

THIẾT KẾ

PHẠM DUY LUY

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT LẮP ĐƯỜNG KHÍ
BỂ HIẾU KHÍ

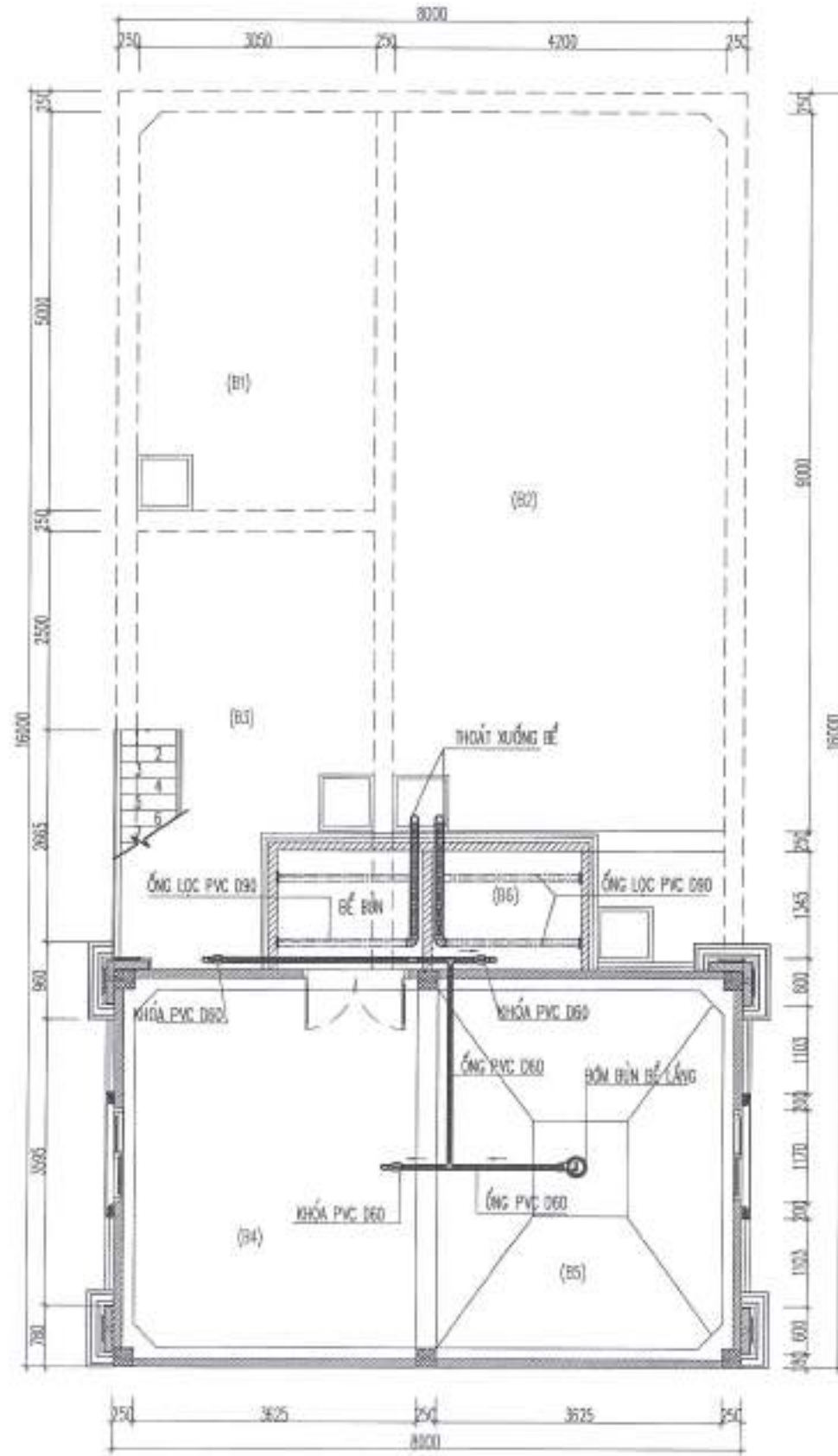
NGÀY PHÁT HÀNH

...../...../2024

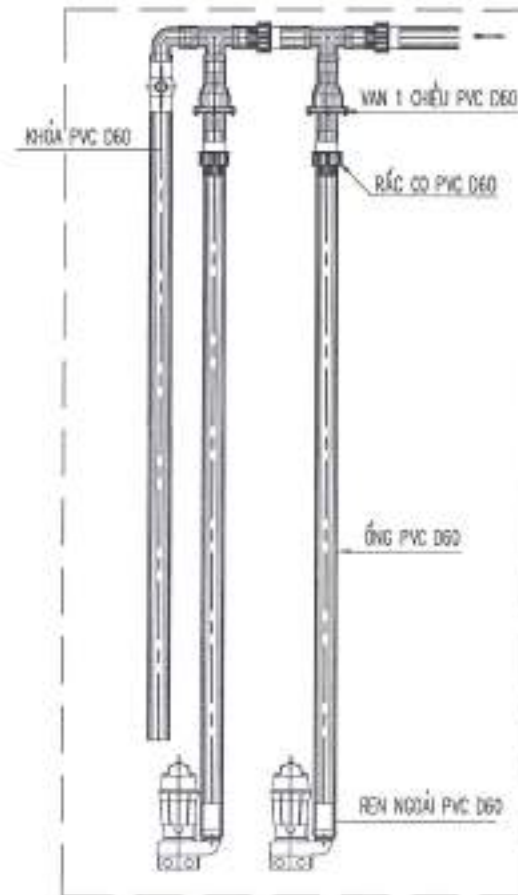
KÝ HẸU BẢN VẼ

CN-05

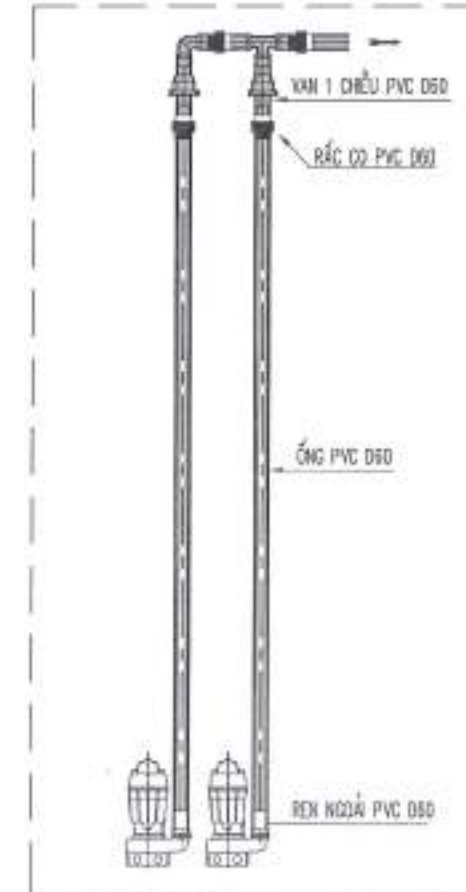
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN



CHI TIẾT LẮP BƠM TUẦN HOÀN

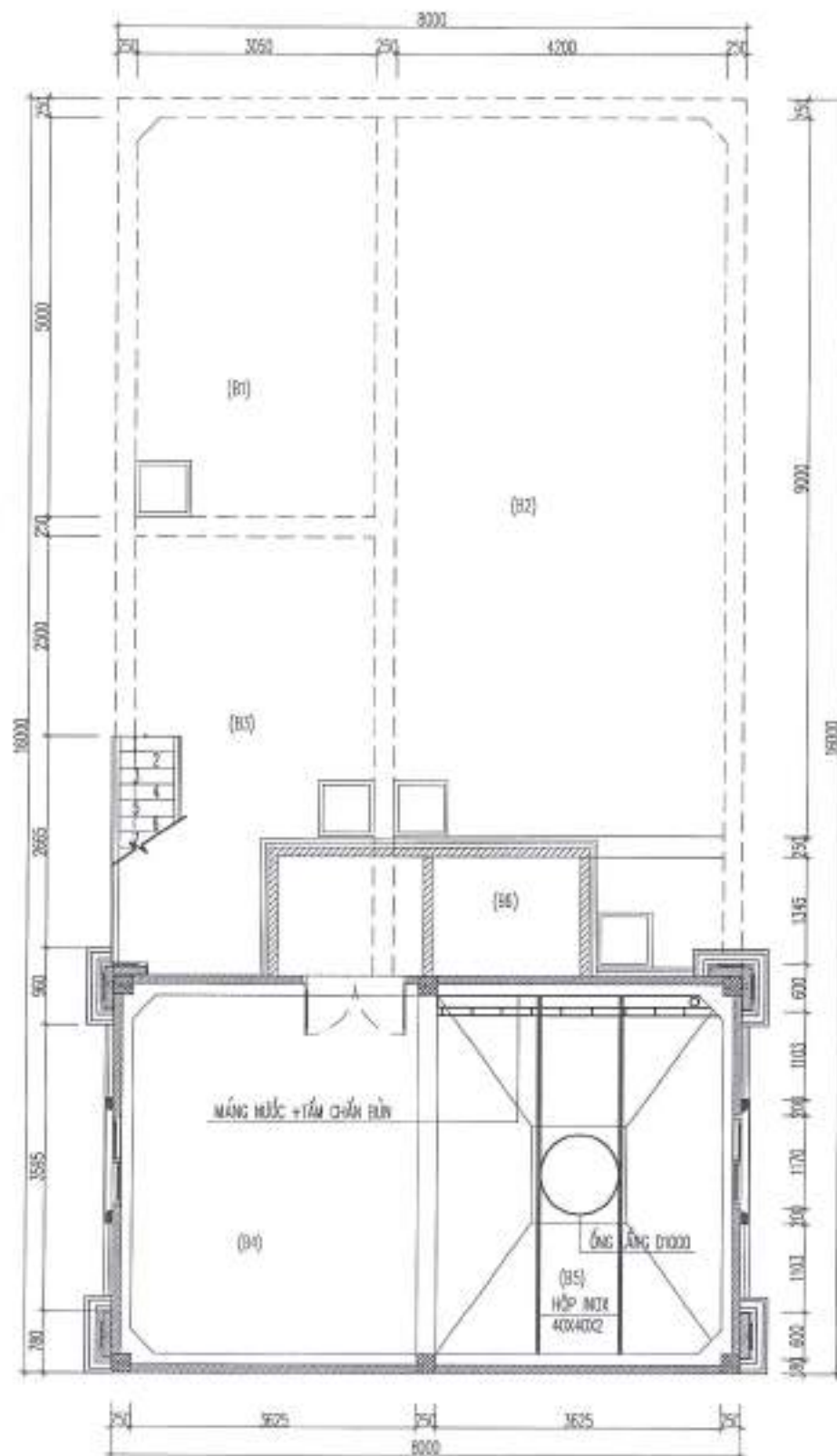


CHI TIẾT LẮP BƠM HỒ GOM

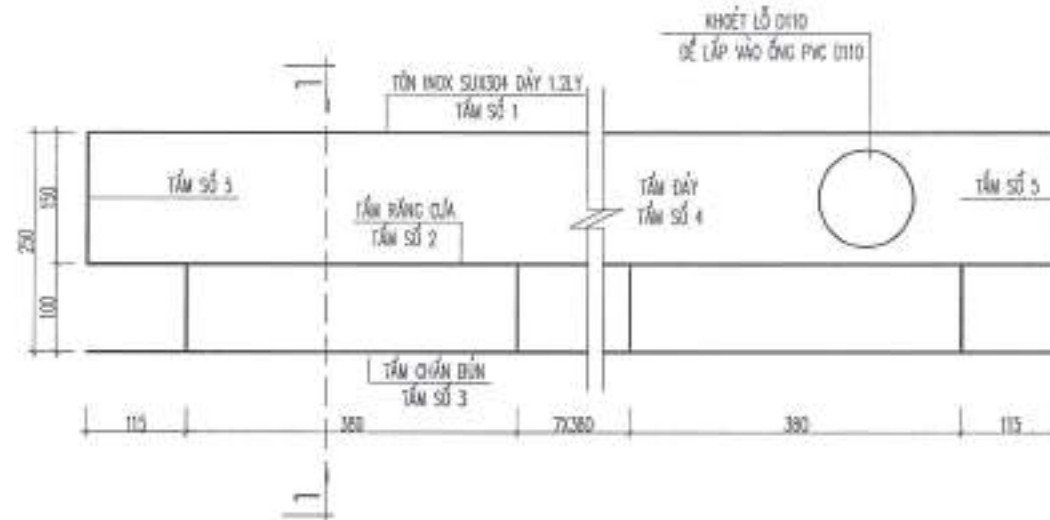


GHI CHÚ: SỬA LẦN 1: - Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công. - Mọi sai biệt và thống số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế biết để có giải pháp khắc phục và xử lý.	
CƠ QUAN THIẾT KẾ VNC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM Số: 10000000000000000000 Hàng Việt Nam, Hà Nội 0123456789	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP. DUNG CỤ THAO DELTA CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XÃ HOÀNG ĐÔNG HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA	
HẠNG MỤC BỂ XỬ LÝ THẢI CÔNG TY ĐẠI DOANH NGHIỆP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM Số: 10000000000000000000 Hàng Việt Nam, Hà Nội 0123456789 LÊ DUY THÁNH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGUYỄN THỊ TÚ ANH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	
THIẾT KẾ PHẠM DUY UY	
TÊN BẢN VẼ MB BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN	
NGÀY PHÁT HÀNH 10/01/2024	KÝ HIỆU BẢN VẼ CN-07

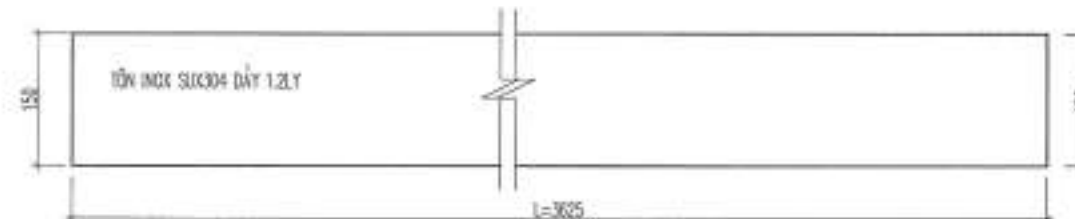
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG LẮNG + TẮM CHẤN BÙN



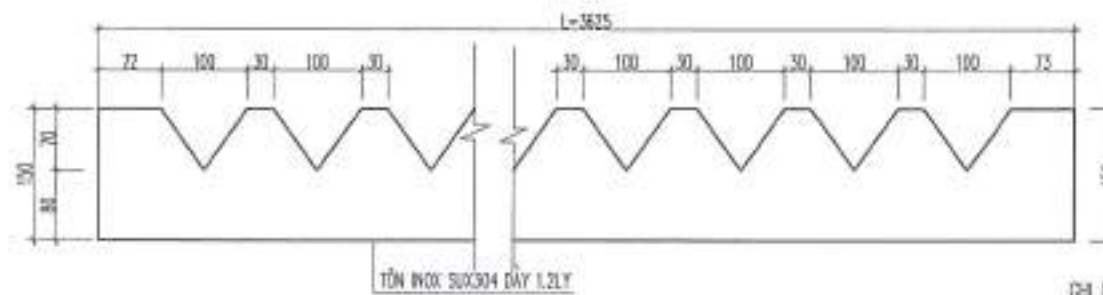
MẶT BẰNG MĂNG NƯỚC



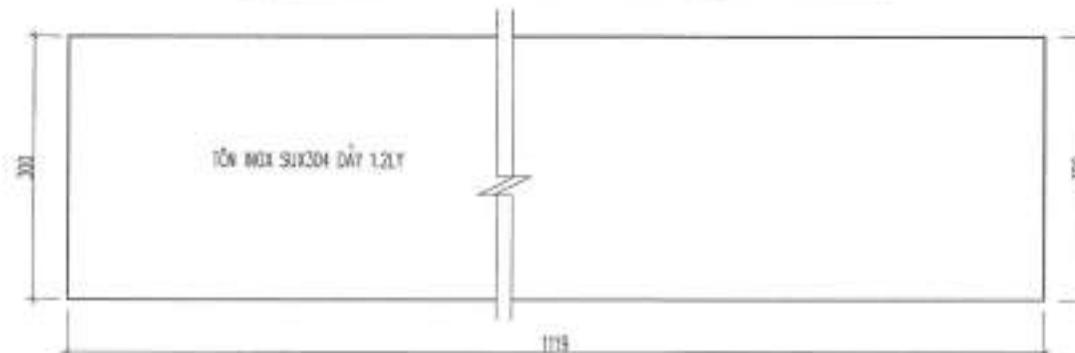
CHI TIẾT TẮM T1 VÀ TẮM ĐÁY T4 (SL=02 TẮM)



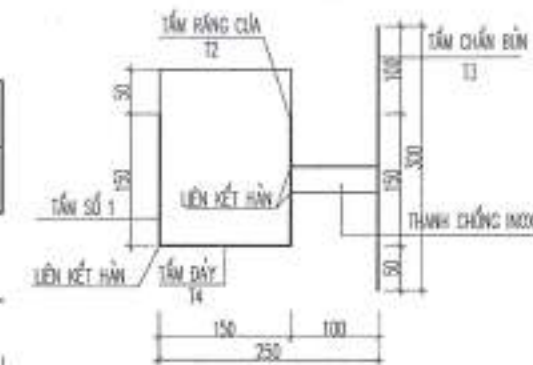
CHI TIẾT TẮM RĂNG CỬA T2 (SL=01 TẮM)



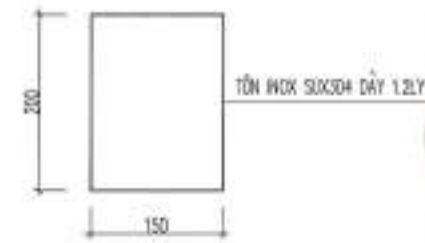
CHI TIẾT TẮM CHẤN BÙN T3 (SL=01 TẮM)



MẶT CẮT 1-1



TẮM T5 (SL=01 T)



GHI CHÚ

- TOÀN BỘ MĂNG NƯỚC SỬ DỤNG INOX (304). CÁC TẮM INOX ĐƯỢC LIÊN KẾT HÀN
- TRƯỚC KHI GIÀ CÔNG TẮM INOX CẦN ĐO DẠC KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THỰC TẾ

GHI CHÚ

SỬA LẪN 1:

- Tất cả kích thước trên bản vẽ này phải được kiểm tra tại công trường trước khi thi công.
- Mọi sai biệt về thông số kỹ thuật phải báo cáo cho đơn vị thiết kế biết để có giải pháp khắc phục và xử lý.

CƠ QUAN THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 20/11/2018

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CỨU THAO DELTA

DỰ ÁN

TRƯỜNG LIÊN CẤP QUỐC TẾ DELTA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

XÃ HOÀNG ĐÔNG HUYỀN HOÀNG HÒA - TP. THANH HÓA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ THẢI

THIẾT KẾ

SPHOCAN THỰC HIỆN

TU VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ CƠ SỞ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ